

## LỜI TỰA

Đời người có sự an vui, viên mãn, cát tường, là tất cả nguyện vọng trong lòng người. Làm thế nào mới có thể được khoẻ mạnh sống lâu, chẳng gặp phải các loại bệnh tật và sự đả kích của tai họa đột ngột?... Đó là tất cả sự theo đuổi chân thành của con người.

Phật Giáo cho rằng, trong vô số Phật, Bồ Tát do nhân duyên trước kia, Hạnh Nguyên tu trì Pháp Môn. Hoặc nhân vì trong lúc giáo hóa, đặc biệt thị hiện khiến cho chúng sinh có thể đủ sự khoẻ mạnh sống lâu, có đầy đủ duyên trường thọ, nên Đức Phật Bồ Tát với Pháp Môn xuất hiện có đủ đức đặc biệt khiến cho khoẻ mạnh sống lâu, cũng giống như trong “ Kinh Dược Sư “ nói:” Chính vì thế cho nên khuyên làm Tục Mạng Phan Đăng, tu các Phước Đức, tu Phước cho nên cuối cùng thọ mạng chẳng phải qua khổ hoạn.

Trong Mật Giáo Diên Mạng Pháp (Jani-tam) Thuộc một trong sáu Pháp là: Tức Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Điều Phục, Câu Triệu, Diên Mạng, là một bộ Phật Giáo rất trọng yếu. Sách này tập hợp giới thiệu **Trường Thọ Diên Mạng Bản Tôn** trong Phật Giáo.

Vào khoảng tháng 07 năm 2008, tôi được Cư Sĩ **Huyền Thanh** trao cho quyển: “**Trường Thọ Diên Mạng Bản Tôn**” là quyển thứ 14 trong 32 quyển thuộc Bộ “**Phật Giáo Tiểu Bách Khoa**” và hướng dẫn tôi phiên dịch nhằm giúp cho người nghiên cứu Phật Giáo có thêm tài liệu để tu tập.

Do tài hèn sức kém nên bản dịch này vẫn còn nhiều sự thiếu sót. Ngưỡng mong các bậc Tôn Đức vui lòng sửa chữa và chỉ dạy thêm.

Tôi xin chân thành cảm ơn gia đình Cư Sĩ **Huyền Thanh** đã bỏ nhiều thời gian để sửa chữa chỗ sai lầm, chèn phần chữ Siddham, phiên dịch âm Chú Tây Tạng (chữ Uchen) và scand các hình ảnh ... giúp cho hoàn thành bản dịch này.

Mùa Xuân năm Kỷ Sửu (2009)

**Võ Thanh Tâm** kính ghi

# THIÊN THỨ NHẤT \_TỔNG LUẬN\_

## SỰ TRƯỜNG THỌ TỰ TẠI CỦA ĐỜI NGƯỜI

Tu hành Phật Pháp không chỉ là sự kỳ vọng của chúng sinh tại Thế Gian, hay thu được cát tường, an vui, quang minh hạnh phúc, trong đó lại có thể Xuất Thế Gian đắc được sự giải thoát tự tại, cuối cùng viên mãn chứng được Vô Thượng Bồ Đề.

Khi đối mặt với các thứ khổ bức của sinh mạng, làm thế nào khiến chúng sinh lìa khổ được vui, đó mới là chủ đề bất biến lâu dài trong Phật Pháp. Ngoài việc này ra, chúng sinh lại tiến một bước kỳ vọng thân thể mình được đầy đủ sức khỏe, Trường Thọ, Phước Đức, tiền của giàu có và quyến thuộc được hòa thuận vui vẻ và có Trí Tuệ càng cao sâu, quyền lực và địa vị, năng lực và sức ảnh hưởng... tuy những nguyện vọng này thuộc ở Thế Gian, nhưng trong Phật Pháp cũng hay được lý giải đầy đủ, lại càng được thăng hoa, mà còn hay minh thị cho chúng ta làm thế nào có đủ những nhân duyên điều kiện để Viên Thành Chân Thực sự Trường Thọ Tự Tại của đời người.

Có lẽ đúng như trong “**Kinh Dược Sư**” nói: “Lại nên niệm Công Đức Bốn Nguyện của Đức Như Lai ấy, đọc tụng Kinh này, suy nghĩ nghĩa lý, diễn nói khai thị tùy theo sự vui vẻ mong cầu, tất cả đều toại nguyện: *Cầu Trường Thọ được Trường Thọ, cầu giàu có được giàu có, cầu Quan Vị được Quan Vị, cầu có con trai con gái, được con trai con gái*”.

Chư Phật, Bồ Tát vì khiến chúng sinh đầy đủ cát tường nguyện lành của Thế Gian, nên các Ngài đã phát khởi trong Bốn Nguyện, dùng sức Công Đức của bản thân mình để hộ niệm chúng sinh, khiến các thứ Tâm Niệm Nguyện Cầu của chúng sinh được thực hiện, điều này là do chúng sinh sẽ có những Tâm Nguyện Khẩn Cầu này, chính là đại biểu cho sinh mạng của họ, có những khổ bức và chẳng viên mãn.

Nhưng Chư Phật, Bồ Tát phải làm thế nào mới đầy đủ những Tâm Nguyện của chúng sinh? Ngoài việc khiến chúng sinh xa lìa các thứ tai họa khổ bức, an tâm tu hành, lại tiến một bước có đầy đủ tiền của giàu có, sinh mạng được Trường Thọ Tự Tại, lại có phước tiện độ chúng rộng lớn, mà điều này là do phước tiện vô lượng Đại Từ Đại Bi của Chư Phật, Bồ Tát để cứu độ chúng sinh.

Trong quyển thượng “**Kinh Dược Sư Thất Phật**” nói rằng: “*Đức Phật Thế Tôn ấy với Chư Bồ Tát hộ niệm người đó, tất cả tội nghiệp thấy đều tiêu diệt, được Bất Thối Chuyển Vô Thượng Bồ Đề, đến Tham, Sân, Si dần dần mỏng lại, không có các bệnh khổ, tăng ích thọ mạng, tùy theo việc thỉnh cầu thấy đều như ý*”

Từ việc này đã xem ở trên, hy vọng chúng sinh có đủ thân tâm không có các bệnh khổ, được tăng ích thọ mạng, lại hay có đầy đủ sự mọi sở nguyện, thấy đều như ý, là hy vọng chúng sinh hay có đủ thân tâm khỏe mạnh trường thọ, như vậy mới có thể tự tại tu hành nắm chắc thân tâm, khiến cho ba độc Tham, Sân, Si dần

dần giảm ít, mỏng đi, mà trừ bỏ tất cả tội nghiệp, ở Bất Thoái Chuyển trong Vô Thượng Bồ Đề, cuối cùng Viên Mãn thành Phật.

Rốt cuộc, thân thể chết sớm hoặc thường bệnh tật, hoặc là thân tâm không đầy đủ, căn bản không có Pháp để tu hành viên mãn. Thân Tâm còn chưa phát triển thành thực, trí tuệ còn chưa đầy đủ thì sinh mạng đã gãy lìa rồi, quả thật phần nhiều chỉ là thân chịu nghiệp báo đau khổ mà thôi, căn bản còn không thể có ý thức sự tự giác bắt đầu tu hành, hướng chi là tu hành thành tựu!... Mà phần nhiều thân thể bị bệnh tật, thân tâm không khoẻ mạnh, ngoài một số lệ riêng ra, cũng không có Pháp để khởi tâm lực tu trì, trong một đời, hay là tiếp nhận nghiệp báo làm chủ.

Chư Phật, Bồ Tát vốn ôm giữ Từ Bi, bảo vệ chúng sinh không bệnh tật trường thọ, thường vui, tự tại, có đầy đủ lực lượng để tu trì Vô Thượng Bồ Đề, để viên mãn Vô Lượng Quang Minh, cảnh giới sinh mạng của Vô Lượng Thọ Mạng.

## BỐN TÔN BẢO VỆ SỰ KHOẺ MẠNH SỐNG LÂU

Sinh, Lão, Bệnh, Tử là bốn nỗi khổ lớn nhất của đời người. Làm thế nào để xa lìa sự đau khổ của bốn loại căn bản này cũng là lực lượng căn bản tu hành của Đức Phật Đà, cũng là đề bài rất trọng yếu của tu chứng Phật Pháp. Nhân loại do ở nhân duyên xưa kia, nên thân tâm Hữu lậu này khó tránh khỏi thọ nhận nghiệp báo của ba độc Tham, Sân, Si mà có các loại đau khổ.

Nhưng Chư Phật, Bồ Tát có lúc ở Thế Gian thị hiện thân tướng vô thường. Nhưng trên căn bản, đúng như trong” **Di Bộ Tông Luận Luận**” nói rằng: “Sắc thân của Như Lai quả thật là không có bờ mé, uy lực của Như Lai cũng không có bờ mé, Thọ Mạng của Như Lai cũng không có bờ mé, thân Phật thường trụ ở Pháp Giới, nhưng ứng với nhân duyên mà thị hiện ở Thế Gian”.

Quả thật, trong “ **Kinh Pháp Hoa. Phẩm Như Lai Thọ Mạng**”, Đức Phật đã tuyên nói ý chỉ căn bản là: “Như vậy, từ khi Ta thành Phật đến nay đã rất là lâu xa, Thọ Mạng Vô Lượng A Tăng Kỳ Kiếp, thường Trụ Bất Diệt”.

Chư Phật, Bồ Tát có đủ thọ mạng lâu dài, uy lực vô biên, và có đủ Tâm Đại Từ Bi, vĩnh viễn quan tâm chúng sinh, ứng với nhân duyên của chúng sinh mà cứu trợ. Dạng Tâm Bi này của Chư Phật Bồ Tát hóa làm Bốn Nguyên, hóa làm hành động, thường ở Thế Gian để cứu độ chúng ta. Điều này đúng như trong “ **Phật nói Kinh Đại Thừa Vô Lượng Trang Nghiêm**”, một nguyên trong Bốn Nguyên mà Đức Phật A Di Đà đã phát ra tại thế giới Cực Lạc là:”Ta được Bồ Đề thành Chính Giác xong thời hết thấy chúng sinh sinh vào cõi của Ta đều được: Mạng không chết yếu, thọ trăm ngàn Câu Chi Na Do Tha Kiếp, thấy đều niệm được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

A Di Đà Phật lại dịch là **Vô Lượng Thọ Phật**, bởi vì thọ lượng vô biên vô tận của Ngài, mà Ngài ở trong thế giới Cực Lạc đã thành Chứng Phật Quả, không chỉ hy vọng tất cả chúng sinh được vãng sinh ở thế giới Cực Lạc mà cũng mong cho

tất cả đều giống như Ngài, có đủ Vô Lượng Thọ Mạng và Viên Mãn Vô Thượng Bồ Đề.

Chúng ta đều hy vọng có thể có đủ Vô Lượng Thọ và chứng được Bồ Đề Phật Quả của Vô Thượng. Nhưng nếu như trước mắt không có Pháp đạt được thời làm sao hy vọng có đủ thân tâm khoẻ mạnh và Phước Thọ, không chỉ ở Thế Gian an ổn tự tại, cát tường, khoẻ mạnh mà lại có thể an tâm tu tập Phật Pháp, phát khởi Tâm Vô Thượng Bồ Đề, dần dần Tu Chứng Viên Mãn ?...

Trong Phật Pháp, Chư Phật, Bồ Tát dùng các loại Bốn Nguyện, Nhân Duyên, Uy Đức Lực Lượng, để khiến tâm nguyện của chúng ta được thành tựu. Những chư Phật, Bồ Tát trong đó, có Bốn Tôn là do ở Bốn Nguyện, Nhân Duyên với Pháp Tu, có Pháp Môn tương ứng đặc biệt để khoẻ mạnh sống lâu. Hiện tại biên tập đề tài riêng biệt là “**Trường Thọ Diên Mạng Bản Tôn**”, khiến cho tất cả người Tu hành, hay dựa vào đó để tu trì mà được trường Thọ Tự Tại.

Các Đức Phật, Bồ Tát trong Pháp Trường Thọ Diên Mạng chẳng kể là các Tôn trong **Hiển Giáo** hay **Mật Giáo** đều rất hiệu nghiệm. Người tu hành nếu như hay như Pháp tu trì, ắt hay thu được thành quả hiệu nghiệm. Ngoài việc này ra, trong một số Kinh Điển đặc biệt khai thị Pháp Môn khoẻ mạnh sống lâu, trong quyển sách này cũng đặc biệt giới thiệu thêm. Nếu như căn cứ theo những Kinh Điển này để tu tập, cũng sẽ được như ý.

Trong Mật Giáo, nói chung đem Mật Giáo chia làm bốn loại:

1. **Tức Tai Pháp** (‘Sàntika): Là Pháp tu tiêu trừ tai nạn, chướng hại, phiền não với tội chướng ở bên ngoài.
2. **Tăng Ích Pháp** (Puṣṭikarman): Là Pháp tu để tăng tiến hạnh phúc của tính Thế Gian, với tu hành Phước Đức ở trên.
3. **Kính Ái Pháp** (Va’sikaraṇa): Là Pháp tu khẩn cầu nhận được sự hòa thuận và Tôn Kính.
4. **Điều Phục Pháp** (Abhicàruka): Là Pháp tu tích cực để hóa giải oán địch... tai nạn, làm phai mờ phiền não của mình và người khác.

Trong Mật Giáo, bốn loại Pháp này ngoài mục đích dùng để phân chia Pháp tu và hay thành đạt được nguyện vọng của Thế Gian, cũng hiển thị ra ý nghĩa Pháp Môn Tu Hành Thành Tựu Phật Đạo. Trong Tạng Mật thì lược gọi bốn Pháp này là **Tức, Tăng, Hoài, Chu**.

Ngoài bốn Pháp này ra, có lúc lại thêm vào **Câu Triệu Pháp** ( Àkarṣa) mà thành năm loại Pháp. Có lúc lại từ trong Tăng Ích Pháp, lại chia ra **Diên Mạng Pháp** (Janitan) làm thành sáu loại Pháp của Mật Giáo.

Nói chung Tăng Ích Pháp có thể chia làm bốn loại:

1. **Phước Đức Tăng Ích** là hay đạt được Phước Đức rộng lớn.
2. **Thế Lực Tăng Ích** là hay được thế lực rộng lớn, Quan Vị, Tước Lộc.
3. **Thọ Mạng Tăng Ích** là hay diệt trừ tất cả bệnh hại mạng trong thân mình.
4. **Tất Địa Ích** là hay thành tựu Vô Lượng Tất Địa



Và Diên Mạng Pháp tức là **Thọ Mạng Tăng Ích Pháp** trong bốn loại.

Nếu như hay đạt được không bệnh tật sống lâu, vui vẻ tự tại, có đủ Vô Lượng Phước Đức của Thế Gian, vả lại Pháp Khởi Tâm Vô Thượng Bồ Đề, Tu Hành Chính Pháp mà Viên Mãn Vô Thượng Bồ Đề thời sự việc này rất là hạnh phúc, khoái lạc.

Hy vọng thông qua quyển sách này, hay khiến độc giả càng hiểu rõ các Bản Tôn **Trường Thọ Diên Mạng**, tu Pháp cho đến các loại Kinh Điển Trường Thọ, và giúp cho tất cả người tu hành có thể không bệnh tật sống lâu tự tại, thẳng đến Viên Mãn thành Phật, có đủ Vô Lượng Thọ, đầy đủ tất cả nguyện vọng Thế Gian và Xuất Thế Gian.

# THIÊN THỨ HAI

## \_TRƯỜNG THỌ DIÊN MẠNG BẢN TÔN\_

### CHƯƠNG THỨ NHẤT

### \_PHẬT BỘ\_

## A DI ĐÀ PHẬT

### Đức Đặc Biệt

A Di Đà Phật còn gọi là Vô Lượng Thọ Phật, Kỳ Thọ Mạng Vô Lượng, Quang Minh Vô Lượng, Năng Hộ Hữu Chúng Sinh Viên Mãn Vô Lượng Thọ Mạng, Vô Lượng Quang Minh.

A Di Đà Phật (Tên phạn là Amitaba hoặc Amita-buddha) dịch nghĩa là: Vô Lượng Quang hoặc Vô Lượng Thọ Phật, chính là giáo chủ của thế giới Cực Lạc ở phương tây. Trong Phật Giáo Đại Thừa, Đức Phật A Di Đà chiếm địa vị rất trọng yếu. Trong thế giới Cực Lạc Đức Phật chọn hai vị Đại Bồ Tát là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí hầu bên cạnh, thực tiễn là giáo hóa chúng sinh dùng Bi Nguyện vĩ đại tiếp dẫn hữu tình.

A Di Đà Phật lại có tên là Vô Lượng Thọ Phật, từ danh hiệu trên có thể thấy Diên Mạng Trường Thọ Bản Tôn rất là quan trọng.

Trong Kinh nói: Thọ mạng của Đức Phật ấy với nhân dân kéo dài vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp cho nên có tên là Di Đà.

Trong quốc thổ Cực Lạc, thọ mạng của chúng sinh là vô lượng, Đức Phật Di Đà cũng có thọ mạng vô lượng, bởi vì thế giới Cực Lạc là tâm Đại Bi của Phật A Di Đà là nơi thành tựu của sức Đại Nguyện, là Pháp Giới chẳng thể luận bàn.

Thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà là ánh sáng của vô lượng, thọ mạng của vô lượng, cho nên chúng sinh của thế giới Cực Lạc ấy có thọ mạng kéo dài liên tục chẳng dứt, có thể dùng sự bất đoan đó mà tu hành. Tu hành ở thế giới Cực Lạc có thể đạt được tính nhất quán, cũng ở trong thế giới này nhất định đạt được thành tựu. Do đó từ cái ý trên để giảng, thế giới Cực Lạc và cái thế gian chúng ta giao nhau ở dưới. Tuổi thọ của đất đai với chúng sinh ở thế giới Cực Lạc quả thật là điều mà chúng ta không thể tưởng tượng nổi.

Từ Mật ý trên để giảng.” Vô Lượng Thọ” chẳng phải là toàn bộ thọ mạng lâu dài của cảnh bên ngoài mà đó là phương diện Lý của thế giới Cực Lạc. Tất cả chúng sinh cuối cùng sẽ thành Phật, viên mãn Phật Quả. Mà sau khi viên mãn Phật Quả, tức là an trú tại Thường Tịch Quang tức là vĩnh viễn an trú ở cảnh giới Vô Lượng Thọ của cõi Niết Bàn yên tĩnh.

Đức Phật A Di Đà và chúng sinh của thế giới Ta Bà này rất là có duyên nên có thể trợ giúp cho chúng ta thành tựu cảnh giới của Vô Lượng Thọ.

Trong Kinh Phật thường đề cập đến mỗi vị Phật Đà có Thọ Mạng ngang bằng một ngàn kiếp nhằm giải thích mỗi loại đều có thời gian dài ngắn, Đó là cách nói để làm rõ ý trên. Nhưng đem Mật Ý trên để nói thì tuổi thọ của Đức Phật không thể đem thời gian dài ngắn mà nói là Niết Bàn, tức là Thường Tịch Quang hay phóng tỏa ánh sáng, hay Xuất Ứng bởi vì có nhân có duyên cho nên cũng có thể nói là Vô Giáns Vô Lượng Thọ.

Trong Tạng truyền Phật Giáo, Đức Phật A Di Đà là một trong ba Tôn trưởng thọ hay tăng trưởng Thọ Mạng với phước Đức Trí Tuệ của chúng sinh, tránh khỏi, diệt trừ cái chết yếu không đúng thời.

## BẢN SINH CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Căn cứ vào “ Vô Lượng Thọ Kinh “ đã ghi chép, ở thời quá khứ cách đây rất lâu, có một vị Phật **Thế Tự Tại Vương** ( Lokes-vara -rāja Lâu Di Hằng La ) xuất hiện ở đời nói pháp, lúc đó có một vị Chuyển Luân Thánh Vương phát tâm xuất gia, tên là Tỳ Kheo **Pháp Tạng** (Hoặc dịch là “Pháp Tích”, Dharmkara: Đàm Vô Già). Tỳ Kheo Pháp Tạng ở trước Đức Phật Thế tự Tại Vương, phát khởi Đạo Tâm Vô Thượng dùng bốn mươi tám đại nguyện, thệ nguyện gom hết thủy sự Trang Nghiêm của Pháp Giới Tịnh Thổ vào cõi đó để hình thành Thế Giới Cực Lạc, tu tập Đạo Bồ Tát mà thành Phật. Sức nguyện căn bản là hy vọng trong mười phương cõi Phật thì Cực Lạc Tịnh Thổ là Thù Thắng nhất, Vi Diệu nhất. Do đó Đức Phật Thế Tự Tại Vương vì Tỳ Kheo Pháp Tạng mà nói hai trăm mười triệu cõi Phật. Tỳ Kheo Pháp Tạng đem một số cõi Phật làm tư liệu, tuyển chọn một số nơi Thù Thắng Vi Diệu của cõi Phật, xây dựng thành bản đồ xanh (Lam đồ) Tịnh Thổ của mình. Tỳ Kheo Pháp Tạng phát nguyện Thù Thắng này tu học Sáu Ba La Mật, cuối cùng Viên Mãn thành Phật gọi là Phật A Di Đà.

Phật A Di Đà thành Phật cho đến nay đã mười kiếp. Quốc Thổ là do bảy Báu tạo thành, không có Núi, Biển, Sông, Hồ, thuần nhất bằng phẳng. Cũng chẳng có Ba Loại Ác Đạo, Quỷ Thần, chúng sinh đều là Bồ Tát, La Hán, thọ mạng Vô Lượng, đồ ăn uống cũng tự nhiên hiện ra. Vãng Sinh ở cõi Phật A Di Đà hóa sinh trong Hoa Sen ở Ao Báu, diện mạo Đoan Trang không thể sánh kịp, Thế Giới Cực Lạc có Pháp Hỷ Vô Lượng Vô Biên Trang Nghiêm, đều là nơi thành tựu của sức đại nguyện Di Đà.

Đức Phật A Di Đà có Tâm Từ thâm thiết, Bi Nguyện rộng lớn mà Pháp Môn Niệm Phật lại đơn giản dễ hành. Do đó trong Quốc Gia mọi người tín ngưỡng Pháp Môn Đại Thừa rất đông. Lúc xưa Trung Quốc có nói” *Nhà nhà A Di Đà, cửa cửa Quán Thế Âm* “ thuyết pháp, chính là khắc họa lưu truyền phổ biến tín ngưỡng Phật A Di Đà.

Trong Đại Hùng Bảo Điện của Viện Phật Tự Trung Quốc thường cung phụng Tam Tôn Phật Tượng đại biểu cho Tam Phương Bất Đồng Thế Giới : Phương Đông, Phương Tây và Trung Ương tức gọi là “ Hoàn Tam Thế”, hoặc gọi là “ Tam Phương Phật “. Đức Phật A Di Đà được đặt bên phải Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngồi xếp bằng tư thế Kiết Già trên Đài Sen, hai tay kết định ấn. Bàn tay nằm ngửa

đặt trên chân, lòng bàn tay nâng một Đài Sen, biểu thị ý nghĩa là *Tiếp Dẫn Chúng Sinh Vãng Sinh Tây Phương Hóa Sinh trong Hoa Sen.*



## HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Trong Thập Lục Quán Pháp của “ Kinh Quán Vô Lượng Thọ “ chủ yếu là Quán tưởng Thế Giới Cực Lạc và Đức Phật A Di Đà, trong Kinh văn miêu tả nói Thân Tướng của Đức Phật A Di Đà: Thân của Phật Vô Lượng Thọ như trăm ngàn vạn ức sắc vàng ròng Diêm Phù Đề Trời Dạ Ma, thân Phật cao sáu mươi vạn ức Na Do Tha Hằng Hà Sa Do Tuần, Bạch Hào (sợi lông mày trắng) giữa hai lông mày (Tam tinh) xoay bên phải uyển chuyển như năm tòa núi Tu Di, mắt Phật như bốn biển lớn xanh biếc , trong trắng rõ ràng, các lỗ chân lông nơi thân Phật phóng tỏa ánh sáng như núi Tu Di. Viên Quang (hào quang tròn) của Phật ấy như trăm ức ba ngàn Đại Thiên Thế Giới. Trong Viên Quang ấy có trăm ức Na Do Tha Hằng Hà Sa Hóa Phật. Mỗi mỗi Hóa Phật cũng có đông nhiều vô số Hóa Bồ Tát làm Thị Giả.

Thân Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn Tướng tốt . trong mỗi mỗi Tướng tốt còn có tám vạn bốn ngàn Quang Minh, mỗi mỗi Quang Minh chiếu khắp Thập Phương Thế Giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật chẳng bỏ sót. Quang Minh, tướng tốt và Hóa Phật ấy chẳng thể nói đủ hết.

Đó là giải thích nội dung của Quán tưởng hình tượng Phật Vô Lượng Thọ, trong đó Phật A Di Đà có thân cao, Tướng, Bạch Hào, mắt Phật, các lỗ chân lông, đặc biệt là từ trong các lỗ chân lông phóng ra nguồn ánh sáng bất khả tư nghị, vả lại Phật A Di Đà cũng có đầy đủ Hóa Phật, Hóa Bồ Tát và bốn mươi tám ngàn Chủng Tướng.

Hình tượng trên Thế Gian của Đức Phật A Di Đà thường là ngồi xếp bằng theo tư thế Kiết Già Kim Cương ngay ngắn, tay kết **Định Ấn**, tức là bàn tay trái nằm ngửa để ở trên rốn, bàn tay phải nằm ngửa đặt chồng lên tay trái, hai đầu ngón tay cái hơi dính vào nhau. Ấn này cũng là **A Di Đà Như Lai Ấn**, khiến cho tất cả

cuồng loạn vọng niệm đều được ngưng dứt, làm cho tâm chú vào một cảnh giới, vào Cực Lạc của Tam Muội là Ấn Tướng Tối Thắng bậc nhất.

Trong “**Bạch Bảo Khẩu Sao**” đề cập đến “**Ấn Chữa Bệnh**” của Phật A Di Đà: Pháp Ấn chữa bệnh của Phật A Di Đà. Bàn tay trái nằm ngửa, bốn ngón tay co lại, lấy bàn tay phải đè úp lên bàn tay trái, bốn ngón tay cũng co lại đầu các ngón đều trụ vào tâm lòng bàn tay trái cùng câu móc với bàn tay trái sao cho lóng đốt các ngón tay trụ ở tâm lòng bàn tay, hai ngón tay cái thẳng, trạng thái giận dữ, Giáng Phục tất cả Quỷ Thần ác, liền khỏi bệnh.

Ngoài tượng Phật A Di Đà với tư thế ngồi, cũng có làm tượng Phật A Di Đà đứng với **Ấn Tiếp Dẫn**; thường tạo tượng bên phải là Quán Thế Âm Bồ Tát, bên trái là Đại Thế Chí Bồ Tát, hình thành **Tây Phương Tam Thánh**.

Trong Chân Ngôn Mật Giáo, chọn Đức Phật A Di Đà đại biểu cho **Diệu Quán Sát Trí**, chuyển thức thứ sáu thành Phật Trí của Pháp Thân Đại Nhật Như Lai. Trong **Kim Cang Giới Mạn Trà La** gọi là **Thọ Dụng Trí Tuệ Thân A Di Đà Như Lai** vẽ ngay chính giữa vầng trăng ở Phương Tây, thân ấy có màu vàng hoặc màu vàng ròng, Di Đà kết Định Ấn “**Tức là Tam Ma Địa**” ấn. Đặt ở phía trước **Kim Cương Pháp Bồ Tát** (Quán Âm), bên phải đặt **Kim Cang Lợi Bồ Tát** ( Văn Thù), bên trái đặt **Kim Cang Nhân Bồ Tát** (Duy Ma).

Trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La** gọi là **Vô Lượng Thọ Như Lai**, đặt ở Phương Tây giữa tòa sen tám cánh phổ biến có màu trắng, nhưng Nghi Quỹ nói là màu vàng ròng. Tóm lại là thân khoác áo mỏng nhẹ ngồi xếp bằng tư thế Kiết Già trên Tòa sen sáu, kết Di Đà Định Ấn.



DI ĐÀ TAM TÔN

Gia Quyển Bồ Tát của Đức Phật A Di Đà rất phổ biến thường là hai vị Đại Sĩ **Quán Thế Âm Bồ Tát** và **Đại Thế Chí Bồ Tát**, hai vị đó đi theo Đức Phật A Di Đà Ở Thế Giới Cực Lạc để giáo hóa Chúng Sinh, cũng ở trong Thế Giới Ta Bà dùng Đại Bi Cứu Độ tất cả chúng sinh, vả lại giúp đỡ cho Đức Phật A Di Đà khiến cho chúng sinh có thể phát nguyện thanh tịnh Vãng Sinh Tịnh Thổ Cực Lạc. Lúc mạng chung sẽ tiếp dẫn hành nhân về cõi Tịnh Độ.

Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát hầu hai bên Đức Phật A Di Đà nói chung gọi là A Di Đà Phật Tam Tôn. Như trong kinh **Quán Vô Lượng Thọ** đã nói: “Phật Vô Lượng Thọ hiện đứng trong không trung, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát là hai vị Đại Sĩ đứng hầu hai bên trái phải, tỏa ánh sáng rực rỡ chẳng thể thấy rõ hết cho dù trăm ngàn lần ánh sáng màu vàng ròng của cõi Diêm Phù Đề cũng chẳng thể sánh được”.

Về hình tượng của hai vị hầu hạ hai bên, trong Mão Báu của Quán Thế Âm Bồ Tát có vị Hóa Phật, trong Mão Báu của Đại Thế chí Bồ Tát có cái Bình báu. Từ xưa đến nay, nói chung tạc tượng Quán Thế Âm Bồ Tát thì hai tay cầm Đài Sen, còn Đại Thế Chí Bồ Tát thì chấp hai tay lại.

### CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA A DI ĐÀ NHƯ LAI

**Chữ Chủng Tử** : 𑖀 (AM) hoặc 𑖂 (SAM) hoặc 𑖄 (HRĪH)

**Chân ngôn**: [ A Di Đà Như Lai Căn Bản Đà La Ni ] ( Lại có tên là Thập Cam Lộ Chú ).

𑖀𑖄 (1) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄 (2) 𑖀𑖄𑖀 (3) 𑖀𑖄𑖀 (4) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀 (5) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄 (6) 𑖀𑖄𑖀 (7) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄 (8) 𑖀𑖄𑖀𑖄 (9) 𑖀𑖄 (10) 𑖀𑖄𑖀𑖄 (11) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄 (12) 𑖀𑖄𑖀𑖄 𑖀𑖄𑖀𑖄 (13) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀 (14) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀 (15) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀 (16) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄 (17) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄 (18) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀 (19) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄 (20) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄 (21) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄 (22) 𑖀𑖄𑖀 (23) 𑖀𑖄𑖀𑖄𑖀𑖄 (24) 𑖀𑖄𑖀 (25)

(1) Năng mô (2) la đất năng đất la dạ gia (3) ná mạc (4) a lí dã (5) nhĩ đa bà gia (6) đất tha nghiệt đa gia (7) la hạt đế (8) tam miểu tam bột đà gia (9) tha nhĩ dã tha (10) án (11) a mật lật đế (12) a mật lật nạp bà phệ (13) a mật lật đa tam bà phệ (14) a mật lật đa nghiệt phệ (15) a mật lật đa tất đế (16) a mật lật đa đế tế (17) a mật lật đa vĩ hất lân đế (18) a mật lật đa vĩ hất lân đa nga nhĩ ninh (19) a mật lật đa nga nga năng cát ca lệ (20) a mật lật đa nộn nã ti bà phộc lệ (21) tát phộc la đà tát đà ninh (22) tát phộc yết ma (23) khát lễ xá (24) khát sai dựng ca lệ (25) toa ha.

(1) NAMO (2) RATNA- TRAYÀYU (?RATNATRAYÀYA) (3) NAMAḤ (4) ÀRYA (5) MITÀBHÀYA (?AMITABHÀYA) (6) TATHÀGATÀYA (7) ARHATE (8) SAMYAKSAM (9) BUDDHÀYA TAD – TATHÀ (10) (?TADYATHÀ) OM (11) AMṚTE (12) AMṚTÀDBHAVE (?AMRTODBHAVE)

(13) AMṚTA- SAMBHAVE (14) AMṚTA- GARBHE (15) AMṚTA- SIDDHE  
(16) AMṚTA-TEJE (17) AMṚTA-VIKRÀNTE (18) AMṚTA-VIKRÀTA-  
(?VIKRÀNTA) GÀMINE (19) AMṚTA-GAGANA-KIRTIKARE (20) AMṚTA-  
DUMDUBHI-SVARE (?Duṇḍubhi-svare) (21) SARVÀRTHA -SÀDHANE (22)  
SARVA-KARMA (23) KLE'SA (24) KṢAYAM - KARE (25) SVÀHÀ

(1) Quy mạng (2) Tam Bảo (3) Kính lễ (4) Thánh (5) Vô Lượng Quang (6) Như  
Lai (7) Ứng Cúng (8) Chính Đẳng Giác (9) Sở vị (ấy là) (10) Ấn (Nghĩa là đầy đủ  
ba Thân) (11) Cam Lộ (12) Cam Lộ phát sinh (13) Cam Lộ sinh (14) Cam Lộ  
Tạng (15) Cam Lộ thành tựu (16) Cam Lộ Uy Quang (17) Cam Lộ Thần Biến  
(18) Cam Lộ Đẳng Được (19) Cam Lộ rải đầy khắp hư không (20) Cam Lộ hảo  
âm (21) Thành tựu tất cả Nghĩa Lợi (22) Tất cả nghiệp (23) Phiền não (24) diệt  
hết (25) Thành tựu

[ VÃNG SINH CHÚ ].

(1) नम (2) नमो नमः (3) नमो नमः (4) नमो नमः (5) नमो नमः (6)  
नमो नमः (7) नमो नमः (8) नमो नमः (9) नमो नमः (10) नमो नमः  
नमो नमः (11) नमः

(1) Nam mô (2) a di đà bà dạ (3) đa tha dà đa dạ (4) đa địa dạ tha (5) a di lị  
đô bà tì (6) a di lị đa tất đām bà tì (7) a di lị đa tì ca lan đế (8) a di lị đa tì ca  
lan đa (9) đà di nị (10) đà đà na chỉ đa ca lệ (11) sa phộc hạ

(1) NAMO (2) AMITÀBHÀYA (3) TATHÀGATÀYA (4) TADYATHÀ (5)  
AMṚTODBHAVE (6) AMṚTA-SIDDHAMBHAVA (7) AMṚTA- VIKRÀNTE  
(8) AMṚTA-VIKRÀNTA (9) GÀMINE (10) GAGANA KIR-TA – KARE (11)  
SVÀHÀ

(1) Quy mạng (2) vô lượng quang ( a di đà ) (3) như lai (4) liền nói chú rằng  
(5) cam lộ sở sinh giả (6) cam lộ thành tựu sở sinh giả (7) cụ cam lộ thần lực  
giả (8) cam lộ thần lực giả (9) tiền tiến ( hoặc đạt được ) (10) nguyện cho  
tên đầy khắp thiên hạ (11) thành tựu

TIỂU CHÚ

(1) अ (2) नमो नमः (3) नमः (4) नमः (5) नमः

(1) Ấn (2) a di lị đà (3) để thế (4) khả la (5) hồng

(1) OM (2) AMRITA (?AMṚTA) (3) TEJE (4) HA RA (5) HÙM

(1) Quy mạng (2) cam lộ ( bất diệt ) (3) uy quang (4) vận dụng (5) năng sinh

DƯỢC SƯ NHƯ LAI



## Đức Đặc Biệt

Dược Sư Như Lai dùng hai loại thuốc màu nhiệm thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, diệt trừ các bệnh thân tâm của chúng sinh cho nên tên là Dược Sư. Từ xưa đến nay muốn tiêu trừ tai nạn và sống lâu nên tu Pháp Dược Sư.

Dược Sư Như Lai (Tên Phạn là: Bhaiṣajya-guru Vaidūrya-prabharajah), tên đầy đủ là: **Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai**, thường gọi là: **Dược sư Lưu Ly Quang Như Lai** hay gọi đơn giản là **Dược Sư Phật**. Dựa vào” Kinh **Dược Sư Như Lai Bản Nguyện** “ nói rằng: Ở phương đông của cõi Ta Bà Thế Giới vượt hơn mười hằng hà sa cõi Phật, có cõi Phật tên là: **Tịnh Lưu Ly**, Đức Phật đó có hiệu là: **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai**.

Danh hiệu khởi đầu của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai là hay bạt trừ sinh tử mà có tên là Dược Sư, hay chiếu độ sự tối tăm của ba hữu ( 3 cõi) cho nên tên là **Lưu Ly Quang**. Hiện tại là giáo chủ của thế giới Lưu Ly ở phương Đông, lãnh đạo quyền thuộc gồm hai đại Bồ Tát là **Nhật quang Biến Chiếu** và **Nguyệt Quang Biến Chiếu** cùng với mười hai vị thần Tướng để hóa đạo chúng sinh.



“ **Dược Sư Kinh Sớ**” nói rằng: Bạt trừ sinh tử cho nên tên là Dược Sư, chiếu độ sự tối tăm của ba Hữu nên gọi là Lưu Ly Quang; nương nhờ Phật đạo để thành Chánh Giác cho nên tên là Như Lai. Lại nói Đức Dược Sư ấy ví như thầy thuốc tùy bệnh mà tìm thuốc, hay khiến diệt trừ tất cả bệnh đau nhức. Đức Phật Dược Sư ấy cũng vậy lấy hai loại thuốc màu nhiệm thuộc Thế Gian và Xuất Thế Gian, diệt trừ bệnh thân tâm của chúng sinh cho nên nói là Dược Sư. Hoặc nói rằng dùng thuốc của pháp Xuất Thế Gian trị bệnh nghiệp phiền não.

Bổn nguyện của Dược Sư Như Lai là *chữa trị tất cả bệnh thân tâm của chúng sinh* mà **Lưu Ly Quang** là *bổn nguyện tạo hình đặc biệt nơi hiển bày của Ngài*. Bởi vì Ngài hay bạt trừ tất cả bệnh nặng, khổ não, sinh tử của chúng sinh cho nên có tên là Dược sư. Do Dược Sư Như Lai có bổn nguyện thanh tịnh như thế cho nên ngay trên thân tướng của ngài đã hiện ra thân hoàn toàn là ánh sáng lưu ly trong suốt không trở ngại. Thế Giới tịnh thổ của Ngài là như vậy cho nên có tên là: Dược Sư Lưu Ly Quang.



Dược Sư Lưu Ly không chỉ chữa trị bệnh đau nhức trên thân thể của chúng ta mà còn chữa trị tâm linh chưa được viên mãn thuộc Trí Tuệ Tâm Bi của chúng ta. Bởi vì lúc đầu chúng sinh không có Pháp cảm thụ nguyện lực thâm sâu của Ngài, cho nên trước tiên Ngài chữa trị tốt bệnh đau nhức của chúng sinh lại còn chữa trị tâm của chúng sinh.

Phật Dược Sư ở trong Kinh Điển có hai hệ thống, một là **Dược Sư Phật** , một cái khác là **bảy vị Phật Dược Sư**.

Có hai cách nói về bảy vị Phật, một cách nói là mỗi cá thể của bảy vị Phật đều có nguyện lực riêng của từng vị, một cách khác lại cho rằng bảy vị Phật là sự hóa hiện của Dược Sư Như Lai. Phân biệt bảy vị Phật là:

- (1)Thiện Danh Xưng Cát Tường Vương Như Lai (2) Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Âm Tự Tại Vương Như Lai (3) Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tự Như Lai (4) Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai (5) Pháp Hải Lô Âm Như Lai (6) Pháp Hải Tuệ Du hí Thần Thông Như Lai (7) Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai



Chẳng bàn luận là Dược Sư Phật hoặc bảy vị Phật Dược Sư, đều bạt trừ bệnh khổ sinh tử của chúng sinh cho đến viên chứng thành Phật như là Dược Sư Phật. Nói chung không khác so với bản thể.

Căn cứ trong Kinh nói, lúc Đức Phật Dược Sư thành chứng Bồ Đề. Do quán sát mọi bệnh khổ của chúng sinh vì thương xót chúng sinh mà tuyên nói chú Dược Sư để lợi ích cho chúng sinh: ” Lúc Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai được Bồ Đề, do sức bốn nguyện nhìn thấy các hữu tình bị mọi bệnh khổ như: Gây ốm, sốt rét, tiểu đường, sốt vàng da hoặc bị trúng phải yểm mị cổ đạo hoặc bị chết non hoặc chết đột ngột không đúng thời, nên muốn khiến cho tiêu trừ mọi bệnh khổ ấy..., viên mãn sự mong cầu, thời Đức Thế Tôn ấy vào Tam Ma Địa tên là:” **Diệt Trừ Nhất Thiết Chúng Sinh Khổ Nã**”. Đã vào định xong, trong nhục kế (Cục thịt lồi ra giữa đỉnh đầu ) phóng ra ánh sáng lớn, trong ánh sáng diễn nói Đà La Ni Chú rằng:

**Nam mô bạc già phật đế    bệ sát xã lữ lô    tiết lưu ly bát lạt bà    hạt la  
ám dã    đát tha yết đa dã    a la yết đế    tam miệu tam bột đà dã    đát điệt tha án  
bệ sát thệ bệ sát thệ    bệ sát xã tam một yết đế    toa ha**

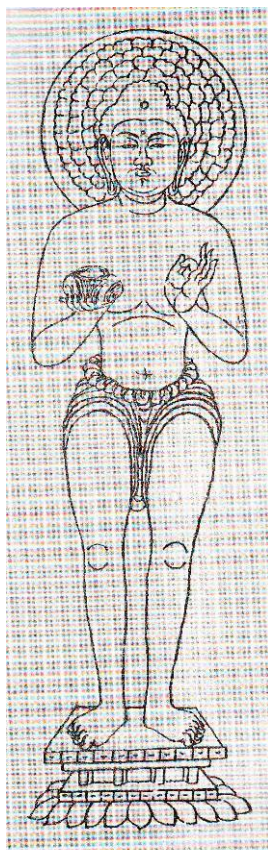
Bấy giờ, trong ánh sáng nói Chú này xong thời Đại Địa chấn động phóng ánh sáng lớn đều trừ tất cả bệnh khổ của chúng sinh, nhận được sự an ổn vui vẻ.

Này Mạn Thù Thất Lợi ! Nếu có người nam người nữ nào bị bệnh khổ, người bệnh ấy nên một lòng xúc miệng tắm rửa sạch sẽ. Hoặc thức ăn, hoặc thức uống, hoặc thuốc men, hoặc nước tinh khiết (Vô trùng thủy), chú vào 108 biến rồi cho người ấy ăn uống thì hết thấy bệnh khổ đều được tiêu diệt. Nếu có mong cầu chí tâm niệm tụng đều được như ý, không có bệnh tật, sống lâu. Sau khi mạng chung sẽ sinh vào Thế Giới của ngài, được bất thoái chuyển cho đến Bồ Đề.

Chính vì thế cho nên, Mạn Thù Thất Lợi ! Nếu có người nam người nữ nào đối với Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ấy, chí tâm ân trọng cung kính cúng dường thường trì Chú này đừng để lãng quên.

Do tụng trì Kinh Chú, danh hiệu của Đức Dược Sư hoặc như pháp tu trì pháp môn của Dược Sư sẽ đạt được mọi thứ công đức lợi ích, ngay trong Kinh Quỹ đều có ghi chép rất tường tận.

Trong Kinh ” **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bốn Nguyện Công Đức**” nói rằng: Nếu nơi nào lưu hành Kinh báu này ra, có người hay thọ trì và nhờ công đức bốn nguyện của Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai ấy với nghe danh hiệu, nên biết là nơi ấy không có người chết đột ngột cũng chẳng ai bị các Quỷ Thần ác cướp đoạt tinh khí; một khi đã đoạt rồi lại hoàn trả lại như cũ, thân tâm an vui.



Trong” **Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Thất Phật Bốn Nguyện Công Đức Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ**” nói rằng: “Nếu kẻ trai lành người nữ thiện nào dùng **Lưu Ly Bảo Quang Đà La Ni Chú** này chí tâm tụng trì mãn một ngàn không trăm lẻ tám biến (1008 biến), các Đức Như Lai ấy cùng các Bồ Tát đều hộ niệm, Chấp Kim Bồ Tát cùng với các Phạm Thiên, Đế Thích, bốn vị Thiên Vương.... cũng đến ủng hộ. Người này dầu có phạm năm tội Vô Gian, tất cả nghiệp chướng đều tiêu trừ, không có bệnh tật, sống lâu, cũng không bị chết đột ngột cùng các bệnh dịch, trộm cướp từ phương khác muốn đến xâm hại khủng bố như là: Đấu tranh, chiến trận, kiện tụng, hiềm khích, đói khát vì bị mất mùa, hạn hán, lũ lụt...., tất cả đều tiêu trừ, cùng khởi lòng Từ, hết thấy điều cầu nguyện không được toại ý cũng được như ý.

Trong” **Dược Sư Như Lai niệm Tụng Nghi Quỹ**” ghi chép rằng: Đức Phật ở dưới cây Nhạc Âm ở Duy Na Ly vì đại chúng nói:” **Kết Nguyện Thần Chú**”.

**Nam mô bạc già phiệt đế bệ sát xã lữ lô tế lưu ly bát lợi bà hát la đồ gia đất tha yết đa đất diệt tha án bệ sát thệ bệ sát xã tam một yết đế sa bà ha**

Lại nói:” Nếu có người thọ trì Chân Ngôn này thì hay bạt trừ tất cả tội nặng sinh tử đời quá khứ trong thân, chẳng phải trải qua sự đọa lạc ở tam Đồ (3 nẻo ác), hiểm nạn, chín Hoạnh, vượt qua mọi nỗi khổ.

Lại nói:” Nếu là người có nhiều tội chướng và các phụ nữ nguyện muốn chuyển tai họa thì y theo Giáo làm bức tượng Dược Sư, viết một quyển Kinh Dược Sư, tạo phan, bốn mươi chín ngọn đèn, làm thành hình bánh xe (Xa luân) có bảy lớp đặt trước Tượng, kết chỉ ngũ sắc làm dây, dùng ấn trụ vào kết bốn mươi chín gút rồi buộc trên thân người đó, lại chuyển đọc bốn mươi chín quyển Kinh Dược Sư, thì hết thấy tội chướng đều được giải thoát, thọ mạng diên trường ( sống lâu mạnh khỏe ), chẳng gặp hoạnh khổ (sự đau khổ do bị tai nạn bất thành linh), liền được an ổn. Nếu bị bệnh do Quỷ Thần hại cũng liền trừ khỏi.

Nếu có người bị bệnh Tim, gia trì vào Thanh Mộc Hương rồi xoa lên trái tim sẽ trừ khỏi.

Nếu có người bị bệnh ở đầu. Gia trì vào Quế Bì 20 biến rồi cho uống, sẽ trừ khỏi.

Nếu có người Phù Thủng, bệnh Vàng Da, gia trì vào Uất Kim Hương 108 biến rồi xoa bóp sẽ trừ khỏi.

Nếu có người muốn rời bỏ oan gia, gia trì vào Khổ Luyện Tử 108 biến, chú một biến thì thiêu đốt một hạt bằng cách ném vào trong lửa thì kẻ oan gia liền rời khỏi.

Nếu bị bệnh đau nhức mọi chi tiết trên thân thể. Chú vào nước đun nóng 108 biến rồi tắm gội liền được trừ khỏi.

Nếu có người mỗi ngày vào buổi sáng sớm lấy một bụm nước chú vào 7 biến rồi uống thì bao nhiêu ác báo của thân đều được tiêu diệt, huống chi kẻ không có tai ách mọi khổ não của 3 nghiệp cũng được trừ diệt và được thọ mạng lâu dài.

Do biết như thế, như Pháp mà tu trì Kinh Pháp Dược sư thì có công đức chẳng thể luận bàn như trong bốn nguyện của Đức Phật Dược Sư.

**Đại nguyện thứ 6 :** Nguyện đời sau này khi Ta được Bồ Đề, nếu các hữu tình thân thể hèn kém, các căn chẳng đủ, xấu xí, ngu dốt, mù điếc, ngọng câm, què quặt, gù lưng, cùi hủi, điên cuồng các loại bệnh khổ, nghe tên Ta rồi thời tất cả đều được đẹp đẽ, sáng suốt, các căn đầy đủ, không có các tật khổ ( Đau khổ vì bệnh tật).

**Đại nguyện thứ 7 :** Nguyện đời sau này khi Ta được Bồ Đề. Nếu các hữu tình bị mọi bệnh khổ đe dọa, không ai cứu chữa, không chỗ nương thân, không thầy, không thuốc, không người thân thiết, không nhà cửa, bần cùng khốn khổ. Một khi tên Ta nghe lọt vào tai thì mọi bệnh đều được tiêu trừ, thân tâm an vui, gia quyến tiền của đều đầy đủ, cho đến chứng được Vô Thượng Bồ Đề.

Đều có thể như nguyện trừ các bệnh khổ, thân tâm an vui, khỏe mạnh sống lâu.

Ngoài Ấn Tướng và Tam Muội Gia Hình của Đức Phật Dược Sư cùng với Bốn Thệ Nguyện đều có quan hệ đến tất cả bệnh khổ của chúng sinh. Tam Muội Gia Hình của Đức Phật Dược Sư là bình thuốc, trong “ **Bạch Bảo Khẩu Sao**” đề cập đến cái bình thuốc là nội chứng của Tôn này gia trì ba loại thuốc **Lý, Trí, Giáo** vào cái bình, hay trừ ba loại bệnh khổ: Bệnh về tứ đại, bệnh Quỷ, bệnh nghiệp ...nhập vào thuốc A Gia Đà của mười hai Nguyện bên trên để trị các bệnh. Tức nguyện tiêu trừ mọi bệnh, có công năng của bình thuốc này. Cái bình này lấy Pháp Giới làm Thể như cái bình bát của Đức Phật Thích Ca, Đức Ca ăn nuốt các phiền não, còn Đức Phật Dược Sư dùng sự trị liệu các bệnh, lấy làm sự sai khác. Hình tượng Đức Phật Dược Sư mà chúng ta thường thấy phần nhiều là tay trái cầm bình thuốc, tay phải Tác Thí Vô Uy.

Ấn Tướng của Đức Phật Dược Sư trong “ **Dược Sư Như Lai Niệm tụng Nghi Quỹ**” ghi chép Căn Bản Ấn, Chân Ngôn là: Dem 2 ngón trỏ đặt bên dưới 8 ngón, cài ngược nhau trong lòng bàn tay, đưa 2 ngón cái qua lại, Chân Ngôn là: “**Ấn chiến đà kỳ lý sa bà ha**”.

Dựa vào” **Bạch Bảo Khẩu Sao**” giải thích. Khi kết Ấn này nên quán cái bình thuốc, 8 ngón Nội Phộc là *hình cái bình thuốc*. 4 ngón tay trái là *bốn Đại Hữu Lậu của chúng sinh*, 4 ngón tay phải chỉ *bốn Đại Vô Lậu của cõi Phật*. Tất cả bệnh đều y theo bốn Đại chẳng đều mà khởi, mà 4 ngón của hai tay trái phải cài chéo với nhau hợp lại, dùng bốn Đại của Phật Giới ngầm hội bốn Đại của giới chúng sinh, tức dùng sinh *Phật bất nhị điều* (điều không hai của Đức Phật), hòa bốn Đại thành cái bình thuốc. Dem 2 ngón tay đưa qua lại ba lần nhằm biểu thị cho nhóm bệnh nghiệp, bệnh Quỷ, bệnh Tứ Đại của chúng sinh, triệu vào cái bình thuốc, tức hợp thành nghĩa ba loại thuốc: Lý, Trí, Giáo. Phàm tất cả bệnh đều theo năng tạo bốn Đại chẳng đều hòa mà khởi. Nếu năng tạo bốn Đại đó hay được điều hòa thì nhóm bệnh nghiệp, bệnh Quỷ tự nhiên tiêu diệt.

Trong kinh” **Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bốn Nguyện Công Đức**” đề cập đến: ”Nếu có người bệnh muốn thoát bệnh khổ, nên vì người ấy bảy ngày bảy đêm thọ trì 8 phần Trai Giới, nên tùy sức sắm các thứ ăn uống và các đồ dùng cúng dường Bát Sô Tăng ngày đêm sáu thời, lễ bái cúng dường Đức Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Tụng đọc kinh này 49 biến, đốt 49 ngọn đèn, tạo 7 pho



tượng Đức Như Lai kia, trước mỗi Tượng để 7 ngọn đèn, mỗi ngọn đèn sáng to bằng bánh xe, đốt sáng cho đến 49 ngày dừng để ánh sáng bị tắt, làm một lá phướng ngũ sắc dài 49 gang tay, phải đem phóng sinh gồm 49 loài, thời có thể vượt qua tai nạn nguy ách, chẳng bị các Hoạn, Quỷ ác gây hại.

Lại nói:” Nếu có chúng sinh vì bệnh làm cho khổ sở và bị các ách nạn, cũng nên tạo lập Ngũ Sắc Thần Chú, đốt đèn sáng liên tục, phóng các sinh mạng, rải hoa đủ màu, đốt mọi hương thơm tốt (Danh hương) thì bệnh được trừ khỏi, những nạn ách đều được giải thoát. Nói chung đó cũng là một cách gọi, **Ngũ Sắc** tục gọi là **Đăng Phan**, theo Pháp đó mà tu thì được khỏi bệnh trừ nạn dịch, khỏe mạnh sống lâu

Trong” **Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục**” quyển Thượng có ghi chép câu chuyện làm tượng Dược Sư mà tặng thọ. Xưa kia ở Thiên Trúc có một Bà La Môn giàu có mà không có con trai nối dõi, người phụ nữ mang thai lại chẳng dễ dàng gì cho lắm, đầy đủ 9 tháng sinh được một đứa con trai dung mạo đoan chính được mọi người yêu kính. Lúc này có vị thầy tướng số đến thấy tướng mạo của đứa bé này bèn nói:” Đứa bé này có mọi tướng chưa đủ để kế nghiệp gia đình, chỉ sống được 2 năm”. Cha mẹ của đứa bé nghe vậy trong lòng buồn bực, giống như trúng phải tên độc rất đau khổ. May mắn thay, Bà La Môn này có một người thân xuất gia làm Sa Môn, sau khi biết được sự việc như thế liền dạy Bà La Môn Ấy rằng:” Ông nên y theo Pháp của 7 Phật mà làm hình tượng Dược Sư Như Lai rồi như pháp cúng dường.”

Bà La Môn bèn nghe theo lời nói đó chọn ngày Trai theo như Pháp Thức cúng dường. Sau đó, vào một đêm nằm mộng thấy vị **Minh Đạo** đội mũ đỏ, cưỡi ngựa xanh, cầm cái trát đến trước mặt bảo rằng:” Ông y theo pháp của 7 Đức Phật làm Tượng cúng dường, nên con của ông được thọ 50 tuổi”. Sau đó kết quả chính xác như vị Thần trong giấc mộng đã báo cho người, đứa bé ấy được tăng tuổi thọ đến 50 năm.

Hình tượng của Đức Phật Dược Sư trong” **Bạch Bảo Khẩu Sao**” nêu ra:” **Thập Loại Hành Pháp Ký**” nói rằng: Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, thân tướng màu vàng ròng, ngồi kiết già, tay trái cầm bình thuốc, tay phải tác Ấn Thí Vô Úy, hào quang tròn phía sau lưng cổ, đầy đủ viên mãn vô lượng tướng tốt. Riêng lại có đưa lòng bàn tay phải hướng ra bên ngoài, ngửa tay trái về phía trước, bàn chân trái dè lên bên phải, ngồi Bán Già.

“**Thập Quyển Sao**” thì nói: Thế gian lưu truyền hai loại Tượng, một là giơ tay phải lên rưỡi tay trái xuống, là Tượng được bày ở Đông Tự Kim Đường và Chùa Dược Sư ở Nam Kinh. Hai là tay trái cầm bình thuốc, tay phải tác Thí Vô Úy; hoặc tay trái co ngón vô danh, hoặc ngón giữa và ngón cái cùng vịn nhau.

Lại nói rằng: Hoặc tay trái cầm cái bát, cái bát có 12 góc, tay phải tác Thí Vô Úy . Lại nói:bản khác đưa ra hình tượng cầm cái bát và cây tích tượng.



Ngoài ra, căn cứ trong Kinh ghi chép, mười hai vị Đại Tướng Được Xoa và các quyến thuộc Thệ Nguyện hộ trì Kinh Pháp Được Sư. Pháp truyền ở đời cũng có kết chỉ ngũ sắc, y theo Kinh đã ghi chép: Mười hai vị Thần Tướng Được Xoa lúc trước đã thề nguyện:” Ngày nay chúng con nương nhờ vào uy lực của Đức Phật được nghe danh hiệu của bảy Vị Phật Như Lai, chẳng còn sợ hãi các nẻo ác, chúng con bảo nhau đồng lòng trọn đời quy Phật, Pháp, Tăng, thề xin gánh vác tất cả hữu tình, làm việc nghĩa lợi nhiều ích an vui. Bất cứ chỗ nào: Thành ấp, thôn xóm, trong rừng cây vắng lặng (không nhàn lâm), nếu có Kinh này lưu truyền cho người đọc tụng, hoặc lại có người thọ trì danh hiệu của bảy vị Phật cung kính cúng dường thời quyến thuộc chúng con sẽ hộ vệ người đó, khiến cho thoát khỏi mọi sự chia lìa, hết thảy nguyện cầu đều khiến được đầy đủ. Hoặc có ách tật cầu độ thoát (Cầu thoát khỏi bệnh tật), cũng nên đọc tụng Kinh này, lấy chỉ ngũ sắc kết tên của chúng con, được như nguyện rồi sau hãy cởi ra.”

Do đó, nếu có chúng sinh, như Pháp tu trì Kinh Pháp Được Sư, cũng sẽ được sự hộ thủ của mười hai vị Thần Tướng.

## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA DƯỢC SƯ NHƯ LAI

**Chữ Chủng Tử:** 𑖀 (BHAI)

**Chân ngôn:**[ Dược Sư Như Lai Đại Chú ] ( Diệt Trừ Nhất Thiết Chúng Sinh Khổ Não Chú).

𑖀𑖩 (1) 𑖀𑖩𑖩𑖩 (2) 𑖀𑖩𑖩𑖩 (3) 𑖀𑖩𑖩 (4) 𑖀𑖩𑖩 (5) 𑖀𑖩 (6) 𑖀𑖩𑖩 (7)  
 𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩 (8) 𑖀𑖩 (9) 𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩 (10) 𑖀𑖩𑖩 (11) 𑖀 (12) 𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩 (13)  
 𑖀𑖩𑖩𑖩 𑖀𑖩𑖩𑖩 (14) 𑖀𑖩 (15)

(1) Năng mô (2) bà nga phộc đế (3) bội sát tử dã (4) ngu lổ (5) phệ nữ lý dã (6) bát la bà (7) la nhạ dã (8) đát tha nghiệt đa dã (9) la hát đế (10) tam miệu tam một đà dã (11) đát nhĩ dã đa (12) án (13) bội sát nhĩ duệ bội sát nhĩ duệ (14) bội sát tử dã tam ma nổ nghiệt đế (15) sa phộc hạ.

(1) NAMO (2) BHAGAVATE (3) BHAIṢAIYA (4) GURU (5) VAIDŪRYA (6) PRABHÀ (7) RÀJÀYA (8) TATHÀGATÀYA (9) ARAHATE (10) SAMYAKSAMBOBHÀYA (?SAMYAKSAMBUDDHÀYA) (11) TADYATHÀ (12) OM (13) BHAIṢAJYE- BHAIṢAJYE (14) BHAIṢAJYASAMUDGATE (15) SVÀHÀ

(1) Quy mạng (2) Thế Tôn (3) Dược (4) Sư (5) Lưu Ly (6) Quang (7) Vương (8) Như Lai (9) Ứng Cúng (10) Chính Biến Trí (11) Ấy là (12) Cúng Dường (13) Thuốc Thuốc (14) Phát sinh thuốc (15) Thành tựu

[TIỂU CHÚ] ( Đồng Vô Năng Thắng Minh Vương Chân Ngôn )

ॐ (1) म म न व ह ङ (2) ॐ (3) हु हु हु हु (4) व व (५) म न (६) (७) म न (८) (९) म न (१०) (११) म न (१२) (१३) म न (१४) (१५) म न (१६) (१७) म न (१८) (१९) म न (२०) (२१) म न (२२) (२३) म न (२४) (२५) म न (२६) (२७) म न (२८) (२९) म न (३०) (३१) म न (३२) (३३) म न (३४) (३५) म न (३६) (३७) म न (३८) (३९) म न (४०) (४१) म न (४२) (४३) म न (४४) (४५) म न (४६) (४७) म न (४८) (४९) म न (५०) (५१) म न (५२) (५३) म न (५४) (५५) म न (५६) (५७) म न (५८) (५९) म न (६०) (६१) म न (६२) (६३) म न (६४) (६५) म न (६६) (६७) म न (६८) (६९) म न (७०) (७१) म न (७२) (७३) म न (७४) (७५) म न (७६) (७७) म न (७८) (७९) म न (८०) (८१) म न (८२) (८३) म न (८४) (८५) म न (८६) (८७) म न (८८) (८९) म न (९०) (९१) म न (९२) (९३) म न (९४) (९५) म न (९६) (९७) म न (९८) (९९) म न (१००)

(1) Ná mạc (2) tam mãn đa mẫu đà nam (3) án (4) hộ lổ hộ lổ (5) chiến nã lý (6) ma đăng nghĩ (7) sa phộc hạ

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHÀNÀM (3) OM (4) HURU HURU (5)

CANDARI (6) MATANGI (?MATAṆGI) (7) SVÀHÀ

(1) Quy mạng (2) Phổ biến chư Phật (3) Quy mạng (4) mau chóng mau chóng (5) tướng bạo ác (6) Tượng Vương ( Tượng giảng phục) (7) thành tựu

## TRƯỜNG THỌ PHẬT

### Đức Đặt Biệt

**Trường Thọ Phật** hay tăng trường Trí Tuệ Phước Đức và Thọ Mạng của chúng sinh, tu pháp này hay tránh khỏi cái chết đột ngột không đúng thời, diệt tội sống lâu, thành tựu sự bất tử. Trong Tạng Truyền Phật Giáo là một trong” ba Tôn Trường Thọ”.

Trường Thọ Phật lại có tên là **Vô Lượng Thọ Phật** (Tên Phạn là **A Di Đà Do Tu\_Amitàyus**) Pháp Thân A Di Đà Phật là dùng Báo Thân Phật để hiển hiện một loại hình tượng khác. Ý nghĩa của Vô Lượng chính là không thể tính toán được, rộng lớn vô tận. Ở trong Mật Giáo là Tôn Chủ ở Phương Tây trong ngũ phương Phật, ở Thai Tạng giới tên là “**Vô Lượng Thọ**” ở Kim Cang giới tên là “**A Di Đà**” đại biểu cho Trí Phương Tiện của Đại Nhật Như Lai, cũng tức là Diệu Quán Sát Trí. Trí ấy, Tỉnh chẳng sinh chẳng diệt, bên trong thì chiếu soi thực tướng của các Pháp, bên ngoài thì chiếu soi căn cơ của chúng sinh, Đức ấy là Vô Lượng Vô Biên, lợi ích tất cả chúng sinh.

Trong “**Đại Nhật Kinh Sớ** “ nói rằng: “ Chúng sinh giới thì không có cùng tận, phương tiện Đại Bi của chư Phật cũng không có cùng tận, cho nên gọi là **Đại Vô Lượng Thọ**”.

Trong Tạng Truyền Phật giáo đối với **Phật Vô Lượng Thọ** mười phần sùng bái tín ngưỡng rất phổ biến, thông thường cùng với **Bạch Độ Mẫu, Tôn Thắng Phật Mẫu** tất cả đều được cung phụng. Ở trong Đường Tạp bốn **Chu Đa Hội** ấy có bốn loại





Tôn Thắng Đà La Ni, Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đỉnh, Tối Thắng Đà La Ni, Nhất Thiết Như Lai Ô Sắt Nhị Sa Tối Thắng Tổng Trì, Diên Thọ Đà La Ni, Thiện Cát Tường Đà La Ni.... Đây là Đà la Ni hiển rõ công đức Nội Chứng của Tôn Thắng Phật Đỉnh Tôn.

Căn cứ vào bản dịch của ngài Phật Đà Ba Lợi” Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh”, Đà La Ni này chính là đấng Phật Đà vì cứu bạt Thiện Trụ Thiên Tử sắp thọ nghiệp 7 lần làm thân súc sinh trong nẻo ác mà tuyên nói. Hay diệt trừ tất cả tội nghiệp các chương, phá trừ tất cả sự đau khổ của nẻo uế ác. Phạm có người hay thọ trì, viết chép, cúng dường, đọc tụng Đà la Ni này hoặc cúng dường an trí nơi tháp Suất Đô Ba, Phướng cao, lầu gác, đều có thể được các loại công đức Thù Thắng, Tịnh trừ tất cả nẻo ác, tiêu trừ tội chướng, tăng trưởng Thọ Mạng, vãng sinh Cực Lạc.

Căn cứ vào sự tuyên nói của Đức Phật Đà về nhân duyên của Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni, nên trong Kinh đã ghi chép rằng: Một thời Đức Phật Đà ở tại nước Xá Vệ rừng cây Kỳ Đà vườn Cấp Cô Độc, vì Đại Chúng thuyết pháp. Lúc đó trong Thiện Pháp Đường của tam Thập Tam Thiên có vị Trời tên là **Thiện Trụ** ở trong cung báu rộng lớn, dạo chơi vui vẻ, mười phần sung sướng.

Nhưng đến một đêm, bỗng nhiên trong không trung nghe có tiếng gọi: *”Này Thiện Trụ ! Bảy ngày sau là ngày đại hạn của ông, sau khi ông chết đi, sẽ 7 lần sinh ra nơi cõi Diêm Phù Đề, sau đó lại vào Địa Ngục, rồi tái sinh làm người, không chỉ bản cùng mà còn bị mù mắt, thọ tất cả khổ não”*.

Thiện Trụ sau khi nghe xong, mười phần sợ hãi kinh hoàng, ưu sầu không dứt, liền vội đi đến chỗ Thiên Đế **Thích Đề Hoàn Nhân**, thỉnh cầu Thiên Đế tìm cách cứu tôi.

Thích Đề Hoàn Nhân nghe Thiện Trụ nói xong, liền dùng Thiên Nhãn quan sát bảy đời tái sinh của Thiện Trụ thời thấy sau khi mạng chung Thiện Trụ từ cõi Trời liền thọ thân heo, sau khi từ bỏ thân heo, lại thọ thân chó; tiếp theo lại thọ các thân Chồn, thân Khỉ, thân Rắn độc, thân Chim Đại Bàn, thân Quạ. Như vậy 7 lần sinh, thường ăn các đồ hôi thối. Thích Đề Hoàn nhân dự báo một số sự việc, vì Thiện Trụ sắp chịu khổ lớn nên thương xót vô cùng, biết rằng chỉ có Đức Như Lai mới có thể cứu được Thiện Trụ.

Do đó, Đế Thích lập tức đến rừng cây Kỳ Đà vườn Cấp Cô Độc nơi Đức Phật Thánh Tôn ngự, hướng về Đức Phật Đà bẩm cáo sự việc của Thiện Trụ, khẩn cầu Như Lai gia trì.

Lúc bấy giờ từ trên đỉnh đầu của Đức Như Lai phóng ra ánh sáng lớn, trong ánh sáng có hào quang 5 màu, ánh sáng chiếu khắp tất cả cõi chúng sinh ở mười phương, lại quay trở về chỗ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi nhập vào miệng Đức Phật. Sau đó Đức Phật Đà mỉm cười bảo Thích Đề Hoàn Nhân rằng:” Có **Phật Quán Đỉnh Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** hay tịnh trừ tất cả nghiệp chướng, Địa Ngục, Súc Sinh, Diêm Ma Lô Ca (Yama-loka), các khổ não sinh tử, phá đường Địa Ngục, đưa vào nẻo Phật.

Này Thiên Đế! **Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni**, nếu có người được nghe Đà La Ni này, hay tiêu trừ tất cả các nạn khổ và nghiệp chướng ràng buộc của sinh tử. Được quả báo lành, chứng được Túc Mạng Trí”.

Do nhân duyên của Thiện Trụ nên Đức Phật Đà tuyên nói Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni, mà sau khi Thiện Trụ Thiên Tử thọ trì Đà La Ni này 6 ngày 6 đêm, cũng y theo Phước báu này, diệt trừ tội chướng từ vô thủy, được tăng trưởng Thọ Mạng, trụ Bồ Đề Đạo.

Đức Phật Đà cũng tuyên nói Đà La Ni này có các loại công đức không thể nghĩ bàn, Đức Phật Đà nói:” Chư này là **Tịnh Trụ Nhất Thiết Ac Đạo Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni** hay trừ tất cả tội nghiệp các chướng, hay phá tất cả sự đau khổ của nẻo uế ác. Thiên Đế! Đại Đà La Ni này là điều mà 88 Càng Già Câu Chi trăm ngàn Chư Phật cùng tuyên nói, tùy hỷ thọ trì. Ấn này là Trí Ấn của Đại Nhật Như Lai, vì phá tất cả nẻo uế ác của chúng sinh, giải thoát được tất cả chúng sinh ở cõi Địa Ngục, Súc Sinh, Diêm La Vương Giới, mau chóng giải thoát được chúng sinh bị nạn khổ trong biển sinh tử, chúng sinh đoản mạng bạc phước không chỗ cứu hộ, chúng sinh hay tạo các ác nghiệp tạp nhiễm được lợi ích. Đà La Ni này có sức trụ giữ ở Thiệm Bộ Châu, hay khiến cho chúng sinh ở Địa Ngục, Ac Đạo, các loại chúng sinh bạc phước bị lưu chuyển trong sinh tử, chúng sinh chẳng tin nghiệp thiện ác mất đi chánh đạo.... được nghĩa giải thoát.

Đáp lại lời thỉnh cầu của bốn vị Thiên Vương, Đức Phật Đà rộng nói về Pháp thọ trì Đà La Ni:” Các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói pháp thọ trì Đà La Ni này, cũng vì các chúng sinh đoản mạng mà nói. Trước tiên nên tắm rửa sạch sẽ mặc quần áo mới sạch, và ngày 15 trăng tròn của kỳ Bạch Nguyệt, thọ Trai Giới trì tụng Đà La Ni này mãn một ngàn biến, khiến chúng sinh đoản mạng lại được tăng thọ, vĩnh viễn xa lìa các bệnh khổ, tất cả nghiệp chướng đều được tiêu diệt, tất cả các khổ Địa Ngục cũng được giải thoát, các loài Phi Cầm, Súc Sinh, hàm linh, nghe Đà La Ni này một lần vào tai, khi bỏ thân này không còn thọ lại nữa.

Lại nói:” Nếu có người gặp bệnh cực ác, nghe Đà La Ni này, tức được vĩnh viễn xa lìa tất cả các bệnh, cũng được tiêu diệt; Dù có đọa vào Ac Đạo cũng được đoạn trừ, tức được vãng sinh thế giới Tịch Tĩnh. Từ đó về sau thân này, lại không thọ thân bào thai, nơi sinh ra được hóa sinh trong hoa sen, tất cả những nơi sinh ra nhớ mãi không quên, thường biết được Túc Mạng.

Lại nói:” Nếu có người mỗi ngày tụng Đà La Ni này 21 biến, thì tiêu được tất cả của cúng dường rộng lớn trong Thế Gian, khi bỏ thân này được sinh vào thế giới Cực Lạc, nếu thường tụng niệm được Đại Niết Bàn, lại tăng Thọ Mạng, thọ hưởng các điều vui sướng.

Y theo ”**Tôn Thắng Phật Đỉnh Tu Du Già Pháp Nghi Quỹ**” ghi chép, Pháp thứ I của Tôn Thắng cũng nói, nếu có người muốn được Thọ Mạng lâu dài, không đọa vào Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, A Tu La Đạo và tiêu diệt các tội, mỗi thời chí tâm tụng Đà La Ni này 21 biến, khởi tâm Đại Từ Bi thương xót tất cả chúng sinh, tức được tiêu diệt tội nghiệp trong bốn nẻo ác.

Trong “**Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni Biệt Pháp**” Pháp thứ 21 thì nói, nếu có tai họa đến Quốc Thổ, nên lấy các thứ tạp vật làm 108 cái Phù Đồ Tướng Luân,

lại lấy lá giã lấy nước viết mười bản (Tôn Thắng Đà La Ni), rồi để trên mỗi đầu Tượng Luân và đựng đầy trong cái hộp, tức tai họa được tiêu hết hưởng Phước Đức sống lâu.

Tôn Thắng Đà La Ni này có tổng cộng 87 câu, y theo dài ngắn mà phân biệt được gọi là Đại Chú, Trung Chú, Tiểu Chú. Thọ trì, viết chép, cúng dường, đọc tụng Đà La Ni này, hoặc an trí nơi Tháp, Phướng Cao, Lầu Góc.... Được công đức, tịnh trừ tất cả ác đạo, tiêu trừ tội chướng, tăng trưởng Thọ Mạng, vãng sinh ở thế giới Cực Lạc. Tu hành theo Mật Tông, hoặc sáng tối đọc tụng, hoặc đối với người đã mất thì lúc hồi hương đọc: Thiên Môn Tại khóa lúc đọc, cũng thường niệm tụng Chú này. Tại Trung Quốc, Nhật Bản tu trì Đà La Ni này rất đông, mà lại rất linh nghiệm.

### HÌNH TƯỢNG CỦA PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHẬT MẪU.



Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu, được gọi là Đỉnh Kế tôn Thắng Phật Mẫu, lại gọi đơn giản là Tôn Thắng Mẫu. Hình tượng có 3 mặt 8 cánh tay, trên mặt có 3 con mắt, mặt chính giữa màu trắng, dung mạo như cô gái diễm đạm dễ thương, mặt bên phải màu vàng rờn hình dáng cười vui vẻ, mặt bên trái tựa như màu xanh của hoa Ô Ba Lạp (Utpala), để lộ răng nanh hiện tướng hung dữ, thân màu trắng như mặt trăng thu không tỳ vết, diện mạo như thiếu nữ tuổi thanh xuân.

Bên phải tay thứ nhất cầm cái chày Kim Cang Yết Ma hình Chữ Thập có bốn màu để ở trước ngực, tay thứ hai nâng tòa sen trên có Phật A Di Đà (Hoặc là Đại Nhật Như Lai) , tay thứ ba cầm mũi tên, tay thứ tư tác Thí Nguyện Ấn để ở trước

đùi phải. Bên tay trái thứ nhất tác Phần Nộ Quyền Ấn cầm sợi dây, tay thứ hai giơ lên tác Thí Vô Úy Ấn, tay thứ ba cầm cây cung, tay thứ tư kết Định Ấn nâng cái Bình Ngọc Cam Lộ. Thân Phật Mẫu có Vòng Hoa, Thiên Y, Mão Báu, Anh Lạc.... trang nghiêm, ngồi trên vành trăng trong hoa sen.

Ngoài ra , còn có Tượng một mặt bốn cánh tay, nhưng được cất giữ trong chùa, vả lại không thấy nhiều.

Mặt chính giữa của Phật Mẫu màu trắng biểu thị cho sự chặn đứng tai chướng (Tức Tai), mặt bên phải màu vàng biểu thị các pháp Tăng Ích và Diên Thọ, mặt bên trái màu xanh biểu thị cho sự Giáng Phục. Tay nâng Đại Nhật Như Lai là Thượng Sư, biểu thị cho lòng yêu thương, mũi tên đại biểu cho sự Câu Triệu tâm Bi của chúng sinh. Thí Vô Úy Ấn đại biểu cho việc khiến chúng sinh vĩnh viễn xa lìa tất cả sợ hãi, Thí Nguyện Ấn biểu thị cho tất cả Tâm Nguyện của chúng sinh được đầy đủ, Cây Cung là Thắng Tam Giới, tay kết Định Ấn nâng bình Cam Lộ biểu thị cho việc khiến chúng sinh được Trường Thọ không bệnh tật, chày Kim Cang hình chữ Thập biểu thị cho sự nghiệp thành tựu Giáng Quỷ, Giáng Tai Ương, sợi dây biểu thị cho sự giáng phục tất cả chúng sinh khó điều phục.

Căn cứ trong Nghi Quỹ thuật lại thì Tôn Thắng Phật Mẫu chọn **Liên Hoa Thủ Quán Âm** màu trắng và **Tịch Tĩnh Kim Cang Thủ Bồ Tát** màu xanh làm người hầu bên cạnh hai bên trái phải, bốn vị Đại Minh Vương làm Hộ Pháp. **Bất Động Minh Vương** ở phương đông, tay phải cầm gươm báu. **Ái Nhiễm Minh Vương** ở phương nam, tay phải cầm cái móc câu. **Trì Bổng Minh Vương** ở phương tây, tay phải cầm cây gậy màu xanh. **Đại Lực Minh Vương** ở phương bắc, tay phải cầm cái chày. Bốn Minh Vương thân đều màu xanh, tay trái đều tác Phần Nộ Quyền Ấn để ở trước ngực; tóc, lông mày, râu dạng như lửa bốc cháy, nghiêng răng giận dữ. Đầu lấy da Hổ làm quần, Rắn làm vòng xuyên Anh Lạc, co chân phải duỗi chân trái, đứng tư thế uy nghi như Lực Sĩ.

Trì tụng Tôn Thắng Phật Mẫu Đà La Ni hay diệt trừ tất cả tội nặng, được mọi người kính yêu, sau khi mạng chung được sinh ở Thế Giới Cự Lạc, và được Đại Niết bàn, cũng hay tăng trưởng Thọ Mạng, thọ Thù Thắng vui vẻ, tức được vãng sinh vào các cõi Phật, được các loại vi diệu.

## CHÂN NGÔN CỦA PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHẬT MẪU

[ *Tâm Chân Ngôn* ]

Án A Mật Lật Đô Đố Bà Tỳ Sa Bà Ha

{ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ }

OM AMṚTA TEJA VATI SVÀHÀ }

[ *PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI* ]

ॐ (1) ॐ (2) ॐ (3) ॐ (4) ॐ (5) ॐ (6) ॐ (7) ॐ (8) ॐ (9) ॐ (10) ॐ

(11) गगनगगन (12) मन्त्रव विद्युत् (13) मन्त्रविवर्धनं (14) मन्त्रव (15) वरिवरव (16) मन्त्रविवर्धनं (17) मन्त्रविवर्धनं (18) मन्त्रविवर्धनं (19) मन्त्रविवर्धनं (20) मन्त्रविवर्धनं (21) गगनविद्युत् (22) उद्युत् (23) विद्युत् विद्युत् (24) मन्त्रविवर्धनं (25) मन्त्रविवर्धनं (26) मन्त्रविवर्धनं (27) वरिवरव (28) मन्त्रविवर्धनं (29) मन्त्रविवर्धनं (30) मन्त्रविवर्धनं (31) मन्त्रविवर्धनं (32) मन्त्रविवर्धनं (34) वरिवरव (35) मन्त्रविवर्धनं (36) मन्त्रविवर्धनं (37) मन्त्रविवर्धनं (38) मन्त्रविवर्धनं (39) मन्त्रविवर्धनं (40) मन्त्रविवर्धनं (41) मन्त्रविवर्धनं (42) मन्त्रविवर्धनं (43) मन्त्रविवर्धनं (44) मन्त्रविवर्धनं (45) मन्त्रविवर्धनं (46) मन्त्रविवर्धनं (47) मन्त्रविवर्धनं (48) मन्त्रविवर्धनं (49) मन्त्रविवर्धनं (50) मन्त्रविवर्धनं (51) मन्त्रविवर्धनं (52) मन्त्रविवर्धनं (53) मन्त्रविवर्धनं (54) मन्त्रविवर्धनं (55) मन्त्रविवर्धनं (56) मन्त्रविवर्धनं (57) मन्त्रविवर्धनं (58) मन्त्रविवर्धनं (59) मन्त्रविवर्धनं (60) मन्त्रविवर्धनं (61) मन्त्रविवर्धनं (62) मन्त्रविवर्धनं (63) मन्त्रविवर्धनं (64) मन्त्रविवर्धनं (65)

(1) Nãng Mô (2) Bà Nga Phộc Đế (3) Đát Lạt Lộ Chỉ Dã (4) Bát la Đế Vĩ Thủy Sắt Tra Dã (5) Một đà Dã (6) Bà Nga Phộc Đế (7) Đát Nhĩ Dã Tha (8) Án (9) Vĩ Mẫu Đà Dã (10) Sa Ma Sa Ma Tam Mãn Đa Phộc Bà Sa (11) Sa Pha La Nã (12) Nghiệt đế Nga Hạ Nãng (13) Sa Phộc Bà Phộc Vĩ Thuật Đệ (14) A Tị Sần Tả Đổ hàm (15) Tố Nghiệt Đa (16) Phộc La Phộc Tả Nãng (17) A Mật Lạt Đa Tị Sái Kế (18) Ma Hạ Mạn Đát La Phan Nãi (19) A Hạ La A Hạ La (20) A Dữu Tán Đà La Ni (21) Thú Đà Dã Thú Đà Dã (22) Nga Nga Nãng Vĩ Thuật Đệ (23) Ô Sắt Nhị Sái (24) Vĩ Nhạ Dã Vĩ Thuật Đệ (25) Sa Ha Sa La La Thấp Minh (26) Tán Tố Nhĩ Đế (27) Tát Phộc Đát Tha Nghiệt Đa (28) Phộc Lộ Ca Ninh (29) sát Phan La Nhĩ Đa (30) Phả Lí BỐ La Ni (31) Tát Phộc Đát Tha Nghiệt Đa (32) Hột Lí Ná Dã (33) Địa Sắt Sa Nãng Địa Sắt Sĩ Đa (34) Ma Hạ Mẫu Nại Lí (35) Phộc Nhật La Ca Dã (36) Tăng Hạ Đà Nãng Vĩ Thuật Đệ (37) Tát Phộc Phộc La Nã Phả Dã Nột Nghiệt Đế Phả Lí Vĩ Thuật Đệ (38) Bát La Đế Ninh Miệt Miệt Dã A Dục Thuật Đệ (39) Tam Ma Dã Địa Sắt Sĩ Đế (40) Ma Ni Ma Ni (41) Ma Hạ Ma Ni (42) Đát Tha Đa Bộ Đà Câu Trí Phả Lí Thuật Đệ (43) Vĩ Suất Phổ Tra Một Địa Thuật Đệ (44) Nhạ Dã Nhạ Dã (45) Ni Nhạ Dã Ni Nhã Dã (46) Sa Ma La (47) Tát Phộc Một Đà Địa Sắt Sĩ Đa Thuật Đệ (48) Phộc Nhật Lí (49) Phộc Nhật La Nghiệt Bệ (50) Phộc Nhật Lãm Bà Phộc Đổ (51) Ma Ma Xá Lí Lãm (52) Tát Phộc Tát Đát Phộc Nan Tả Ca Dã Vĩ Thuật Đệ (53) Tát Phộc Nga Đế Phả Lí Thuật Đệ (54) Tát Phộc Đát Tha Nghiệt Đà (55) Tam Ma Thấp Phộc Sa Đổ Diễn Bàn (56) Tát Phộc Đát Tha Nghiệt Đa (57) Tam Ma Thấp Phộc Sa Địa Sắt Sĩ Đế (58) Một Địa Dã Một Địa Dã Vĩ Một Địa Dã (59) Mạo Đà Dã Mạo Đà Dã Vĩ Mạo Đà Dã (60) Tam Mãn Đa (61) Phả Lí Thuật Đệ (62) Tát Phộc Đát Tha Nghiệt Đa (63) Hột Lý Ná Dã Địa Sắt Sa Nãng Địa Sắt Sĩ Đa (64) Ma Hạ Mẫu Nại Lệ (65) Sa Phộc Hạ

(1) NAMO (2) BAGAVATE (?BHAGAVATE) (3) TRAILOKYA (4) PRATIVI'SIṢṬĀYA (5) BUDDHAYĀ (6) BHAGAVATE (7) TADYATHĀ (8) OM (9) VI'SODHAYA VI'SODHAYA (10) SAMĀSAMA SAMANTAĀVABHĀSA (? SAMA ASAMA SAMANTA- AVABHĀSA) (11) SPHARAṆA (12) GATI-GAḤANA (13) (? ABHIṢIṢCATUMĀM) (14) SVĀBHĀ VA-VISUDDHE (15) SUGATA (16) VARA-VACANĀ (17) MRṬĀBHIṢEKAIR (? AMṚTA- ABHIṢEKAI) (18) MAHĀ- MANTRA-PADAI(?MANTRA-PĀDAI) (19) ĀHARA ĀHARA (20) ĀVUḤSAMDHĀRAṆI (? ĀYUḤSANDHĀRAṆI) (21) 'SODHAYA 'SODHAYA (22) GAGANA-VI'SUDDHE (23) UṢṆIṢA (24) VIJAYAVI'SUDDHE (25) SAHAS-RA- RA'SMI (26) SAMCODITE (? SAMSUDITI ) (27) SARVA- TATHĀGATĀ (? SARVA-TATHĀGATA) (28) VALOKANI (? AVALOKANA) (29) ṢAṬPĀRAMITĀ (30) PARIPURĀṆI (31) SARVA- TATHĀGATA (32) ḤRDAYĀ (33) DHIṢṬHĀNĀDHI- ṢṬHITE (? ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE) (34) MAHĀ- MUDRE (? MAHĀ-MUDRĪ) (35) VAJRA- KĀYA (36) SAMHĀTANA-VI'SUDDHE (37) SARVĀVARAṆA-BHAYA-DURGATI-PARIVI'SUDDHE(38) PRATINIVARTAYA ĀYUḤ- 'SUDDHE (39) SAMAYĀDHIṢṬHITE (40) MAṆIMĀṆI (41) MAHĀMĀṆI (42) TATHĀTĀ- BHŪTA- KOṬI-PARI'SUDDHE (43) VISPHUṬA- BUDDHI- 'SUDDHE (44) JAYA JAYA (45) VIJAYA VIJAYA (46) SMARA SMARA (47) SARVA- BUDDHĀDHIṢṬHITA-'SUDDHE (48) VAJRI (49) VAJRA- GARBHE (50) VAJRAMBHAVATU (51) MAMA 'SARĪRAM (52) SARVA- SATTVĀNĀM'S CA KĀYA-PARIVI'SUDDHE (53) SARVA- GATI- PARI'SUDDHE (54) SARVA-TATHĀGATĀ'SCA ME (55) SAMĀ'SVĀSAYANTU (56) SARVA-TATHĀGATA (57) SAMĀ'SVASĀSĀDHIṢṬHITE (58) BUDHAYA BUDHAYA VIBUD-HAYA VIBODHAYA (? BUDDHYA BUDDHYA VIBUDDHYA VIBUDDHYA) (59) BODHAYA BODHAYA VIBODHAYA VIBODHAYA (60) SAMANTA (61) PARI'SUDDHE (62) SARVA- TATHĀGATA (63) ḤRDAYĀDHIṢṬHĀNĀDHIṢṬHITA (64) MAHĀ- MUDRE (64) SVĀHA

(1) Quy Mạng (2)Thế Tôn (3)Tam Thế ( Ba cõi , ba đời) (4) Rất thù thắng (5) Đại Giác (6) Thế Tôn (7) Ấy là(8) Ấn ( Đầy đủ ba Thân hoặc tất cả pháp chẳng sinh hoặc Vô Kiến Đỉnh Tướng)(9) Thanh Tịnh (10) Phổ biến chiếu diệu (chiếu diệu khắp cả) (11)Thư biến ( duỗi khắp, tràn đầy vòng khắp) (12) Lục Thú Trù Lâm (rừng đông đầy của 6 nẻo) (13)Tự nhiên thanh tịnh (14) Dẫn quán đỉnh ngã (dẫn rưới rót đỉnh đầu tôi) (15) Đấng Thiện Thệ(16) Thù Thắng Giáo (17) Cam Lộ quán Đỉnh (18) Giải thoát pháp thân(19) Nguyện xin nhiếp thọ, nhiếp thọ (Hoặc lại có nghĩa là lần lượt tiêu trừ tai nạn giải thoát các khổ não) (20) Kiên trú trì thọ mạng (giữ gìn vững chắc thọ mạng) (21) Tịnh tịnh (Thanh tịnh, Thanh tịnh) (22) Như hư không thanh tịnh (23) Phật đỉnh (24) Tối thắng, Thanh tịnh (25) ngàn ánh sáng (26) Kính giác ( cảnh giác) (27) Tất cả như lai (28) quan sát (29) sáu Độ (30) Viên dung (31) Tất cả Như Lai (32) Tâm (33) Thần lực gia trì (34) Đại Khế Ấn (35) Kim Cang Câu (cái móc sắt Kim Cang) – Thân Kim Cang (36) Tỏa (cái khóa, xiềng xích) thân thanh tịnh (37) Tất cả nghiệp chướng thanh tịnh (38) Thọ mạng đều được thanh tịnh

(39) Thệ nguyện gia trì (40) Bảo châu( Ngọc quý báu – ngọc như ý ) (41) Đại Bảo Châu (Viên Ngọc lớn quý báu) (42) Biến tịnh (thanh tịnh khắp cả)(43) hiển hiện Trí Tuệ (44) Thắng lợi (45) Tối thắng Tối Thắng (46) Niệm trì Định Tuệ tương ứng(47) Tất cả Chư Phật gia trì thanh tịnh (48) Kim Cang (49) Kim Cang Tạng (50) Nguyện thành như Kim Cang (51) là ý nghĩa của tôi (52) Tất cả thân hữu tình đều được thân thanh tịnh (53) Tất cả các nẻo đều được thanh tịnh (54) Tất cả Như Lai (55) đều cùng hộ trì (56) Tất cả Như Lai (57) an ủi khiến được gia trì (58) Sở Giác, Sở Giác (59) Hay khiến giác ngộ hay khiến hữu tình mau được giác ngộ (60) Phổ biến (61) Thanh tịnh (62) Tất cả như lai (63) Thần lực sở trì (64) Đại Khế Ấn (65) Cát tường.

## CHƯƠNG THỨ HAI \_ BỒ TÁT BỘ \_

DIÊN MẠNG PHỔ HIỀN BỒ TÁT

### **Đức Đặc Biệt**

Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho tất cả Bồ Tát Hạnh, tượng trưng cho cứu cánh của tinh thần Đại Thừa. Bản Tôn còn có Đức Đặc Biệt là khoẻ mạnh sống lâu, hay tránh được tất cả sự sợ hãi của chết yếu, đoản mạng; tăng trưởng được Phước Đức, Thọ Mạng.

Phổ Hiền Bồ Tát ( Tên Phạn là Samantabhadra), dịch là Tam Mạn Đa Bạt Đà La, lại viết là Tam Mãn Đa Bạt Nại La, Tam Mãn Đà Đài Đà hoặc là Tất Thâu Đài Đài. Dịch nghĩa là An lành khắp cả (Biến Cát), Âm là Cụ Túc Vô Lượng Hạnh Nguyên, **Phổ** là thị hiện tất cả Bồ Tát ở cõi Phật, cho nên Phật Giáo Đồ thường tôn xưng là **Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát**, để làm sáng tỏ cái Đức đặc biệt Đó.

Trong quyển I “ **Đại Nhật Kinh Sớ**” nêu rõ ý nghĩa của danh hiệu Phổ Hiền: **Phổ** nghĩa là khắp tất cả các nơi, **Hiền** là Tối Diệu Thiện. Tức nói Phổ Hiền Bồ Tát y theo Tâm Bồ Đề mà khởi lên Nguyên Hạnh, cùng với Thân, Khẩu, Ý thấy đều bình đẳng, khắp tất cả các nơi, thuần một Diệu Thiện, có đủ nhóm đức cho nên tên là Phổ Hiền.

Ở Mật Giáo, Phổ Hiền biểu thị cho Tâm Bồ Đề, cho rằng Ngài đồng thể với Kim Cang Thủ, Kim Cang Tát Đỏa, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tự Bồ Tát.

Phổ Hiền đại biểu cho tất cả Lý Đức và Định Đức của Chư Phật, còn Văn Thù thì biểu thị cho Trí Đức, Chứng Đức, hai vị đó là hai vị Đại Hiếp Thị (đứng hầu hai bên) của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Văn Thù cưỡi Sư Tử, Phổ Hiền cưỡi Voi, biểu thị cho Lý Trí Tương Tức, Hành Chứng Tương Ứng.

Phổ Hiền Bồ Tát là đại biểu của Bồ Tát Đại Thừa, tượng trưng cho cứu cánh của tinh thần Đại Thừa. Trong “ **Kinh Hoa Nghiêm**” nêu rõ tất cả Phật Pháp quy ở Tỳ Lô Giá Na Như Lai cùng với hai vị Đại Sĩ là Văn Thù và Phổ Hiền, ba vị được gọi là” **Hoa Nghiêm Tam Thánh**” trong đó Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho bản thể **Hạnh Đức** của tất cả Bồ Tát.

Phổ Hiền Bồ Tát ở trên Đại Hội Hoa Nghiêm, từng tuyên nói mười Đại Nguyên Vương: Một là Lễ Kính Chư Phật, hai là Ngợi Khen Như Lai, ba là Rộng Tu Cúng Dường, bốn là Sám Hối Nghiệp Chướng, năm là Tùy Hỷ Công Đức, sáu là Thỉnh Chuyển Pháp Luân, bảy là Thỉnh Phật Trụ Thế, tám là Thường Tùy Phật Học, chín là Hằng Thuận Chúng Sinh, mười là Khấp đều Hồi Hương, để mở bày sự phát tâm của Bồ Tát.

Mười Đại Nguyên Vương lại gọi là **Phổ Hiền Nguyên Hải**, đại biểu cho tất cả Hạnh Nguyên của Bồ Tát, cho nên Bồ Tát Phát Tâm Tu Hành lại gọi là Nhập Phổ Hiền Nguyên Hải ( Vào biển nguyện của phổ Hiền).

Do Phổ Hiền dùng mười Đại Nguyên làm Nguyên Vương, cho nên phối trí với Tâm Bồ Đề, được coi là Đồng Thể với Kim Cang Tát Đỏa, cũng liệt vào trong Mạn Trà la của hai bộ Kim, Thai.

### HÌNH TƯỢNG CỦA PHỔ HIỀN BỒ TÁT



Ở **Kim Cang Giới Mạn Trà La** là một trong mười sáu Tôn Hiền Kiếp, được đặt để ở vị trí cuối cùng trong bốn vị Bồ Tát ở phương bắc. Trong **Vi Tế Hội** thì tay trái nắm quyền đặt ở trước ngực, tay phải cầm Kiếm bén. Trong **Cúng Dường Hội** thì hai tay cầm Hoa Sen nâng lên trước ngực, trên Hoa Sen có cây Kiếm bén. Hình tượng trong **Giáng Tam Thế Yết Ma Hội** và **Cúng Dường Hội** đại thể tương đồng, chỉ là xung quanh cây Kiếm bén có lửa rực.

Ngoài ra, trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La**, được an bày ở **Trung Đài Bát Diệp Viện** và **Văn Thù Viện**.

Trong **Trung Đài Bát Diệp Viện** thì ngồi trên Hoa Sen ở phương đông nam, thân màu thịt trắng, đội Mão báu Ngũ Phật, tay trái cầm Hoa Sen, trên Hoa Sen an trí cây Kiếm bén xung quanh rực lửa.

Tại **Văn Thù Viện** có vị trí ở phương phía sau bên phải của Văn Thù, tay trái cầm Hoa Sen xanh, mặt trên an trí cái Chày Tam Cổ.



Ngoài ra trong” **Kinh Quán Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Pháp**” thuật lại Tôn Hình và thế ngồi vật cỡi là:” Phổ Hiền Bồ Tát: Thân vô lượng vô biên, Âm Thanh vô biên, Sắc Tượng vô biên, muốn đến nước này, vào Thần Thông Tự Tại, biến thân nhỏ lại, người ở cõi Diêm Phù Đề gặp ba chương nặng, lấy sức Trí Tuệ hóa làm Voi trắng. Voi có sáu ngà, bảy Chi chạm đất, bên dưới bảy Chi sinh bảy Hoa Sen, Voi màu trắng tươi, mà Pha Lê, Núi Tuyết chẳng thể sánh kịp.

### PHỔ HIỀN DIÊN MẠNG BỒ TÁT

Phổ Hiền Bồ Tát có Tính Đức, Tăng Ích Diên Mạng, nên lúc Ngài trụ ở cảnh giới Tam Muội **Tăng Ích Diên Mạng** thành tựu làm **Phổ Hiền Diên Mạng Bồ Tát** ( Samanta- bhadrayuh). Tu trì Pháp Phổ Hiền Diên Mạng theo Mật Tông thì thường phải cúng dường Tôn này.

Theo Kinh Điển Mật Giáo ghi chép rằng: Nếu Chúng Sinh hay đối với vị Bồ Tát này mà như Pháp Tu Trì cầu đảo, thì” Sau khi Mạng Chung không đọa vào ba nẻo ác, tăng trưởng Thọ Mạng, cuối cùng không sợ chết yếu, đoản mạng, cũng không bị sợ hãi bởi Ác Mộng Quỷ Mị Chú Chớ và Quỷ La Sát có hình ác, cũng chẳng bị nước, lửa, Binh Đao, chất độc gây thương hại”. Mà lại hay” Có đủ Đại Phước Trí, viên mãn Thắng Nguyên, thăng Quan tiến Chức, tiền của giàu có đều được vừa ý. Nếu cầu có con trai con gái, thì chúng đều được thông minh”. Những Công Đức này đều căn cứ vào Bản Thệ của Phổ Hiền Diên Mạng Bồ Tát mà sản sinh.

Phổ Hiền Diên Mạng Bồ Tát có hai tên gọi khác nhau đó là” **Đại An Lạc Bất Không Tam Muội Chân Thực Bồ Tát**” và” **Kim Cang Tát Đỏa**”. Trước hết là tuyên nói vị Bồ Tát này đều trao cho Chúng Sinh được lợi ích lớn, an vui lớn làm **Bổn Thệ** bình đẳng, sau này Ngài có nói là” Trí của sự chẳng hư chẳng hoại, hay đập tan các Phiền Nã, giống như Kim Cang”.

Hình tượng của Phổ Hiền Diên Mạng Bồ Tát, có hai loại tượng, tượng hai cánh tay và tượng hai mươi cánh tay.

Căn cứ theo Kinh Điển ghi chép, Tượng có hai cánh tay là” Như Mãn Nguyệt Đồng Tử, đầu đội mào Ngũ Phật Đỉnh, tay phải cầm cái Chày Kim Cang, tay trái cầm cái Chuông triệu tập Kim Cang. Ngồi trên Hoa Sen sáu ngàn cánh, dưới Hoa Sen có Bạch Tượng Vương. Chân của Tượng Vương giẫm lên bánh xe Kim Cang, dưới bánh xe có năm ngàn con Voi ”.



Nhưng Tượng có hai mươi cánh tay thì toàn thân là màu vàng ròng, đầu đội mào sáu Ngũ Trí, bên trái bên phải đều có mười bàn tay, đều cầm Pháp Khí không giống nhau, ngồi trên Hoa Sen ngàn cánh. Dưới Hoa Sen có bốn con Voi trắng, so với tượng hai cánh tay phía dưới chỗ ngồi có đàn Voi cả ngàn con khác nhau.



“ **Kinh Phật Thuyết Nhất Thiết Chư Như Lai Tâm Quang Minh Gia Trì Phổ Hiền Bồ Tát Diên Mạng Kim Cang Tối Thắng Đà La Ni** “ có ghi nhận: Chính vì Chư Phật thương xót chúng sinh bị Nghiệp Chương đoán thọ, chết đột ngột mà gia trì cho Phổ Hiền Bồ Tát tuyên nói Kinh Đà La Ni.

Căn cứ vào sự ghi chép nói rằng: Lúc bấy giờ Đức Phật Đà ở bên sông Cấn Già (Ganga: sông Hằng Hà), cùng các Đại Tỳ Kheo Tăng, Bồ Tát Ma Ha Tát, cùng với Chúng Trời Người tụ tập. Trong Pháp Hội có Phổ Hiền Bồ Tát, an trụ ở **Như Lai Bí Mật Tam Ma Địa**, từ Tam Muội ra khỏi Định, thị hiện sức Đại Thần Thông, dùng sự gia trì của Chư Phật làm **Duyên**, cho nên tuyên nói **Kim Cang Thọ Mạng Đà La Ni** khiến cho tất cả Chúng Sinh được tăng ích thọ mạng, không có chết yếu chết đột ngột, và khiến cho được Thọ Mạng của Kim Cang, bền chắc không hủy hoại, thành tựu Bồ Đề, đến Địa Bất Thoái.

Bấy giờ từ trái Tim của Đức Thế Tôn chuyển ánh sáng triệu tập Hằng Hà Sa Chư Phật ở mười phương Thế Giới, tràn đầy khắp Hư Không đều tự phóng ra ánh sáng như lưới châu báu Nhân Đà La của Trời Đế Thích, ánh sáng này soi chiếu chạm đến Phổ Hiền, khiến tuyên nói Kinh Kim Cang Thọ Mạng này.

Phổ Hiền Bồ Tát được Tâm Ấn của Chư Phật, liền an trụ ở **Kim Cang Thọ Mạng Tam Muội Da**, trong các lỗ chân lông trên thân phóng ra Vô lượng ánh sáng như những hạt bụi nhỏ chiếu khắp mười phương Thế Giới, dùng sức Thần Thông Tự Tại liền nói Đà La Ni:

**Đát nhĩ -dã tha (1) giả lệ giả la giả lệ (2) vĩ năng tri (3) sa-phộc tất-để kế (4) chước hạt-lại nga nhĩ (5) bát-la xá mạn đở (6) tát phộc lộ nga dẫn tát phộc sa đát-phộc nam (7) a năng lai (8) câu năng lai (9) ma hạ năng lai (10) giả lệ giả lệ (11) kế ma ngô-kiểu lí (12) kế mạc nhĩ sản nhĩ (13) kế ma thi khí (14) kiểu la phệ (15) kiểu la để (16) kế câu la phệ (17) câu la lê (18) câu la ma để (19) vi xá ma ninh ma ninh (20) thú thuật tì-phộc (21) a giả lê (22)**

**vi giả lê (23) ma vĩ lăm phộc (24) hô mâu hô mâu (25) án, phộc nhật-la dụ sái sa-phộc hạ**

Lúc Phổ Hiền Bồ Tát tuyên nói Chú này, được Tâm Ấn của Chư Phật nhiều như số bụi nhỏ ở mười phương gia trì, khiến cho Phổ Hiền Bồ Tát và bốn vị Thiên Vương được tăng thọ mạng của Kim Cang, mà tất cả Chúng Sinh bị bệnh khổ cũng được Tô Tức (chết đi sống lại)

Trong Kinh nói:” Nếu có kẻ trai lành người nữ thiện nào, sợ chết yếu, chết đột ngột không rõ nguyên nhân, thì nên tắm rửa mặc áo mới sạch, đốt Hương rải Hoa, trì **Diên Mạng Tâm Chân Ngôn** của Ta, liền được tăng thọ. Nếu có Chúng Sinh bệnh khổ, muốn cầu Trường Thọ, xa lìa bệnh khổ ấy, liền xây dựng Đạo Tràng, ở nơi nhà cửa sạch sẽ, hoặc chốn Già Lam, thỉnh 21 vị Tỳ Kheo Tăng thanh tịnh, chuyển đọc Kinh này 49 biến, ngoài ra cũng có Pháp trì Đà La Ni này mười vạn biến (100.000 biến), liền được thọ mạng.

Trong Kinh lại nói, nếu có Chúng Sinh lo lắng sợ hãi các loại tai nạn chết chóc, bệnh khổ, chết yếu, chết đột ngột...Nếu hay viết chép, thọ trì, đọc tụng Kinh này hoặc là vẽ tượng Phổ Hiền Diên Mạng, như Pháp tu trì, thì có thể tránh khỏi các loại tai nạn vừa kể trên, lại khoẻ mạnh sống lâu.

**CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA PHỔ HIỀN DIÊN MẠNG**

Chữ Chủng Tử: **ॐ** ( Yuh)

Chân ngôn: {Nhị Thủ Kim Cang Quyền}

**ॐ** (1) **ॐ ॐ ॐ ॐ** (2) **ॐ ॐ** ((3)3) **ॐ ॐ** (4) **ॐ ॐ** (5)

**(1) Án (2) phộc nhật la dụ sái (3) hồng hồng (4) thi khí (5) toa ha**

(1) OM (2) VAJRAYUSE (3) HŪM HŪM (4) ‘SIKHI (5) SVÀHÀ

(1) Quy mạng (2) Kim Cang Thọ mạng (3) Hồng Hồng ( nghĩa là Phá Hai Chấp) (4) Thi Khí ( nghĩa là kéo dài) (5) Thành Tựu

{ Nội Ngữ Cổ ấn }

**(1) Án (2) phộc nhật la tát đát phộc (3) nhược hồng tông học**

**ॐ** (1) **ॐ ॐ ॐ ॐ** (2) **ॐ ॐ ॐ ॐ** (3)

(1) OM (2) VAJRA-SATTVA (2) JAḤ HŪM BAM HOḤ

(1) Quy Mạng (2) Kim Cang Đát Đỏa (3) Nhược Hồng Sỏa Học ( Câu Triệu. Nghĩa là Trụ ở sự vui vẻ ( Trú Hoan)

{ Ngoại ngữ Cổ Ấn }

**(1) Án (2) phộc nhật la tát đỏa (3) ác**

**ॐ** (1) **ॐ ॐ ॐ ॐ** (2) **ॐ** (3)

(1) OM (2) VAJRA-SATTVA (2) AḤ

(1) Quy Mạng (2) Kim Cang Tát Đỏa (3) Ác ( Chủng Tử)

**LỤC TỰ VĂN THÙ BỒ TÁT**



## Đức Đặc Biệt

Tu trì pháp môn **Lục Tự Văn Thù** có thể diệt trừ tội chướng của định nghiệp, trường thọ sống lâu, sau khi hết nghiệp mạng chung được vãng sinh ở Tịnh Thổ Cực Lạc.

**Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát** (Tên Phạn là:Mañju'sri), dịch âm là Văn Thù Thi Lợi, Mạn Thù Thất Lợi, Mãn Tổ Thất Lí, gọi đơn giản là Văn Thù. Lại gọi là Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử (Tên Phạn là:Mañju'srikumarabhùta), hoặc Văn Thù Sư Lợi Đồng Chân, Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử Bồ Tát, Nhu Đồng Văn Thù Bồ Tát. Trong Mật Giáo có mật hiệu là: Bát Nhã Kim Cang, Cát Tường Kim Cang, Đại Tuệ Kim Cang, Biện Pháp Kim Cang.... cùng với **Phổ Hiền Bồ Tát** là hai vị hầu cận bên trái bên phải của **Đức Phật Thích Ca Mâu Ni**. Thế tục gọi là "**Hoa Nghiêm Tam Thánh**". Trong Kinh Điển Ngài lại có danh hiệu là: Diệu Đức, Diệu Thủ, Phổ Thủ, Nhu Thủ, Kính Thủ, Diệu Cát tường....



Ngoài ra, Văn Thù Bồ Tát lại gọi là **Văn Thù Đồng Tử**, thường xuyên xuất hiện với hình dáng Đồng Tử, bởi vì Đồng Tử đại biểu cho Tâm **Đồng Chân** của sự Kiên Trinh, Quang Minh mà **Không Minh Thánh Khiết** lại là một mục tiêu theo đuổi quan trọng của sự tu học Phật pháp. Trong Kinh Điển thường xưng hô Bồ Tát là Đồng Tử, Bồ Tát hiển thị bản chất ngay thẳng và chân thành, chính là biểu hiện của **Đồng Tử**.

Ở đây, Bồ Tát dùng **Đồng Chân** để bày ra sinh mạng tinh tiến mãi mãi, dùng Đồng Chân để vứt bỏ tất cả tạp nhiễm của Thế Gian, dùng Đồng Chân để bày tỏ tâm linh chân thực, chân thành. Đồng thời, **Đồng Tử** đại biểu cho khả năng vô hạn, tư tưởng thuần chân, tinh thần dồi dào, thường xuyên tự mình sửa đổi theo điều chính, thì sinh mạng không ngừng hưởng thụ.

Hình tượng của **Văn Thù Bồ Tát** thường thấy có tượng cỡi Sư Tử tay cầm cây Kiếm, đại biểu cho sự sắc bén của Pháp Môn. Tay phải cầm cây Kiếm báu Kim

Cang, đoạn trừ tất cả phiền não của chúng sinh, dùng tiếng rống không sợ hãi của Sư Tử để chấn tỉnh chúng sinh đang mê muội chìm đắm.

Ngoài ra, Văn Thù Bồ Tát tương ứng với Nhân Duyên của chúng sinh hữu tình ở Thế Giới Sa Bà, cũng có bày tỏ các loại hình tượng không giống nhau, như trong quyển bốn "Thanh Lương Sơn Chí" ghi chép, "Văn Thù Bồ Tát Hiển Ứng Lục" đã thuật thì có các loại hình tượng không giống nhau.

Nói chung tượng của Văn Thù Bồ Tát thì có Tôn hình là: Tăng Hình Văn Thù (Văn Thù có hình là vị Tăng), Nhi Hình Văn Thù (Văn Thù có hình là đứa bé), Nhất Kế Văn Thù, Ngũ Kế Văn Thù, Lục Tự Văn Thù, Bát Kế Văn Thù. Trong Mật Giáo, Văn Thù Bồ Tát cũng có chia ra: Một búi tóc, năm búi tóc, sáu búi tóc và tám búi tóc, trong đó **Ngũ Kế Văn Thù** là quan trọng nhất.



**Ngũ Tự Văn Thù Bồ Tát** (Tên Phạn là: Mañju-ghoṣa), dịch âm là Mạn Thù Già Sa. Tức là lấy năm chữ: A, La, Ba, Giả, Na (𑖀𑖯𑖅𑖱𑖫 - A RA PA CA NA) làm Chân Ngôn của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

Tại Văn Thù Viện trong Thai Tạng Giới được an bày ở vị trí bên phải của Nguyệt Quang Bồ Tát, lại gọi là **Diệu Âm Bồ Tát**, trên đầu có năm búi tóc, để biểu thị cho Ngũ Trí, cho nên cũng gọi là **Ngũ Kế Văn Thù**. Mật hiệu là **Cát Tường Kim Cang**, chữ chủng tử là 𑖀 (Maṃ), 𑖫 (Ka), 𑖅 (Dham). Tam muội gia hình là Hoa Sen xanh, trên có cái Phạn Khiếp (cái tráp chứa Kinh Phạn). Một thuyết lại cho là **Trí Kiếm**.

Văn Thù đại biểu cho tất cả Trí Tuệ của Như Lai, cho nên **Văn Thù trong Thai Tạng Giới** thì tay trái cầm Hoa Sen xanh, tượng trưng cho **Vô Tướng Trí Đức Bất Nhiễm Trước Pháp**; nhưng **Văn Thù trong Kim Cang Giới** tay phải lại cầm cây Kiếm bén đại biểu cho hay đoạn trừ phiền não. Lại nói, Văn Thù Bồ Tát cõi con Sư Tử là Văn Thù trong Kim Cang Giới; ngồi trên Hoa sen trắng là Văn Thù trong Thai Tạng Giới.

## PHÁP TRƯỜNG THỌ SỐNG LÂU CỦA LỤC TỰ VĂN THÙ

Lục Tự Văn Thù là chỉ lấy sáu chữ “**Án Phộc Kê Đạm Nạp Mạc**” (ॐ षडक्षरं\_ OM VĀKYE NAI NAMAḤ) làm Chân Ngôn của Văn Thù Bồ Tát, vị Bồ Tát này an trụ trong Tam Muội Diệt Tội Điều Phục, Chân Ngôn có sáu chữ cho nên gọi là Lục Tự Văn Thù.

Trong ” **Biệt Tôn Tạp Ký**” nói rằng: Mỗi ngày tụng chú Lục Tự Văn Thù 7 biến thì mọi Định Nghiệp thấy đều được trừ diệt. Nhưng trong” **Giác Thiên Sao**” cũng nêu ra tu Pháp theo Lục Tự Văn Thù, nếu như pháp tu trì, có thể được trường thọ, mạng chung cũng được vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

Căn cứ trong quyển sáu”**Đà La Ni Tập Kinh**” ghi chép rằng: Hình tượng của Văn Thù là hình Đồng Tử màu vàng ròng, đầu đội Thiên Quan (màoTrời), ngồi Kiết Già trên Hoa Sen, giữa lòng bàn tay trái ngang ngực, tay phải Kết ấn Thuyết Pháp, có hai vị đại Bồ Tát là Quán Âm và Phổ Hiền theo hầu hai bên. Nếu như Hành Giả muốn được vãng sinh Cực Lạc hoặc khẩn cầu trường thọ sống lâu có thể tu trì Pháp Lục Tự Văn Thù.



### CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA VĂN THÙ BỒ TÁT

**Chữ Chủng Tử:** 𑖀(A) hoặc 𑖩 (MAM)

**Chân Ngôn:**

ॐ षडक्षरं (1) षडक्षरं (2) 𑖀𑖩 (3) 𑖀𑖩𑖀 (4) 𑖀𑖩𑖀𑖩 (5) 𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀 (6) 𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀𑖩 (7) 𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀 (8) 𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀𑖩 (9) 𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀𑖩𑖀𑖩𑖩 (10)

(1) Nam mô (2) tam mạn bột đà nạm (3) kế kế (4) câu ma la ca  
 (5) vi mục ngật để (6) bát tha (7) tất thể đa (8) sa ma la sa ma la (9)  
 bát la để nhiên (10) toa ha

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDĀNĀM (3) HE HE (4)  
 KUMĀRAKA (5) VIMUKTI (6) PATHĀ (7) STHITA (8) SMARA  
 SMARA (9) PRATI-JÑĀM (10) SVĀHĀ

(1) Quy Mạng (2) phổ biến Chư Phật (3) Kế Kế (tiếng hô triệu) (4)  
 Đồng Tử (5) Giải Thoát (6) Đạo (7) đứng yên (8) nhớ lại nhớ lại (9) lời  
 nguyện khi xưa (10) Thành Tự

## DIÊN MẠNG ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

### Đức Đặc Biệt

**Diên Mạng Địa Tạng** là Thệ Nguyện của Địa Tạng Bồ Tát hóa hiện để khiến cho sống lâu làm lợi ích cho đời (Diên mạng lợi sinh), hay tránh khỏi sự chết yểu, đoan mạng có đủ Đức của Pháp khoẻ mạnh sống lâu.

**Địa Tạng Bồ Tát** (Tên Phạn là: Kṣīti-garbha), là Bi Nguyện đặc biệt quan trọng của Bồ Tát, thường được gọi là: **Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát**.

Trong "**Địa Tạng Vương Bồ Tát Thập Luận Kinh**" nói rằng: "*An nhân chẳng động như đại địa, tinh lự sâu kín biết Bí Tạng*" nên có tên gọi là "**Địa Tạng**".

An nhân chẳng động như đại địa, ý nói là Địa Tạng Bồ Tát giống như trái đất, hay chứa đựng đủ tất cả các loại tội nghiệp của chúng sinh mà vẫn cứ an nhân chẳng động. Còn Tinh Lự trong Tinh Lự sâu kín biết Bí Tạng, là biểu hiện cái Trí Tuệ Thiên Định không thể nghĩ bàn, đầy đủ **Định Tuệ** cho nên hay biết rõ tất cả Bí Tạng, tất cả bí yếu của Phật Pháp. Cũng nói là, Địa Tạng Bồ Tát có đủ Đức Tính tối cao, không chỉ hay chứa đựng đủ các khổ nạn của chúng sinh, mà còn hay biết rõ tất cả Pháp trọng yếu của sinh mạng, cho nên gọi là "Địa Tạng".

Ngoài ra cũng có nói "Địa Tạng là Phục Tàng (Kho báu bị che dấu trong lòng đất)". Chính là nói tất cả kho báu ẩn chứa dưới đại địa đều là Địa Tạng. "Địa" có tính chất đặc biệt là: Sinh trưởng, bền chắc, trụ giữ vạn vật, có Mẫu Tính rộng lớn... bởi vì hay sinh thành vạn vật, cho nên có năng lực và khả năng cất chứa kho báu. Do đó dùng "Địa" là dạng hình tượng cụ thể để tượng trưng, ví dụ cho Bồ Tát cũng có Phước Đức như vậy.

Ngoài ra "Phục Tàng" có một ý nghĩa là đại biểu cho Phật Tính của chúng sinh, cũng tức là Như Lai Tạng, cũng là Phật Tính vốn có của chúng sinh, hay đầy đủ khiến chúng ta thành tựu viên mãn Phật Quả, cho nên là kho tàng ẩn chứa Công Đức không thể nghĩ bàn.





## DIÊN MẠNG ĐỊA TẠNG

Địa Tạng Bồ Tát ở trong Thế Giới vô lượng vô biên dùng các loại hình tượng để cứu độ chúng sinh, do đó mà hóa hiện các loại hình dáng khác nhau, nói chung đem Địa Tạng để hóa độ chúng sinh trong sáu nẻo gọi là sáu Địa Tạng, đó là y theo sáu loại hình thái có ở Thế Giới Ta Bà mà nói.

Trong quyển năm “**Đại Nhật Kinh Sớ**” nói: Sáu Địa Tạng này tức là Địa Tạng, Bảo Xứ, Bảo Chưởng, Trì Địa, Bảo Ấn Thủ, Kiên Cố Ý.

Ngoài ra, “**Diên Mạng Địa Tạng**” cũng là hóa hiện thường thấy của Địa Tạng Bồ Tát.

Diên Mạng Địa Tạng là Thệ Nguyện của Địa Tạng Bồ Tát khiến cho sống lâu làm lợi ích cho đời. Căn cứ vào quyển thượng “**Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện. Phẩm Như Lai Tán Thán**” ghi chép rằng: “Nếu có người nào mới sinh đẻ hoặc con trai hoặc con gái, nội trong bảy ngày, sớm vì đứa trẻ mới sinh ra đó mà đọc tụng Kinh Điển không thể nghĩ bàn này, lại vì đứa trẻ mà niệm danh hiệu của Ngài Địa Tạng Bồ Tát đủ một vạn biến. Được vậy thời đứa trẻ hoặc trai hay gái mới sinh ra đó, nếu đời trước nó gây lấy tội vạ chi cũngặng thoát khỏi cả, nó sẽ an ổn vui vẻ dễ nuôi, lại thêm được sống lâu; còn như nó là đứa nương nơi Phước Lự mà thọ sinh, thì đời nó càng được an vui hơn sống lâu hơn”. Do đó, Diên Mạng Địa Tạng lấy Bản Nguyện của Ngài Địa Tạng Bồ Tát làm Chủ, bảo vệ giúp đỡ chúng sinh khoẻ mạnh, trường thọ, hay tránh khỏi tai nạn đoản mạng, chết yếu, có đủ Đức của Diên Mạng cho nên được gọi là Diên Mạng Địa Tạng, vị Bồ Tát này hiện tướng Tỳ Kheo Thanh Văn, ngồi bán già trên đài sen, tay phải cầm cây Tích Trượng, tay trái cầm viên ngọc báu.



Trong “**Kinh Địa Tạng. Phẩm Địa Thần Hộ Pháp**” đề cập đến mười điều lợi ích của việc cúng dường Địa Tạng Bồ Tát: “... Trong đó hay đắp tượng vẽ tranh, cho đến dùng vàng, bạc, đồng, sắt đúc hình tượng Ngài Địa Tạng, đốt hương cúng dường, chiêm lễ ngợi khen, thì chỗ người đó ở liền được mười điều lợi ích. Thế nào là mười điều? Một là đất cát tươi tốt. Hai là nhà cửa an ổn. Ba là người đã chết được sinh lên cõi Trời. Bốn là những người hiện còn được tăng thọ. Năm là cầu chi cũng toại ý cả. Sáu là không có tai họa về lửa và nước. Bảy là trừ sạch việc hư hao. Tám là dứt hẳn mộng ác. Chín là khi ra lúc vào có Thần theo hộ vệ. Mười là thường gặp bậc Thánh Nhân.

Trong “**Phẩm Chúc Luỹ Nhân Thiên**” nói rằng: “Nếu trong đời sau có kẻ trai lành người nữ thiện nào, thấy hình tượng Ngài Địa Tạng và nghe Kinh này, cho đến đọc tụng, dùng hương hoa, thức ăn uống, quần áo, trân bảo, bố thí cúng dường, ngợi khen chiêm lễ, thì được hai mươi tám điều lợi ích: Một là Trời, Rồng thương hộ niệm. Hai là quả lành ngày càng tăng. Ba là chữa nhóm nhân vô thượng của bậc Thánh. Bốn là Bồ Đề không thoái. Năm là ăn mặc được đầy đủ. Sáu là những bệnh tật, nạn dịch không đến nơi thân. Bảy là xa lìa tai họa về lửa và nước. Tám là không có nạn trộm cướp. Chín là người khác nhìn thấy đều sinh lòng kính trọng. Mười là Quỷ Thần theo hộ trì. Mười một là đời sau thân nữ sẽ chuyển thành thân nam. Mười hai là đời sau sẽ làm con gái các bậc Vương Giả Đại Thần. Mười ba là tướng mạo xinh đẹp. Mười bốn là phần nhiều được sinh về cõi Trời. Mười lăm là làm bậc vua chúa. Mười sáu là có Trí sáng biết rõ những việc trong đời trước. Mười bảy là cầu chi cũng toại ý cả. Mười tám là quyền thuộc an vui. Mười chín là các tai họa đột ngột đều được tiêu diệt. Hai mươi là các nghiệp về nẻo ác đều dứt hẳn. Hai mươi một là đi đến đâu cũng không bị trở ngại. Hai mươi hai là đêm nằm mộng được an ổn vui vẻ. Hai mươi ba là những người thân tộc đã chết nếu có tội thời được khỏi khổ. Hai mươi bốn là nếu đời trước có Phước thì được thọ sinh về cõi vui sướng. Hai mươi lăm là được các bậc Thánh ngợi khen. Hai mươi sáu là căn tính lành lợi thông

minh. Hai mươi bảy là giàu lòng Từ Tâm thương xót. Hai mươi tám là cuối cùng thành Phật.

Có thể thấy Địa Tạng Bồ Tát không chỉ độ hóa chúng sinh trong cõi Địa Ngục, mà còn giúp đỡ bảo vệ cho sinh mạng của chúng sinh trong đời hiện tại.

## CHUYỆN KỂ VỀ PHÁP DIÊN THỌ CỦA ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Câu chuyện trong “**Địa Tạng Bồ Tát Linh Nghiệm Ký**” ghi rằng: Có đứa bé trai dùng móng tay vẽ Ngài Địa Tạng Bồ Tát mà được sống lâu.

Vào khoảng giữa niên triều Đại Tống tại chùa Khai Bảo, có vị sư pháp danh là **Thích Huệ Ôn**, trong chùa có nuôi một đứa bé trai, không biết tên họ được mười bốn tuổi. Có vị thầy tướng số tên là **Kiện Chân**, nhìn thấy đứa bé liền bảo rằng: “Thọ mạng của con rất ngắn ngủi, mạng sống chỉ còn lại không đầy một tháng mà thôi”. Vị sư nghe Kiện Chân nói vậy, liền cho đứa bé về nhà và tụ tập người thân lại báo cho họ biết.

Trên đường về nhà, gặp trời mưa rất to nên đi về không được, thế là đứa bé tìm nơi ngủ trọ ở nhà người họa sĩ. Đứa bé ở trong nhà người họa sĩ nhìn thấy tượng Ngài Địa Tạng Bồ Tát, liền lấy móng tay của mình tự vẽ tượng Ngài Địa Tạng Bồ Tát ở trên vách.

Trời tạnh mưa, đứa bé đó về nhà, trải qua hơn một tháng, cũng chẳng thấy bị tai họa gì, thế là nó lại đến chùa Khai Bảo. Sư Huệ Ôn nhìn thấy đứa bé đến mười phần rất vui vẻ, cho rằng thầy tướng số Kiện Chân nói mạng của đứa bé này không sống lâu được là sai lầm. Liền cho mời thầy tướng số Kiện Chân đến chùa để gặp đứa bé.

Sau khi thầy tướng số nhìn thấy đứa bé, rất ngạc nhiên không biết lý giải như thế nào liền nói: “Đứa bé này thọ được năm mươi tuổi, thực không thể nào hiểu nổi là do đâu ?!...”. Đứa bé nghe nói như vậy liền nói rằng: “Con dùng móng tay vẽ tượng Ngài Địa Tạng Bồ Tát, đêm đó có vị Tăng đến bên cạnh chỗ con nằm và bảo rằng: “Người thọ được *năm mươi tuổi, năm mươi tuổi*” đọc to như vậy ba lần, ngoài việc này ra, con chẳng làm việc lành nào cả.

Sư và lão tướng số khen rằng: “Thánh Lực chẳng thể nghĩ bàn”, sau đó đứa bé xuất gia thọ giới tên là **Huệ Tạng** Pháp Sư.

Ngoài ra, trong “**Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục**” cũng đề cập đến câu chuyện tạo Thánh Tượng mà được sống lâu.

Căn cứ vào sự ghi chép, có người Đài Châu tên là **Trần Kiện**, tố chất đoan chính, là người con rất hiếu thảo, xây dựng nhà cửa để dưỡng nuôi song thân, phát tâm vì cha mẹ mà tạo hai tượng Địa Tạng và Quán Âm, mỗi tượng dài ba thước (ba thước tào).

Năm Càn Đức thứ 4, thân mình hơi có bệnh, bỗng nhiên mạng tuyệt, cha mẹ than khóc, hai giờ sau liền tỉnh lại, lễ bái cha mẹ và nói rằng: “Con tử biệt cha mẹ, chưa làm trọn phận hiếu tử, bỗng nhiên thấy đến trước sảnh Diêm Vương, con nhìn thấy hai bức Tượng mà con đã tạo đứng ở trong sảnh, Diêm Vương hướng về phía

con thắm vấn, con thấy mình tự tiến lại, Diêm Vương nắm lấy tay con dắt đi, hai tượng Bồ Tát phò trì hai bên ở trong sảnh phát âm thanh hòa nhã nói rằng: “Thí chủ là người con hiếu thảo, mạng số chưa tận, Đại Vương hãy đưa trở về nhân gian”. Diêm Vương bạch với Tượng rằng: “Người này mạng nghiệp đã tận, cha mẹ của hắn mới có thọ mạng lâu dài”. Tượng nói rằng: “Thọ mạng là vô định, tùy duyên mà chuyển đổi, Thí Chủ tu phước nghiệp như thế tại sao không cho hoàn Dương trở lại”.

**Sách Vương Kiêm** quyển I nói rằng: “Nếu có người hiếu thảo tạo tượng, vẽ ảnh thì thọ mạng được lâu dài, người này thọ mạng có thể đến 40 tuổi, trong 20 năm đầu tận hiếu với cha mẹ, 20 mười năm sau được con báo hiếu trở lại”. Có vị quan mặc áo xanh mở quyển sách ra thưa với Diêm Vương rằng: “Kiện Tử thọ mạng chỉ được 10 năm thì lấy ai làm con để báo hiếu?”. Diêm Vương nói rằng: “Pháp Vương không có hai lời nên cho tặng thọ mạng”. Con nghe nói như vậy liền tỉnh lại”.

Câu chuyện quả thật là hiếm có.

## TÔN HÌNH CỦA ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Hình tượng của Địa Tạng Bồ Tát trong “**Thập Luân Kinh**” nói là tướng Thanh Văn, đại đa số không thấy Bồ Tát thị hiện hình tướng Tại Gia.

Loại hình tướng này của Địa Tạng Bồ Tát là “*Bên ngoài hiện tướng Tỳ Kheo, bên trong ẩn chứa hạnh Bồ Tát*”, đó là vì khiến chúng sinh hay xa lìa việc luân hồi trong các nẻo ác, cho nên đặc biệt thị hiện tướng Thanh Văn, xa lìa Thế Gian, hướng về đạo Chính Giác.

Trong “**Đại Nhật Kinh**” nói: Địa Tạng Bồ Tát cũng có hình dáng như Bồ Tát, đầu đội mũo Trời.

Trong Mật Giáo vị Bồ Tát này ở chính giữa **Địa Tạng Viện** thuộc **Thai Tạng Giới**, cùng với Bồ Tát Bảo Xứ, Bảo Chưởng, Trì Địa, Bảo Ấn, Kiên Cố Ý hợp lại gọi là sáu Địa Tạng. Tôn hình của Địa Tạng là: Màu thịt trắng, tay trái cầm hoa sen, trên có tràng phan, tay phải cầm viên ngọc báu; cũng có khi tay phải tác Thí Vô Úy Ấn.

Trong quyển 28 “**Biệt Tôn Tạng Ký**” và “**Giác Thiên Sao. Địa Tạng Thượng**” nêu ra là hình Tỳ Kheo, tay trái cầm viên ngọc báu, tay phải tác Dĩ Nguyễn Ấn, chân phải buông thòng xuống dưới, ngồi trên hoa sen ở trên mây.

Trong Phật giáo Trung Quốc, hình tượng Địa Tạng phần nhiều là tay trái cầm viên ngọc Như Ý, tay phải cầm cây Tích Trượng, phần nhiều hiện tướng Tỳ Kheo Thanh Văn, hoặc là đội mũo Ngũ Phương Phật.

Trong “**Địa Tạng Bồ Tát Nghi Quỹ**” cũng nói” Địa Tạng Bồ Tát hình tướng Thanh Văn, mặc áo cà sa phủ lên vai trái rất trang nghiêm, tay trái cầm Doanh Hoa hình, tay phải tác Thí Vô Úy, ngồi trên hoa sen. Nếu như hiện tướng Đại Sĩ, thì đỉnh đầu đội mũo Trời, mặc áo cà sa, tay trái cầm cuống hoa sen, tay phải như lúc trước, ngồi yên trên đài có 9 hoa sen (Cửu liên đài)

Trong quyển 5 “Đồ Tượng Sao” quyển 28 ; “Biệt Tôn Tạp Ký”, “Giác Thiên Sao. Địa Tạng Thượng” Địa Tạng quyển 110 trong “A Sa Phộc Sao”... đều nêu rõ Tượng này.

## CHÂN NGÔN CHỮ CHỦNG TỬ CỦA ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

**Chữ Chủng Tử:** 𑖀 (Ha)

**CHÂN NGÔN:**

(1) Nam mô (2) tam mạn đa (3) bột đà nam (4) ha ha ha (5) tô đất nô  
(6) toa ha

𑖀𑖩𑖫 (1) 𑖀𑖩𑖫𑖫 (2) 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 (3) 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 (4) 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 (5) 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 (6)

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA (3) BUDDHĀNĀM (4) HA HA HA (5)  
SUTANU (6) SVĀHĀ

(1) Quy mạng (2) phổ biến (3) Chư Phật (4) lia 3 nhân (5) Diệu Thân (6)  
thành tựu

## DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT

### Đức Đặc Biệt

Dược Vương Bồ Tát hay ban cho chúng sinh thuốc màu nhiệm Vô Thượng, chữa trị tất cả thân bệnh, tâm bệnh, diệt trừ vô lượng tội nặng trong sinh tử, chẳng gặp phải cái chết đột ngột, khiến cho chúng sinh cuối cùng viên mãn thành Phật.

**Dược Vương Bồ Tát** ( Tên Phạn là: Bhaiṣajya-rāja), âm của tên Phạn là Bệ Thệ Xá La Nhã. Trong “ **Kinh Pháp Hoa**” ghi chép rằng: Đại Bồ Tát tự thiêu đốt thân mình để cúng dường chư Phật; cũng là để bố thí Lương Dược (thuốc tốt) cho chúng sinh, dùng tướng Đại Sĩ để chữa trị bệnh khổ thân tâm của chúng sinh, đồng thời cũng là một trong hai mươi lăm vị Bồ Tát của **Đức Phật A Di Đà**.

Căn cứ trong Kinh Điển Phật Giáo nói rằng: Phạm có người nào như Pháp trì tụng Danh Hiệu, Chân Ngôn của Dược Vương Bồ Tát, hoặc là như pháp quán tưởng Dược Vương Bồ Tát, đều có thể diệt trừ vô lượng tội nặng trong sinh tử, chẳng chết đột ngột, bốn trăm lẻ bốn loại bệnh tự nhiên được trừ diệt, các phiền não ở thân đều không xảy ra, được uống thuốc pháp vô thượng (vô thượng pháp dược) cho đến Bồ Đề.

Căn cứ trong “ **Kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ Tát** “ ghi chép rằng: Trong quá khứ Vô Lượng Vô Biên A Tăng Kỳ Kiếp, có Đức Phật ra đời hiệu là **Lưu Ly Quang Chiếu Như Lai**, tên của Kiếp đó là **Chính An Ổn**, cõi nước tên là **Huyền Thắng Phan**. Sau khi Đức Phật đó nhập Niết Bàn, trong thời Tượng Pháp có vị Tỳ Kheo **Nhật Tạng**, thông minh đa trí, vì đại chúng mà rộng nói Đại Thừa, Đại Tuệ Bình Đẳng Thanh Tịnh Vô Thượng của Như Lai. Lúc bấy giờ trong đại chúng có một vị Trưởng Giả tên là **Tịnh Tú Quang**, nghe nói Đại Tuệ Bình Đẳng của Đại Thừa, thì sinh tâm vui vẻ, liền lấy Lương Dược (thuốc tốt) của núi

Tuyệt cúng dường Tỳ Kheo Nhật Tạng với chúng Tăng, và phát nguyện trước Ngài Tỳ Kheo **Nhật Tạng** rằng: “Dùng công đức này, nguyện cho tôi đời đời chẳng cầu phước báu trong ba cõi Trời Người, chính tâm hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nay tôi chí thành phát Tâm Vô Thượng Đạo, cho đến đời vị lai nhất định sẽ thành Phật. Lời nguyện này không hư dối, ắt cũng như Tôn Giả nói về Phật Tuệ. Lúc tôi được sức Thanh Tịnh của Bồ Đề, tuy chưa thành Phật, nếu có chúng sinh nào nghe được tên tôi, nguyện được trừ diệt ba loại bệnh khổ của chúng sinh: Một là bốn trăm lẻ bốn bệnh trong thân của chúng sinh chỉ xưng tên tôi liền được trừ khỏi. Hai là Tà Kiến Ngu Si và các loại khổ nơi nẻo ác, nguyện vĩnh viễn chẳng thọ nhận, khi tôi thành Phật thì chúng sinh đó sẽ sinh vào quốc thổ của tôi, thấy đều Ngộ Giải Đại Thừa Bình Đẳng, lại không có nẻo khác. Ba là trong cõi Diêm Phù Đề với các phương khác có tên của ba nẻo ác, nghe tên tôi rồi, vĩnh viễn lại không thọ thân nơi ba nẻo ác, giả sử có bị đọa nẻo ác thì tôi nguyện chẳng thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu có người nào lễ bái, buộc niệm, quán thân tướng tôi, nguyện chúng sinh đó được tiêu trừ ba Chướng, như Tịnh Lưu Ly trong ngoài trong suốt, thấy sắc thân Phật cũng lại như thế. Nếu có chúng sinh thấy sắc thân thanh tịnh của Phật, nguyện chúng sinh đó ở trong Tuệ Bình Đẳng vĩnh viễn chẳng lụi mất”

Lúc đó, người em của Trưởng Giả là **Điện Quang Minh** cũng tùy theo anh cầm Lương Dược Đề Hồ cúng dường Nhật Tạng với các chúng Tăng, cũng phát tâm đại Bồ Đề, nguyện được thành Phật.

Do Trưởng Giả **Tinh Tú Quang** lấy Thắng Dược Ha Lê Lạc ở núi Tuyết để bố thí cho chúng Tăng, khiến chúng Tăng đã uống vào rồi, được nghe Diệu Pháp, dùng sức thuốc để trừ hai loại bệnh: Một là bệnh do bốn đại tăng giảm. Hai là bệnh do phiền não giận dữ. Do duyên uống thuốc này cho nên các đại chúng đều phát khởi tâm vô thượng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Nhân đây, đại chúng vì muốn báo đáp ân của Trưởng Giả đã cho thuốc, cho nên, lấy Hạnh bố thí diệu dược của Trưởng Giả mà lập ra danh hiệu là **”Dược Vương”**.

Lúc **Dược Vương Bồ Tát** nghe các đại chúng lập Hiệu, liền kính lễ đại chúng và nói rằng: “Đại Đức Chúng Tăng vì tôi mà lập Hiệu, tên là **Dược Vương**, nay tôi cần phải y theo tên đã quyết định. Nếu đem sự bố thí của tôi hướng về Phật đạo nhất định được thành tựu. Nguyện cho hai bàn tay của tôi tuôn mưa tất cả thuốc, xoa rửa chúng sinh trừ tất cả bệnh. Nếu có chúng sinh nào nghe được tên tôi, quán thân tướng tôi, sẽ khiến cho nhóm này đều được uống Pháp Dược Vô Ngại của Đà La Ni màu nhiệm thâm sâu, trên thân hiện tại của nhóm này trừ bỏ các ác, không có nguyện gì không được. Lúc tôi thành Phật nguyện các chúng sinh có đủ Hạnh Đại Thừa”. Lúc nói lời đó thời trong hư không tuôn mưa bảy báu phủ lên trên Dược Vương.

Đây là nhân duyên mà Dược Vương Bồ Tát được tên gọi là Dược Vương cùng với Nhân Địa Hạnh Nguyên.

Trong Kinh, **Đức Phật Đà thọ ký Dược Vương Bồ Tát**, tu Phạm Hạnh đã lâu các nguyện đã đầy, tính qua nhiều Kiếp đời sau này, sẽ được thành Phật, có

Hiệu là **Tịnh Nhân Như Lai**, cõi nước tên là **Thường An Lạc Quang**, Kiếp đó tên là **Thắng Mãn**. Lúc Đức Phật đó ra đời, thời đất có màu Kim Cang như là báu màu trắng cho đến bờ mé của Kim Cang, trên không trung tự nhiên tuôn mưa hoa báu màu trắng, tròn trịa bằng phẳng năm mươi Do Tuần, tràn khắp cả cõi đó, chúng sinh cõi đó không có bệnh ở thân tâm, Trời hiến Cam Lộ, chẳng cần dùng thức ăn, chỉ thuần uống Pháp Vị của Đại Thừa Vô Thượng. Đức Phật đó thọ mạng năm trăm vạn ức a tăng kỳ kiếp, Chính Pháp trụ ở đời bốn trăm vạn a tăng kỳ kiếp, Tượng Pháp trụ ở đời trăm ngàn vạn ức A Tăng Kỳ kiếp, người sinh ở cõi nước đó đều được trụ ở Đà La Ni Môn, chẳng quên niệm định.

Trong kinh Đức Phật còn dạy cho chúng sinh rất tỉ mỉ rõ ràng, nếu muốn thấy Dược Vương Bồ Tát, nên có đủ nhân duyên và cần phải quán tưởng như thế nào? Lại nói lợi ích công đức như pháp tu trì pháp của Dược Vương Bồ Tát:

“ Hai cánh tay của **Dược Vương Bồ Tát** có sắc như vật báu màu trắng, mười đầu ngón tay tuôn mưa bảy báu, nếu có chúng sinh quán mười đầu ngón tay của Bồ Tát này thì bốn trăm lẻ bốn bệnh tự nhiên được trừ diệt, các bệnh phiền não nơi thân cũng không xảy ra.

Sau khi Đức Phật diệt độ, nếu có bốn Chúng hay quán Dược Vương Bồ Tát như thế, hay trì tên Dược Vương Bồ Tát thì trừ bỏ được tội trong tám mươi vạn kiếp sinh tử. Nếu hay xưng tên Dược Vương Bồ Tát, một lòng lễ bái, thì chẳng gặp tai họa, đến cuối đời không bị chết đột ngột.

Ngoài ra, căn cứ trong “ **Kinh Pháp Hoa**” ghi chép rằng: Trong đời quá khứ rất lâu, lúc **Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai** tại thế, Đức Như Lai từng vì tất cả chúng sinh vui thấy Bồ Tát mà giảng giải truyền thụ “ Kinh Pháp Hoa” nên Bồ Tát y theo đó mà tu hành chứng hiện được Tam Muội **Nhất Thiết Sắc Thân**, vì cảm ơn sự dạy dỗ của Như Lai, vị Bồ Tát này bèn lấy áo báu của cõi Trời, quần thân người, rưới rót dầu thơm, thiêu đốt toàn thân để cúng dường Như Lai.

Bồ Tát thiêu đốt thân, sau khi mạng chung, sinh ra ở trong quốc thổ của **Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai**. Lúc ấy Đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn, đặc biệt đem trọng trách dặn dò Bồ Tát hoằng dương Phật Pháp. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Bồ Tát bắt đầu xây dựng tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để cung phụng Xá Lợi của Đức Như Lai. Sau đó, đến trước tám vạn bốn ngàn ngôi tháp thiêu đốt hai cánh tay của mình, để biểu thị cho sự cúng dường Xá Lợi của Đức Như Lai. Nhưng lại do sức thệ nguyện khiến hai cánh tay khôi phục lại như cũ. Vị Bồ Tát này nhiều kiếp trở lại đây, thường xuyên xả thân bố thí, tất cả chúng sinh vui thấy Bồ Tát. Đó là Dược Vương Bồ Tát trong “ Kinh Pháp Hoa”.

Dựa vào “ **Kinh Pháp Hoa Mạn Trà La Uy Nghi Hình Sắc Pháp**” ghi chép rằng: Hình tượng của vị Bồ Tát này là: Trên đỉnh đầu có mào báu màu nhiệm, tóc màu đen hồng, xỏa xuống hai bên tai, thân tướng có màu như mặt trời buổi sáng sớm, tay trái nắm quyền chạm vào đầu gối, tay phải nâng mặt trời, ngôi Kiết Già, chân phải dè ở trên chân trái là tướng Đại Bi Cứu Thế, trên thân được trang sức bằng Tràng Hoa Diệu Hảo, áo khoác ngoài với Anh Lạc, cánh tay có vòng xuyên, eo lưng quấn lụa mỏng mịn, lụa đỏ làm xiêm y, thân tướng trang nghiêm thù diệu, khắp người tỏa sáng như ánh mặt trời, ngôi trên tòa sen báu, an trụ ở vành trăng



trong biển. Hoặc có thuyết nói cánh tay phải co lại, để ở trước ngực, lấy ngón tay cái, ngón giữa, ngón áp út cầm giữ cây thuốc.

Tam muội gia hình của Dược Vương Bồ Tát là A Ca Đà Dược (thuốc A Ca Đà) hoặc là Hoa Sen.



## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT

**Chữ Chủng Tử:** 𑖀 ( BHAI )

**Chân Ngôn:**

(1) Án (2) bệ thệ xá la nhã gia (3) toa ha.

𑖀 (1) 𑖀𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙 (2) 𑖚𑖛 (3)

(1) OM (2) BHAIṢAJYA- RĀJĀYA (3) SVĀHĀ

(1) Quy Mạng (2) Dược Vương (3) Thành Tự

A mục khư (1) ma ha mục khư (2) tọa lệ (3) ma ha tọa lệ (4) đà xí (5)  
 ma ha đà xí (6) thường cầu lợi (7) ma ha thường cầu lợi (8) ô ma trí (9)  
 ma ha ô ma trí (10) đà xí đà xí (11) ma ha đà xí (12) đầu đế đầu đế (13)  
 ma ha đầu đế (14) a thâu a thâu (15) ma ha a thâu (16) lâu già ca (17)  
 ma ha lâu già ca (18) đà xa mị (19) ma ha đà xa mị (20) đa đầu đa đầu  
 (21) ma ha đa đầu (22) ca lưu ni ca (23) đà xa la sa ha (24) a trúc khâu  
 a trúc khâu (25) ma trừng kì (26) ba đấng thư (27) già thê (28) già lâu  
 ca thê (29) phật đà già thê (30) ca lưu ni ca (31) toa ha

## THIÊN THỦ QUÁN ÂM

**Đức Đặc Biệt**

Thiên Thủ Quán Âm vì lợi ích tất cả chúng sinh, mà có đầy đủ ngàn tay ngàn mắt, hay khiến cho tất cả sự mong cầu của chúng sinh được đầy đủ. Trì Thần Chú của Bốn Tôn có thể miễn trừ mười lăm loại chết ác, và được khoẻ mạnh sống lâu, tiền tài thức ăn uống được đầy đủ dư dả.



**Thiên Thủ Quán Âm** ( Tên Phạn là: Avalokite'svara-sahasrabhuja-locana), là chỉ Quán Âm Bồ Tát có đầy đủ ngàn tay, ngàn mắt với mỗi lòng bàn tay đều có một con mắt. Lại gọi là: **Thiên Thủ Thánh Quán Tự Tại, Thiên Tý Quán Âm, Thiên Quang Quán Tự Tại, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm, Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm** hoặc gọi là **Thiên Nhân Thiên Thủ Thiên Túc Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại**. Trong sáu Quán Âm là vị Chủ quan trọng nhất để cứu độ tất cả chúng sinh trong nẻo địa ngục.

Căn cứ vào “ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” kể lại rằng: Trong quá khứ vô lượng ức kiếp có Đức **Thiên Quang Vương Tinh Trụ Như Lai** ra đời, bởi vì thương xót tất cả chúng sinh, cho nên tuyên nói Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni. Bấy giờ, **Quán Thế Âm Bồ Tát** một lần nghe qua chú này, liền từ hàng Sơ Địa vượt thẳng lên cảnh giới của Bồ Tát Bát Địa, tâm được vui vẻ, cho nên phát Thệ Nguyện rộng lớn, trên thân sinh ra ngàn tay ngàn mắt, để làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, và lập tức trên tay có đầy đủ ngàn tay ngàn mắt.

Tôn này là Tôn Quả Đức trong Liên Hoa Bộ (hoặc gọi là Quán Âm Bộ, là một trong năm Bộ của Kim Cang Giới trong Mật Giáo, hoặc là một trong ba Bộ của Thai Tạng Giới), cho nên gọi là Liên Hoa Vương. Liên Hoa Bộ đều lấy Đại Bi làm Bản Thệ, nhưng Tôn này là Liên Hoa Vương, cho nên đặc biệt lấy Đại Bi Kim Cang làm mật hiệu. Vị trí được bày ở trong Hư Không Tạng Viện trong Thai Tạng Giới Mạn Trà La, biểu thị cho Đức của Liên Hoa Bộ.

Trong “**Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**” kể lại rằng: “Thiên Thủ” biểu thị cho 40 tay, mỗi tay tế độ 25 loại Tồn Hữu chúng sinh trong 3 cõi (Tức là một loại Tồn Hữu chúng sinh phối hợp với 40 tay, 40 mắt), hợp lại là ngàn tay ngàn mắt. Cho nên nói chung hình tượng thường thấy là 40 cánh tay.

Căn cứ theo “**Thiên Quan Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Bí Mật Pháp Kinh**”, “**Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” ghi chép rằng: Dem đức đặc biệt của 40 tay để bày tỏ 40 tay của Thiên Thủ Quán Âm, tùy theo căn cơ của chúng sinh, tất cả ứng với 5 Bộ Pháp của Như Lai: Tức Tai, Điều Phục, Tăng Ích, Ái Kính, Câu Triệu, hay khiến cho đầy đủ tất cả nguyện vọng của chúng sinh.

Trong Kinh nói rằng: Nếu muốn trị các chứng bệnh trong bụng, nên cầu nơi tay cầm cái Bát Báu.

Chân ngôn là: **Án, chỉ lí chỉ lí phộc nhật la hồng phán tra.**

\_Nếu muốn trị bệnh nhiệt độc, muốn được mát mẽ hết bệnh, nên cầu nơi tay cầm Nguyệt Tinh Ma Ni.

Chân ngôn là: **Án, tô tất địa yết lí, sa phộc hạ.**

\_Nếu muốn trị các loại bệnh khó chữa trên thân, nên cầu nơi tay cầm cành dương liễu.

Chân ngôn là: **Án, tô tất địa ca lí phộc lí đa nam đa mục đa duệ phộc nhật la bạn đà hạ năng hạ năng hồng phán tra.**

\_Nếu muốn mau chóng thành tựu Phật đạo, nên cầu nơi tay hiện mây ngũ sắc.

Chân ngôn là: **Án, phộc nhật la, ca lí la tra hàm tra.**

\_Nếu muốn sinh lên cõi Phạm Thiên, nên cầu nơi tay cầm bình Quân Trì.

Chân ngôn là: **Án, phộc nhật la, thế khư la lỗ tra hàm tra.**

Trong quyển 42 “**Giác Thiên Sao**” đề cập đến ý nghĩa của 9 danh hiệu Thiên Thủ Quán Âm Đà La Ni:

1. **Quảng Đại Viên Mãn**
2. **Vô Ngại Đại Bi**
3. **Nhất Bạt Khổ Đà La Ni**
4. **Diên Thọ Đà La Ni**
5. **Diệt Ác Thú Đà La Ni**
6. **Phá Nghiệp Chướng Đà La Ni**
7. **Mãn Nguyện Đà La Ni**
8. **Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni**
9. **Tốc Siêu Thượng Địa Đà La Ni**

Trong ” **Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni** “ nói rằng: “Nếu hàng Trời, hàng người tụng trì Đại Bi Tâm Chú thì được 15 loại sinh lành, chẳng bị 15 loại chết ác.

Các loại chết ác là:

1. Chẳng bị chết do đói khát khốn khổ.
2. Chẳng bị chết do gông tù đánh đập.
3. Chẳng bị chết vì oan gia thù địch.
4. Chẳng bị chết giữa quân trận chém giết nhau.
5. Chẳng bị chết do cọp, sói và ác thú tàn hại.
6. Chẳng bị chết vì rắn rít, bò cạp độc cắn.
7. Chẳng bị chết vì nước trôi, lửa cháy.
8. Chẳng bị chết bởi phạm nhảm thuốc độc.
9. Chẳng bị chết bởi loài sâu trùng làm hại.
10. Chẳng bị chết vì điên cuồng mê loạn.
11. Chẳng bị chết do té cây, té xuống núi.
12. Chẳng bị chết bởi người ác trù ếm.
13. Chẳng bị chết bởi Tà Thần, Quỷ ác làm hại.
14. Chẳng bị chết vì bệnh ác lâm thân.
15. Chẳng bị chết vì phi mạng tự hại.

Tụng trì Đại Bi Thần Chú này chẳng thọ nhận 15 loại chết ác như vậy.

Căn cứ trong Kinh vừa kể, tụng trì Chân Ngôn Đà La Ni của Tôn này, có thể miễn trừ 15 loại chết ác như : Bị chết do đói khát, bị chết do ác thú làm hại...mà được 15 loại sinh lành, Quyển thuộc hòa thuận, tiền tài thức ăn uống được đầy đủ dư dả.... hoặc chữa khỏi các loại bệnh như : Trùng độc, khó sinh, chết khi sinh đẻ....

Trong “ **Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**” nói rằng: Thiên Thủ Quán Âm có rất nhiều quyển thuộc Hộ Pháp, trong đó có 28 Bộ phụ giúp, có Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ.... gọi là Thiên Thủ Quán Âm Nhị Bát Bộ Chúng, trong “ **Thiên Thủ Quán Âm Tạo Thứ Đệ Pháp Nghi Quỹ**”, mỗi hình tượng và Chân Ngôn của các Ngài đều được nêu ra.

Trong quyển 42 “ **Giác Thiên Sao**” có ghi chép về tu Pháp này để cầu Trường Thọ: “ Dùng Bốn Thệ với việc tín ngưỡng Quán Âm, tạo lập hình tượng thân tướng Ngài, sùng kính Giáo Môn của Bí Mật, nay bắt đầu hành Pháp trong 7 ngày, Ngự nguyện đại ý lớn trên, kế hoạch bài trừ tai họa an ổn, cứ theo bốn nguyện của Đại Bi, ý nghĩa của trừ bệnh sống lâu, chỉ tại không có duyên với lời Thệ lớn. Nay Thiên Thủ Quán Âm này, xưa kia phụng sự Thiên Quang Vương Phật, thực được Đại Bi Thần Chú, thề làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, bỗng nhiên có đầy đủ ngàn tay ngàn mắt, khiến cho ánh mặt trời, mặt trăng soi chiếu ngày đêm bị che mờ, có đủ 28 bộ, trừ tai chướng của Tú Diệu, kể rõ phá nghiệp chướng Đà La Ni, trừ bệnh Túc Nghiệp, nói Diên Thọ Đà La Ni, giữ gìn được trường thọ chẳng còn nghi ngờ gì. Quyển kinh Dược Sư Như Lai, lời thệ nguyện nghe qua lỗ tai, chỉ là một giọt nước trong biển lớn, Phổ Hiền Bồ Tát có nguyện là hay thuận theo chúng sinh, không bằng một sợi lông của 9 con bò (Cửu ngư) . Tôn này vạch rõ việc lợi ích linh



nghiệm, liền lấy Trí thành dựa theo lời thệ nguyện thành tựu, cây khô sinh hoa quả. Huống chi hữu tình có thức thân ư? Cũng giống như đứa con một được thương yêu bông ẵm, bảo vệ mong cho nó sống được vạn tuổi. Xem đứa con như viên ngọc báu, chẳng thể nghi ngờ nguyện vọng của việc trừ bệnh”.

Nghi Quỹ với Đồ Tượng của Tôn này, được khởi đầu vào thời nhà Đường, bắt đầu truyền đến Trung Quốc. Căn cứ theo lời tựa trong “**Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ Tát Đà La Ni Thần Chú Kinh**” ghi chép: Vào thời nhà Đường – Trong niên hiệu Vũ Đức (618 – 626) có một vị Tăng Bà La Môn của nước Trung Thiên Trúc, tên là **Cù Đa Đề Bà** đem Bản Kinh có Hình Tượng, Kết Đàn, Thủ Ấn của Tôn này. Trong niên hiệu Trinh Quán (627 – 649) lại có vị Tăng của nước Bắc Thiên Trúc đem bản Phạm Văn của “**Thiên Tý Thiên Nhân Đà La Ni Kinh**” đến phụng tiến, sau đó do Ngài Trí Thông dịch thành Hán Văn. Từ đây có thể biết sự tín ngưỡng Tôn này đã được hình thành vào thế kỷ thứ 7 sau công nguyên.

## HÌNH ẢNH CỦA THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Hình ảnh của Thiên Thủ Quán Âm, trong các Kinh Quỹ ghi chép cũng chẳng giống nhau.

Trong **Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La** thì Tôn này có 27 mặt, 1000 cánh tay, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen Báu. Trong 1000 tay, có 40 tay (hoặc 42 tay) cầm các khí tượng, hoặc tác Ấn Tượng, các tay còn lại không cầm khí tượng.

Trong đó, “11 mặt” của Thiên Thủ Quán Âm đại biểu cho cảnh giới Bồ Tát đầy đủ 10 Địa 10 Ba La Mật, mà chứng được địa vị **Diệu Giác** của Địa thứ 11, và 11 mặt Quán Âm giống nhau. Ý nghĩa của “500 mặt” tức tương ứng với ngàn tay ngàn mắt.



Còn như “27 mặt” trong Kinh Quỹ cũng chưa từng kể đến, hình như xuất xứ từ “**Bí Tạng Ký**”. Hoặc dùng 27 mặt biểu thị cho 25 loại Tôn Hữu chúng sinh, 25

mặt thêm mặt chính bên trên và Bốn Sư A Di Đà Phật cộng lại là 27 mặt. Hoặc nói là trong 10 Ba La Mật, 6 độ đầu mỗi độ có 3 loại, 4 độ sau mỗi độ có 2 loại, hợp lại thành 26 mặt, lại thêm mặt chính hình thành 27 mặt.

Trong Quyển thượng “**Thiên Nhân Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ Tát Đà La Ni Thân Chú Kinh**” nói rằng: Thân màu Đàn Kim, có 1 mặt và 1000 cánh tay. Ngoài ra trong “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Thân Kinh**” cũng nói: Trong 1000 tay thì 18 cánh tay có Ấn Tượng cầm vật.



Trong “**Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bí Mật Pháp Kinh**” nói rằng: Thân màu vàng rực rỡ, ngồi Bán Già trên Hoa Sen hồng, có 11 mặt và 40 tay. Trong 11 mặt, ở phía trước có 3 mặt là Tướng Bồ Tát, mặt chính có 3 con mắt, bên phải có 3 mặt là Tướng lộ răng nanh trắng hướng lên trên, bên trái có 3 mặt là Tướng giận dữ, phía sau có 1 mặt là Tướng Bạo Tiểu, trên đỉnh đầu có 1 mặt là Tướng Như Lai.

Trong “**Thế Tôn Thánh Giả Thiên Nhân Thiên Thủ Thiên Tý Thiên Thiệt Thiên Tý Quán Tự Tại Bồ Đề Tát Đỏa Đát Phộc Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**” nói rằng: Là Tướng 1000 mắt, 1000 đầu, 1000 chân, 1000 lưỡi, 1000 cánh tay.

Ngoài ra, trong “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Mẫu Đà La Ni Thân Kinh**” thì nói có 18 cánh tay.

## CHUYỆN KỂ VỀ TẠO PHÁP TƯỢNG THIÊN THỦ QUÁN ÂM MÀ ĐƯỢC TẶNG THỌ SỐNG LÂU



Trong quyển hạ “**Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục**” có sự tích cảm ứng về tạo Tượng Pháp Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại mà được tăng thọ: Xưa kia ở nước Ba La Nại có một vị Trưởng Giả, chỉ có một đứa con, thọ mạng của nó chỉ được 16 tuổi. Đến năm 15 tuổi, có một vị Bà La Môn đi đến cửa xin ăn, nhìn thấy trưởng giả ưu sầu không vui, vợ chồng tiều tụy, sắc mặt chẳng sáng sủa cho lắm. Vị Sa Môn liền hỏi Trưởng Giả rằng: “Tại sao mà không vui?”.

Trưởng Giả liền nói: Tôi chỉ có độc nhất một đứa con, nhân duyên của nó chỉ thọ được 16 tuổi mà thôi. Bà La Môn nghe nói vậy bèn đáp với Trưởng Giả rằng: “Không nên buồn rầu ! Bần Đạo sẽ giải quyết việc này, đứa bé này tuổi thọ còn nhiều lắm”.

Thế là, Bà La Môn làm Pháp Tượng này, dùng Thiên Tý Chú một ngày một đêm, được Diêm Ma Vương báo mộng cho biết rằng: “Con của Trưởng Giả chỉ thọ được 16 tuổi, đến nay đã 15 tuổi rồi, chỉ sống được 1 năm nữa thôi, nay gặp duyên lành, được tăng thọ đến 80 tuổi, cho nên ta đến báo cho biết”.

Bấy giờ, vợ chồng của Trưởng Giả rất vui sướng, bèn dốc hết tiền của trong nhà để bố thí cho Chúng Tăng, nên biết Pháp Tượng này, chẳng thể nghĩ bàn vậy.

## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA THIÊN THỦ QUÁN ÂM

Chữ Chủng Tử: 𑖀 ( HRÌH ) hoặc 𑖂 ( SA )

Chân Ngôn:

𑖀 (1) 𑖂 (2) 𑖃 (3) 𑖀 (4)

(1) Án (2) phộc nhật la (3) đạt ma (4) hột lí

(1) OM (2) VAJRA (3) DHARMA (4) HRÌH

(1) Quy Mạng (2) Kim Cang (3) Pháp (4) Hột Lí (chủng tử)

Liên quan đến việc làm sáng tỏ Căn Bản Chú- Đại Bi Chú, công đức nội chứng của tôn Thiên Thủ Quán Âm, mời đọc thêm sách Phật Giáo Tiểu Bách Khoa quyển 9, thiên thứ III “Chân Ngôn Chú Ngữ của Phật Giáo”.

## THẬP NHẤT DIỆN QUÁN ÂM

### Đức Đặc Biệt

Thập Nhất Diện Quán Âm Đại Bi thủ hộ chúng sinh, nếu có người nào chí tâm tu trì, hay xa lìa tất cả chương nạn, tật bệnh, tai quái.

**Thập Nhất Diện Quán Âm** (Tên Phạn là: Ekada'sa-mukha), âm của tên Phạn là Nhất Ca Na Xá Mục Khư, dịch ý là Thập Nhất Tối Thắng, hoặc Thập Nhất Thủ, gọi đầy đủ là Thập Nhất Diện Quán Âm Bồ Tát, là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, bởi vì có đủ 11 đầu mặt, cho nên thường gọi là Thập Nhất Diện Quán Âm.

Danh hiệu của Thập Nhất Diện Quán Âm Bồ Tát, có nguồn gốc ở “ **Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú**”, vì 11 ức Phật Đà cùng nói, nên có uy lực rất lớn.

Trong “ **Bạch Bảo Khẩu Sao**” kể rõ công đức, danh hiệu của Thập Nhất Diện Quán Âm: “Nếu có người nào xưng niệm trăm ngàn câu chi na do đa Chư Phật, lại có người tạm thời chí tâm xưng niệm danh hiệu của Ta thời hai công đức đó bình đẳng ngang bằng, Chư Hữu xưng niệm danh hiệu của Ta thì tất cả đều được Địa Bất Thoái Chuyển, xa lìa tất cả bệnh, thoát tất cả chướng với tất cả sự sợ hãi, trừ điều ác của thân ngữ ý, hướng chi là thọ trì Thần Chú? Làm người ở Vô Thượng Bồ Đề như trong lòng bàn tay.

Căn cứ vào “ **Phật Thuyết Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú Kinh**” ghi chép rằng: “ Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát Bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, con có Tâm Chú, tên là **Thập Nhất Diện**. Tâm Chú này được 11 ức Chư Phật cùng nói, nay con sẽ vì tất cả chúng sinh mà nói, khiến cho tất cả chúng sinh niệm Pháp lành, khiến cho tất cả chúng sinh chẳng buồn rầu, tức giận, muốn trừ tất cả bệnh của chúng sinh, vì muốn trừ diệt tất cả chướng nạn tai quái ác mộng, muốn trừ tất cả bệnh đột ngột, muốn trừ tất cả loài có tâm ác khiến được **Điều Nhu**, muốn trừ tất cả các Ma Quỷ Thần, chẳng khởi chướng nạn”.

Do đó có thể biết Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi có thể lực công đức rộng lớn để độ hóa chúng sinh.

Trong Kinh cũng nói Thần Chú này là Hằng Sa Số Kiếp về trước, do một vị Phật tên là “ **Bách Liên Hoa Nhãn Đỉnh Vô Chướng Ngại Công Đức Quang Minh Vương Như Lai** “ đã tuyên nói, lúc bấy giờ Quán Thế Âm Bồ Tát là Vua trong Đại Trì Chú Tiên Nhân, ở nơi Đức Phật đó mới được Chú này. Lại nói lúc Quán Thế Âm Bồ Tát được chú này, 10 phương Chư Phật đều nhìn thấy trước mắt, thấy Phật rồi, bỗng nhiên liền được **Vô Sinh Pháp Nhãn**. Nên biết Chú này có thần lực như thế, hay lợi ích vô lượng chúng sinh. Sau khi Quán Thế Âm Bồ Tát vừa mới được chú này, lại trải qua Vô Lượng Hằng Sa Số Kiếp, ở nơi **Đức Mạn Đà La Hương Như Lai**, bấy giờ là thân Ưu Bà Tắc ( Cư sĩ ), Quán Thế Âm Bồ Tát lại được Chú này, một lần được nghe chú này tức vượt bờ mé sinh tử trong bốn vạn Kiếp, nói Chú này thời được pháp môn Đại Từ Đại Bi Đại Hỷ Đại Xả Trí Tuệ Tạng của tất cả Chư Phật, dùng sức của Pháp Môn này cho nên hay cứu tất cả chúng sinh.

Trong “ **Bạch Bảo Khẩu Sao**” ghi chép rất nhiều pháp tu trừ bệnh của Thập Nhất Diện Quán Âm, như lấy Cam Lộ Ấn ấn vào nơi bị bệnh trên thân, chí tâm tụng Chú, thời bệnh liền khỏi. Nếu người nào có bệnh lâu ngày không khỏi, hoặc là Thần Quỷ Ác vào nhà, nên lấy 108 hạt Huân Hương, đặt ở trước tượng **Thập Nhất Diện Quán Âm**, mỗi hạt trì Chú 1 biến, rồi ném vào trong lửa, đến khi hết Hương thời bệnh liền khỏi. Lại lấy sợi dây trắng thắt 21 gút, cứ 1 lần chú thì 1 lần thắt gút, buộc ở trên đỉnh đầu của khuôn mặt Từ Bi, sau một đêm lại tháo xuống, đeo ở cổ người bệnh, làm như vậy người bệnh liền khỏi, Quỷ Ác lui tan.

Nói chung, ngoài tính chất của tật bệnh ra, nếu trong nước có Dịch Tình Chướng Bệnh, các loại tật bệnh ở người và súc vật, có thể dùng Hùng Hoàng, Ngũ

Hoàng đế ở trước Tôn Tượng, tụng Chú 1008 biến, lấy nước hòa vào, rồi lấy nước này tắm rửa thân mình, thời tất cả Chướng Ngại, Ác Mộng, Bệnh Dịch đều được tiêu trừ.

Mà tất cả các bệnh Diên Cuồng, bệnh Quỷ, bệnh lở loét, Dao, Mũi Tên làm tổn thương cũng có thể dùng Chú này để chữa.

Người chỉ trì tụng một Thần Chú này thân hiện tại có thể được 10 loại Công Đức và 4 loại Quả Báo. Trong đó 10 loại Công Đức là:

- (1). Thân thường không bệnh.
- (2). Thường được 10 phương Chư Phật nghĩ nhớ.
- (3). Tất cả Tài Vật, quần áo, thức ăn uống, tự nhiên đầy đủ thường không thiếu thốn.
- (4). Hay phá tất cả Oán Địch.
- (5). Hay khiến tất cả chúng sinh đều sinh lòng Từ.
- (6). Tất cả Cổ Độc, tất cả Nhiệt Bệnh không thể xâm hại.
- (7). Tất cả Dao, Gậy không thể làm hại.
- (8). Tất cả tai nạn về nước chẳng thể cuốn trôi.
- (9). Tất cả tai nạn về lửa chẳng thể thiêu đốt.
- (10). Chẳng thọ nhận tất cả cái chết đột ngột.

4 loại Quả Báo là:

- (1). Lúc lâm chung, được thấy 10 phương Vô Lượng Chư Phật.
- (2). Vĩnh viễn chẳng đọa Địa Ngục.
- (3). Chẳng bị tất cả Cầm Thú làm hại.
- (4). Sau khi mạng chung, sinh ra ở nước của Vô Lượng Thọ.

Chú này kiêm có lợi ích cho hai đời hiện tại và vị lai. Do Thần Chú này có hiệu nghiệm như thế, do đó các Triều Đại về sau, có rất nhiều người trì tụng Chú này và cung phụng Tôn này.

## **CHUYỆN KỂ VỀ THẬP NHẤT DIỆN QUÁN ÂM DẠP YÊN BỆNH DỊCH BẢO VỆ SINH MẠNG MIỄN TRỪ TAI NẠN**

Trong “**Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược**” có ghi chép về câu chuyện vì tạo tượng Thập Nhất Diện Quán Âm mà dập yên được bệnh dịch, khỏi bệnh bảo vệ sinh mạng.

Căn cứ vào sự ghi chép, sau khi Đức Phật diệt độ trong 800 năm, trong nước Kiều Tát La bệnh dịch lưu hành, do đó trong nước người bệnh chết hơn phân nửa, trải qua 3 năm mà vẫn không miễn trừ được nạn dịch đó, thế là Đức Vua và Bề Tôi cùng bàn luận, thề thỉnh cầu mười phương thế giới trên trời dưới trời, có Bậc Đại Bi nào mau đến cứu hộ.

Bấy giờ, Đức Vua nằm mộng thấy Thánh Tượng, có đầy đủ 11 mặt, thân màu vàng rực rỡ, tỏa ánh sáng chiếu soi, duỗi bàn tay xoa lên đỉnh đầu của Đức Vua và nói rằng: “Ta dùng 11 mặt để bảo vệ Vương Quốc”.

Khi tỉnh mộng Đức Vua nói với Bề Tôi rằng: “Đức Vua, Bề Tôi và nhân dân nội trong một ngày phải tạo tượng Thập Nhất Diện Quán Âm”. Thế là

đẹp yên được bệnh dịch, bảo vệ được sinh mạng miễn trừ nạn dịch. Và từ đó về sau trong 100 năm, chưa gặp nạn dịch như vậy nữa.

## HÌNH TƯỢNG CỦA THẬP NHẤT DIỆN QUÁN ÂM

Căn cứ trong “ **Thập Nhất Diện Quán Âm Thần Chú Kinh** “ nói về hình tượng là: “ Thân dài 1 thước 3 tấc ( Thước tàu), có 11 đầu, ở phía trước có 3 mặt là mặt Bồ Tát, bên trái có 3 mặt là mặt giận dữ, bên Phải có 3 mặt tựa như mặt Bồ Tát, lộ răng nanh chó hướng lên trên, phía sau có 1 mặt là mặt Đại Tiểu, trên đỉnh đầu có 1 mặt Phật, các mặt thủy đều hướng về phía trước, phía sau có hào quang. 11 mặt đều đội mào hoa, trong mào hoa ấy có Phật A Di Đà. Tay trái của Quán Thế Âm cầm cái Táo Bình, có Hoa Sen lộ ra khỏi miệng bình, tay phải mở rộng ra Tác Thí Vô Ấn cầm chuỗi Anh Lạc.



Nhưng mà, từ xưa đến nay Đồ Tượng thường thấy, hoặc nhiều hoặc ít đều không giống nhau, mà phối trí 11 mặt có các loại chẳng đồng, thậm chí còn khác biệt như có: 2 cánh tay, 4 cánh tay, 8 cánh tay. Ví dụ như:

Trong “ **Thập Nhất Diện Nghi Quỹ** “ nói Quán Âm này có 4 cánh tay, trong đó bên phải tay thứ nhất Tác Thí Vô Ý, tay thứ hai cầm tràng hạt. Bên trái tay thứ nhất cầm Hoa Sen, tay thứ hai cầm bình Quân Trì.

Nhưng trong “ **Nhiếp Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh Kế Nhất Pháp Trung Xuất Vô Lượng Nghĩa Nam Phương Mãn Nguyệt Bồ Đà Lạc Hải Hội Ngũ Bộ Chư Tôn Đẳng Hằng Thệ Lực Phương Vị Cập Uy Nghi Hình Sắc Cháp Trì Tam Ma Gia Tiêu Chí Mạn Trà La Nghi Quỹ** “ thì nói rằng:”

Các đầu: mào tóc kết,  
Thân Phật trú trong mào.  
Mặt chính màu vàng lợt,  
Tướng thương lo cứu đời,  
Trái, phải: mặt đen xanh,  
Trái: ba tướng Phần Nộ,  
Phải: ba tướng Giáng Ma,  
Phía sau: tướng Bạo Tiểu, ( cười một cách hung bạo)

Trên đỉnh: tượng Như Lai.  
 Thể bốn tay hai chân,  
 Trái, Đỉnh cầm Hoa Sen,  
 Trái, Lý: cầm Quân Trì,  
 Phải, Tuệ: Thí Vô Úy,  
 Hoặc Kết Khế Quyền Ấn,  
 Phải, Trí: cầm Sở Châu. ( Tràng hạt )  
 Đeo vòng hoa Anh Lạc,  
 Thiên Y ( áo khoác ngoài) với Thượng Thường, ( Áo Xiêm đẹp tốt)  
 Thương Khư ( màu trắng óng ánh) Diệu Sắc Quang,  
 An trú Sen ngàn cánh,  
 Già Phu: phải đè trái.”

Như Tháp Nhất Diện Quán Âm được an trí ở hầm đá ở Mạch Mãi Ca Nội Lợi (Kanheri) của nước Ấn Độ tức là tượng 4 cánh tay, trên đỉnh đầu của mặt chính có 3 tầng, mỗi tầng an trí 3 mặt, bên trên lại an trí 1 mặt, hợp lại là 11 mặt.

Nhưng Quán Âm ở hang thứ 9 núi Thiên Long Huyện Thái Nguyên Tỉnh Sơn Tây, là tượng có 2 cánh tay, với 10 mặt vòng quanh trên đỉnh đầu của mặt chính, bên trên lại an trí 1 mặt Phật, co bàn tay trái cầm cái Bát, rũ bàn tay phải xuống Tác Thí Vô Úy Ấn.

Ngoài ra, tượng vẽ trên bức vách trong động Thiên Phật ở Đôn Hoàng và ảnh vẽ lưu truyền ở Tây Tạng đều có tượng 8 cánh tay. Phía trước là mặt chính trên đỉnh an trí 5 mặt, bên trên lại an trí 2 mặt, chính giữa 2 mặt an trí 1 thể Hoá Phật, bên trên lại an trí 1 mặt, hai bên tai của mặt chính đều an trí 1 mặt là tượng Sân Nộ. Trong 8 cánh tay, bên trái tay thứ nhất cầm Hoa Sen, tay thứ hai cầm Nguyệt Châu, tay thứ ba cầm Tràng Phan, tay thứ tư Kết Thí Vô Úy Ấn. Bên phải tay thứ nhất cầm Hoa Sen Hồng, tay thứ hai cầm Nhật Châu, tay thứ ba cầm Tích Trượng, tay thứ tư thì tróc từng mảng không rõ lắm. Phía sau là mặt chính trên đỉnh an trí 3 mặt, bên trên lại an trí 3 mặt, lại an trí 1 mặt ở trên nữa, hai bên tai của mặt chính đều an trí 1 mặt. Trong 8 cánh tay, tay phải tay trái thứ nhất chấp lại để ở trước ngực, bên trái tay thứ hai cầm Hoa Sen, tay thứ ba cầm Cung Tên, tay thứ tư cầm sợi dây. Bên phải tay thứ hai cầm Tràng Hạt, tay thứ ba cầm Pháp luân, tay thứ tư Tác Dữ Nguyễn Ấn.



Trong **Thai Tạng Giới Hiện Đồ Mạn Trà La của Mật Giáo**, Đức Quán Âm này có vị trí ở đầu phía bắc của Tô Tất Địa Viện, có 4 cánh tay, ngồi xếp bằng trên Hoa Sen, hai bên mặt chính đều có 1 mặt, bên trên có 5 mặt, lại ở trên nữa có 3 mặt, hợp với mặt chính nên thành 11 mặt. Bên phải tay thứ nhất Kết Thí Vô Úy Ấn, tay thứ hai cầm Tràng Hạt. Bên trái tay thứ nhất cầm Hoa Sen, Tay thứ hai cầm bình Quân Trì. Trong đó Hoa Sen biểu thị cho Tâm **Tự Tính** Thanh Tịnh vốn có của chúng sinh, bình Quân Trì là nước Cam Lộ Đại Bi nuôi lớn Hoa Sen này, Tràng Hạt đại biểu cho ý nghĩa của sự **Tinh Tiến**, đối với tất cả chúng sinh ban cho không sợ hãi cho nên Kết Thí Vô Úy Ấn. Trong Quán Âm Bộ đặc biệt dùng Tôn này là Tôn của Diệu Thành Tự, thị hiện cho Nhân Địa với Tướng Thành Tự của Quả Đức, cho nên vị trí được bày ra ở viện này.

## Ý NGHĨA TƯỢNG TRƯNG CỦA 11 MẶT

11 mặt của **Thập Nhất Diện Quán Âm**, mỗi mặt đều có ý nghĩa tượng trưng đặc thù của nó. Trong 11 mặt, 3 mặt ở phía trước là Tướng Đại Từ, là lúc Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh đang hành thiện thời sinh ra Tướng Đại Từ và vui vẻ của Tâm Từ, 3 mặt ở bên trái là Tướng Đại Sân, là lúc nhìn thấy chúng sinh hành ác thời sinh ra Tướng **Đại Bi Cứu Khổ** của Tâm Bi. 2 mặt bên phải là Tướng lộ răng nanh trắng hướng lên trên, là lúc nhìn thấy chúng sinh có Tịnh Nghiệp, cho nên phát ra lời khen ngợi, là Tướng Cần Tiến (Siêng năng tinh tiến). 1 mặt phía sau cùng là Tướng Bạo Tiếu, là lúc nhìn thấy chúng sinh có thiện ác tạp uế, vì muốn sửa điều ác hướng vào đường đạo nên đã sinh ra Tướng Quái Tiếu. Mặt Phật trên đỉnh đầu, vì chúng sinh tu tập Đại Thừa nên đã hiện ra Tướng Thuyết Pháp.

Cũng có cho rằng trong **Thập Nhất Diện Quán Âm**, phía trước bên trái bên phải đều có 3 mặt, là tượng trưng cho sự Hóa Độ chúng sinh của Ba Hữu. Mà 3 mặt là Tướng Tịch Tĩnh, biểu thị cho nghiệp chướng Ba Độc của hành giả Thanh Tịnh; 2 mặt là Tướng Uy Nộ, biểu thị cho phá trừ Ba Chướng của hành giả bị



chương ngại khiến đi vào nẻo chính; 3 mặt có Tướng răng nanh bén, biểu thị cho phá trừ Ba Chương của Chương Đạo của nhóm người ác ma ác; Mặt sau cùng là Tướng Tiểu Nộ, biểu thị cho đoạn trừ nhóm Ba Độc về sau ắt được Nhất Thiết Trí. 10 mặt này là phương tiện Hóa Độ của Đại Bi. Mặt hình Phật trên đỉnh là Bốn Địa Pháp Thân, đại biểu cho Đức của Phật Quả thuộc Địa thứ 11, ý nghĩa của 11 mặt này tức là biểu thị cho Nhân Quả Nhất Thể, Bản Tích không hai.

Lại nói mặt **Tịch Tĩnh** là thành tựu *Thuần Thiện*, mặt **Phẫn Nộ** là thành tựu *Thuần Ác*, nhưng mặt **Tiểu Nộ** thời thành tựu *cả Thiện lẫn Ác*. Bốn cánh tay biểu thị cho Nội Chứng Tứ Trí: Tay cầm Tràng Hạt biểu thị cho Căn Bản Trí, Đại Viên Cảnh Trí, Trí Đoạn Phiền Não, cho nên ý nghĩa là **Điều Phục** (Abhicàruka). Thí Vô Úy chính là Hóa Dụng ba nghiệp của Thân Khẩu ý là Thành Sở Tác Trí, ý nghĩa là **Tức Tai** ('Sàntika). Hoa Sen biểu thị cho Thể của Quán Âm, là Diệu Quán Sát Trí, Hoa được mọi người yêu thích, cho nên ý nghĩa là **Kính Ái** (Va'sikaraṇa). Táo Bình đại biểu cho nước Trí của Cam Lộ tưới nhuần tất cả chúng sinh, là Bình Đẳng Tính Trí, ý nghĩa là **Tăng Ích** (Puṣṭika). Tổng thể của Bốn Trí là Pháp Giới Thể Tính Trí, cho nên Tôn này là Tôn Ngũ Trí Viên Mãn thuộc liên Hoa Bộ.

Thập nhất Diện Quán Âm có mặt hiệu là Biến Dị Kim Cang, hoặc gọi là Từ Mẫn Kim Cang. Tam Muội Gia Hình là Hoa Sen hé nở hoặc cái bình Quân Trì. Ấn Tướng là Kim Cang Hợp Chương, mười đầu ngón tay giao sâu, bên phải đè bên trái, sau đó nâng lên trên đầu, tức là hành giả Quán 10 đầu ngón tay là 10 mặt, thêm 1 mặt của chính mình nên thành 11 mặt, thời thân của mình liền thành thân của 11 mặt.

Ngoài ra, có Pháp cúng dường Tôn này để trừ bệnh, gọi là Thập Nhất Diện Pháp. Dùng Thập Nhất Diện Quán Âm làm Tôn chính giữa để xây dựng Mạn Trà La, gọi là **Thập nhất Diện Quán Âm Mạn Trà La**.

## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA THẬP NHẤT DIỆN QUÁN ÂM

**Chữ Chủng Tử:** 𑖀 ( Ka ) hoặc 𑖂 ( Sa ) hoặc 𑖃 ( Hriḥ )

**Chân Ngôn:**

𑖀 (1) 𑖂𑖃 (2) 𑖃𑖀𑖃𑖀 (3) 𑖃𑖀𑖃 (4)

(1) Án (2) ma ha (3) ca ló ni ca (4) sa phộc hạ

(1) OM (2) MAHÀ (3) KÀRUṆIKA (4) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Đại (3) Bi (4) Thành Tựu

𑖀 (1) 𑖃𑖀 (2) 𑖃𑖀 (3) 𑖃 (4)

(1) Án (2) lỏ tuấn (3) nhập phộc la (4) hất lí

(1) OM (2) LOKE (3) JVALA (4) HRÌḤ

(1) Quy Mạng (2) Thế Gian (3) Quang Minh (4) Hất Lí (Thông Chủng Tử)

## NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM

## Đức Đặc Biệt

Ngoài việc ban cho chúng sinh Tài Bảo vô tận, Như Ý Luân Quán Âm cũng là Bổn Tôn Diên Mạng Trường Thọ rất quan trọng, hay khử trừ nhiều nhóm bệnh tật, khiến cho thân tâm của chúng sinh được tốt lành, khoẻ mạnh, trừ bệnh sống lâu.

**Như Ý Luân Quán Âm** ( Tên Phạn là: Cintàmaṇi- cakra), âm của tên Phạn là Chấn Đa Ma Ni.

Ý nghĩa **Cintà** trong Tôn này là Tư Duy, Sở Vọng, Nguyên Vọng, **Maṇi** nghĩa là viên ngọc báu, **Cakra** có thể dịch là vòng tròn hoặc bánh xe. Do đó dịch ý là Sở Nguyên Bảo Châu Luân hoặc Như Ý Châu Luân, mà từ xưa đến nay phần nhiều dịch là **Như Ý Luân, Như Ý Luân Vương**. Do vị Bồ Tát này có thể như ý sinh ra vô số Trân Bảo, tức được gọi là” Như Ý Bảo Châu Tam Muội “, thường Chuyển Pháp Luân, Nhiếp Hóa Hữu Tình, y theo tên này mà nguyện thì hay được Phú Quý, Tài Sản, Trí Tuệ, Thế Lực, Uy Đức.... Tên đầy đủ là: Như Ý Luân Quán Thế Âm Bồ Tát, hay gọi là Như Ý Luân Bồ Tát, Như Ý Luân Vương Bồ Tát.

Ngoài việc ban cho chúng sinh Tài Bảo vô tận, Như Ý Luân Quán Âm cũng là Bổn Tôn Diên Mạng Trường Thọ rất quan trọng, hay khử trừ nhiều nhóm bệnh tật, khiến cho thân tâm của chúng sinh được tốt lành, khoẻ mạnh, trừ bệnh sống lâu.



Trong “ **Như Ý Luân Đà La Ni Kinh. Phẩm Thứ 8 Nhân Dược** “ nói rằng: “Pháp Đà La Ni Minh Nhân Dược này, khiến cho các Hữu Tình thu được thắng lợi lớn, thành tựu như ý, mọi sự mong cầu nơi Thánh Quán Tự Tại này tất cả đều viên mãn”. Trong Kinh lại nói, dùng phương thuốc đựng ở trong đồ dùng bằng đồng, đặt ở trong Đàn trước mặt Thánh Quán Tự Tại. Sau khi trì Chú xong :” Trước tiên dùng thuốc xoa ở dưới bàn chân của Thánh Quán Tự Tại, rồi hương về các Hữu Tình khởi Tâm Đại Bi. Nên tụng 3 bài Minh lúc trước 108 biến rồi hãy xoa lên mắt, thì hết thảy các bệnh như mờ mắt, mắt kéo màng trắng, chóng mặt, chảy nước mắt sống,

Xích Mạc ( Tia máu hồng đỏ đầy trong con mắt), Tước Mục ( Quáng gà), Thai Xích ( Trẻ mới sinh đầu mặt chi thể da đỏ như son do nhiệt độc ảnh hưởng đến thai), Phong Xích ( Mí mắt hồng đỏ nổi mụn nước và lở loét), mộng thịt trong con mắt thấy đều trừ khỏi.

Xoa lần thứ 2 thì hết thấy các bệnh như đau đầu, hoặc đau nửa đầu, các bệnh tật ở miệng, sốt cao hoặc sau 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày phát bệnh 1 lần, hoặc thường phát bệnh, thấy đều trừ khỏi.

Xoa lần thứ 3 thì tất cả các bệnh do thần Ác, bệnh do Quỷ, bệnh điên cuồng, bệnh cùi hủi, cho đến mọi loại bệnh não do 84.000 Thần Quỷ mọi loại bệnh gây ra thấy đều trừ khỏi.

Trong “ **Như Ý Luân Đà La Ni Kinh**” nói rằng :” Tất cả Uy Lực Thần Thông của các Minh cũng không thể theo kịp sức Thần Thông của Như Ý Luân Đà La Ni Minh này. Tại sao thế ? Nếu có người hay tin tưởng thọ trì Đà La Ni này thì tội chướng 10 Ác, 5 Nghịch, 4 Trọng đã làm trong đời quá khứ, hiện tại đáng bị đọa vào Địa Ngục A Tỳ, đều có thể tiêu diệt. Tất cả bệnh tật nếu trong 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày cho đến 7 ngày như : Nhiệt Bệnh ( Bệnh do nóng sốt) , Phong Bệnh ( Bệnh do gió độc), Lãn Bệnh ( Bệnh do khí lạnh), Đàm Bệnh ( bệnh do đàm ẩm), Cổ Độc, ếm đối, Đinh Sang ( Nhọt mọc cứng rắn, có rễ vào sâu hình như cây đinh), Giới Lại ( Bệnh ghẻ lở cùi hủi), điên cuồng, phong ngứa. Tất cả bệnh về đầu, mũi, mắt, môi, lưỡi, răng, cổ họng, ngực, hông, sườn, tim, bụng, eo, lưng, tay chân, các khớp.... Các loại Tai Ách, Quỷ Quái, Quỷ Thần do thường tụng niệm đều được trừ diệt.

Tất cả Dược Xoa, La Sát, Tỳ Na Dạ Ca, nhóm Quỷ Thần Ác đều chẳng có thể hại. Dao binh, nước lửa, gió ác, sét, mưa đá, nạn vua chúa, nạn giặc cướp oán thù....chẳng có thể làm hại. Tất cả tướng ác, nghiệp do kém Phước, sao ác biến quái đều tự tiêu diệt. Rắn độc, bò cạp, rết, thủ cung (con Thạch sùng), nhện nhện, sư tử, cọp, chó sói, tất cả thú ác cũng chẳng làm hại được. Nếu có chiến đấu trong quân trận, tranh tụng nơi việc quan; do Minh Thành Tựu nên được giải thoát.

Nếu thường ở canh năm tụng Đà La Ni này một ngàn tám mươi biến (1.080 biến) thì các việc như trên đều được giải thoát, tự tại như ý.

Trong “ **Phật Thuyết Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Tâm Đà La Ni Chú Kinh**” nói rằng:” Lại thêm không có **Minh Chú** nào hay được ngang bằng với thế lực của **Như Ý Chú Vương** này. Chính vì thế cho nên trước tiên cần trừ các tội chướng. Tiếp hay thành tựu tất cả sự nghiệp cũng hay tiêu trừ tội phải chịu nơi Địa Ngục Vô Gian, cũng hay trừ hết tội nặng Ngũ Nghịch, tất cả bệnh khổ thấy đều trừ khỏi, cũng hay phá hoại tất cả nghiệp nặng. Các loại bệnh nhiệt hoặc ngày hoặc đêm, hoặc cách 1 ngày phát sốt rét cho đến 4 ngày phát sốt rét, bệnh gió, vàng da, đàm, ghẻ nhọt, bệnh về tam tiêu, bệnh con nít. Nhóm bệnh như vậy tụng chú liền trừ.

Nếu có người khác dùng phép yếm my, cổ độc hãm hại thì thấy đều tiêu diệt được không còn sót. Giả sử tất cả bệnh ung bứu, nhọt ác, cùi hủi, nhọt sưng đỏ, ghẻ lác bao trùm khắp thân cùng với bệnh đau nhức về mắt, tai, mũi, lưỡi, môi, miệng, răng, cổ họng, đỉnh đầu, não, ngực, eo, tim, bụng, lưng, tay chân, đầu, mặt,....

Xương cốt đau nhức khó chịu, tê liệt nửa thân mình, bụng lớn sưng thành khối, ăn uống không tiêu. Từ cái đầu cho đến bàn chân mọi thứ bệnh khổ đều được trừ hết.

## HÌNH TƯỢNG NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM

Hình tượng của Như Ý Luân Quán Âm có rất nhiều loại, có 2 tay, 4 tay, 6 tay, 8 tay, 10 tay, 12 tay.... Trong đó thường thấy nhất là tượng 6 tay.

Trong đó tượng 2 tay truyền từ xưa đến nay có 4 loại.



Trong 4 loại hình thái của tượng 2 tay lấy “ **Nhu Ý Luân Quán Thế Âm Bồ Tát** “ làm hình chính nguyên thủy: Tay trái cầm Ma Ni Châu, duỗi bàn tay phải Kết Thí Nguyên Ấn, thân màu hồng trắng, ngồi trên Hoa Sen lớn.

Tượng 4 tay lưu truyền là : Trước mặt Quán Âm vẽ hồ nước, trên hồ có núi, trên núi có Hoa Sen hồng, Quán Âm ngồi trên Hoa Sen, chân trái buông thõng xuống, đặt chân phải gát lên trên chân trái, mang giày cỏ, trên đầu đội mũ, trong mũ có vị Hoá Phật, Hóa Phật như nửa mặt trăng nằm giữa, tay trái thứ nhất hướng xuống dưới đến thắt lưng, tay thứ hai dùng ngón cái, ngón trỏ cầm hạt châu làm bằng hạt màu trắng. Tay phải thứ nhất co khuỷu tay lại để gập đầu gối, ngón cái, ngón giữa cầm râu chuỗi, tay thứ hai nâng cái Phạn Khiếp, 4 cổ tay đều đeo vòng xuyên. Trong hồ ở phương đông lại vẽ hình Long Nữ, hàng Trời người, phương tây vẽ hình Long Quỷ và Tỳ Na Dạ Ca (Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên).



Còn như tượng 6 tay thường thấy trong “ **Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Luân Du Già**” ghi chép rằng:

Thân sáu tay màu vàng  
Đều tướng ở Tự thân  
Đỉnh kế báu trang nghiêm  
Mão có Tự Tại Vương  
Tay noi tướng Thuyết Pháp  
Tay thứ nhất: suy tư  
Thương nhớ các Hữu Tình  
Thứ hai, cầm Ý Bảo ( Báu Như Ý )  
Hay mãn tất cả nguyện  
Thứ ba, cầm tràng hạt  
Vì cứu khổ Bàn sinh  
Trái đè núi Quang Minh  
Thành tựu không lay động  
Thứ hai, tay cầm sen  
Hay Tĩnh các Phi Pháp  
Thứ ba, tay cầm Luân ( bánh xe)  
Hay chuyển Pháp Vô Thượng  
Sáu tay: Quảng Bác Thể ( thể rộng lớn )  
Hay dạo chơi sáu nẻo  
Dùng phương tiện Đại Bi  
Chặt các khổ Hữu Tình

Ngoài ra, cũng có tạo tượng trên đầu đội mào báu, trên đầu an trí vị Hóa Phật, tay trái thứ nhất mở Hoa báu, tay thứ hai cầm cái mâm màu vàng ròng, tay thứ ba mở Hoa Sen hồng. Tay phải thứ nhất cầm Bạt Chiết La (Chày Kim Cang), tay thứ hai Tác Ấn Giáng Ma, tay thứ ba hướng xuống dưới rún, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen báu, lại tạo hình dung mạo Thiên Nữ hiện lên rải Hoa ở hai bên trên đầu.

Tượng 10 tay trong “ **Giác Thiên Sao**” kể rằng: “ Tay thứ nhất bên phải bên trái chấp tay lại để trên đỉnh đầu, tay thứ hai cầm Nhật Châu, tay thứ ba cầm Như Ý Bảo Châu, tay thứ tư cầm cái Táo Bình gần miệng bình có Hoa Sen Xanh, tay thứ năm cầm Chú Sách ( Sợi dây chú), tay phải thứ hai cầm Nguyệt Châu, tay thứ ba cầm bánh xe, tay thứ tư cầm Bạt Chiết La, tay thứ năm cầm Tràng Hạt. Trên đỉnh đầu phóng ra nguồn ánh sáng lớn, chiếu 10 phương Đại Địa, thân mặc áo Thiên Y, đầu, gáy, hai tay có anh lạc 7 báu. Ngoài ra còn có **Thập Địa Bồ Tát** (Das’abhūmayah-bodhisattva) từ dưới đất nhảy vọt lên, hai tay nâng chân của đức Quán Âm. Lại nữa, bên trái tượng Như Ý luân Quán Âm có vẽ Phạm Thiên, Tì Sa Môn (Đa Văn Thiên), Tì Lô Bác Xoa (Quảng Mục Thiên). Bên phải có vẽ Trời Đế Thích ( Đế Thích Thiên), Đề Đầu La Đà (Trì Quốc Thiên ), Tì Lô Lạc Xoa (Tăng Trưởng Thiên). Tượng 10 tay này lược bỏ tay thứ năm hai bên phải trái liền thành tượng 8 tay.

Tượng 12 tay, thân màu hồng trắng, dùng lụa hồng đào buộc ở bên hông tỏa ráng mây ngũ sắc, lụa mỏng màu hồng làm quần, chân đạp lên Hoa Sen trắng trong hồ nước. Hai tay bên trái bên phải chấp lại để trên đỉnh đầu, tay trái thứ hai cầm Kim Luân, tay thứ ba ngón cái, ngón áp út cầm cọng Hoa Sen báu, trong Hoa Sen có 1 viên báu như ý, tay thứ tư Tác Hân Hỷ Ấn, tay thứ năm cầm cái bình Táo Quán. Tay phải thứ hai cầm Bạt Chiết La, tay thứ ba cầm gậy như ý, tay thứ tư cầm Tam Cổ Xoa, tay thứ năm Tác Thí Vô Úy; Tay thứ sáu bên phải bên trái Kết Tụ Tại Thần Thông Như Ý Thần Lực ấn. Ở trên lại có hai vị Trời rải hoa cúng dường, ở dưới bên trái vẽ Kim Cang Vương Bồ Tát, bên phải vẽ Quân Trà Lợi Bồ Tát.

Do Như Ý Luân Quán Âm, trải qua các triều đại đến nay được sùng kính rất nhiều, từ xưa đến nay các nước ở biển nam cũng có không ít người tín ngưỡng, do đó cũng chẳng thể thiếu tượng để bảo tồn, như tượng vẽ Như Ý Luân Quán Âm 6 tay trong động Thiên Phật ở Đôn Hoàng, ngoài ra ở các nước Tư Lí Lan Ca, Ấn Độ Ni Tây Á, Nhật Bản...cũng có tạc các loại tượng của Bồ Tát này.

Dùng Như Ý Luân Quán Âm làm Bản Tôn, vì động cơ của pháp tu này là tăng trưởng Phước Đức, ý nguyện đầy đủ, các tội giảm diệt, nhờ bỏ các khổ, gọi là Như Ý Luân Quán Âm Pháp, hoặc Như Ý Bảo Châu Pháp.

Trong “ **Giác Thiên Sao**” đề cập đến việc tăng thọ mạng của Tôn này:” Nếu uống thuốc cầu sắc đẹp, sức mạnh, lời nói căn bản là niệm tụng mãn mười vạn biến (100.000 biến) hoặc 21 hoặc 35 biến. Sau khi qua 7 lực cùng với 9 rồng không sai khác(?) Nếu trì Diên Niên Cam Lộ Dược sẽ được sống lâu trong nhiều kiếp.

## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA NHƯ Ý LUÂN QUÁN ÂM



**Chữ Chủng Tử:** 𑖀𑖃 ( Hriḥ)

**Chân Ngôn:**

{ Trung Chú }

(1) **Án** (2) **phả na ma** (3) **chấn đa ma ni** (4) **nhập phộc la** (5) **hông**

𑖀𑖃 (1) 𑖀𑖃𑖀𑖃 (2) 𑖀𑖃𑖀𑖃𑖀𑖃 (3) 𑖀𑖃𑖀𑖃 (4) 𑖀𑖃 (5)

(1) OM (2) PADMA (3) CINTÀ-MANI (4) JVALA (5) HÙM

(1) Quy Mạng (2) Liên Hoa (3) Như Ý Bảo Châu (4) Quang Minh (5) Hồng (nghĩa là Tồi Phá)

{ Tiểu Chú 1 }

(1) **Án** (2) **phộc la na** (3) **phả nạp minh** (4) **hông**

𑖀𑖃 𑖀𑖃𑖀𑖃 𑖀𑖃𑖀𑖃 𑖀𑖃

(1) OM (2) VARAṆA (3) PADME (4) HÙM

(1) Quy Mạng (2) Dữ Nguyện (3) Hoa Sen (4) Hồng ( nghĩa là Tồi Phá)

{ Tiểu Chú 2 }

(1) **Án** (2) **ma ni** (3) **bát đầu mê** (4) **hông**

𑖀𑖃 (1) 𑖀𑖃𑖀𑖃 (2) 𑖀𑖃𑖀𑖃 (3) 𑖀𑖃 (4)

(1) OM (2) MANI (3) PADME (4) HÙM

(1) Quy Mạng (2) Dữ Nguyện (3) Hoa Sen (4) Hồng ( nghĩa là Tồi Phá)

## CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM

### Đức Đặc Biệt

Chuẩn Đề Quán Âm là một vị Đại Bồ Tát có cảm ứng rất lớn, phương tiện độ chúng lại vô hạn. Tu pháp Chuẩn Đề hay khiến tội chướng của hành giả được trong sạch, tịch trừ các ách nạn, trừ các bệnh dịch, bảo mạng tăng thọ.

**Chuẩn Đề Quán Âm** ( Tên Phạn là: Cundī), lại gọi là **Chuẩn Đề**, **Chuẩn Chi**, **Chuẩn Đề Bồ Tát**, **Chuẩn Đề Phật Mẫu**, **Phật Mẫu Chuẩn Đề**, **Tôn Na** (Sunda, nghĩa là Huy lệ) **Phật Mẫu**, **Thất Câu Chi Phật Mẫu**... Đại Bồ Tát dùng Chuẩn Đề Chú để phổ biến, làm rõ cho giáo đồ Phật Giáo Mật Tông cùng biết. Là một trong sáu vị Quán Âm, lấy việc cứu độ chúng sinh ở nhân gian làm chủ, ở Thiên Đài Tông lại được gọi là **Thiên Nhân Trượng Phu Quán Âm**. Mật Hiệu là **Tối Thắng Kim Cang**.



Ở Nhật Bản, Đài Mật dùng Chuẩn Đề là một Tôn trong Phật Bộ, Đông Mật thì dùng Chuẩn Đề là một trong sáu vị Quán Âm. Nhưng bất luận là thuộc ở Bộ nào, trong tim mắt của Phật Giáo Đồ tại Trung Quốc và Nhật Bản thì Chuẩn Đề Bồ Tát là một vị Bồ Tát vĩ đại có cảm ứng rất lớn; đối với chúng sinh Ngài có công đức Từ Bi vô hạn, phương tiện rộng lớn vô biên. Trong Thai Tạng Giới Mạn Trà La, gọi là **Thất Câu Chi Phật Mẫu**, vị trí được bày ở Biến Tri Viện là Mẫu của Liên Hoa Bộ, là Đức sinh ra mọi công đức của các Tôn trong Liên Hoa Bộ cho nên là Phật Mẫu Tôn. Tam Hình là Ấn Thuyết Pháp hoặc là cái bình báu, Ấn Tướng là Liên Hoa Hợp Chưởng.

Chuẩn Đề dịch ý là **Thanh Tịnh**, là **Hộ Trì Phật Pháp**, là vị Bồ Tát hay vì sự hộ mạng sống lâu của chúng sinh. Còn như tên “ **Thất Câu Chi Phật Mẫu** “ (Tên Phạn là Saptakotibuddhamatṛ), thì xuất xứ từ “ **Thất Câu Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Minh Đà La Ni Kinh**” trong Kinh này có nói “ **Quá Khứ Thất Câu Chi Chuẩn Đề Như Lai Đẳng Phật Mẫu Chuẩn Đề Đà La Ni** ”. Thất câu chi tức là 7 trăm triệu, có lúc Thất Câu Chi Phật Mẫu lại được gọi là **Tam Thế Phật Mẫu**, Ngài và Văn Thù Bồ Tát được gọi là Tam Thế Phật Mẫu, ý nghĩa đều giống nhau. Nhưng cách nói của “ Chuẩn Đề Phật Mẫu “ chủ yếu là từ Thất Câu Chi Phật Mẫu, ý tưởng là mẹ của Chư Phật ở ba đời, lại gọi là **Tam Giới Mẫu** hoặc **Thế Mẫu** (Thân Mẫu của Thế Gian).

Trong “ **Thất Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh** “ ghi chép rằng: Đức Phật vì thương xót chúng sinh kém phước nhiều nghiệp ác ở đời vị lai, liền nhập vào Chuẩn Đề Tam Ma Địa (Cuṇḍhi samādhi) nói Đà La Ni mà thất

câu chi (7 trăm triệu) Phật đời quá khứ đã nói. Trong quyển 4 “ **Phật Thuyết Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh** “, do nguyên nhân dưới đây mà Đức Thế Tôn tuyên nói Lục Tự Đại Minh Chú, có 77 câu chi Như Lai cùng đến tuyên nói Đà La Ni này, trong Kinh nói: “ Ngay sau đó, có 77 câu chi Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác đều đến tập hội, các Như Lai ấy đều nói Đà La Ni.... Thế là lúc 77 câu chi Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác nói Đà La Ni này. Trên thân của **Quán Tự Tại Bồ Tát** có một lỗ chân lông tên là **Nhật Quang Minh**, trong đó có vô số trăm ngàn vạn câu chi na sru đa Bồ Tát”.

Liên quan đến công đức thù thắng của Chú này trong “ **Thất Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh** “ nói rằng: ” Nếu có Bồ Tát tại gia hay xuất gia tu **Hạnh Chân Ngôn**, tụng trì Đà La Ni này mãn 90 vạn biến, thì 10 tội ác, 4 tội nặng, 5 tội vô gián đã gây tạo ra trong vô lượng kiếp thấy đều tiêu diệt, nơi sinh ra thường gặp Chư Phật Bồ Tát, tài bảo dư dả, thường được xuất gia.

Nếu là Bồ Tát tại gia, tu trì **Giới Hạnh** bền chắc chẳng thoái lui, tụng Đà La Ni này sinh vào cõi Trời. Hoặc ở nhân gian thường làm Quốc Vương, chẳng bị đọa vào nẻo ác, gần gũi Thánh Hiền, Chư Thiên yêu kính ủng hộ gia trì. Nếu kinh doanh các việc ở đời thì không có tai hoạn, nghi dung đoan chính, lời nói oai vệ, tâm không lo lắng buồn phiền.

Nếu là Bồ Tát xuất gia giữ đầy đủ các Cấm Giới, 3 thời tụng niệm y theo giáo tu hành. Đời này mong cầu Tất Địa xuất thế gian thì Định Tuệ hiện tiền, chứng Ba La Mật tròn đầy, mau chóng chứng **Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề**.

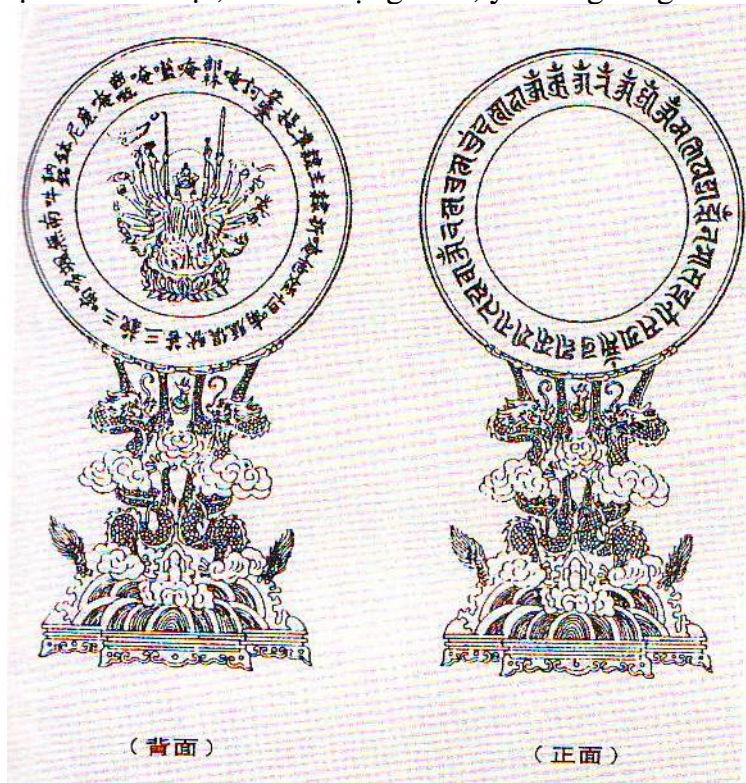


Ngoài ra, người như Pháp tụng trì, nếu trong cảnh giới hoặc ở trong cảnh nôn ra cơm màu đen. Hoặc thấy lên cung điện. Hoặc lên núi màu trắng với trên cây. Hoặc thấy nước xoáy trong ao lớn. Hoặc bay trên hư không tự tại. Hoặc thấy Tiên Nữ ban cho Diệu Ngôn Từ. Hoặc thấy ở trong đại hội nghe nói Diệu Pháp. Hoặc thấy nhổ tóc, tự mình cạo đầu. Hoặc ăn Lạc Phạn (Cơm có trộn với lạc), uống nước Cam Lộ màu trắng. Hoặc vượt qua biển lớn, hoặc nổi trên sông lớn. Hoặc lên Tòa Sư Tử. Hoặc thấy cây Bồ Đề. Hoặc ngồi trên thuyền. Hoặc thấy Sa Môn. Hoặc mặc áo trắng, áo vàng dùng áo che phủ đầu. Hoặc thấy mặt trời, mặt trăng. Hoặc thấy đồng



nam, đồng nữ. Hoặc thấy trên thân của mình có cây sữa. Hoặc lên cây có hoa quả. Hoặc thấy trong miệng Hắc Trượng Phu phun ra lửa mạnh sợ hãi chạy đi. Hoặc thấy ngựa, trâu ác có dạng tựa như đánh nhau thoái lui mà đi. Hoặc thấy tự ăn cháo sữa. Hoặc thấy hoa trắng có mùi thơm. Nếu thấy Tướng như trên liền biết là Tướng Diệt Tội. Trong đó các Kinh Quý ghi chép số biến tụng Chú với cảnh trong mộng tuy có khác nhau, nhưng tóm lại có thể thấy tụng trì Pháp Chuẩn Đề chú này rất hiệu nghiệm và thù thắng.

Pháp Chuẩn Đề, nói chung có một điều đặc biệt để tu là, cần phải chuẩn bị một cái **Kính Đàn Chuẩn Đề**. Đời Đường. Thiện Vô Úy dịch “**Thất Phật Câu Chi Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn Đề Đà La Ni Pháp**” trong đó nói rằng: “Chẳng đồng các Bộ, rộng tu cúng dường, lấy đất, bùn thơm xoa tô để xây dựng. Dùng một mặt gương sạch chưa từng dùng, ở trước tượng Phật, đêm ngày 15 của tháng, tùy sức cúng dường, đốt An Tất Hương với nước trong sạch. Trước hết nên tịnh tâm không có sự suy tư, sau đó kết Ấn tụng Chú, chú vào gương 108 biến dùng cái hộp bọc chứa gương, thường đem theo bên mình, sau này muốn niệm tụng chỉ đem cái gương này đặt ở trước mặt, kết Ấn tụng Chú, y theo gương làm Đàn liền được thành tựu.



Kính Đàn Chuẩn Đề này có thể dâng cúng ở Phật Đàn, cũng có thể mang theo bên mình. Kính Chuẩn Đề này tức đại biểu cho Bốn Tôn.

Lại nói: “**Pháp Kính Đàn** này chẳng để cho người nhìn thấy, nếu nhìn thấy tức chẳng tốt, chẳng thành tựu, nên giữ kín Pháp này chẳng thể nói, tự mình chứng biết, tùy ý mong cầu, mau được thành tựu, nhận niềm vui thù thắng màu nhiệm”.

Còn như kết Ấn, tụng Chú kể ở trước chỉ là phần phụ sau của Chuẩn Đề Chú, cho nên chẳng kể lại. Nhưng tay Ấn, y theo Kinh mà nói thì là **Tổng Nhiếp 25 Bộ Đại Mạn Trà La Ni Ấn**: Đem 2 ngón vô danh, 2 ngón út cùng cài chéo nhau bên

trong, duỗi thẳng 2 ngón giữa cùng vịn nhau, 2 ngón trở phụ ở lóng thứ nhất của 2 ngón giữa, 2 ngón cái cùng vịn lóng giữa của 2 ngón vô danh. Nếu có **Triệu Thỉnh** thì đưa 2 ngón trở qua lại.

Đức Phật nói: “Chú và Ấn này hay diệt 10 ác, 5 nghịch, tất cả tội nặng, thành tựu tất cả Pháp Trắng, giữ đầy đủ giới trong sạch mau được Bồ Đề. Nếu người tại gia, cho dù chẳng đoạn rượu thịt vợ con, chỉ y theo Pháp của Ta thì không có gì không thành tựu”

Ngoài ra, **Hiệu Nghiệm** với **Tu Pháp Chuẩn Đề** có liên quan với nhau trong Kinh nêu rất rõ, đem bộ phận có liên quan đến khử bệnh, sống lâu nêu sơ lược như sau:

Đức Phật nói “Muốn trì Chú này, vào đêm ngày 15, tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới sạch, hưởng mặt về phương Đông, ngồi Bán Già. Để gương ngay trước mặt, tùy có hương hoa, nước trong sạch, các vật. Trước tiên nên tịnh tâm, dứt suy tư, sau đó kết Ấn ấn trên trái tim, tụng Chú này 108 biến. Lúc tụng Chú này thời hay khiến cho chúng sinh đoản mạng lại được tăng thọ. Như bệnh Ma La (Màra- bệnh do Ma gây ra) còn được trừ khỏi hướng chi bệnh khác. Nếu chẳng tiêu khỏi thì chẳng có chuyện đó”.

Đức Phật nói: “Chúng sinh đoản mạng nhiều bệnh, vào đêm ngày 15 của tháng, đốt An Tất Hương, kết Ấn tụng Chú 108 biến thì các loài Ma Quỷ gây bệnh tâm thần, loài chồn hoang (Dã Hồ) gây bệnh ác đều hiện bốn thân ấy ở trong gương, tùy ý giết thả liền chẳng dám đến. Người đó được tăng thọ vô lượng”.

Đức Phật nói: “Đà La Ni này có thế lực lớn. Chí tâm tụng trì ất sẽ tự chứng hay khiến cho cây khô nở hoa hướng chi là quả báu của Thế Gian. Nếu thường tụng trì thì nước, lửa, đao binh, oan gia, thuốc độc đều chẳng thể hại.

Nếu có người bị Quỷ Thần đến hại chết thì kết Ấn tụng Chú 7 biến, dùng Ấn ấn lên trái tim đều khiến cho sống lại.

Đức Phật nói: “Nếu có người muốn sống lâu. Ở Tháp cổ với trong núi sâu hoặc bên trong phòng sạch sẽ y theo **Kính** làm Đàn. Tụng đủ 2 vạn, 4 vạn, 6 vạn, 10 vạn biến. Đem Hoa Sen xanh hòa với An Tất Hương rồi thiêu đốt ất ở trong mộng được ăn thuốc Tiên hoặc được trao cho Tiên Phương. Hoặc ở trong Kính có ánh sáng 5 màu, trong ánh sáng có thuốc, tùy ý lấy ăn liền được sống lâu”.

Lại có Pháp. Nếu người bị Quỷ Mỹ. Lấy cành Dương Liễu hoặc cỏ tranh, tụng Chân Ngôn rồi phát phủ trên thân người bệnh, liền trừ khỏi bệnh.

Lại có Pháp. Nếu người bị bệnh nặng. Tụng Chân Ngôn 108 biến, xưng tên người đó, dùng sữa bò Hộ Ma thì liền khỏi.

Lại có Pháp. Trước tiên gia trì vào hạt cải trắng 108 biến. Sau đó lấy hạt cải, tụng Chân Ngôn một biến thì ném đánh người bị bệnh Quỷ Mỹ một lần, đủ 21 biến thì Quỷ Mỹ bỏ chạy và người bệnh liền khỏi.

Lại có Pháp. Nếu có người bị bệnh Quỷ. Lấy Cù Ma Di xoa tô một cái Đàn nhỏ. Dùng tro trấu vẽ đất làm hình Quỷ Mỹ. Tụng Chân Ngôn, dùng Thạch Lựu làm cây roi đánh thì Quỷ Mỹ ấy khóc lóc, duỗi đi sẽ bỏ đi.

Lại có Pháp. Nếu người bị vương Quỷ Mỹ. Hoặc người bệnh ở nơi xa chẳng thể tự đến, hoặc người niệm tụng lại chẳng đến nơi ấy được. Lấy cành Dương Liễu,

cành Đào, hoặc Hoa.... gia trì 108 biến rồi sai người khác đem đến chỗ người bệnh. Hoặc đem hoa khiến người bệnh ngủ, hoặc dùng Hoa đánh người bệnh thì Quỷ My ấy liền bỏ đi, người bệnh được khỏi.

Lại có Pháp. Nếu đi trên đường, tụng Chân Ngôn này thì chẳng bị giặc cướp gây thương tổn cũng xa lìa các nạn do loài cầm thú ác gây ra.

Lại có Pháp. Ở trong nước có bệnh dịch. 7 ngày dùng dầu mè, gạo tẻ hòa với bơ, mật làm Pháp Hộ Ma thì bệnh dịch liền được tiêu diệt, đất nước được an ninh.



Lại nữa, Tôn này còn có **Bố Tụ Pháp** truyền ở đời, căn cứ trong “ **Thất Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh** “ truyền lại, hành giả nên:

Từ đỉnh đầu cho đến chân, Quán mỗi một chữ của Chân Ngôn cong queo rõ ràng tuôn ra ánh sáng chiếu soi Hữu Tình luân hồi theo 4 cách sinh trong 6 nẻo, khởi sâu lòng thương xót ban cho an vui.

Dùng 9 chữ của Đà La Ni an bày nơi thân của hành giả liền thành. Dùng Như Lai Ấn, 8 vị Đại Bồ Tát làm nơi gia trì thân.

Nếu tác Tức Tai (‘Sàntika), Tăng Ích (Puṣṭika), Kính Ái (Va’sikarana), Giáng Phục (Abhicàruka). Tùy theo 4 loại Pháp là màu trắng, màu vàng, màu đen, màu đỏ, để thành tựu Tất Địa.

Liên **Kết Bố Tụ Ấn**: Hai bàn tay cài chéo nhau bên trong. Dựng thẳng 2 ngón cái, 2 ngón trỏ, 2 ngón út cùng hợp nhau liền thành.

Tưởng chữ **Án** đặt ở đỉnh đầu, dùng ngón cái chạm trên đầu.

Tưởng chữ **Giả** lại dùng ngón cái chạm trên mắt phải mắt trái.

Tưởng chữ **Lễ** an ở trên cổ, dùng ngón cái chạm vào.

Tưởng chữ **Chủ** ngang trái tim, dùng ngón cái chạm vào.

Tưởng chữ **Lễ** an ở vai trái vai phải, dùng ngón cái chạm vào.

Tưởng chữ **Chuẩn** an ở trên rốn, dùng ngón cái chạm vào.



Tượng chữ **Nê** an trên đùi phải, đùi trái, dùng ngón út chạm vào.

Tượng chữ **Sa Phộc** an ở bắp chân phải, bắp chân trái, dùng ngón út chạm vào.

Tượng chữ **Ha** an trên lòng bàn chân phải, lòng bàn chân trái, dùng ngón út chạm vào.

Do tượng bày Chân Ngôn Kết Ấn gia trì cho nên thân của Hành Giả liền thành thân của **Chuẩn Nê Phật Mẫu**, tiêu diệt tất cả nghiệp chướng, gom chứa vô lượng phước đức cát tường. Thân ấy thành thể Kim Cang Bất Hoại.

Nếu thường xuyên chú **Quán Hạnh** thì tất cả Tất Địa đều được hiện tiền, mau chứng Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề.

## HÌNH TƯỢNG CỦA CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM

Đồ Tượng của Chuẩn Đề Quán Âm có 9 loại: 2 cánh tay, 4 cánh tay.... Cho đến 84 cánh tay. Nói chung phần lớn đồ tượng cúng dường của Phật Giáo Đồ là Tôn Tượng 3 mắt 18 cánh tay.



“ **A Sa Phộc Sao** “ nêu rõ Tượng 8 cánh tay rằng: Tượng đứng trên đỉnh an trí vị Hoá Phật, hai tay chắp lại, tay trái thứ hai cầm Hoa Sen, tay thứ ba cầm sợi dây, tay thứ tư hướng lòng bàn tay ra ngoài, rũ các ngón tay xuống dưới. Tay phải thứ hai cầm cây Tích Trượng, tay thứ ba cầm cái phất màu trắng, tay thứ tư như tay bên trái.

Trong “ **Thất Phật Câu Chi Phật Mẫu Sở Thuyết Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh** “ ghi chép là Tượng 18 cánh tay, thân màu trắng vàng, ngôi Kiết Già trên Hoa Sen, thân tỏa hào quang tròn , mặc áo có đính hạt thóc, phía bên trên bên dưới đều là màu trắng, có áo khoác ngoài quấn góc, Anh Lạc, đội mào Trời, các cánh tay đều đeo vòng xuyên bằng vỏ ốc, mặt có 3 con mắt.

Hai tay bên trái tác tượng Thuyết Pháp.

**Bên phải:** Tay thứ hai tác Thí Vô Úy, tay thứ ba cầm cây Kiếm, tay thứ tư cầm vòng hoa báu, trên lòng bàn tay thứ năm để Câu Duyên Quả, tay thứ sáu cầm cây búa, tay thứ bảy cầm móc câu, tay thứ tám cầm chày Kim Cang, tay thứ chín cầm tràng hạt.

**Bên trái:** Tay thứ hai cầm cây Phướng báu như ý, tay thứ ba cầm Hoa Sen hồng hé nở, tay thứ tư cầm Quân Trì, tay thứ năm cầm sợi dây, tay thứ sáu cầm bánh xe, tay thứ bảy cầm Thương Khư ( ‘Saṅkha\_ vô ốc ), tay thứ tám cầm Hiền Bình, trên lòng bàn tay thứ chín để cái rương Kinh Bát Nhã.

Có một số người khi nhìn thấy tượng Chuẩn Đề, thường lầm tưởng là Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm (Sahasrabhujàryàvalokite’svarah), nhưng Thiên Thủ Quán Âm thông thường đều là 11 mặt hoặc 27 mặt có 40 cánh tay (thêm 2 tay trên chấp lại, Định Ấn thành 42 cánh tay), và lại vật phẩm các tay cầm so với Chuẩn Đề Bồ Tát cũng khác nhau, nên có thể lấy đó để phân biệt.

**Chuẩn Đề Quán Âm của Tây Tạng** truyền lại là Tượng có 4 cánh tay, ngồi Kiết Già trên Hoa Sen, tay thứ nhất bên trái bên phải để trên đầu gối cầm cái Bát, tay phải thứ hai rũ xuống tác Thí Vô Úy Ấn, tay trái thứ hai co lại để ở trước ngực cầm Hoa Sen, trên Hoa Sen an trí một cái Phạn Khiếp (Cái rương chứa Kinh Phạn).

**Tượng Chuẩn Đề Quán Âm làm bằng đồng ở Tư Lí Lan Ca** là Tượng 4 cánh tay, trên đỉnh đội Định Ấn là một vị Hóa Phật, tay trái thứ nhất để ở trước rốn, tay thứ hai cầm Bảo Châu (viên ngọc báu); Tay phải thứ nhất cầm chày Độc Cổ, tay thứ hai nâng cao lên đem ngón cái và ngón vô danh cùng vịn nhau, nhũ bộ sung mãn biểu thị cho Tượng của Phật Mẫu.

**Tranh vẽ nổi Bà La ( Borobudur ) khắc mặt nổi trên tường ở Ấn Độ Ni Tây Á**, thì có thể thấy Tượng 4 cánh tay với 6 cánh tay. Tượng 4 cánh tay bên trái bên phải tay thứ nhất Kết Định Ấn, tay thứ hai bên trái cầm cái Phạn Khiếp, tay thứ hai bên phải cầm tràng hạt. Lại có Tượng 6 cánh tay ngồi trên Tòa Sư Tử, tay thứ ba bên trái và tay thứ hai bên phải bị hư tổn, xem không rõ lúc đầu cầm là vật gì; Tay thứ nhất bên trái cầm Hoa Sen, tay thứ hai cầm Bảo Bình Châu, tay thứ nhất bên phải bày Dữ Nguyễn Ấn, tay thứ ba cầm Tràng Hạt. Ngoài ra, còn có Tượng 14 cánh tay, 6 cánh tay....

Căn cứ trong “ **Đại Minh Đà La Ni Kinh** “ ghi chép về **Pháp Quán Tượng** cầu nguyện của Chuẩn Đề, Hành Giả y theo đó mong cầu cũng khác nhau, có thể Quán 2 cánh tay, 6 cánh tay, 8 cánh tay hoặc 84 cánh tay: “ Nếu muốn cầu Pháp Môn **Bát Nhị**, thì Quán 2 cánh tay. Nếu muốn cầu Tứ Vô Lượng, thì Quán 4 cánh tay. Nếu muốn cầu Lục Thông, thì Quán 6 cánh tay. Nếu muốn cầu Bát Thánh Đạo, thì Quán 8 cánh tay. Nếu muốn cầu viên mãn 10 Ba La Mật, 10 Địa, thì Quán 10 cánh tay. Nếu muốn cầu Như Lai Phổ Biến Quảng Địa, thì Quán 12 cánh tay. Nếu muốn cầu 18 Pháp Bất Cộng, thì Quán 18 cánh tay, tức như Pháp vẽ Tượng để Quán đời. Nếu muốn cầu 32 Tướng, thì Quán 32 cánh tay. Nếu muốn cầu tám vạn bốn ngàn Pháp Môn, thì Quán 84 cánh tay.

Dùng Tôn này làm **Bổn Tôn** của Pháp tu gọi là **Chuẩn Đề Pháp, Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp**, pháp môn tu này hay trừ tai nạn, trị bệnh, sống lâu.... Căn cứ trong “ **Thất Câu Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Minh Đà La Ni Kinh** “ ghi chép rằng: Tụng trì Chuẩn Đề Chú, đời đời kiếp kiếp xa lìa các nẻo ác, mau chứng Vô Thượng Bồ Đề.

## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA CHUẨN ĐỀ QUÁN ÂM



Trong “ **Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh** “ ghi chép rằng: Đức **Thích Ca Mâu Ni Phật** ở đời quá khứ, đã từng vì Lục Tự Đại Minh Đà La Ni này, trải qua khắp vô số thế giới, và cúng dường vô số trăm ngàn vạn câu chi na hữu đa Phật, hay ở nơi các Như Lai kia, chẳng những không được Lục Tự Đại Minh này, liền nghe thấy cũng chưa từng nghe thấy qua. Lúc đó, Ngài Thích Ca Bồ Tát ở trước **Bảo Thượng Vương Như Lai Tôn** đau lòng mà khóc rơi nước mắt. Thế là, **Đức Bảo Thượng Như Lai**, liền đi đến cõi Phật của **Đức Liên Hoa Thượng Như Lai**, chí thành khẩn cầu: “Nguyện xin Đức Thế Tôn cho con Lục Tự Đại Minh Đà La Ni. Chân Ngôn Vương ấy là tất cả **Bổn Mẫu**, nhớ niệm tên ấy thời tiêu trừ tội dơ, mau chứng Bồ Đề. Vì điều này cho nên nay con mệt mỏi khôn cùng, con đi qua vô số thế giới mà chẳng thể được, nay con quay trở lại chốn này”.

Thế là **Đức Liên Hoa Thượng Như Lai** đáp lại sự thỉnh cầu của Bồ Tát liền diễn nói **Lục Tự Đại Minh Đà La Ni** với công đức rộng lớn chẳng thể luận bàn: “Pháp này rất vi diệu, Gia Hạnh Quán Trí tất cả tương ứng, sau này ông sẽ được Tâm Pháp vi diệu đó, Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát khéo trụ ở Lục Tự Đại Minh Đà La Ni như vậy”. Nhân duyên tiếp theo đó nói với Thích Ca Bồ Tát rằng: Liên Hoa Thượng Như Lai tự mình cầu nhận Đại Minh Chú này.

Xưa kia Liên Hoa Thượng Như Lai cũng là một dạng **Thích Tôn**, mà đã từng trải qua khắp vô số thế giới, về sau mới đến được nơi của Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai**, vì cầu Pháp cho nên khóc chảy nước mắt. Thế là Đức Vô Lượng Thọ Như Lai liền thỉnh Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, trao cho Đức Liên Hoa Thượng Như Lai Pháp Lục Tự Đại Minh Chú này

Do đó, Lục Tự Đại Minh Chú Đà La Ni này, chính là Đức Liên Hoa Thượng Như Lai xưa kia ở nơi Đức Vô Lượng Thọ Như Lai, từ Quán Âm Bồ Tát cầu mà được, lại trao cho Thích Tôn ngay lập tức.

Lục Tự Đại Minh Chú có công đức lợi ích rộng lớn chẳng thể luận bàn, có thuyết nói Lục Tự Minh Chú này được chia riêng ra để Tế Độ chúng sinh ở sáu nẻo, đem nó phối hợp với sáu Ba La Mật và năm Phương Phật, kể giản lược như sau:

**𑖀** Ông (OM) : màu trắng, tượng trưng cho trí tuệ của Bổn Tôn, thuộc Thiên Định Ba La Mật, lại hay trừ Tâm Ngạo Mạn, lại chẳng chuyển sinh ở nẻo Trời, đối ứng với Đức Phật Bảo Sinh ở phương nam.

**𑖄** Ma (Ma) : màu xanh lục, tượng trưng cho Tâm từ bi của Bổn Tôn, thuộc Nhẫn Nhục Ba La Mật Đa, hay trừ Tâm Đố Kỵ, chẳng tái sinh ở nẻo A Tu La, đối ứng với Đức Phật Bất Không Thành Tựu ở phương bắc.

**𑖆** Ni (Ni): màu vàng, tượng trưng cho Thân, Khẩu, Ý, Hạnh của Bổn Tôn với đức đặc biệt, thuộc Trì Giới Ba La Mật Đa, hay trừ Ngã Chấp, chẳng thọ tái sinh ở nẻo Người, đối ứng với Ngài Kim Cang Tổng Trì.

**𑖇** Bát (PED) : màu xanh lam, tượng trưng cho tính bình đẳng của Bổn Tôn, thuộc Bát Nhã Ba La Mật Đa, hay trừ Tâm Si, chẳng thọ tái sinh nẻo Súc Sinh, đối ứng với Đức Phật Tỳ Lô Giá Na.

**Ꞩ** Mê (ME) : màu hồng, tượng trưng cho Đại Lạc của Bốn Tôn, thuộc Bồ Thí Ba La Mật Đa, hay trừ Tâm Tham, chẳng tái sinh nẻo Ngạ Quỷ, đối ứng với Đức Phật A Di Đà ở phương tây.

**Ꞩ** Hồng (HUNG) : màu đen, tượng trưng cho Tâm Bi của Bốn Tôn, thuộc Tinh Tiến Ba La Mật Đa, hay trừ Tâm Sân, chẳng thọ tái sinh nẻo Địa Ngục, đối ứng với Đức Phật A Súc ở phương đông.

## HÌNH TƯỢNG CỦA TỨ TÝ QUÁN ÂM



Tượng Tứ Tý Quán Âm có một mặt có bốn cánh tay, thân màu trắng như mặt trăng, đầu đội mao Ngũ Phật, tóc đen kết thành búi, hai tay chính giữa chấp lại để ở trước ngực, nâng viên ngọc báu Ma Ni; Tay bên phải cầm Tràng Hạt Thủy Tinh, tay bên trái cầm hoa sen tám cánh ngang bằng lỗ tai. Diện mạo Tịch Tĩnh mỉm cười, dùng mắt Tuệ của Bồ Tát lạnh nhìn chúng sinh. Phàm người nào được Quán chiếu, tận cùng đều hay được giải thoát. Khoác tấm da Hươu bên ngực trái phủ kín vai, thân mặc Thiên Y ngũ sắc, phía dưới mặc xiêm y, quần lụa màu đỏ, eo buộc Bảo Thái Đái (dây lụa màu quý báu), toàn thân có vòng hoa trang nghiêm, các vật trang sức như : Khuyên tai, vòng xuyên ở cổ tay, vòng đeo trên cánh tay, vòng đeo chân... đều làm bằng ngọc báu Anh Lạc. Vòng chuỗi thứ nhất đeo ở cổ, vòng chuỗi thứ hai dài đến ngực, vòng chuỗi thứ ba dài đến rốn. Hai chân ngồi Kiết Già trong vành trắng trên Hoa Sen.

Hoặc có thuyết nói:

- \_ Cái đầu biểu thị cho Thông Đạt Pháp Tính, một vị của Pháp giới
- \_ Bốn cánh tay biểu thị cho bốn Tâm Vô Thượng
- \_ Thân màu trắng biểu thị cho Tự Tính Thanh Tịnh không dơ, chẳng vướng bởi hai chướng là: Sở Tri Chướng và Phiền Nã Chướng
- \_ Đầu đội mào Ngũ Phật biểu thị cho Ngũ Trí
- \_ Tóc màu đen biểu thị cho sự Bất Nhiễm
- \_ Thiên Y ngũ sắc biểu thị cho Phật ở năm phương
- \_ Quần lụa màu hồng biểu thị cho Chứng Tính của Hoa Sen, Diệu Quán Sát Trí
- \_ Từ khuyển tai trở xuống gồm sáu loại trang nghiêm biểu thị cho sáu Độ.
- \_ Xâu chuỗi Anh Lạc thứ nhất đeo ở cổ biểu thị cho Đức Bất Động Như Lai do thành tựu Thiên Định mà được
- \_ Xâu chuỗi thứ hai dài tới ngực biểu thị cho Đức Bảo Sinh Như Lai do thành tựu Bồ Thí mà được
- \_ Xâu chuỗi thứ ba dài tới rốn biểu thị cho Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai do thành tựu Tinh Tiến mà được
- \_ Toàn thân có vòng Hoa trang nghiêm biểu thị cho Vạn Hạnh
- \_ Hai chân ngồi Kiết Già biểu thị cho không trụ ở sinh tử
- \_ Tay Ấn biểu thị cho không trụ ở Niết Bàn
- \_ Lại hai tay chính giữa chấp lại để ở trước ngực, đại biểu cho Trí Tuệ và Phương Tiện cùng vận chuyển hợp nhất
- .) Riêng tay phải cầm xâu chuỗi bằng Thủy Tinh, đại biểu cho mỗi viên ngọc liền cứu độ một Chúng Sinh xa lìa luân hồi
- .) Riêng tay trái cầm Hoa Sen, đại biểu cho Thanh Tịnh phiền não.

## CHÂN NGÔN CỦA TỨ TÝ QUÁN ÂM



### Chân Ngôn:

ॐ (1) मणि (2) पद्मे (3) हुं (4)

(1) Án (2) ma ni (3) bát đầu mê (3) hồng

(1) OM (2) MANI (3) PADME (4) HÙM

(1) Quy Mạng (2) viên ngọc báu (3) Hoa Sen (4) Hồng (nghĩa là Tội Phá)



Tạng Văn: **Ông Ma Ni Bồی Muội Hồng**

ॐ मणि पद्मे हूँ

OM MANI PADME HUM

## DIỆP Y QUÁN ÂM

### Đức Đặc Biệt

Diệp Y Quán Âm Đại Bi Hộ Hữu Chúng Sinh, tu Tôn Pháp này hay trừ tất cả bệnh dịch, chiến loạn, và hay tăng trưởng phước đức, sống lâu không bệnh tật.

**Diệp Y Quán Âm** ( Tên Phạn là: Parṇ'savari ), ý nghĩa là mặc áo lá. Lại gọi là **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát, Bị Diệp Y Quán Âm, Diệp Y Bồ Tát**. Là một trong những thân biến hóa của Quán Âm, trong 33 Quán Âm là Tôn thứ 32. Bởi vì toàn thân quấn trong lá Sen, cho nên gọi là Diệp Y Quán Âm.

Căn cứ trong “ **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát** “ kể lại, Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát Đà La Ni, chính là **Quán Tự Tại Bồ Tát** trong Pháp Hội ở thế giới Cực Lạc, đáp lại sự thỉnh cầu của Kim Cang Thủ Bồ Tát mà tuyên nói. Trong Kinh Đà La Ni này cũng có nói, không chỉ hay trừ bệnh dịch đói khát của các hữu tình, tất cả tai họa về giặc cướp binh đao, lũ lụt, hạn hán không điều hòa, Tú Diêu bị mất thứ tự.... Và có công đức thù thắng, tăng trưởng phước đức, đất nước giàu mạnh, nhân dân an vui.

Trong Kinh này cũng có nói, nếu như có người nào muốn cầu sống lâu không bệnh tật, nên vẽ tượng **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát** trên tấm nỉ, để ở trong Đạo Tràng, mỗi ngày đều dùng Hương Hoa, đồ ăn thức uống, cúng dường, phát nguyện, làm như vậy thường được Bồ Tát gia trì, mãn các sở nguyện. Đặc biệt trong đó cũng có nói về Pháp Tu vì Quốc Vương, Nam Nữ khó nuôi khó lớn, hoặc bị vướng phải bệnh tật, đoản thọ, ăn ngủ không yên.

Dùng Diệp Y Quán Âm làm Bản Tôn, niệm tụng “ **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát Kinh** “ có thể khử trừ các loại bệnh tật, gọi là Diệp Y Pháp. Nếu dùng để xin cho Quốc Vương Đại Thần được sống lâu không bệnh tật, thì xưng là **Diệp Y Trấn**. Nếu dùng Pháp Tu này để trấn an nhà cửa thì xưng là **Trấn Trạch Pháp**.

## HÌNH TƯỢNG CỦA DIỆP Y QUÁN ÂM

Trong **Thai Tạng Giới mạn Trà La** Diệp Y Quán Âm có vị trí được bày ở trong Quán Âm Viện, Mật Hiệu là **Di Hạnh Kim Cang**, toàn thân màu thịt, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm cây gậy, gối phải co lại dựng đứng, ngồi trên hoa sen đỏ. Tam Muội Gia Hình là Hoa Sen chưa nở và cây gậy; Ấn Tượng thì tay phải Tác Dữ Nguyện Ấn, tay trái cầm sợi dây.



Ngoài ra trong “ **Diệp Y Quán Tự Tại Bồ Tát Kinh** “ miêu tả Tôn Hình rằng: “Tượng hình Thiên Nữ, đầu đội mao báu, có Phật Vô Lượng Thọ. Trên thân có anh lạc, vòng xuyên trang nghiêm. Thân có hào quang tròn, xung quanh rực lửa. Tượng có 4 cánh tay, lòng bàn tay phải thứ nhất cầm quả Cát Tường, tay thứ hai Tác Thí Nguyện Thủ; Tay trái thứ nhất cầm cây búa, tay thứ hai cầm sợi dây, ngồi trên Hoa Sen “. Ngoài ra, “ **Bạch Bảo Khẩu Sao** “ cũng có nêu trong “ **Bí Tạng Ký** “ nói rằng: Thân màu thịt trắng, tay trái cầm sợi dây, tay phải cầm Hoa Sen chưa nở. Lại nói tay phải cầm cây Phướng Như Ý.

### CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA DIỆP Y QUÁN ÂM

Chữ Chủng Tử: 𑖀 ( SA ) hoặc 𑖀 ( HÙM )

𑖀 (1) 𑖀𑖀𑖀𑖀 (2) 𑖀 (3) 𑖀𑖀

(1) Án (2) phả lí na xả phộc lí (3) hồng phát tra

(1) OM (2) PARṆA'SAVARI (3) HÙM PHAT

(1) Quy Mạng (2) Diệp Y (3) Hồng Phát Tra ( Tồi Phá các Chướng )

### BẠCH ĐỘ MẪU

#### Đức Đặc Biệt

Tu trì pháp Bạch Độ Mẫu hay chặt đứt gốc rễ Luân Hồi, miễn trừ 8 nạn, Ma Chướng, Ôn Dịch, Bệnh Khổ, và được Thọ Mạng, Tăng Trưởng Phước Tuệ, mọi sự mong cầu không gì không như nguyện.

**Bạch Độ Mẫu** ( Tên Phạn là: Sita-tàrvà), lại gọi là **Tăng Thọ Cứu Độ Phật Mẫu**, cùng với **Phật Vô Lượng Thọ, Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu** hợp lại gọi là *Ba Tôn Trường Thọ*. Là thị hiện Tâm Bi của Quán Âm, là một trong 21 Tôn hóa thân của **Thánh Cứu Độ Mẫu**. Trong Tạng Truyền Phật Giáo, **Lục Độ Mẫu** và **Bạch Độ Mẫu** là **Độ Mẫu** trong 21 Tôn được lưu truyền rất rộng. Truyền thuyết nói rằng: Phi Tử Văn Thành Công Chúa của Vua Tây Tạng Khí Tông Lộng Tán ( Sron-bstan-sgam-po) tức là hóa thân của **Bạch Đa La Bồ Tát** ( Sgrol-ma-dkar-po, Bạch Độ Mẫu).

**Bạch Độ Mẫu** thân như trắng sáng, có đủ Uy Đức để cứu độ 8 nạn, mặt, tay, chân của Bà cộng lại có 7 con mắt, cho nên cũng gọi là **Thất Nhãn Phật Mẫu**. Ngoài ra cũng có cho rằng Bà là hóa hiện từ con mắt trái của Đức Phật A Di Đà.

Trong “ **Bạch Cứu Độ Phật Mẫu Tán** “ đối với thân mình, công đức của **Bạch Độ Mẫu** được ca ngợi rất tử mỉ, y theo bài Tán ca tụng rằng:

**\* Nạp Ma Chí Tôn Thánh Cứu Độ Phật Mẫu**

- Ấn Cứu Độ Luân Hồi Đáp Liệt Mẫu  
Dùng Đô Đáp Liệt Thoát tám nạn  
Tất cả bệnh tội, Đô Liệt cứu  
Trước Cứu Độ Mẫu kính tán lễ
- Chính giữa hoa sen màu Trắng tịnh  
Trên đó an bày tòa Nguyệt Luân.  
Tòa hiện Kim Cang Du Già Mẫu  
Trước Thí Nguyên Mẫu, chí kính lễ.
- Mặt như tương ánh sáng Trăng Thu  
Thân Phật Mẫu tựa Hạo phách luân.  
Mọi thứ trang nghiêm đầy đủ cả  
Trước Đấng cầm hoa xin kính lễ
- Đầy đủ Thế Tướng mười sáu tuổi.  
Tất cả chính Giác đều là con  
Đảm đương ban bố tùy ước muốn  
Kính lễ trước Cứu Độ Phật Mẫu.
- Luân Trắng tinh tỏa hào quang trắng  
Trên tám cây cặm hiện tám chữ.  
Tất cả đồng với tương xoay chuyển  
Hưởng trước Cự Luân, chí kính lễ.
- Tất cả sát Thổ ( cõi, nước) đều thanh tịnh  
Trong đó rải đầy nhiều hoa báu

Đản sinh Mẹ của Phật ba đời  
Trước Mẫu Tôn ấy, chí kính lễ.

- Thánh Mẫu, Độ Mẫu, Cứu Độ Mẫu  
Tăng ích Thọ Mẫu, Như Ý Luân.  
Trước Phật Mẫu Tôn xin cầu đảo  
Làm tiêu thọ duyên Ma của con.
- Bệnh tật, tất cả nạn khổ đau.  
Cầu xin bảo hộ giúp cho con.  
Các Thành Tựu Thắng với Thông Thường  
Ban bố cho con không dư sót
- Trước Thánh Mẫu Tôn, thành kính lễ  
Xin thường ghi nhớ như con đở  
Trước Tôn con cũng chí khẩn cầu  
Cầu Xin thường cầm Từ Bi Cầu (móc câu Từ Bi)
- Thắng Thân Phật Mẫu như ánh trăng.  
Yếu diệu nhu thiện thể đoan nghiêm.  
Diệu tướng điểm tô nhiều vật báu  
Dùng lụa là tốt tạo quần xiêm
- Trên tòa báu vành trắng hoa sen  
Hai chân ngồi Kim Cang Kiết Già  
Một mặt, hai tay, dung mạo vui  
Sinh làm Mẹ của Phật ba đời.
- Trước Phật Mẫu Tôn thường quì lạy  
Nay đối trước Tôn dùng diệu tán  
Xin giúp chúng con lúc tu đạo  
Từ nay cho đến được Bồ Đề  
Tiêu trừ mọi nghịch duyên trong đó.  
Nguyện được đầy đủ nơi Thuận duyên.

**Án đáp a liệt đô đáp đáp a liệt đô liệt mạ mạ a du lạt bồ nột điệp tạp ni a nha  
nạp bồ tư chân cổ lỗ điệp sa ha**

Từ bài Tán Kệ này có thể biết nhân duyên của **Bạch độ Mẫu** có thể trừ Ma Chướng nguy hại đến thọ mạng của chúng sinh giúp đỡ tất cả bệnh tật với khổ nạn của chúng sinh, khiến tròn đủ tất cả thuận duyên.

**TẠO HÌNH CỦA BẠCH ĐỘ MẪU**



**Tạo Tượng Bạch Độ Mẫu**, trong Tạng Mật có một đầu hai cánh tay, thân màu trắng, đầu đội mào Ngũ Phật, tóc đen chia làm 3 phần, 2 phần búi ở trên đỉnh, phần còn lại phủ trên hai vai. Tay phải để trên đầu gối Tác Tiếp Dẫn Ấn, tay trái để trước ngực, dùng Tam Bảo Ấn cầm hoa Ô Ba Lạp. Hoa trải dài theo cổ tay, cánh tay, đến bên cạnh tai, gồm có 3 đóa hoa, 1 đóa hoa nụ, 1 đóa hoa hé nở, 1 đóa hoa nở tròn, đại biểu cho Tam Bảo, hoặc đại biểu cho Bạch Độ Mẫu là Mẹ sinh ra tất cả chư Phật 3 đời, cứu độ 8 nạn.

Thân mặc Thiên Y ngũ sắc quần lụa, khuyên tai, vòng tay, nhẫn báu, vòng cánh tay, vòng ống chân có đầy đủ châu bảo anh lạc. Chuỗi thứ nhất đeo ở cổ, chuỗi thứ hai dài đến ngực, chuỗi thứ ba dài đến rốn. Toàn thân có vòng hoa trang nghiêm, eo nhỏ vú đầy đặn, như thiếu nữ tuổi 16. Thân phát ánh sáng trắng Như ý, hai chân ngồi Kiết Già trong vành trăng trên Hoa Sen.

Trong 7 con mắt, con mắt ở trên trán của **Bạch Độ Mẫu**, quán 10 phương Vô Lượng cõi Phật tận Tịnh Không Giới, không có chướng ngại, 6 con mắt còn lại quán sát chúng sinh trong 6 nẻo. Phạm có người nào được Bà quán thấy đều được giải thoát. Bốn con mắt ở lòng bàn tay lòng bàn chân, đại biểu cho bốn con mắt giải thoát, để quán cứu chúng sinh. Tay phải Tác Thí Tiếp Dẫn Ấn có ý nghĩa là đại biểu cho sự ban tặng sự nghiệp hòa bình với viên mãn giác ngộ của 8 Đại Thánh. Tay trái Tác Tam Bảo Ấn, ý nghĩa là tượng trưng cho cứu độ 8 nạn. Anh trắng sau lưng tượng trưng cho đã chặt đứt phiền não 3 độc, hai chân ngồi Kiết Già ý nghĩa là đại biểu cho không có phiền não.

Trong “ **Tán Bạch Độ Mẫu Kinh** “ nói rằng: Pháp tu trì Bạch Độ Mẫu, hay tăng trưởng Thọ Mạng với Phước Tuệ, chặt đứt gốc rễ sinh tử luân hồi, miễn trừ tất cả Ma Chướng, Ôn Dịch, Bệnh Khổ, phạm có người nào mong cầu không gì không như nguyện.

## CHÂN NGÔN CỦA BẠCH ĐỘ MẪU

藏文: ཨོྩ་ཏཱ་རེ་ཏུ་ཏཱ་རེ་ཏུ་རེ་མཚམས་ལུ་ཡུ་ཤུ་རྣམ་པུ་རྩེ་ཀུ་རུ་སྐྱེ་ཤི།

Tạng Văn: Ông, đạt liệt, đô đạt liệt, đô liệt, ban tạp, a ưu, khắc, thoa cáp

Tạng Văn:

OM – TARE TUTTARE TURE – ÀYUH PUNYE JÑANA PUṢṬIM KURU – SVÀHÀ.

## THẮNG LẠC KIM CANG

### Đức Đặc Biệt

Thắng Lạc Kim Cang là một trong những Bốn Tôn trọng yếu của Tạng Mật, trong Pháp thành tựu sự sống lâu, dùng Bạch Sắc Thắng Lạc Kim Cang làm Bốn Tôn, tu Pháp này có thể được thọ mạng tự tại.

**Thắng Lạc Kim Cang** ( Tên Phạn là: Samvara, tên Tây Tạng là འབདེ་མཚོག་ལེུག་ bde-mchog), cũng có tên là **Thượng Lạc Kim Cang**. Thắng Lạc Kim Cang có 72 loại thân tướng, thường thấy đều là tượng song thân, có 4 mặt 12 cánh tay, còn có 1 mặt 2 cánh tay, 1 mặt 6 cánh tay và màu vàng trên thân của Ngài....



**Thắng Lạc Kim Cang**, thông thường là có 4 mặt 12 cánh tay, phân biệt nhan sắc của 4 mặt là Trắng, vàng, hồng, xanh lam, ý nghĩa là biểu thị cho bốn Đức phân biệt là: Tức Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Giáng Phục. Mặt có 3 con mắt, đầu đội mào Ngũ Phật Đầu Cốt (xương đầu lâu của 5 vị Phật), thân và quần khoác da hổ, tóc kết thành búi, trước búi tóc có cái chày Thập Tự, đỉnh đầu có một Pháp Luân, trên có báu Ma Ni trang nghiêm, trên đỉnh đầu bên trái có nửa mặt trăng màu trắng. Thân trang sức 50 cái đầu lâu người khô ầm làm thành vòng tràng hạt đeo trên thân, tượng trưng cho 50 chữ Mẫu Tự Phạn Văn, tức là hoàn toàn có đầy đủ giáo lý Kinh



Điển của Phật Giáo. Chỉ có 12 cánh tay, phân biệt Pháp Khí cầm tay có: Chày Kim Cang, chuông Kim Cang, da voi, cây búa, cái bát đầu lâu, dao hình mặt trăng, sợi dây, cây kích Tam Xoa, trống cầm tay, gậy xương người... Hai chân một duỗi một co, chân phải đạp lên Đại Tự Tại Thiên Phi, chân trái đạp lên Đại Tự Tại Thiên, biểu thị cho sự giáng phục Phần Nộ và Tham Dục. Minh Phi là Kim Cang Hối Mẫu (Vajravarahi) màu hồng có 1 mặt 2 cánh tay, mặt màu hồng có 3 con mắt, tay cầm Cương Dao, Lô Khí (Khí cụ làm bằng đầu lâu), cũng dùng vòng trang sức làm bằng 50 cái đầu lâu.

Thắng Lạc Kim Cang đầu đội mũ có 5 đầu lâu, biểu thị cho thành tựu 5 Trí, Thắng Lạc tóc kết thành búi trên nửa mặt trăng biểu thị cho sự vui thích không tận, không ngừng tăng trưởng. Trên đỉnh đầu của Hối Mẫu có cái đầu Heo, biểu thị cho Đại Si Pháp Giới Thể Tính Trí, 3 con mắt biểu thị cho Tam Thế Trí (Trí của 3 đời), răng nanh biểu thị cho Biện Tài Vô Ngại, quần da Hổ biểu thị cho giải thoát sự không sợ hãi, hai tay cầm Chuông, Chày biểu thị cho Phương Tiện và Trí Tuệ cùng vận chuyển.

Thắng Lạc Kim Cang dùng đầu người ẩm ướt làm vòng hoa, biểu thị cho Báo Thân Phật Thọ Dụng Không Lạc. Hối Mẫu dùng đầu người khô làm vòng hoa, biểu thị cho Pháp Thân Thể Tính Thường Tịch. Số 50 biểu thị cho Chứng 10 Địa của 5 đạo. Chân trái co biểu thị cho Căn Bản Định, không trụ ở sinh tử. Chân phải duỗi, biểu thị cho Hậu Đắc Định, không trụ ở Niết Bàn, mà hành Đại Sự. Đạp lên Đại Tự Tại Thiên Phụ Mẫu, biểu thị cho sự điều phục Ngoại Đạo của nhóm đó với Ngã Chấp của chúng sinh, mà được thành tựu. Hai Tôn đứng ở trên tòa Sen trong Nhật Nguyệt Luân, phân biệt biểu thị cho Trí, Bi và xa lìa bụi nhiễm của 3 cõi.

Tu **Bổn Tôn** pháp này có thể được Tức Thân Thành Tựu, quả thật chính là Vô Thượng Đại Pháp. Trong “**Mật Thừa Pháp Hải**” còn có Pháp Thành Tựu sự sống lâu của Thắng Lạc Kim Cang: “**Vô Thượng An Lạc Bạch Sắc Kim Cang Trường Thọ Thành Tựu Pháp**” Pháp này dùng Bạch Sắc Thắng Lạc Kim Cang làm Bổn Tôn.

## KIM CANG HỐI MẪU

### Đức Đặc Biệt

*Căn cứ Trong Kinh nói, tu trì pháp Kim Cang Hối Mẫu, có thể khứ trừ hai chướng: Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng, mở ra Câu Sinh Trí, Điều Lý Khí Mạch và Minh Điểm, chứng được thân cầu vòng không chết, là Pháp Môn **Không Hai** để giải thoát Luân Hồi.*

**Kim Cang Hối Mẫu** ( Tên Phạn là: Vajravarahi, tên Tây Tạng là Dorje padmo), dịch âm là Đa Kiệt Bạc Ma, dịch âm Tây Tạng là Đa Kiệt Bạc Ma Nhân Tôn là thân người đầu Heo, cho nên tên là Hối Mẫu.



Thân màu hồng, có 1 mặt 2 cánh tay, ánh sáng màu hồng rực rỡ tràn khắp 10 phương 3 đời, tay phải cầm Kim Cang Việt Dao, tay trái cầm chén đầu lâu chứa đầy máu tươi, vai trái nghiêng theo Ca Chương Ca (Thiên Trượng), dáng như Diêu Linh Đồng Nữ tuổi 16, hai vú nhô ra ngoài, 3 con mắt mở to, nhãn mày, hiện tướng phần nộ, răng nanh cắn chặt ở môi dưới, tóc đen hơi vàng dựng thẳng đứng, đầu đội mào có 5 đầu lâu, dùng xương làm đồ trang sức cho Ngũ Thủ Ấn rất trang nghiêm, cổ đeo vòng chuỗi làm bằng 50 cái đầu lâu còn tươi mới, và dùng 2 đóa Tiểu Linh Hoa để trang điểm, đứng tư thế múa, chân phải co lên hư không, duỗi chân trái đạp lên Tòa có xác chết trong vành mặt trời trên Hoa Sen..

Trên thân của **Kim Cang Hối Mẫu** đều có các khí cụ khác nhau rất trang nghiêm, tượng trưng cho ý nghĩa là:

Thị hiện 1 cái đầu biểu thị cho 1 Vị của các pháp.

Trên đỉnh có đầu Heo, biểu thị cho Pháp Giới Thể Tính Trí của Đại Si.

Ba con mắt biểu thị cho Tam Thế Trí (Trí của 3 đời).

Răng nanh biểu thị cho Biện Tài Vô Ngại.

Hai cánh tay: Bên trái biểu thị cho **Trí Tuệ**, bên phải biểu thị cho **Từ Bi** (phương tiện).

Sắc thân màu hồng biểu thị cho các Ma rất sợ hãi, ánh sáng màu hồng của thân tràn khắp 10 phương 3 đời, biểu thị cho hấp thụ tinh hoa y theo 2 Báo.

Việt Dao biểu thị cho Dao Trí Tuệ đoạn trừ phiền não.

Chén đầu lâu biểu thị cho Cam lộ đang cúng dường.

Đứng tư thế múa biểu thị cho vui vẻ.

Thiên Trượng biểu thị cho Thắng Lạc Kim Cang.

Trên Thiên Trượng có 3 cái đầu người biểu thị cho 3 pháp **Pháp Báo Hóa**.

Đứng tư thế múa biểu thị cho vui vẻ.  
Thị hiện Diệu linh Đồng Nữ biểu thị cho vĩnh viễn tinh tiến, thuần chân thanh tịnh.

Hai vú nhô ra ngoài biểu thị cho hai Tư Lương viên mãn.  
Dung mạo giận dữ biểu thị cho điều phục bốn Ma.  
Vòng chuỗi có 50 cái đầu lâu biểu thị cho Pháp Thân Thể Tính Thường Tịch.  
Nhóm xương của Tiểu Linh biểu thị cho không trụ ở hai bờ Sinh Tử, Niết Bàn.

Trang sức Ngũ Thủ Ấn và đập lên xác chết biểu thị cho 6 độ viên mãn, giáng phục ngã chấp của thân mình.

**Không Hành Mẫu** chính là căn bản của Không Lạc, là nguồn gốc tất cả sự thành tựu căn bản. Không Hành Mẫu biểu thị cho Bát Nhã Diệu Trí, cho nên dễ Tu và tương ứng với Không Tính, người Tu Hành y theo sự truyền dạy của Thượng Sư, tu tập sinh khởi theo thứ tự của nhóm viên mãn, tiến tới thành tựu Tất Địa.

Căn cứ trong Kinh nói, tu trì pháp **Kim Cang Hối Mẫu**, có thể khử trừ hai chướng: Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng, mở ra Câu Sinh Trí, Điều Lý Khí Mạch và Minh Điểm, chứng được thân cầu vòng không chết, là Pháp Môn **Không Hai** để giải thoát Luân Hồi.

## CHƯƠNG THỨ BA \_MINH VƯƠNG BỘ\_

### BẤT ĐỘNG MINH VƯƠNG

#### **Đức Đặc Biệt**

*Bất Động Minh Vương Đối với việc hộ trì mạng căn của chúng sinh, có công đức thù thắng, chữ chủng tử 𑖀 (HÀM) là Phong Luân, đại biểu cho hơi thở ra vào của sinh mạng, ý nghĩa là sống lâu, hay trừ chết yểu, bệnh đại dịch với tai nạn đại ách.*

**Bất Động Minh Vương** (Tên Phạn là: Acalanàtha), là 1 trong 5 Đại Minh Vương hoặc là 1 trong 8 Đại Minh Vương của Mật Giáo, lại gọi là Bất Động Kim Cang Minh Vương, Bất Động Tôn, Vô Động Tôn, Vô Động Tôn Bồ Tát, mật hiệu là Thường Trụ Kim Cang.



Bát Động Minh Vương, thông thường được thấy là Ứng Hóa Thân của Đại Nhật Như Lai, nhận Giáo Mạng của Như Lai, thị hiện Tướng Phần Nộ, thường Trụ ở Hỏa Sinh Tam Muội, thiêu đốt chướng nạn trong ngoài với các uế cấu (dơ bẩn), bẻ gãy dập tắt tất cả Ma Quân Oán Địch.

Trong “ **Thắng Quân Bát Động Nghi Quỹ** “, Bát Động Minh Vương thệ nguyện rằng: “ Nếu có người nào thấy thân Ta thì được Tâm Bồ Đề. Nghe tên Ta thì chặt đứt được Nghi Hoặc liền tu Thiện. Nghe Ta nói thì được Đại Trí Tuệ. Biết Tâm Ta thì Tức Thân Thành Phật”.





Ngoài việc này ra, Bất Động Minh Vương đối với việc hộ trì mạng căn của chúng sinh cũng có công đức thù thắng.

Trong “ **Thắng Quân Quy** “ nói rằng: “ Pháp Bất Động, ý nghĩa là hay bảo hộ Tâm Bồ Đề, tức bảo hộ chư Phật Bồ Tát, chúng sinh Bồ Đề. Bảo Hộ chư Phật Bồ Đề, phạm thể của Tâm Bồ Đề là Thức thứ 8, Thức này tức là chư Phật, thức này vô thủy vô chung có hiệu là Vô Lượng Thọ Phật, tất cả Mạng Căn của chúng sinh đều gìn giữ trên Thức thứ 8, Mạng Căn này bảo hộ khiến bất động, tức Bất Động Minh Vương vậy. Bảo hộ chúng sinh Bồ Đề, phạm gìn giữ Phong Luân của thế giới sự, ấy là tuổi thọ của tất cả chúng sinh, tức là gió của hơi thở, hơi thở ngưng thì chết, Bất Động bảo vệ hơi thở của cõi Phật, hơi thở của chúng sinh”.

Trong “ **Thâm Bí Khẩu Quyết** “ lại nói, chữ chủng tử của Bất Động Minh Vương đại biểu cho Bốn Thệ thọ mạng lâu dài của tất cả chúng sinh: “Dùng chữ 𑖀 (HÙM) làm chủng tử, Bất Động Minh Vương này đặc biệt có bốn thệ sống lâu, chữ 𑖁 (HÀM) làm chủng tử, tuổi thọ của con người tức là hơi thở, hơi thở là gió

**Số 10** nói rằng: “Mạng gọi là **Gió**, **Gió** là **Tưởng**, **Tưởng** là **Niệm**, Mạng Căn như vậy là **Tưởng** hơi thở ra vào, hơi thở ra vào của sinh mạng, chữ 𑖁 (HÀM), Phong Luân ... có ý nghĩa là sống lâu.

Cho nên “ **Lập Ấn Táp** ” nói rằng:

*“Lại khi chính báo dứt*

*Hay sống được sáu tháng”*

Y theo văn này mà Tu Pháp Diên Mạng vậy.

Trong “ **Giác Thiên Sao** “ cũng đề cập đến Tôn này trừ bỏ tai nạn chết đột ngột: “ Thời Ô Vũ Viện cai quản, thiên hạ liên tiếp bị chết đột ngột, liền Triệu việc Pháp chặn đứng nạn bị chết đó.

Có thể Tu theo Pháp nào? Có thể xem xét bày tỏ việc Pháp, bày tỏ rằng: “Có thể Tu pháp Bất Động vậy”.

**Quỹ** nói rằng: Pháp trừ chết yếu, dùng cỏ Cốt Lự thấm với Tô, Sữa, Mật làm thành Hộ Ma 10 vạn biến, hay trừ ách nạn lớn, ấy là người dân trong nước bị chết yếu bởi dịch bệnh lưu hành, cho nên tên là **Yếu Tử Nạn**.

Lại nói rằng: Pháp trừ tai nạn chết chóc, dùng Sữa làm Hộ Ma, 1000 biến làm hạn định, hay trừ tai nạn chết chóc.

“ **Đề Lí Kinh** “ cũng nói: “ Lại dùng cỏ Câu Lũ hòa với Tô, Sữa , Mật.... rưới vào trong lửa đốt 10 vạn biến, hay trừ bệnh đại dịch “.

Tam Muội Gia Hình của Bất Động Minh Vương, tay phải cầm Kiếm, chặt đứt việc xấu xa phiền não nghiệp ái sinh tử của chúng sinh, cho nên cầm dao bén vâng theo Sắc Mạng Phần Nộ của Như Lai, muốn sát hại hết tất cả chúng sinh, lại dùng dao Lợi Tuệ chặt đứt mạng thọ nghiệp vô cùng của chúng sinh, khiến được sinh mạng Đại Không.

Ngoài ra, trong quyển 5 “ **Đại Nhật Kinh Sớ** “ kể lại, Bất Động Tôn thành Phật tuy đã lâu, vẫn dùng Bốn Thế nguyện Tam Muội Gia. Thị hiện Nô Bộc Tam Muội, là Như Lai Đồng Bộc làm mọi việc, cho nên lại có tên là **Bất Động Sứ Giả, Vô Động Sứ Giả**, thọ nhận sự cúng dường thức ăn còn dư lại của Hành Giả, ngày đêm thường ủng hộ Hành Giả, khiến thành mãn Bồ Đề.

Quyển thuộc của Bất Động Minh Vương là có 2 Đồng Tử, 8 Đồng Tử hoặc 48 Sứ Giả....

Trong đó 2 Đồng Tử là chỉ Căng Yết La và Chế Tra Ca Đồng Tử. 8 Đại Đồng Tử là chỉ: Tuệ Quang Đồng Tử, Tuệ Hỷ Đồng Tử, A Nậu Đạt Bồ Tát Đồng Tử, Chỉ Đức Bồ Tát Đồng Tử, Ô Câu Nga Bà Đồng Tử, Thanh Tịnh Tỳ Kheo Đồng Tử với 2 vị Đồng Tử là Căng Yết La và Chế Tra Ca.

Tín ngưỡng Bất Động Tôn, xuyên qua việc truyền bá Mật Giáo ở các nước Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đều có. Đặc biệt là ở Nhật Bản, Bất Động Minh Vương nhận được sự sùng bái nhiệt liệt của dân gian, đến nơi này có thể thấy Tôn Tượng Bất Động Minh Vương, Mạn Trà La với Pháp cúng dường.

## TÔN HÌNH CỦA BẤT ĐỘNG MINH VƯƠNG

Trong Truyền Thừa, Kinh Điển, **Bất Động Minh Vương** có nhiều các Pháp Tướng khác nhau, tùy duyên mà thị hiện.








Căn cứ trong “ **Đại Nhật Kinh. Phẩm Cự Duyên** “, “ **Đề Lí Tam Muội Gia Kinh** “.... kể lại: Tay phải cầm Kiếm, biểu thị cho đoạn trừ Phiền Não Ma.Tay trái cầm sợi dây, biểu thị cho Phương Tiện Tự Tại. Trên đỉnh có 7 búi tóc, ngồi trên tảng đá, là Thân Tướng rất thường thấy.

Như trong “ **Bất Động Sứ Giả Pháp** “ nói về Ngài rằng: “ Nên vẽ Bất Động Sứ Giả, thân màu vàng đỏ, tà áo bên trên nghiêng về một bên có màu xanh, cái Xiêm bên dưới có màu đỏ, bên trái có 1 búi tóc màu mây đen, tướng mạo Đồng Tử. Tay phải cầm chày Kim Cang, tay trái cầm sợi dây, 2 răng nanh nhỏ hơi ló ra hai bên, mắt giận dữ có màu đỏ, ngồi trên núi đá trong lửa rực.

Nhưng trong “ **Đề Lí Pháp** “ thì ghi chép rằng: Vẽ Bất Động Tôn, mặc áo màu đất đỏ, bím tóc bên trái rũ xuống, mắt nhìn nghiêng, hình Đồng Tử. Tay phải cầm chày Kim Cang để ở ngang trái Tim, tay trái cầm cây gậy báu, mắt hơi đỏ, ngồi trên Hoa Sen, tướng sân nộ, khắp thân rực lửa.








Ngoài ra, **Bất Động Minh Vương** cũng có Pháp Tượng nhiều cánh tay, như trong “ **An Trấn Quỹ**” kể lại rằng: “ Có 4 cánh tay, thân Phần Nộ rất nghiêm, màu xanh cam đầy đủ sự đoan nghiêm, mắt miệng đều mở, răng nanh bén ló lên trên, tay phải cầm Kiếm, tay trái cầm sợi dây, hai cánh tay trên ở hai bên miệng, Tác Phần Nộ Ấn, thân ở trong bánh xe Kim Cang có 8 cãm”. Trong 12 Trời của thế gian, thì dùng Bất Động Tôn của 4 cánh tay này làm thủ lĩnh.

## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA BẤT ĐỘNG MINH VƯƠNG

**Chữ Chủng Tử:**  (HMMÀM) hoặc  (HÀM) hoặc  (HÙM)

**Chân Ngôn:**

{ Trung Chú } ( Từ Cửu Chú )



**ॐ:** (1)  (2)  (3)  (4)  (5)  (6)  (7)  (8)

(1) Năng mạng (2) tam mạn đa phộc nhật la noãn (3) chiến nã (4) ma ha lộ sái nã (5) tát pha tra dã (6) hồng (7) đát la ca (8) hãn mạn

(1) NAMAHA (2) SAMANTA-VAJRANAMA (3) CANDA (4) MAHAROSANA (5) SPHATAYA (6) HUM (7) TRAKA (TRÀT) (8) HÀM MÀM

(1) Quy mạng (2) phổ biến các Kim Cang (3) Bạo Ác (4) Đại Phẫn Nộ (5) Phá Hoại (6) Hồng (Nghĩa là sợ hãi) (7) Kiên Cố (8) Hãn Mạn (chủng tử)

{ Tiểu Chú }











**ॐ:** (1)  (2)  (3)

(1) Nam ma (2) tam mạn đa phật chiết la noãn (3) hãn

(1) NAMAHA (2) SAMANTA-VAJRANAMA (3) HÀM

(1) Quy mạng (2) phổ biến các Kim Cang (3) hãn ( chủng tử )

{ Thí Thực Chân Ngôn }

**ॐ:** (1)  (2)  (3)  (4)  (5)  (6)  (7)  (8)  (9)  (10)  (11)  (12)

(1) Năng mạng (2) tam mạn đa phộc nhật la noãn (3) đát la tra (4) a mô gia (5) chiến nã (6) ma hạ lộ sái trĩ (7) sa pha tra dã (8) hồng (9) đát la ma dã (10) hồng (11) đát la tra (12) hàm mâu

(1) NAMAHA (2) SAMANTA-VAJRANAMA (3) TRAT (4) AMOGHA (5) CANDA (6) MAHAROSANA (7) SPHATAYA (8) HUM (9) TRAMAYA (10) HUM (11) TRAT (12) HÀM MÀM

(1) Quy mạng (2) phổ biến các kim Cang (3) Đát La Tra ( nghĩa là tàn hại phá chướng ) (4) Bất Không (5) Bạo Ác (6) Đại Phẫn Nộ (7) Phá Hoại (8) Hồng ( nghĩa là sợ hãi ) (9) Kiên Cố (10) Hồng (11) Đát La Tra (nghĩa là tàn hại phá chướng) (12) Hàm Mâu ( chủng tử )

## MÃ ĐẦU MINH VƯƠNG

**Đức Đặc Biệt**

*Bổn nguyện của Mã Đầu Minh Vương rất sâu nặng, thệ nguyện diệt hết khổ não Sinh, Lão, Bệnh, Tử của 4 loài trong 6 nẻo. Như pháp tu trì Mã Đầu Pháp có thể dứt trừ mọi bệnh, được trường thọ hộ mạng.*

**Mã Đầu Minh Vương** ( Tên Phạn là: Hayariva), âm của tên Phạn là **Hạ Dã Hột Lí Phộc, A Gia Yết Lợi Bà, Hà Gia Yết Lợi Bà**, dịch âm là **Đại Lực Trì Minh Vương**. Tôn này là 1 trong 8 Đại Minh Vương, là **Phần Nộ Trì Minh Vương** của Liên Hoa Bộ trong Minh Vương của 3 bộ ở Thai Tạng Giới thuộc Mật Giáo. Có vị trí trong Quán Âm Viện của Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La, lại gọi là **Mã Đầu Đại Sĩ, Mã Đầu Minh Vương, Mã Đầu Kim Cang Minh Vương**, tục gọi là **Mã Đầu Tôn**. Mật hiệu là **Đạm Thực Kim Cang, Tấn Tốc Kim Cang**, và trong “**Ma Ha Chỉ Quán**” cũng nói Tôn này là **Sư Tử Vô Úy Quán Âm** khi phối trí với 6 nẻo là Cứu Hộ Tôn của nẻo súc sinh.



**Mã Đầu Minh Vương** dùng Quán Âm Bồ Tát làm Tự Tính Thân, thị hiện hình đại phần nộ, để đầu ngựa ở trên đỉnh, là một trong những thân biến hóa của **Quán Thế Âm Bồ Tát**. Nhân vì Tâm Từ Bi sâu rộng, cho nên bẻ gãy, diệt trừ tất cả ma chướng, dùng Đại Uy Nhật Luân chiếu soi phá tan ám tối của chúng sinh, ăn nuốt vô minh phiền não của chúng sinh.

Trong quyển thượng “**Thánh Hạ Dã Hột Lí Phộc Đại Uy Nộ Vương Lập Thành Đại Thân Nghiệm Cúng Dưỡng Niệm Tụng Nghi Quỹ Pháp Phẩm**” nói rằng:

Hạ Dã Hột Lí Phộc ( Mã Đầu Quán Âm)

Hay bẻ gãy Ma Chướng

Dùng phương tiện Từ Bi

Hiện hình đại phần nộ

Thành Đại Uy Nhật Luân

Chiếu sáng vô biên cõi

Người tu hành ám tối

Mau chứng được Tất Địa

Thấm nhuần nước Cam Lộ

Tẩy rửa trong tàng thức

Huân tập tạt chủng tử

Mau gom nhóm Phước Trí

Được Viên Tịnh Pháp Thân

Nên con cúi đầu lễ.

Và trong **Phẩm Nghi Quỹ** trên lại nói Ta dùng Đại Từ Đại Bi lấy miệng con ngựa làm Bồn Thệ sâu nặng, hóa độ cho tất cả chúng sinh hơn hẳn các Tôn. Do Đại Từ cho nên không nhiễm dính nơi Sinh Tử, do Đại Bi cho nên không trụ ở Niết Bàn. Thường trụ trong các cảnh giới vô minh, đoạn hết các nẻo ác, diệt hết khổ não Sinh, Lão, Bệnh, Tử của 4 loài trong 6 nẻo, lại hay ăn nuốt diệt hết, chọn sự việc gần đây ví như con ngựa gầy đói ăn cỏ, lại không có niệm khác. Vì sức Bồn Nguyên này cho nên ở 10 phương Quốc Thổ không có chỗ nào không hiện thân. Lại nữa “ nếu vừa mới nhớ đến Uy Nộ Vương đó, hay khiến cho tất cả loài gây chướng nạn đều bị chặt đứt hủy hoại, tất cả chướng chướng dám lại gần, thường được xa lìa. Ở nơi cư trú của người tu hành đó, trong 40 dặm không có việc Ma với các Quỷ Thần... và các Bồ Tát cùng trụ ở đó”. Do đây có thể biết được, Bi Nguyên sâu nặng với thế lực quyền uy lớn của Tôn này.

Trong “ **Hà Gia Yết lợi Bá Tượng Pháp** “ nói, tu trì pháp Mã Đầu Quán Âm, hay được thọ mạng 14.000 tuổi, được địa vị Thất Bảo Chuyển Luân Thánh Vương, sau khi mạng chung sinh ở nước An Hỷ.

Ngoài ra, trong Kinh lại nói dùng thuốc chú vào rồi xoa lên Lạc Đà Sang (Bệnh mụn nhọt lở loét này ngày xưa ắt phải chết), liền có thể được khỏi, trừ bỏ tất cả Tâm sợ hãi.

Trong Kinh cũng nói: “ **Hạ Gia Yết Lợi Bà Liệu Bệnh Ấn**. Tức 2 tay cài chéo các ngón bên trong rồi nắm lại thành quyền (nội phộc). Dựng 2 ngón trở dính đầu nhau. Co 2 ngón cái rồi co 2 ngón trở nắm gốc móng 2 ngón cái sao cho 2 móng tay của ngón trở dính lưng nhau”.



Trong “ **Hà Gia Yết Lợi Bà Tượng Pháp** “ kể lại tạo tượng của Mã Đầu Minh Vương có 4 mặt 2 cánh tay: Mặt chính giữa là mặt Bồ tát rất đoan chính, dung mạo từ bi, nhan sắc màu trắng đỏ, tóc thuần màu xanh. Mặt bên trái là mặt Đại Sân Nộ màu



đen, lông nanh chó lên trên, tóc hơi dựng đứng như màu lửa. Mặt bên phải có dung mạo Đại Tiếu ( cười to) màu trắng đỏ đoan chính như mặt Bồ Tát, tóc thuần màu xanh. Trên mào có một vị Hóa Phật ngồi kiết già. Trên đỉnh đầu của mặt chính giữa là một cái đầu ngựa màu xanh biếc đang ngậm miệng. Tay trái co cánh tay để trước vú cầm hoa sen hồng, ngồi trên đài hoa ấy là một vị Hóa Phật, thân mặc áo cà sa ngồi kiết già, sau cổ và sau lưng có ánh hào quang. Ngửa lòng bàn tay phải nâng viên ngọc Chân Đà Ma Ni ( ngọc như ý), viên ngọc này tròn trịa màu trắng, chung quanh viên ngọc này có ánh lửa hào quang màu đỏ bao vây. Ngay bên dưới viên ngọc ở tay phải tuôn mưa các loại báu vật. Thân đứng đoan chính trên hoa sen hồng.

Ngoài ra trong quyển hạ “ **Đại Thần Nghiệm Cúng Dưỡng Niệm Tụng Nghi Quỹ Pháp Phẩm** “ cũng có tượng 4 mặt 8 cánh tay cỡi con trâu, căn cứ vào sự ghi chép của Phẩm này, nên đúc 1 tượng Kim Cang Uy Nộ vương, tùy ý lớn nhỏ. Tượng hình có 4 mặt 8 cánh tay, mỗi miệng của 4 mặt đều xuất hiện răng nanh bén trên dưới, 8 tay cầm Kim Cang Khí Trượng, ngay trên đỉnh của mặt chính có 1 cái đầu ngựa màu xanh biếc, tóc như lửa xoắn, hình Đại Bạo Ác cỡi con trâu xanh, trên lưng trâu có hình hoa sen, ngồi chồm hổm trên hình hoa sen, khắp thân lửa rực sáng chói bóng vượt hơn kiếp tai. Đại Uy Nộ Vương giáng phục oán địch của 3 đời, có hình màu nhiệm như trên.



Trong “ **Đại Thánh Diệu Cát Tường Bồ Tát Bí Mật Bát tự Đà La Ni Tu Hạnh Mạn Trà La Thứ Đệ Nghi quỹ Pháp** “ thì kể Tượng có 3 mặt 8 cánh tay: Góc đông bắc vẽ Mã Đầu Minh Vương. Có 3 mặt, 8 cánh tay cầm các Trượng Khí. Bên trái: Tay bên trên cầm hoa sen, 1 tay cầm cái bình, dùng 2 tay kết Ấn Khế. Bên phải: Tay bên trên cầm cây búa, 1 tay cầm xâu chuỗi, 1 tay cầm sợi dây. Luân Vương ngồi trong hoa sen, có Tượng đại phần nộ, xuất hiện tư thế rất ác mạnh mẽ.

Tuy nhiên hình tượng của **Mã Đầu Quán Âm** đều có điểm chung là đầu đội đầu ngựa trắng, nhưng vùng mặt biểu thị cho Tình hoặc là Tượng phần nộ hoặc là Tượng đại tiếu, so với biểu thị Tình của Bồ Tát nói chung có chỗ khác nhau.

Tôn hình của Mã Đầu Quán Âm có nhiều loại hình tượng khác nhau: 1 mặt 2 cánh tay, 1 mặt 4 cánh tay, 3 mặt 2 cánh tay, 3 mặt 8 cánh tay, 4 mặt 8 cánh tay.... Trong đó 1 mặt 2 cánh tay thì 2 cánh tay hoặc chấp lại hoặc kết Thí Vô Úy Ấn.

“ **Giác Thiên Sao** “ trích dẫn trong “ **Bát Không Quyển Sách Kinh** “ nói rằng: Tay trái cầm cây búa, tay phải cầm hoa sen. Nhưng cũng có khi tay trái cầm sen, tay phải cầm gậy hoặc tay trái kết Thí Vô Úy Ấn, tay phải cầm sen.

Dùng Bồ Tát này làm Bản Tôn để tu pháp thì khẩn cầu điều phục được người ác, dứt trừ mọi bệnh, oán địch lui tan, nghị luận được thắng, gọi là **Mã Đầu Pháp**. Tam Muội Gia Hình là Đầu ngựa trắng, ấn tướng là Mã Đầu Ấn.

### CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA MÃ ĐẦU MINH VƯƠNG

**Chữ Chủng Tử:** 𑖀 ( Ham) hoặc 𑖁 ( Khà) hoặc 𑖂 ( Hùm)

**Chân Ngôn:**

𑖀𑖂: (1) 𑖀𑖂𑖀𑖂 𑖂𑖂𑖂 (2) 𑖀𑖂𑖂 (3) 𑖀𑖂 (4) 𑖂𑖂𑖂 (5) 𑖂𑖂 (6)

(1) Nam ma (2) Tam mạn đa bột đà nam (3) khư na dã (4) bạn nhã (5) sa phá tra dã (6) toa ha

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNAM (3) KHĀDĀYA (4) BHAMJA (5) SPHAṬYA (6) SVĀHĀ

(1) Quy mạng (2) Phổ Biến Chư Phật (3) ăn nuốt (4) đánh Phá (5) phá hết (6) Thành Tự

𑖀𑖂: (1) 𑖀𑖂𑖀𑖂 𑖂𑖂𑖂 (2) 𑖂 (3) 𑖀𑖂𑖂 (4) 𑖀𑖂 (5) 𑖂𑖂𑖂 (6) 𑖂𑖂 (7)

(1) Nam mô (2) tam mạn đa bột đà nam (3) hàm (4) khư na dã (5) bạn nhã (6) sa phá tra dã (7) toa ha

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNAM (3) HŪM (4) KHĀDĀYA (5) BHAMJA (6) SPHAṬYA (7) SVĀHĀ

(1) Quy mạng (2) Phổ Biến Chư Phật (3) Hàm ( chủng tử ) (4) ăn nuốt (5) đánh phá (6) phá hết (7) Thành Tự

𑖂 (1) 𑖂𑖂𑖂𑖂𑖂 (2) 𑖂 𑖂𑖂 (3) 𑖂𑖂 (4)

(1) án (2) a mật lí đô nạp bà phộc (3) hàm phát tra (4) sa phộc hạ

(1) OM (2) AMRTODBHAVA (3) HŪM-PHAṬ (4) SVĀHĀ

(1) Quy mạng (2) Cam Lộ phát sinh (3) khủng bố phá hoại ( phá tan sự sợ hãi) (4) Thành Tự

#### {Chư Chương Đạm Thực Chân Ngôn}

**Nam mô tam mạn đa mẫu đà nam. Mâu, khư dạ đà, bạn đô, tát bà tra dã, toa ha**

[ND: NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNAM \_ HAM KHĀDĀYA BHAMJA SPHAṬYA SVĀHĀ]

Chân ngôn này dùng công đức của Không Hành hay ăn nuốt chương ngại Bồ Đề là tất cả pháp của 3 cõi trao cho chúng sinh Thực Tướng Diệu Quả của các pháp.



## Ô XU SA MA MINH VƯƠNG ( UẾ TÍCH KIM CANG)

### Đức Đặc Biệt

*Uế Tích Kim Cang có Bốn Thệ là ăn hết các thứ Bất Tịnh hay thiêu đốt Tâm phân biệt dơ sạch, sinh diệt, chuyển Bất Tịnh thành Thanh Tịnh, có Thần Biến Diên Mạng Pháp, có thể khử bệnh tránh tai ương, hộ mạng sống lâu*

**Ô Xu Sa Ma Minh Vương** (Tên Phạn là: Ucchṣma, tên Tây Tạng là: Hchol-ba), lại tên là: **Ô Mục Sa Ma Minh Vương, Ô Xu Sáp Ma Minh Vương, Ô Tố Sa Ma Minh Vương**; cũng gọi là **Uế Tích Kim Cang, Hỏa Đầu Kim Cang, Bất Tịnh Kim Cang, Thụ Xúc Kim Cang, Bất Hoại Kim Cang, Trừ Uế Phần Nộ Tôn**.... Là 1 trong các Tôn Phần Nộ được thờ cúng nơi Thiên Tông và Mật Giáo, là Giáo Lệnh Luân Thân của Yết Ma Bộ ở phương bắc.



Căn cứ trong quyển 36 “ **Tuệ Lâm Âm Nghĩa** “ ghi chép rằng: Bốn nguyện của Minh Vương này là ăn hết tất cả vật Bất Tịnh, có đủ Đại Bi Thâm Tịnh (trong sạch thâm sâu), không tránh tiếp xúc với vật ô uế, vì cứu hộ chúng sinh nên dùng ánh sáng Đại Uy dạng như lửa mạnh, thiêu trừ phiền não vọng kiến, phân biệt Tâm sinh diệt dơ sạch. Do có đầy đủ Đức chuyển Bất Tịnh thành Thanh Tịnh, cho nên thường đặt ở nơi Bất Tịnh để cung phụng.

Trong 2 Tông, Thiên Tông và Mật Tông của Trung Quốc, Tôn này nhận được sự tôn sùng rất lớn.



Trong “ **Đề Lí Tam Muội Gia Kinh** “ có 1 tên là **Thụ Xúc Kim Cang**, tức là **Bất Tịnh Kim Cang**.

Trong quyển 9 “ **Đà La Ni Tập Kinh** “ thì gọi là **Bất Tịnh Khiết Kim Cang**

Trong “ **Nhiếp Vô Ngại Kinh** “ gọi là **Uế Tích Kim Cang**.

Trong “ **Cù Hê Kinh** “, “ **Tô Bà Hô Kinh** “... có tên gọi là **Uế Tích Kim Cang, Bất Hoại Kim Cang, Hỏa Đầu Kim Cang**....

Tôn này cũng có tên Phạn là: Ma Hạ Ma La (Mahābala) dịch là Đại Lực. Đại Lực là chỉ Tôn này có đủ sức Đại Từ, giống như dùng lửa rục thiêu trừ nghiệp sinh tử uế ác của chúng sinh, cho nên tên là **Đại Lực**.

Có thể biết **Uế Tích Kim Cang** có đủ Đức màu nhiệm chuyển Bất Tịnh Uế Ác thành Thanh Tịnh, dùng Thể Tính Pháp Giới của Thanh Tịnh rất sâu có đầy đủ Uy Quang của Đại Bi, dùng Đại Từ Đại Lực, sinh khởi Tịnh Hỏa rục cháy trong Pháp Giới thiêu trừ nhóm nghiệp sinh tử của chúng sinh, khiến Pháp Giới thường hiện Thanh Tịnh, chúng sinh xa lìa phân biệt Tịnh Nhiễm, tiến thẳng đến viên mãn thành Phật. Là Đại Thủ Hộ sự nghiệp Tâm Bồ Đề của tất cả chúng sinh.



Dùng Pháp tu của **Minh Vương** này làm Bản Tôn gọi là **Ô Mục Sa Ma Pháp**, thường dùng để khẩn cầu sinh sản được bình an hoặc khử trừ Bất Tịnh lúc sinh sản, hoặc là khử trừ bệnh tật, xua đuổi rắn độc, Quỷ Ác.... cũng có thể tu Pháp này.

Phàm trì tụng **Thần Chú Minh Vương** này, có thể được đại công đức, không chỉ có thể nhận được đại lợi ích khử bệnh, kính yêu, tránh nạn, thêm phước, giáng phục oán địch.... Lại có thể phòng ngự các chướng ngại của Khô Mộc Tinh, Quỷ Ác, rắn độc....

**Uế Tích Kim Cang** thị hiện thân hình rất là uy mãnh phần nộ, trong Mật Giáo là Giáo Lệnh Luân Thân được hóa hiện bởi Yết Ma Bộ ở phương bắc, thân phần nộ, viên mãn sự nghiệp rộng lớn của Chư Phật.

Trong Nhân Duyên của Bản Địa, trong các Kinh Luận thì Tôn này được coi là thị hiện của **Thích Ca Mâu Ni Phật, Bất Không Thành Tựu Phật, Bất Động Minh Vương, Phổ Hiền Bồ Tát** cho đến **Kim Cang Thủ Bồ Tát**, có các loại thuyết pháp truyền thừa khác nhau. Nhân đây có người cho rằng Tôn này là đồng thể với **Kim Cang Dạ Xoa Minh Vương** ( Tức là Giáo Lệnh Luân Thân của Bất Không Thành Tựu Phật) trong 5 Đại Minh Vương.

Trong “**Đề Lí Tam Muội Gia Kinh**” với trong quyển 9 “**Đại Nhật Kinh Sớ**” lại nói là **Uế Tích Kim Cang** là nơi hóa hiện của **Bất Động Minh Vương**.

Trong “**Đề Lí Tam Muội Gia Bất Động Tôn Thánh Giả Niệm Tụng Bí Mật Pháp**” nói rằng: “Lại tác niệm này, người Trì Minh ấy sợ tất cả uế ác, nay ta hóa ra tất cả vật ô uế, quần quanh 4 mặt mà trụ ở trong đó, nơi ấy đang thi hành Minh Thuật làm sao mà vào được? !.. Lúc **Vô Động Minh Vương** vâng theo giáo mạng của Đức Phật triệu vời vị Trời ấy, thấy làm sự việc như vậy, tức hóa ra **Thụ Xúc Kim Cang** (Tức là Bất Tịnh Kim Cang), khiến vị đó bị bắt. Bấy giờ, **Bất Tịnh Kim Cang** trong chốc lát đều ăn hết các uế vật không còn dư sót, liền nắm tay vị Trời kia đi đến chỗ của Đức Phật”.



Y theo “ **Bí Tạng Kỳ** “ ghi chép rằng: **Kim Cang Dạ Xoa** là thân phần nộ của **Bất Không Thành Tựu Phật**, Tự Tính Luân Thân tức là **Kim Cang Nha Bồ Tát**, là thân tịch tĩnh. Nhưng **Uế Tích Kim Cang** là thân phần nộ của **Bất Không Thành Tựu Phật**, Tự Tính Luân Thân là **Kim Cang Nghiệp Bồ Tát**. Trong 5 tượng Đại Tôn do **Trí Chứng** thỉnh về, không có Kim Cang Dạ Xoa, mà dùng Ô Sô Sáp ma thay thế. Do có thể biết điều này nên **Kim Cang Dạ Xoa** và **Uế Tích Kim Cang** có thể coi là đồng thể.

Nhưng tên gọi của Hỏa Đầu Kim Cang trong Tôn này có nguồn gốc trong quyển 5 “ **Lăng Nghiêm Kinh** “ ghi chép rằng: Ô Sô Sáp Ma đến trước Đức Như Lai, chấp tay lại đỉnh lễ hai chân Phật, mà bạch rằng: “ Con thường nhớ kiếp lâu xa về trước, tính nhiều ham muốn, có Đức Phật ra đời, tên là **Không Vương**, nói người nào đa dâm tụ thành lửa mạnh, dạy con Quán khắp trăm xương trong người, tứ chi, các khí lạnh ấm. Do Thần Quang lắng đọng bên trong, hóa **Tâm Đa Dâm thành Lửa Trí Tuệ**, từ đó Chư Phật đều hô triệu tên con là **Hỏa Đầu**. Con dùng sức Hỏa Quang Tam Muội, cho nên thành A la Hán, Tâm phát đại nguyện. Chư Phật Thành Đạo, con là Lực Sĩ thân cận, giáng phục ma oán. Đức Phật hỏi Pháp Viên Thông, con dùng Pháp Quán các hơi ấm nơi thân Tâm đều lưu thông không trở ngại, các Lộ đã trừ bỏ, sinh Đại Bảo Diệm (Ngọn lửa báu to lớn), lên bậc Vô Thượng Giác, đây là đệ nhất”. Nghĩa là dùng Lửa Trí thiêu trừ sự Bất Tịnh, thành tựu Bồ Đề, cho nên tên là **Hỏa Đầu Kim Cang**.

Trong “ **Đại Uy Nộ Ô Sô Sáp Ma Nghi Quỹ Kinh** “ lại nói rằng: “ **Phổ Hiền** tức là **Trì Kim Cang** được thọ chức từ Chư Phật, dùng điều phục việc khó điều phục nên hiện ra thể Minh Vương này “. Cho nên từ Kinh này có thể biết, **Uế Tích Kim Cang** lại là nơi hóa hiện của **Phổ Hiền Bồ Tát**.

Căn cứ trong “ **Nhiếp Vô Ngại Kinh** “ ghi chép, **Uế Tích Kim Cang** cũng là nơi hóa hiện của **Bất Không Thành Tựu Phật**; ngoài ra cũng có nói là đồng thể với **Kim Cang Dạ Xoa Minh Vương**.

## CHUYỆN KỂ VỀ UẾ TÍCH KIM CANG HÓA Ô UẾ THÀNH THANH TỊNH

Trong “ **Uế Tích Kim Cang Thuyết Thần Thông Đại Mãn Đà La Ni Pháp Thuật Linh Yếu Môn** “ có ghi chép nhân duyên hóa hiện của Uế Tích Kim Cang.

Bấy giờ, Đức Thích Ca Như Lai sắp Nhập Diệt. Khi đó có vô lượng trăm ngàn vạn chúng, 8 Bộ Trời rồng, người, Phi Nhân, Đại Chúng của Chư Thiên, Thích Đề Hoàn Nhân.... đều đến cúng dường, chỉ có Mâu Kế Phạm Vương chẳng những chẳng đến yết kiến thăm hỏi, mà còn ở trong cung Trời vui đùa cùng với các Thế Nữ.

Sau khi Đại Chúng hiểu biết sự việc, đối với vị Phạm Vương ngạo mạn như thế đều cảm thấy bất bình giận dữ, thế là mỗi người cử trăm ngàn Chúng Chú Tiên, đi đến chỗ vị Phạm Vương, muốn khiến cho vị đó đi đến. Nhưng vị Phạm Vương sớm đã có sự chuẩn bị, đem 4 vòng Thành Hào của Thiên Cung, dùng mọi thứ vật ô



uế Bất Tịnh để kết Giới, những Tiên Nhân này trông thấy mọi thứ vật Bất Tịnh, liền bị phạm Chú mà chết.

Lúc ấy, các Thiên Chúng lại ra lệnh cho Vô Lượng Kim Cang đi, nhưng tình hình cũng giống như trước, như thế 7 lần, vẫn không có người nào bắt vị Phạm Vương về được. Đại Chúng thấy tình hình như vậy lại càng thêm buồn thương, ở trước di thể của Đức Như Lai nghẹn ngào, nức nở, kêu than, gào khóc.

Lúc đó, Đức Như Lai vì thương xót các Đại Chúng liền dùng Đại Biến Tri Thần Lực, từ trái Tim bên trái hóa hiện ra vị Bất Hoại Kim Cang, liền ở trong Chúng từ chỗ ngồi đứng dậy nói với Đại Chúng rằng: “ Tôi có Đại Thần Chú, có thể bắt vị Phạm Vương kia”. Sau khi nói xong, liền ở trong Đại Chúng hiện Đại Thần Thông, biến hóa khiến 3.000 Đại Thiên Thế Giới chấn động theo 6 cách; Cung Trời, cung Rồng, cung Quỷ Thần thấy đều hủy nát. Liền tự thân bay đến chỗ vị Phạm Vương dùng ngón tay chỉ Thành Hào, thì mọi thứ uế vật ấy lập tức biến thành đại địa.

Bấy giờ, vị Kim Cang đến Thành Hào bảo với vị Phạm Vương rằng: “ Người thật là đại ngu si, Đức Như Lai muốn vào Niết Bàn, vì sao người không chịu đến? Liền dùng sức của Kim Cang Bất Hoại, hơi dùng ngón tay chỉ thì vị Phạm Vương phát Tâm đi đến chỗ Đức Như Lai.

Khi ấy, Đại Chúng khen rằng: “ Đại Lực Sĩ! Ông hay có Thần Lực này mới bắt vị Phạm Vương kia đi đến nơi đây “.

Thời vị Kim Cang liền bảo rằng: “ Nếu có chúng sinh ở thế gian bị các Trời, Ma ác, tất cả Ngoại Đạo gây não loạn, chỉ cần tụng Chú của tôi 10 vạn biến thì tôi tự nhiên hiện thân, khiến cho tất cả hữu tình tùy ý mãn túc, vĩnh viễn xa lìa sự nghèo túng, thường khiến cho an vui. Chú ấy như vậy, trước tiên nên phát Đại Nguyện này: **Quy mạng Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của tôi.** Sau khi Đức Như Lai diệt độ, thọ trì Chú này, thể độ quần sinh, khiến cho Phật Pháp chẳng diệt, trụ lâu ở đời “.

Sau khi phát nguyện này xong, liền nói Đại Viên Mãn Đà La Ni Thần Chú Uế Tích Chân Ngôn là:

**“ Án – Bút quát hốt lốt, ma ha bát la ngân na, ngái vãn trấp vãn, vi hiệt vi ma na thê. Ô thâm mộ hốt lốt, hàm hàm, phán phán phán, sa ha “**

Thời vị **Kim Cang** nói chú này xong, lại nói rằng: “ Sau khi Đức Như Lai diệt độ, tôi thường tụng Chú này. Nếu có chúng sinh tình nguyện thọ trì Chú này, tôi thường làm sứ giả cung cấp cho sự mong cầu được như nguyện.

Nay con ở trước Đức Như Lai nói Thần Chú này. Nguyện xin Đức Như Lai ở trong Chân Tế chiếu biết cho con.

Thế Tôn! Nếu có chúng sinh bị các Quỷ Thần ác gây não loạn, mà hay trì Chú này, đều chẳng thể bị hại, vĩnh viễn xa lìa khổ nạn.

Thế Tôn! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện muốn cầu trị bệnh. Tụng Thần Chú trên 40 vạn biến, nhìn thấy kẻ có bệnh thì trị liệu nhất định sẽ có linh nghiệm, không kể Thanh Tịnh và Bất Tịnh, tùy ý sai khiến, con thường tùy theo cho mãn tất cả nguyện “.

Trong Kinh Điển cũng có nói mọi loại Pháp trị liệu bệnh tật, Tà bệnh.

Nếu muốn trị bệnh cho người. Tác Ấn Đốn Bệnh. Trước tiên tay trái đem ngón trỏ, ngón giữa co đề quấn nhau, liền Chú 100 biến. Dùng Ấn Đốn Bệnh quơ dưới người bệnh 7 lần liền khỏi.

Nếu người bệnh sắp chết, trước tiên kết Ấn Cấm Ngũ Lộ, sau đó hãy trị thì người bệnh chẳng chết, ấn vào con mắt. Ấn này dựa theo Ấn lúc trước, chỉ co ngón vô danh hướng vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng ngón út, chú 100 biến thì bệnh ấy mau khỏi.

Nếu trị bệnh tà, chỉ ở bên đầu của người bệnh, đốt An Tất Hương tụng Chú thì trừ được bệnh.

Nếu trị bệnh Trùng Độc. Viết tên gọi của người bệnh trên giấy rồi chú vào , liền khỏi, trị bệnh Tinh My cũng như pháp trước.

Nếu trị người bệnh nằm lâu ngày, viết tên họ người bệnh rồi viết tên họ của Quỷ, vùi lấp dưới giường người bệnh. Tụng Chú thì Quỷ ấy mau xưng họ tên, tự hiện thân ra. Sai khiến Quỷ ấy xem việc 3 đời thì mỗi mỗi nói đủ. Hướng về người nói thì bệnh ấy mau khỏi.

Nếu có bệnh thời khí, Chú Sư nhìn vào liền khỏi.

Nếu muốn Hành Bệnh Quỷ Vương chẳng vào trong địa giới của mình. Vào 10 ngày trai, tụng chú này của ta 1008 biến thì hay trừ bệnh trong vạn dặm.

Trong “**Uế Tích Kim Cang Cấm Bách Biến Pháp Kinh**“, cũng đề cập đến “**Thần Biến Diên Mạng Pháp**”



\_ Người bệnh nằm lâu, vẽ trên trái tim liền khỏi. Đại Cát, Cấp Cấp Như Luật Lệnh.



\_ Người bị đau Tim. Vẽ vào lập tức trừ khỏi bệnh. Đại Cát Lợi, Cấp Cấp Như Luật Lệnh. Trước tiên nên chú 7 biến.

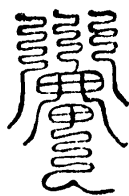


\_ Người bị bệnh Quỷ, dùng màu đỏ vẽ rồi cho nuốt vào.

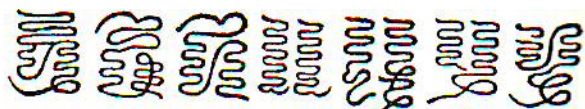




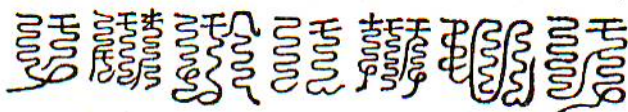
\_ Người bị bệnh Tinh My Quỷ. Dùng màu đỏ vẽ 7 lá lớn rồi cho nuốt vào liền khỏi, rất thần nghiệm.



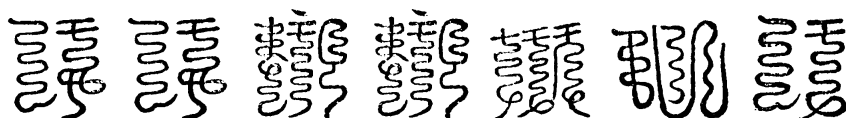
\_ Nếu người nào y theo pháp lấy Bạch Đàn Lãng ( Lụa Mỏng màu trắng) dài 2 trượng 1 thước 7 tấc, nấu trong nước tro để thật trắng ( Bạch Luyện Lý) rồi đặt vào Địa Luân Thế Giới ( Quả địa cầu) sẽ khiến cho người đó sống lâu 70 tuổi. Nếu không có người đưa tặng liền đặt ở cái Viện ( Đình ) trong nhà mình hoặc đào đất sâu 7 thước rồi chôn vào cũng được, sẽ được thông minh, nhiều Trí, biện tài vô ngại.



\_ 7 đạo này hay trị vạn bệnh, nuốt vào cũng khiến cho sống lâu, tăng thêm Trí rất thần nghiệm.



\_ 7 đạo bên trên này. Dùng màu đỏ (Chu) vẽ trên giấy, nuốt 1000 lá sẽ khiến cho người sống lâu liền được thọ ngang bằng Trời đất. Đừng để cho người khác nhìn thấy.

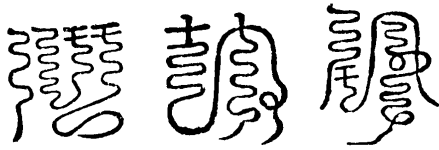


\_ 7 đạo bên trên này. Nếu có người bị tất cả bệnh. Dùng phù này đều trừ được bệnh. Nếu có người vẽ phù, nuốt vào sẽ sống lâu, tăng thêm Trí, rất hiệu nghiệm.



\_ 7 đạo bên trên này. Nếu có người cầu mọi loại trân bảo, dùng màu đỏ vẽ phù này rồi nuốt vào. Mãn 7 ngày liền có mọi loại Diệu Bảo tự nhiên đến.

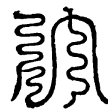
Nếu cầu tài vật của người khác. Nên viết tên họ của người ấy ở dưới phù này, lập tức người ấy đem vật đến cho.



\_ 3 phù trên này. Dùng màu đỏ vẽ trên 4 chân giường ắt thường có 8 vị Đại Kim Cang hộ vệ chẳng tạm buông bỏ. Tuy nhiên phải nghiêm tịnh, đừng để cho vật ô nhiễm vào phòng. Điều này cần phải dè dặt cẩn thận.



\_ Khi có hỏa tai nổi lên. Vẽ phù ném 1 lần thì chú 1 lần, cho đến 108 lần hướng vào trong lửa, chỉ phút chốc thì tai họa tự diệt.



\_ Khi có Đại Ác Phong nổi lên. Vẽ phù này chú 108 biến rồi ném vào trong gió thì gió liền ngưng.

## HÌNH TƯỢNG CỦA UẾ TÍCH KIM CANG

Do nhân duyên hóa hiện với truyền thừa khác nhau, hình tượng của Uế Tích Kim Cang cũng có nhiều loại tạo tượng khác nhau.

Về hình tượng có các loại: Hình phần nộ có 2 cánh tay, hình phần nộ có 4 cánh tay, hình đoạn chính có 4 tay, hình có 6 cánh tay 3 con mắt, hình phần nộ có 8 cánh tay 3 con mắt.... Nhưng nói chung phần nhiều chọn dùng theo quyển thượng “**Đại Uy Lực Vi Xu Sắt Ma Minh Vương Kinh**” để nói: Hình phần nộ có 4 cánh tay, tròn mắt màu hồng, toàn thân màu xanh đen, quanh thân rực lửa. Bên phải: Tay trên cầm cây Kiếm, tay dưới cầm sợi dây. Bên trái: Tay trên cầm Đả Sa Bổng, tay dưới cầm Tam Cổ Xoa, trên mỗi Khí Trượng đều rực lửa.

Trong “**Đại Uy Lực Ô Xu Sắt Ma Minh Vương Kinh**” ghi chép các loại hình tượng khác nhau của Tôn này:

1. Tượng 2 cánh tay của Uế Tích Kim Cang, toàn thân màu đỏ, hình phần nộ, răng chó lộ ra ngoài, mặt mục (như mắt chồn), tóc màu vàng dựng đứng, tay trái cầm cái Chày, tay phải cầm Na Nõa.
2. Tượng 2 cánh tay, tay phải lòng bàn tay mở ra duỗi thẳng 5 ngón, tay trái cầm cái Chày, chân trái đạp lên Tì Na Dạ Ca, chân phải đạp lên Na Nõa khiến 1 đầu của Na Nõa đè lên Tì Na Dạ Ca.

3. Tượng 4 cánh tay, hình phần nộ, tròng mắt màu đỏ, toàn thân màu xanh đen, quanh thân rực lửa, tay phải ở trên cầm cây Kiếm, tay phải ở dưới cầm sợi dây, tay trái ở trên cầm Đả Sa Bồng, tay trái ở dưới cầm Tam Cổ Xoa.
4. Tượng 4 cánh tay, trên lòng bàn tay trái cầm cái đầu lâu, tay trái ở dưới dựng ngón trở làm thế suy nghĩ, tay phải ở trên cầm Na Nỗa, ở dưới cầm Hành
5. Tượng 4 cánh tay, dùng máu của mình vẽ, tóc ở trên đầu dựng đứng, lòng bàn tay thứ 1 cầm đầu lâu, tay thứ 2 cầm Na Nỗa, ( Thiếu tay thứ 3?) tay thứ 4 cầm cái Chày, mặc quần da cạp.
6. Tượng 4 cánh tay, tay phải nâng tượng Phật, tay ở dưới cầm Na Nỗa, tay trái ở trên duỗi 5 ngón, nghiêng bàn tay gập đầu trán, hơi cuối thấp đầu làm tư thế lễ Phật, tay ở dưới cầm sợi dây đỏ, tròng mắt màu hồng.
7. Tượng 4 cánh tay, toàn thân màu đen rực lửa, hình phần nộ, mắt trái màu xanh biếc, tóc màu vàng dựng đứng, cằm môi dưới lộ răng nanh chó lên, mặc quần da cạp, dùng rắn làm chuỗi anh lạc. Bên Trái: Tay ở trên cầm cái Chày, tay ở dưới cầm sợi dây. Bên Phải: Tay ở trên đều co các ngón dựng ngón trở làm thế suy nghĩ, tay ở dưới tác Thí Dữ Nguyễn Ấn luôn cau chân mày, mắt nhìn thật đáng sợ.

Ngoài ra, trong “ **Đà La Ni Kinh** “ ghi chép rằng: Hình tượng của Tôn này là thân màu xanh. Bên Phải: Tay ở trên cầm cái Chày Kim Cang, tay ở dưới duỗi xuống, ngửa ngón tay cái, ngón tay trở duỗi thẳng xuống, 3 ngón còn lại hơi hướng lên trên co gập. Bên trái: Tay ở trên cầm sợi dây đỏ quấn như con rắn, tay ở dưới cầm Tràng Hạt, diện mạo đoan chính thù diệu, 2 con rồng màu đỏ quấn ở bắp tay bên trái hướng cái đầu ở trước ngực, cùng quấn nhau nhìn lên, lại có rồng xanh quấn ở cánh tay cổ chân, trên đầu có 1 con rồng trắng, dùng da cạp che háng, tóc trên đầu như lửa rực, lại có lửa mạnh phía sau cổ; bên trên hào quang của cái đầu , hai bên trái phải đều có 1 tòa sen, trên sen bên trái là Đức Phật A Súc, trên sen bên phải là Đức Phật A Di Đà ngồi kiết già. Trong quyển 9 “ Đà La Ni Tập Kinh “ đã ghi chép như vậy.

Trong “ **Nhiếp Vô Ngại Kinh** “ ghi chép hình tượng Tôn này là thân màu xanh, tay trái cầm râu chuỗi báu, tay phải cầm cái Chày Tam Cổ, tay phải ở dưới tác Mãn Nguyễn Ấn, tức ngón cái và ngón trở vịn nhau, 3 ngón còn lại co, mặc áo da thú, vai phải có 2 con rắn đỏ ở ngực thông cái đầu hướng về phía Bốn Tôn, lại trong 4 cánh tay, 2 bắp tay có con rắn xanh quấn xung quanh.

Như Tôn Tượng do **Viên Chân** thỉnh về lại thấy Tượng có 6 cánh tay, 3 con mắt. Bên phải: Tay thứ 1 cầm Bảo Bồng ( Gậy báu), tay thứ 2 cầm cái Chày Tam Cổ, tay thứ 3 cầm sợi dây. Bên trái: Tay thứ 1 tác Thí Nguyễn Ấn, Tay thứ 2 cầm bánh xe, tay thứ 3 cầm Tràng Hạt, rắn quấn quanh ở tay chân, đầu lâu làm anh lạc, ngồi trên hoa sen đỏ, chân phải thông xuống.

Ngoài ra có thân màu đỏ 3 con mắt, tay thứ 1 bên phải bên trái nắm quyền, duỗi ngón trở ra dựng thẳng ở trước ngực giao chéo với nách, Bên trái: Tay thứ 2 cầm cái Móc Câu, tay ở dưới duỗi 5 ngón úp lòng bàn tay, Bên Phải: Tay thứ 2 cầm cây Gậy, tay ở dưới cầm cây Kiếm, chân phải nâng lên, chân trái đứng trên mỏm núi, lửa rực khắp toàn thân, ở trên trong hư không có tạo hình vị Hóa Phật.

Trong Đường Bốn Dạng Tượng, Uế Tích Kim Cang hình có 8 cánh tay, hình phần nộ, đứng trên bàn đá. Tay thứ 1 bên phải bên trái Kết Ấn, đem ngón cái đè ngón giữa và ngón vô danh, duỗi thẳng ngón út và ngón trỏ, tay phải đặt bên hông trái, tay trái để bên cạnh bụng đều hướng lòng bàn tay ra ngoài. Bên Phải: Tay thứ 2 cầm cây Kiếm ngắn, tay thứ 3 cầm cái Chuông, tay thứ 4 cầm sợi dây. Bên Trái: Tay thứ 2 cầm Bánh Xe có 6 cãm, tay thứ 3 cầm cây Kiếm dài, tay thứ 4 cầm cái Chày Tam Cổ, chân phải dơ cao như thế nhảy, chân trái đạp thẳng trên đá tỏa lửa rực bên cạnh chân, cổ đeo chuỗi anh lạc, khoác Thiên Y, tóc trên đầu dựng đứng.

Lại theo Đường Bốn thì **Tượng Uế Tích Kim Cang** có thân màu thịt đỏ, mặt có 3 con mắt, tóc trên đầu dựng đứng, trên đỉnh đội mũo Trời (Thiên Quan), mặt hướng về bên trái đứng trên Bàn Đá, 2 tay thứ 1 kết Ấn như tay Ấn của Tượng thứ 1, Bên trái: Tay thứ 2 cầm cây Kiếm, tay thứ 3 cầm cái Chuông Tam Cổ, tay thứ 4 cầm sợi dây, Bên phải: Tay thứ 2 cầm vật khí giống như cái Bao (Có thể là bao Kiếm), tay thứ 3 cầm cái Chày Độc Cổ, chày có buộc lụa màu đỏ, tay thứ 4 cầm Cung Tên, mặc áo cà sa màu đỏ khoác Thiên Y màu xanh, đứng trên tảng đá với bốn bên của tảng đá tỏa lửa mạnh, trên không trung có 1 vị Hóa Phật.

## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA Ô XU SA MA MINH VƯƠNG

Chữ chũng Tử: 𑖀 ( Hùṃ )

Chân Ngôn:

𑖀 (1) 𑖀 (2) 𑖀𑖀𑖀𑖀 (3) 𑖀𑖀 (4) 𑖀𑖀𑖀𑖀 (5) 𑖀𑖀𑖀  
 𑖀𑖀𑖀𑖀 (6) 𑖀 (7) 𑖀𑖀 (8) 𑖀𑖀𑖀 (9) 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀  
 (10) 𑖀𑖀𑖀𑖀 (11) 𑖀𑖀 (12)

(1) Ấn (2) hồng (3) phát tra phát tra phát tra (4) ô ngật la (5) thú la bá  
 ninh (6) hồng hồng hồng hồng phát tra phát tra phát tra (7) án (8) nhiều  
 đê (9) ninh la năng na (10) hồng hồng hồng hồng phát tra phát tra phát tra  
 án án án (10) ma ha ma la (11) sa phộc hạ

(1) OM (2) HÙM (3) PHAT PHAT PHAT (4) UGRA (5) ‘SÙLAPÀNNI  
 (?SÙLA-PÀNI) (6) HÙM HÙM HÙM PHAT PHAT PHAT (7) OM (8) DÙTI  
 (9) NIMADA (?NIRNADA) (10) HÙM HÙM HÙM PHAT PHAT PHAT OM OM  
 OM (11) MAHÀHÀBALA (?MAHÀ-BALA) (12) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Hồng (3) Phát Tra Phát Tra Phát Tra (4) Cường Lực ( Sức  
 mạnh) (5) Trì Mâu giả (6) Hồng Hồng Hồng Phát Tra Phát Tra Phát Tra (7)  
 Quy Mạng (8) Sứ Giả (9) Vô Thanh Dự (10) Hồng Hồng Hồng Phát Tra Phát  
 Tra Phát Tra Quy Mạng Quy Mạng Quy Mạng (11) Đại Lực (12) Thành  
 Tự

[ Đại Tâm Chân Ngôn ]

𑖀 (1) 𑖀𑖀 (2) 𑖀𑖀 (3) 𑖀𑖀𑖀𑖀 (4) 𑖀𑖀 𑖀𑖀 𑖀𑖀 (5) 𑖀𑖀 (6)  
 𑖀𑖀𑖀 (7) 𑖀𑖀 𑖀𑖀 𑖀𑖀 (8)

(1) Án (2) phộc nhật la (3) câu lỗ đà (4) ma ha la la (5) ha năng na ha  
phả giả (6) vĩ đà vọng (7) ô xu sắt ma (8) câu lỗ đà hồng hồng tra

(1) OM (2) VAJRA (3) KRODHA (4) MAHÀ BALA (5) HÀNA (? HANA)  
DÀHA (?DAHA) PACA (6) VIDVÀN (?VIDHVAM) (7) UCCHUṢMAH  
(?UCCHUṢMA) (8) KRODHA HÙM PHAT

(1) Quy Mạng (2) kim Cang (3) Phần Nộ (4) Đại Lực (5) Thiêu Khí (6)  
Hữu Trí (7) Ô Xu Sắt Ma Vương (8) Phần Nộ Phá Hoại

**{ Giải Uế Chân Ngôn }**

ॐ (1) श्रीमल (2) ममल मल (3) सुश्री (4) सुद (5)

(1) Án (2) tu lợi ma lợi (3) ma ma lợi ma lợi (4) tu tu lợi (5) toa ha ( (quyển 9 “Đà La Ni Kinh “ )

(1) OM (2) ‘SRÌMALI (3) MAMALI MALI (4) ‘SU’SRI (5) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Cát Tường Bảo Trì (3) Hạnh Phúc Bảo Trì Bảo Trì (4) Hoa  
Lệ Cát Tường (5) Thành Tự

**QUÂN TRÀ LỢI MINH VƯƠNG**

**Đức Đặc Biệt**

*Quân Trà Lợi Minh Vương, hay thành tựu vô lượng trăm ngàn pháp, thanh tịnh tất cả tội, chữa khỏi các bệnh Quỷ Mỵ Dã Đạo, tiêu diệt bệnh biến quái ác, cũng trừ tất cả độc, tránh xa các tai ách về thú ác, nạn trộm cướp, nạn vua chúa, tự bảo vệ mình bảo vệ người, sống lâu không bệnh an ổn khoái lạc.*



**Quân Trà Lợi Minh Vương** ( Tên Phạn là: Kundah ? Kuṇḍali ), dịch âm là **Quân Trà Lợi**, dịch ý là *cái bình*. Trong Mật Giáo cái bình là tượng trưng cho **Cam Lộ**, cho nên lại dịch là **Cam Lộ Quân Trà Lợi**, là 1 trong 5 Đại Minh Vương của Mật Giáo, là Giáo Lệnh Luân Thân (Thân phần nộ) của Đức Phật Bảo Sinh ở phương nam.

**Quân Trà Lợi Minh Vương** dùng phương tiện Từ Bi, Thành Chứng Đại Uy Nhật Luân để chiếu diệu cho người tu hành. Và rưới rót nước Cam Lộ, dùng để tẩy rửa 3 độc phiền não trong đất Tâm của chúng sinh. Nhân đây lại gọi là **Cam Lộ Quân Trà Lợi Minh Vương** ( Amṛiti-kuṇḍali, A Mật Lợi Đế Minh Vương ).

Mà Cam Lộ ( Tên Phạn là: Amṛta), dịch âm là **A Mật Lật Đa, Á Mật Lí Đạt**, dịch ý là **Bất Tử, chất nước Bất Tử, Cam Lộ....** Tương truyền khi uống vào có thể sống lâu chẳng chết. Trong “ **Chú Duy Ma Cật Kinh** “ nói, chư Thiên dùng mọi loại thuốc hay bỏ vào trong biển, dùng núi báu khuấy đảo để khiến thành Cam Lộ, khi uống vào thì được thành Tiên. Nên có tên là thuốc Bất Tử. Trong Phật pháp, dùng Niết Bàn Cam Lộ khiến sinh tử bị cắt đứt vĩnh viễn, đó mới thật là thuốc Bất Tử.

Ngoài ra, cũng có thuyết nói Quân Trà Lợi có 3 bộ, gọi là: **Cam Lộ Quân Trà Lợi** ( Phật Bộ), **Kim Cang Quân Trà Lợi** ( Kim Cang Bộ) với **Liên Hoa Quân Trà Lợi** ( Liên Hoa Bộ).

Nhân vì thị hiện tướng phần nộ, hình mạo lại tựa như thân Dạ Xoa, cho nên cũng gọi là **Quân Trà Lợi Dạ Xoa Minh Vương** ( Kuṇḍali-yakṣas). Ngoài ra, cũng có cách gọi khác là “ **Đại Tiểu Minh Vương** “.

Liên quan đến công đức tụng trì **Quân Trà Lợi Minh Vương Chân Ngôn** hoặc tu trì **Quân Trà Lợi Minh Vương Pháp**, trong “ **Tây Phương Đà La Ni Tạng Trung Kim Cang Tộc A Mật Lí Đa Quân Trà Lợi Pháp** “ nói: tu Pháp này hay diệt tất cả tội, được đại phú quý, cũng hay trừ tất cả sự sợ hãi, cũng hay trừ sự đói khát, hay lợi ích cho tất cả chúng sinh. Hoặc vào quân trận, hoặc có đấu tranh mà cầm cờ hiệu thấy đều được thắng, vô lượng trăm ngàn Pháp đều được thành tựu. Có thể trị bệnh Quỷ Mỵ Dã Đạo với bảo vệ bản thân mình và bảo vệ người khác, sống lâu không có bệnh.

Lại nói, **Quân Trà Lợi Tam Muội Gia Đàn**, có lợi ích lớn, là nơi mà Chư Phật, Bồ Tát với các Hàng Trời Rồng đều khen ngợi. Nếu đã gây tạo mọi loại nghiệp tội trong vô lượng đời, ấy là Địa Ngục Súc Sinh.... Ngày nay, lúc này liền được thanh tịnh. Thấy đều đoạn trừ các Đại Địa Ngục, đóng bít các cửa Địa Ngục, mở ra các cổng Trời. Tất cả Tướng ác, mộng ác, tai ách thấy đều tiêu diệt, tất cả oan gia đều sinh tưởng bạn lành. Tất cả La Sát, Dục Xoa, Tì Xá Già, Cổ Độc, Yểm Cổ, Trà Di Nê các thuật chú ác chẳng thể gây hại.

Tất cả Quỷ Thần Ma Đế Lí.... đều sẽ ủng hộ, như đứa con một không khác.

Nếu có người tu Pháp ấy, thì đao chẳng thể hại, lửa chẳng thể thiêu đốt, tất cả nạn vua chúa, nạn trộm cướp, nạn oan gia, rồng ác, sấm sét cũng chẳng thể gây hại, tất cả nơi tranh luận thấy đều được thắng. Không sợ hãi loài Quỷ ở nước và núi....sẽ được sống lâu an ổn khoái lạc. Tất cả yêu kính, tiền tài giàu có; Gấu Heo,



Gấu Chó, Đại Trùng, Sư Tử, Cọp, Sói, Voi trắng cũng chẳng thể gây hại, cũng chẳng chết đột ngột, Chư Phật, Bồ Tát thường nghĩ nhớ, bốn vị Đại Thiên Vương thường theo ủng hộ, với 28 bộ Dược Xoa Đại Tướng, Tuyết Sơn Dược Xoa Đại Tướng, tất cả Trì Chú Tiên, Nhân Vương, Tất cả Kim Cang, Chư Thiên, Quỷ Thần, Sứ Giả, Thủ Hộ Ấn Thần với các Giáo Thủ.... Hàng Trời Quỷ Thần của nhóm như vậy, ủng hộ người vào Đàn, như là con một, lại có công đức vô lượng vô biên.

Trong Kinh lại có nói Pháp trừ mọi thứ bệnh sống lâu:

\_ Nếu có người ăn phải thuốc độc, thì lấy nước thơm rửa Chày Kim Cang, rồi lấy nước đó Chú 21 biến, đốt An Tất Hương, rồi cho người đã ăn thuốc độc ấy, uống vào liền được trừ khỏi.

\_ Nếu bị rắn độc cắn phải, lấy đất màu vàng Chú 21 biến, rồi hòa với nước thơm làm bùn xoa chỗ vết cắn, hoặc dùng đuôi con công phủ phết chỗ vết cắn, liền trừ tất cả độc.

\_ Nếu người không có Phước Đức, người bị bệnh ác biến quái.... Như Pháp tu trì tức trừ được tất cả biến quái ác, nạn bị bệnh lâu dài.... Liền được trừ khỏi.

Hình tượng của **Quân Trà Lợi Minh Vương**, thông thường có 4 mặt 4 cánh tay, hoặc có 1 mặt 8 cánh tay. Căn cứ trong “**Quân Trà Lợi Nghi Quỹ**” đã ghi chép. Khuôn mặt của tượng 4 mặt 4 cánh tay biểu thị cho Tình đều chẳng giống nhau, mặt chính là mặt Từ Bi, mặt bên phải là mặt phẫn nộ, mặt bên trái là mặt đại tiểu, mặt ở phía sau là mặt há miệng hơi giận. Toàn thân màu hoa sen xanh, ngồi trên bàn đá. 4 mặt 4 cánh tay tượng trưng cho 4 loại pháp là Tức Tai, Giáng Phục, Kính Ái, Tăng Ích. Ngoài ra cũng có nói là chỉ 4 loại phiền não căn bản là Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Mạn, Ngã Ái trong thức thứ 7.



Trong “ **Bạch Bảo Khẩu Sao** “ thì nói, tay phải cầm cái Chày Kim Cang, tay tác Mãn Nguyễn Ấn, 2 tay tác Yết Ma Ấn. Thân đeo vòng hoa rực lửa có uy quang trụ trong vành trăng, màu hoa sen xanh, ngời trên bàn đá phát ra tiếng vang (Sắt sắt thạch bàn), mặt chính là mặt hiền lành, mặt thứ 2 là mặt phần nộ, mặt thứ 3 là mặt đại tiểu, mặt thứ 4 ở phía sau há miệng hơi giận.

Lại nói, tay phải cầm cái Chày Kim Cang là Bốn Thệ Giáng Phục, có ý nghĩa là tội phá tất cả phiền não, nghiệp ác của chúng sinh. Tay trái tác Mãn Nguyễn Ấn là Bốn Thệ Tăng Ích, có ý nghĩa là khiến cho thành tựu mọi sự cầu nguyện của tất cả chúng sinh. 2 tay tác Yết Ma Ấn, là Tổng Tam Muội Gia nghĩa là Yết Ma Thành Tựu là Tác Nghiệp Thành Tựu, cho nên tuy không có người Hành công sức tác nghiệp mà vẫn vận chuyển thành tựu mọi sở nguyện, giáng phục ác nghiệp phiền não.

Lại nói, tai đeo vòng hoa rực lửa có uy quang biểu thị cho Bồ Tát Trí Hỏa thiêu đốt hết Tà Trí của Nhị Thừa Ngoại Đạo. Ngồi trên bàn đá phát ra tiếng vang biểu thị cho Tâm Tịnh Bồ Đề, toàn bộ biểu thị cho sự không nghiêng động.

Còn như tạo hình **Quân Trà Lợi Minh Vương** có 1 mặt 3 con mắt 8 cánh tay, là đầu đội mào đầu lâu, mắt mở to, rất giận dữ, và có 2 con rắn đỏ thông ở trước ngực. 8 cánh tay, Bên Phải: Tay ở trên cầm cái Chày Kim Cang, co cánh tay hướng lên trên; Tay thứ 2 ở dưới cầm Tam Xoa 2 đầu có mũi nhọn dài, co cánh tay hướng lên trên; cánh tay thứ 3 ở dưới dè lên cánh tay thứ 3 bên trái, 2 cánh tay bắt chéo nhau ở trước ngực, 2 tay đều tác Bạt Chiết La Ấn; Cánh tay thứ 4, giữa rưỡi hướng xuống dưới, gần hông phải, duỗi 5 ngón tay, là tác Thí Vô Úy Thủ. Bên trái: Tay ở trên cầm Kim Luân Hình ( Hình bánh xe vàng), co cánh tay hướng lên trên; tay thứ 2 ở dưới, ngón giữa hạ xuống, 3 ngón đều co lại hướng vào lòng bàn tay, ngón cái vịn bên cạnh đốt trên ngón giữa, ngón trở dựng thẳng, duỗi hướng lên trên, co khuỷu tay lại, cánh tay hướng về bên trái; tay thứ 4 ở dưới, đặt ngang che kín hông trái, đầu ngón tay hướng về bên phải.

Trong “ **Tây Phương Đà La Ni Tạng Trung Kim Cang Tộc A Mật Lí Đa Quân Trà Lợi Pháp** “ nói, bên trái Đức Phật vẽ **Kim Cang Quân Trà Lợi**, nên tác tướng đáng sợ. Bên phải: Tay ở trên cầm cái Chày Kim Cang, lần lượt tay cầm cây Búa, kế đến tay ở dưới cầm cây Kiếm, tiếp theo tay cầm cái Chùy. Bên trái: Tay cầm sợi dây lụa, lần lượt tay ở dưới cầm cây Giáo, kế đến tay cầm Bánh Xe; tiếp theo tay cầm cây Gậy, trên cây Gậy an 2 con mắt. Hai tay chấp lại để ngang trái Tim, mắt màu hơi đỏ, răng nanh hướng lên trên, tóc ở trên đầu dựng thẳng như màu lửa rực, toàn thân có ánh sáng lửa rực, mọi thứ anh lạc trang nghiêm thân đó, môi trên cắn môi dưới, thân đó đứng chân đạp trên hoa sen xanh.

**Pháp Quân Trà Lợi Minh Vương** phần nhiều dùng Điều Phục, Tức Tai, Tăng Ích làm phương diện. Nếu như người tu hành mỗi ngày trước khi ăn, dâng cúng 1 ít đồ ăn, rồi sau hãy niệm tụng **Quân Trà Lợi Minh Vương Tâm Chú** 7 biến, thì bất luận ở nơi nào đều được sự gia hộ của Minh Vương. Ngoài ra, **Quân Trà Lợi Minh Vương Chân Ngôn** cũng thường dùng để phụ trợ tu trì **Mật Pháp khác**, hoặc dùng để gia trì vật cúng. Hành Giả như pháp tu trì, cũng có thể đạt được hiệu nghiệm trừ tất cả chướng nạn, khỏi bệnh, sống lâu.

## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA QUÂN TRÀ LỢI MINH VƯƠNG

**Chữ Chủng Tử:** 𑖀

𑖀𑖀 (A hùṃ hùṃ)

**Chân Ngôn:**

𑖀𑖀 (1) 𑖀𑖀𑖀𑖀 (2) 𑖀𑖀 (3) 𑖀𑖀 (4) 𑖀𑖀𑖀𑖀 (5) 𑖀 (6) 𑖀𑖀 (7) 𑖀𑖀 (8) 𑖀𑖀 (9) 𑖀𑖀 (10) 𑖀𑖀 (11) 𑖀𑖀 (12) 𑖀𑖀 (13) 𑖀𑖀 (14) 𑖀𑖀𑖀 (15) 𑖀 (16) 𑖀𑖀 (17) 𑖀𑖀 (18)

(1) Nặng mô (2) la đất nặng đất la dạ đã (3) nặng ma (4) thất chiến nã (5) ma ha phộc nhật la câu lộ đà đã (6) án (7) hộ lỗ (8) hộ lỗ (9) để sắt tra (10) để sắt tra (11) mãn đà (12) mãn đà (13) hạ nặng (14) hạ nặng (15) a mật lí đế (16) hồng (17) phát tra (18) sa phộc hạ

(1) NAMO (2) RATNA-TRAYÀYA (3) NAMA (?NAMAḤ) (4) A'SCAṆḌA (?SCAṆḌA) (5) MAHÀ-VAJRA-KRODHÀYA (6) OM (7) HURU (8) HURU (9) TIṢṬHA (?TIṢṬA) (10) TIṢṬHA (?TIṢṬA) (11) BANDHA (12) BANDHA (13) HANA (14) HANA (15) AMṚTE (16) HÙM (17) PHAṬ (18) SVÀHÀ

(1) Quy mạng (2) Tam Bảo (3) Quy mạng (4) Bạo Ác (5) Đại Kim Cang Phần Nộ (6) Quy mạng (7) Tốc Tật ( Bệnh tật nhanh chóng) (8) Tốc Tật (9) An Trú (10) An Trú (11) Hệ Phộc (12) Hệ Phộc (13) Sát Hại (14) Sát Hại (15) Cam Lộ (16) Phần ( Giận) (17) Tồi Phá (18) Thành Tự

### Đại Tiểu Minh Vương Chân Ngôn

𑖀 (1) 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 (2) 𑖀 𑖀𑖀 (3)

(1) Án (2) phộc nhật la tra hạ sa đã (3) hồng phán tra

(1) OM (2) VAJRÀṬṬAHÀSÀYA (?VAJRATHÀHÀSÀYA) (3) HÙM PHAṬ

(1) Quy mạng (2) làm Kim Cang Đại Tiểu (3) Phần Nộ Tồi Phá

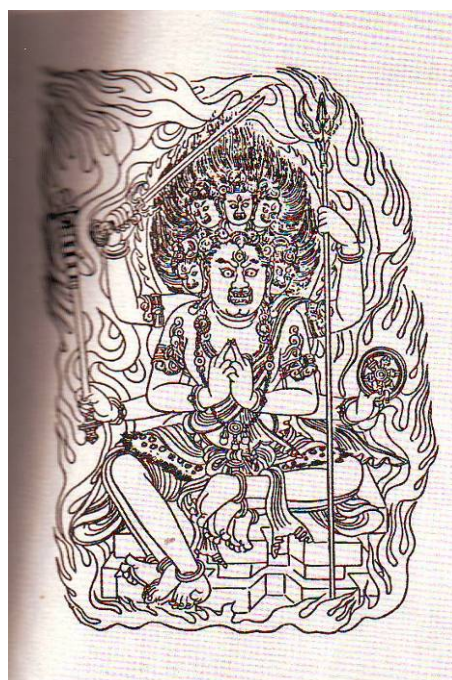
## ĐẠI UY ĐỨC MINH VƯƠNG

### Đức Đặc Biệt

*Đại Uy Đức Minh Vương hay đối trị Diêm La Tử Ma. Nếu có người nào lễ bái cúng dường liền hay tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước thọ, vãng sinh ở tịnh thổ Cực Lạc, được vô lượng khoái lạc.*



**Đại Uy Đức Minh Vương** ( Tên Phạn là: Yamàntaka, tên Tây Tạng là G'sin-rje g'sed), dịch âm là **Diêm Mạn Đức Ca**, dịch ý là **Tôi Sát Diêm Ma Giả**, cho nên biệt hiệu là **Giáng Ma Tôn**; Mật hiệu là **Uy Đức Kim Cang**. Ngoài ra lại gọi là **Đại Uy Đức Tôn, Đại Uy Đức Phẫn Nộ Minh Vương, Lục Túc Tôn**. Là 1 trong 5 Đại Minh Vương hoặc là 1 trong 8 Đại Minh Vương. Nếu như phối trí với Ngũ Phương Phật thì là Giáo Lệnh Luân Thân của Đức Phật Vô Lượng Thọ, cũng có thể thấy là thân biến hóa của Văn Thù Bồ Tát. Trong Hiện Đồ Mạn Trà La, Tôn này có vị trí ở bên trái của Bát Nhã Bồ Tát trong Trì Minh Viện thuộc Thai Tạng Giới.





**Đại Uy Đức Kim Cang** cũng là Bốn Tôn chủ yếu của Vô Thượng Du Già Mật Tục trong Tạng Mật, trong Tạng Mật được coi là tướng phần nộ hóa thân của Văn Thù Bồ Tát, biểu thị cho công đức điều phục oán địch, là Bốn Tôn trọng yếu thường thấy trong Mật Giáo.

Trong Mật Tông ở Tây Tạng, **Đại Uy Đức Kim Cang** là 1 trong các Bốn Tôn tối cao của Vô Thượng Mật, hay trừ Ma và đối trị Diêm La Tử Ma....Là Chủ Tôn của **Tức Thân Thành Tự** trong Vô Thượng Du Già Bộ.

Dùng **Đại Uy Đức Minh Vương** làm Bốn Tôn để tu pháp, trong Mật Giáo ở Nhật Bản cũng có, thông thường đều dùng ở lúc chiến tranh để cầu xin được thắng lợi, với điều phục oán địch....

Hình tượng của Tôn này có nhiều loại. Y theo quyển 6 “**Đại Nhật Kinh Sớ**” ghi chép rằng” **Giáng Diêm Ma Tôn** là quyển thuộc của **Văn Thù Bồ Tát**, có đủ thể lực đại uy, thân đó có 6 mặt, 6 cánh tay, 6 chân, ngồi trên con Trâu, mặt có 3 con mắt, màu như mây đen, trạng thái rất phần nộ.

Ngoài ra, trong “**Bát Tự Văn Thù Quỹ**“, đối với Tôn này cũng có kể, căn cứ vào lời kể rằng: **Diêm Mạng Đức Ca Kim Cang**, thân màu xanh đen, có 6 đầu, 6 cánh tay, 6 chân; 6 cánh tay đều cầm khí trượng; Bên trái: Tay ở trên cầm cây Kích, tiếp theo tay ở dưới cầm cây Cung, kế đến tay ở dưới cầm Sợi Dây; Bên Phải: Tay ở trên cầm cây Kiếm, tiếp theo tay ở dưới cầm Mũi Tên, kế đến tay ở dưới cầm cây Gậy. Ngồi trên con Trâu xanh, vóc người cao lớn, mà khắp thân lửa rực, phơi bày xuất hiện hình rất phần nộ.



Tượng **Đại Uy Đức Minh Vương** hiện có trong tác phẩm nghệ thuật của Phật Giáo, ở Nhật Bản đã tạo làm rất nhiều hình tượng. Cát giữ trong Trọng Chấn Giáo Vương Hộ Quốc Tự ( Đông Tự ) của Mật Tông Nhật Bản, tức là tác phẩm sớm nhất trong 5 Đại Minh Vương.

Trong quyển 94 “ **Giác Thiên Sao** “ nói: “ Tôn này là **Giáo Lệnh Luân Thân của Đức Vô Lượng Thọ Như Lai**, được lưu xuất từ Đại Bi Môn, vì chúng sinh vô minh vọng tưởng, mà hiện thân sân nộ rất hung ác, Giáng phục quân ma xuất Thế Gian , diệt oán địch của thế gian, thứ nhất là độ người lễ bái cúng dường, tiêu trừ nghiệp chướng, tồi phục oan gia, tăng trưởng phước thọ, cho đến vãng sinh ở tịnh thổ Cực Lạc, được vô lượng khoái lạc “.

Ngoài ra trong “ **Giác Thiên Sao** “ cũng ghi chép trong **Gia Mạn Đức Ca Pháp**, Chú Ngữ Triệu Thỉnh Dạ Xoa Nữ, Dạ Xoa Nữ này ngoài việc ban tặng cho hành giả Tiền, Vàng cùng với thuốc tiên sống lâu ( Trường Niên Tiên Dược).

Trong pháp tu của Tạng Mật, **Đại Uy Đức Kim Cang** là Bốn Tôn chủ yếu trong Vô Thượng Du Già Mật Tục, được coi là tướng phần nộ hóa thân của Văn Thù Bồ Tát, biểu thị cho công đức điều phục oán địch, các phái đều tu pháp này, nhất là phái Cách Lỗ ( Hoàng Giáo ) đặc biệt coi trọng.

**Tạng Sử Truyền** nói rằng: lúc đó thân thể của **Diêm Ma Phụ Thánh Nhân**, sau khi hiện ra đầu Trâu, mình người, sát hại 2 người ác, uống máu của họ, chặt đứt đầu dùng xương đầu làm cái Bát, theo quấy rối dân Tây Tạng, **Văn Thù Bồ Tát** đáp lại sự khẩn cầu của người dân Tây Tạng, thị hiện tướng Đại Uy Đức rất hung ác, cũng có đầu Trâu thân người Tồi Phục Diêm Ma, cho nên tên là **Giáng Diêm Ma Tôn**.

Hình tượng Bốn Tôn rất là đáng sợ, thân màu xanh lam đen, có 9 mặt 34 tay, 16 chân, bên phải co bên trái duỗi, uốn lười, nhe nanh, răng lộ ra ngoài, trán dô, tóc đỏ dựng lên trên, râu mày như lửa, đội mũ 5 đầu lâu, 50 cái đầu người còn tươi làm vòng hoa đeo ở cổ, con rắn đen quấn quanh nách, dùng lông xương, bánh xe bằng xương để trang nghiêm, thân hình lửa thể.

Tượng của 9 mặt là, mặt chính màu đen, mặt đầu Trâu, rất là phần nộ. Có 2 cái sừng, giữa 2 cái sừng có 1 mặt màu hồng rất là đáng sợ, miệng nhỏ máu tươi. Trên mặt này hiện mặt Văn Thù màu vàng, hơi hiện nét giận dữ, tướng mạo như trẻ con, tô điểm trang nghiêm, trên đỉnh đầu có 5 búi tóc. Dưới gốc sừng bên phải mặt chính màu xanh lam, mặt bên phải màu hồng, mặt bên trái màu vàng. Dưới gốc sừng bên trái, mặt chính màu trắng, mặt bên phải màu khói, mặt bên trái màu đen. Mỗi mặt đều rất phần nộ, 9 mặt, mỗi mặt đều có 3 con mắt.

34 cánh tay, các tay đều kết Kỳ Khắc ấn, 2 tay ở trước ôm Phật Mẫu, bên phải cầm Việt Dao, bên trái nâng Doanh Huyết Ca Ba Lạp. 2 tay ở trên cầm tấm da voi giơ hồng chân lên, còn các tay bên phải cầm vật là: Tiêu Thương, Bồng Chử, Thủy Xỉ Luân Dao, Việt Phủ ( cây búa), cây Mâu, mũi Tên, móc câu, gậy, Tam Xoa Kích, bánh xe, chày Ngũ Cổ, chùy Kim Cang, cây Kiếm, Giang Đắc Điều. Bên trái là: Phạm Thiên Đầu, Thuần Bài, sợi dây, cây Cung, Trường ( Ruột), cái chuông, tay người, Thi Bố, Nhân Tràng, lò lửa, Đái Phát Ca Ba Lạp, tác Kỳ Khắc Ấn, Tam Giác Tràng, Phong Phàm.

16 chân, chân bên phải giẫm lên người, con Trâu, con Bò, con Lừa, con Lạc Đà, con Chó, con Dê, con Chồn. Chân bên trái giẫm lên chim Đại Bàng, chim Hư Lưu, Từ Ô, Anh Vũ ( con két), chim Ưng, chim Bằng, con Gà, Hồng Hạc. Cũng có các Thiên Chúng như : Phạm Thiên, Đế Thích, Biến Nhập Thiên, Đại Tự Tại Thiên,



Lục Diện Đồng Thiên, Tà Dẫn Thiên, Nguyệt Thiên, Nhật Thiên.... trạng thái nằm sấp, chân chia ra giẫm đạp lên.

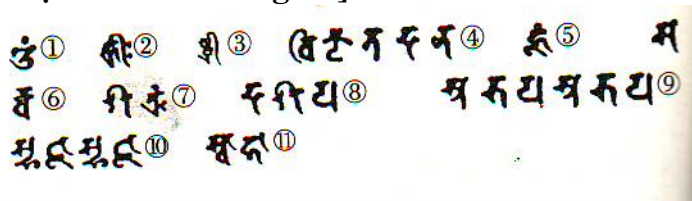
**Phật Mẫu** tên là **Kim Cang Khởi Thi Mẫu**, màu xanh lam, có 1 mặt 2 cánh tay, bên phải cầm Dao giơ lên cao, bên trái nâng Doanh Huyết Lô Khí (Đầu lâu chứa đầy máu), dùng xương làm đồ trang sức rất trang nghiêm, cùng với Phật Phụ vận chuyển ở trong đám lửa rực, điềm nhiên mà trụ.

**CHÂN NGÔN, CHỮ CHỮNG TỬ CỦA ĐẠI UY ĐỨC MINH VƯƠNG**

**Chữ Chủng Tử:** 𑖀: ( Hriḥ ) hoặc ( Ṣṭhri ) hoặc 𑖀 ( Hùṃ ) hoặc 𑖀 ( Maṃ )

**Chân Ngôn:**

[ Đại Tâm Chân Ngôn ]

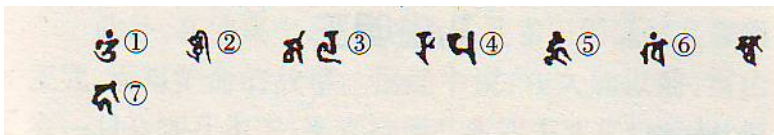


(1) Án (2) hột lí (3) sắt trí lí (4) vĩ hát lí đa na năng (5) hồng (6) tát phộc (7) thiết đốt luận (8) năng xá dã (9) tắc đảm bà dã tắc đảm bà dã (10) sa pha tra sa pha tra (11) sa phộc hạ

(1) OM (2) HRĪḤ (3) ṢṬHRI (?ṢṬHRÌ) (4) VIKṚTĀNANA (VIKṚTADANA) (5) HŪṂ (6) SARVA (7) 'SATRUM (?'SATRŪM) (8) NA'SAYA (?DA'SANA) (9) STAMBHAYA-STAMBHAYA (10) SPHAṬ – SPHAṬ (11) SVĀHĀ

(1) Quy mạng (2) Hột Lí ( Chủng Tử ) (3) Sắt Trí Lí ( Chủng Tử ) (4) mặt Trâu (5) sợ hãi (6) tát cả (7) Thù Địch (8) tiêu mất (9) Cấm Chỉ Cấm Chỉ ( Ngưng cấm ngưng cấm) (10) Tồi Hoại Tồi Hoại (11) Thành Tự

[ Tâm Trung Tâm Chân Ngôn ] [ Tùy Tâm Chân Ngôn ]

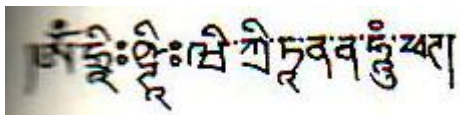


(1) Án (2) Sắt Trí Lí (3) Ca La (4) Lỗ Phả (5) Hồng (6) Khiếm (7) Sa Phộc Hạ

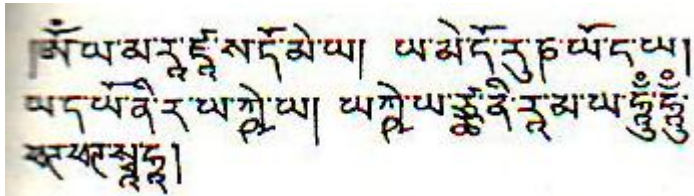
(1) OM (2) ṢṬRI (?ṢṬHRÌ) (3) HÀLA (?KĀLA) (4) RŪPA (5) KŪṂ (?HŪṂ) (6) KHAM (7) SVĀHĀ

(1) Quy mạng (2) Sắt Trí Lí ( Chủng Tử ) (3) Đen (4) màu (5) Hồng ( sợ hãi ) (6) Khiếm ( Hạnh phúc ) (7) Thành Tự

Chú Ngữ của Tạng Truyền Đại Uy Đức Kim Cang



Án Xá-dĩ Tắc dĩ Vi Ân Đáp Nạp Nạp Hồng Phôi  
OM HRIH SṬRIH VIKRITA-NANA HŪM PHAT



Án Nhã ma Thích Tạt Tác Đỏa Mỹ Nhã Nhã Mỹ Đỏa Lỗ Nạp Hựu  
Đạt Nhã Nhã Đạt Hựu Ni Thích Nhã Thiết Nhã Nhã Thiết Nhã Xoa Ni  
Thích Ma Nha Hồng Hồng Phôi Phôi Thoa Cáp  
OM YAMA-RÀJA SADOMEYA YAME DORAṆA YODAYA YADAYO  
NIRA YAKṢIYA \_ YAKṢIYA CCHANIRAMAYA HŪM HŪM PHAT PHAT  
SVÀHÀ

## KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

### Đức Đặc Biệt

*Tu tập pháp Khổng Tước Minh Vương, có thể dẹp yên tai nạn, trừ khử các độc, được hàng Trời rồng thủ hộ, trị liệu các bệnh, miễn trừ sự chết yểu không đúng thời, và ngày đêm được an lành, tăng thọ sống lâu.*

**Khổng Tước Minh Vương** ( Tên Phạn là: Mahà-mayùrà-vidya-ràjñī ), dịch âm tên Phạn là **Ma Ha Ma Du Lợi La Đô**, lại có tên là **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương**.... Gọi đơn giản là **Khổng Tước Minh Vương**. Khổng Tước Minh Vương này nói chung không như *Minh Vương* phần nhiều hiện tướng phẫn nộ, mà là hình tượng trang nghiêm, hiền lành dễ thân thiện, và ngồi trên con công đẹp đẽ. Hoặc có thuyết nói là nơi hóa hiện của **Thích Ca Mâu Ni Phật**.



Căn cứ trong Kinh Điển ghi chép, Chú của **Khổng Tước Minh Vương** do chư Phật cùng nói, Hành Giả nên thường thọ trì, dùng cầu xin cứu hộ. Lúc tu Pháp có thể tự xưng tên mình, rồi hướng về **Khổng Tước Minh Vương** cầu nguyện xin nhiếp thọ trừ các sợ hãi, như là các nạn khổ bởi đao, gậy, gông cùm, xiềng xích, đều được giải thoát, thường gặp lợi ích, chẳng thấy buồn phiền, thọ mạng trăm tuổi. Ngoài ra, liên quan trong Kinh Điển còn ghi chép tu Pháp Khổng Tước Minh Vương ngoài việc ngưng dứt tai nạn, trừ các độc hại ra, còn có thể được các hàng Trời, Rồng, Dược Xoa... thủ hộ, trị liệu các bệnh, miễn trừ sự chết yếu không đúng thời, ngày đêm được an lành, tăng thọ sống lâu.

Căn cứ trong “ **Khổng Tước Minh Vương Kinh** “ ghi chép, lúc Đức Phật tại thế, có 1 vị Tỳ Kheo tên là **Sa ĐỂ**, gặp rắn độc cắn phải, chỉ trong chốc lát độc khí chạy khắp thân, mê man té xuống đất, miệng sùi bọt, hai mắt trợn lên. A Nan nhìn thấy tình trạng như vậy, liền vội vàng thỉnh cầu **Thích Tôn** Đại Bi cứu hộ, thế là Đức Thích Tôn liền dạy Ngài niệm tụng Đà La Ni hay khử trừ Quỷ My, độc hại, bệnh ác, để bảo hộ thọ mạng được lâu dài, đó là **Khổng Tước Minh Vương Chú**.

Ngoài ra, trong Kinh Điển Phật Giáo cũng kể lại câu chuyện về 1 con Khổng Tước Vương nhân vì nhớ tụng **Khổng Tước Minh Vương Chú** mà được hộ mạng. Căn cứ trong Kinh nói, rất lâu xa về trước, ở núi Tuyết có 1 con Kim Diệu Khổng Tước Vương, thường ngày trì tụng Khổng Tước Minh Vương Chú rất chuyên cần, do đó thường được an ổn. Có 1 lần vì ham thích vui chơi cùng với nhiều nhóm Khổng Tước Nữ (Chim Công mái) đến vùng núi xa vui đùa, mà nhất thời quên tụng trì Chú này, vì thế gặp phải người đi săn bắt. May mà lúc nó đang bị trói, liền khôi phục chánh niệm, trì tụng Chú này, cuối cùng tháo gỡ được dây trói buộc, được tự do.

Hình tượng của Khổng Tước Minh Vương, trong “ **Đại Khổng Tước Minh Vương Họa Tượng Đàn Nghi Quỹ** “ ghi chép rằng: Đầu hướng về phương đông, màu trắng, mặc áo lụa trắng mỏng. Đầu có đội mào, anh lạc, khuyên tai, vòng xuyên ở cánh tay mỗi thứ rất trang nghiêm, ngồi trên Khổng Tước Vương màu vàng ròng, Ngồi Kiết Già trên hoa sen trắng hoặc trên hoa màu xanh lục, hiện tướng Từ Bi. Có 4 cánh tay, bên phải: Tay thứ 1 cầm hoa sen hé nở, tay thứ 2 cầm Câu Duyên Quả ; bên trái: Tay thứ 1 để ngang trái tim lòng bàn tay cầm quả Cát Tường, tay thứ 2 cầm 2, hoặc 5 sợi lông đuôi chim Công.

Trong 4 loại vật cầm giữ thì hoa sen đại biểu cho **Kính Ái**, Câu Duyên Quả đại biểu cho **Điều Phục**, Quả Cát Tường đại biểu cho **Tăng Ích**, lông đuôi chim Công biểu thị cho **Túc Tai**. Tòa hoa sen trắng biểu thị cho Nhiếp Thủ Bốn Thế của Từ Bi, tòa hoa sen xanh đại biểu cho ý nghĩa của sự Giáng Phục.

Căn cứ vào sự tương truyền của Mật Giáo, Minh Vương này là **Thân Đẳng Lưu của Tỳ Lô Giá Na Như Lai**, có đủ 2 đức là Nhiếp Thủ và Chiết Phục, cho nên ở trên kể có 2 tòa sen.

Trong **Hiện Đồ Thai Tạng Giới Mạn Trà La** của Mật Giáo, đem Tôn này an trí ở vị trí thứ 6 ở đầu phía nam trong **Tô Tất Địa Viện**. Thân hiện bày màu thịt, có 2 cánh tay, tay bên phải cầm lông đuôi chim Công, tay bên trái cầm hoa sen, ngồi trên hoa sen đỏ. Mật hiệu là **Phật Mẫu Kim Cang** hoặc **Hộ Thế Kim Cang**. Hình

tượng được lưu truyền ở Tây Tạng thì có 3 mặt 8 cánh tay, ngồi trên tòa hoa sen, không có ngai trên con Công.

Sự việc liên quan đến Khổng Tước Minh Vương dùng con Công để ngai, trong “**Bạch Bảo Khẩu Sao** “ nói, chim Công vì nuôi thân nên ăn tất cả trùng độc, Khổng Tước Minh Vương giống như **Đức Phật A Di Đà** hay tiêu diệt tất cả 3 độc của chúng sinh tạo ác, vì thọ mạng của tự tính thanh tịnh, cho nên dùng chim Công này làm tòa.

Lại nói, chim Công này ăn nuốt tất cả trùng độc.... để nuôi mạng, tức là tượng trưng cho Minh Vương chặt đứt hết tất cả phiền não ác độc, sống lâu chẳng bị hoại thọ mạng. Mà đuôi Công lại hay phủi vô lượng tai ách, tăng phước và các điều tốt lành.

Trong **Đồng Sao** lại nói, chữ Chủng Tử là 𣎵 ( Vam ), chữ Chủng Tử là Thủy Đại, chúng hữu tình dùng nước để làm tươi nhuận tính mạng, tính của nước hay làm cho sinh trưởng các chỗ khô cạn, nước như vậy hay cầm giữ vật, nay **Khổng Tước Minh Vương** làm lợi ích cho chúng sinh, ví như nước đó cầm giữ vạn vật, cho nên dùng Thủy Đại làm chữ Chủng Tử.

Trong Mật Giáo dùng pháp tu của Khổng Tước Minh Vương làm Bản Tôn gọi là **Khổng Tước Kinh Pháp** hoặc **Khổng Tước Minh Vương Kinh Pháp**. Tác dụng chủ yếu của pháp này là Tức Tai, cầu mưa hoặc dừng mưa, khi sinh sản được an ổn.... Nếu Hành Giả siêng năng tu trì, cũng có thể trừ các bệnh khó chữa, nhân đó mà hộ mạng sống lâu.

## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA KHỔNG TƯỚC MINH VƯƠNG

**Chữ Chủng Tử:** 𣎵 ( Ma ) hoặc 𣎵 ( Yu ) hoặc 𣎵 ( Vam )

**Chân Ngôn:**

𣎵 (1) 𣎵𣎵𣎵 𣎵𣎵 (2) 𣎵𣎵 (3)

(1) Án (2) ma dũu la hất lan đế (3) sa phộc hạ

(1) OM (2) MAYÙRÀ (? MAYURÀ) KRÀNTE (3) SVÀHÀ

(1) Quy mạng (2) Khổng Tước chẳng thể vượt qua (3) Thành Tựu

# CHƯƠNG THỨ TƯ

## \_THIÊN BỘ\_

### ĐẠI HẮC THIÊN

#### Đức Đặc Biệt

*Đại Hắc Thiên là Hộ Pháp trọng yếu của Mật Giáo, hay trừ tất cả sự quấy nhiễu bởi Ma, chướng ngại, và khiến hành giả giàu có dư dả. Tu pháp của Bốn Tôn thường để cầu Phước, sống lâu, trừ Ma.*

**Đại Hắc Thiên** ( Tên Phạn là: Mahākāla), là 1 trong các Hộ Pháp của Mật Giáo. Dịch âm tiếng Phạn là **Ma Ha Ca La, Mạc Ha Ca La**, dịch ý là **Đại Hắc** hoặc **Đại Thời**, lại gọi là **Ma Ha Ca Thần**, hoặc **Ma Ha Ca La Thần, Đại Hắc Thần, Đại Hắc Thiên Thần, Ma Cáp Ca Lạp**.



Ấn Độ Giáo xem vị Thần này là tên riêng của **Thấp Bà Thần** ( ‘Siva), hoặc là hóa thân ( Hoặc Thị Giả) của **Đột Ca** (Durga), vợ của Thấp Bà, chủ sự phá hoại, chiến đấu. Phật Giáo thì coi là hóa thân của **Đại Tự Tại Thiên**, hoặc là hóa thân của **Tỳ Lô Giá Na Phật**.... Các thuyết đều nói khác nhau, kể sơ lược như sau:

1. Trong “ **Đại Nhật Kinh Sớ** “ ....vị Trời này là hóa thân của **Tỳ Lô Giá Na Phật**, tức là **Phẫn Nộ Thần** giáng phục Trà Cát Ni. Quyển 10 “ **Đại Nhật Kinh Sớ** “ gọi là: “ **Tỳ Lô Giá Na dùng Pháp Môn Giáng Phục Tam Thế**, muốn trừ việc đó cho nên hóa làm **Đại Hắc Thần** “.

2. Vị Trời này là **Chiến Đấu Thần, Tủng Gian Thần**, được coi là hóa thân của **Ma Hê Thủ La**. Phẩm **Hộ Quốc** trong quyển hạ “ **Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh** “ nói: “ **Liên khiến cho Ban Túc lấy đầu của 1000 vị Vua để cúng tế Tủng Gian Ma Ha Ca La Đại Hắc Thiên Thần**”. Đời Đường. Lương



Bên đã ghi chép trong quyển Hạ” **Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã ba La Mật Đa Kinh Sớ** “ rằng: “ **Tùng Gian** là nơi cư trú, **Ma Ha** được phiên dịch là Đại (To lớn), **Ca La** là Hắc Thiên. ( Lược bỏ phần giữa) **Đại Hắc Thiên Thần** là **Đấu Chiến Thần**. Nếu có người nào lễ bái vị Thần này thì tăng được uy đức, đấu tranh đều thắng, cho nên hưởng về vị ấy để cúng tế.

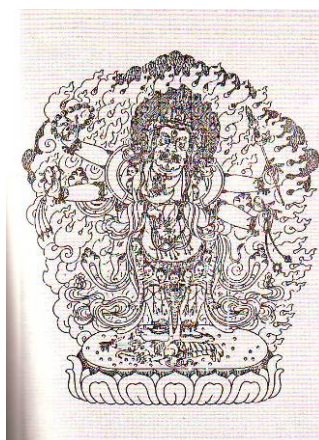
3. Dùng vị Trời này làm **Dược Xoa Vương**, là **Thủ Hộ Thần** của nước Ba La Nại. Trong quyển Trung “ **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Kinh** “ do Ngài Bất Không dịch có ghi chép rằng: “ Đại Hắc Dược Xoa Vương, ở nước Ba La Nã Tư “. Nhưng **Phẩm Phân Bố Diêm Phù Đề** trong quyển 55 “ **Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh** “ cũng có nêu ra Đại Hắc Thiên Nữ và Thiện Phát Càn Thát Bà.... đều hộ trì nuôi dưỡng nước Ba La Nại.

4. Trong quyển 2 “ **Huyền Pháp Tự Nghi Quỹ** “ nêu ra Chân Ngôn của Âm Dạ Thần ( Tức là Hắc Âm Thiên ), bên dưới chú thích là Đại Hắc Thiên Thần. Tức là dùng Đại Hắc Thiên Thần này làm Hắc Âm Thiên.

5. Dùng vị Trời này làm Tài Phước Thần, quản lý việc ăn uống. Y theo **Thọ Trai Quỹ Tắc** quyển 1 “ **Nam Hải Ký Quy Nội Pháp Truyện** “ ghi chép rằng: “ Tại phương Tây ở các chùa lớn, bên cạnh cây cột nhà bếp, hoặc ở trước cửa kho lớn, có khắc hình trên gỗ, ( Lược bỏ phần giữa) là hình màu đen, tên gọi là **Mạc Ha Ca La**, tức là **Đại Hắc Thần** “. Ở Nhật Bản lại dùng Đại Hắc Thiên là 1 trong 7 vị Phước Thần, cho rằng **Đại Hắc Thiên** chính là **Phước Thần** ban cho thế gian sự Phú Quý, Quan Vị, trong dân gian nhận được sự sùng bái tín ngưỡng rất lớn.

Lại nói, trong Đông Mật tương truyền Tôn này là **Đại Nhật Như Lai** vì giáng phục Ma ác mà thị hiện **Thiên Thần hình Dược Xoa phần nộ**. Trong Tạng Mật thì tương truyền Ngài là **Đại Hộ Pháp** do sự hóa hiện của **Quán Thế Âm Bồ Tát**. Tôn này đồng với Bốn Tôn của pháp tu ở 2 hệ Mật Giáo tại Tây Tạng, Trung Quốc và Nhật Bản đều coi trọng như nhau .

Liên quan đến việc truyền bá hình mạo Tôn này có các loại khác nhau, đại khái có thể chia làm 2 loại tạo hình là **Tướng phần nộ** và **Phước Thần**.



Liên quan đến **Tướng phần nộ** trong quyển 10 “ **Tuệ Lâm Âm Nghĩa** “ kể lại là có 8 cánh tay, thân màu mây xanh đen, 2 tay để ngang ngực cầm Tam Kịch Xoa, tay thứ 2 bên phải cầm con Đê đực xanh, tay thứ 2 bên trái nắm búi tóc của 1



con Quỷ đối, tay thứ 3 bên phải cầm cây Kiếm, tay thứ 3 bên trái cầm Khiết Tra Vông Ca (Katabhanga), tức là Độc Lâu Chung, là tiêu chí của sự phá hoại tai họa, 2 tay ở sau mỗi tay ở trên vai cùng giương 1 tấm da voi trắng tư thế như khoác áo, dùng Rắn độc xuyên qua đầu lâu làm Anh Lạc, ló nanh cạo lên trên, tác hình Đại Phần Nộ, dưới chân có Địa Thần Nữ Thiên đưa 2 tay nâng đỡ bàn chân.

Ngoài ra y theo “ Đại Hắc Thiên Thần Pháp “ ghi chép, là màu xanh có 3 mặt 6 cánh tay, tay bên phải bên trái của mặt ở phía trước cầm cây Kiếm để ngang, lần lượt tay trái nắm lấy búi tóc của người, tiếp theo tay phải cầm con Đê cái, 2 tay sau cùng ở sau lưng giương tấm da Voi, dùng đầu lâu làm anh lạc. Tôn hình trong **Thai Tạng Giới Hiện Đồ Mạn Trà La** được ghi chép tương đồng, chỉ trừ con Đê và đầu người ở bên trái bên phải thì ngược nhau.



Còn hình tượng **Phước Thần**, trong “ **Nam Hải Ký Quy Truyện** “ thì nói là hình **Thần Vương**, cầm túi vàng, ngồi trên cái giường nhỏ mà thông 1 chân xuống. Hoặc có hình mạo người bình thường, đầu đội mũ tròn, lưng vác túi, cầm cái chùy nhỏ, đập lên túi gạo.

Trong **Tạng Mật** Tôn này gọi là **Mã Cáp Ca Lạp**, là **Chủ Tôn Hộ Pháp** trọng yếu. Các Phái lưu truyền hình tượng không đồng đều, tính chất đều khác nhau, nhân duyên truyền thừa lại khác nhau, như : **Phái Tát Ca** có **Nhị Tỷ Đại Hắc Thiên**, **Tứ Tỷ Đại Hắc Thiên**, **Lục Tỷ Đại Hắc Thiên**...

Trong **Diên Thọ Trường Mạng Pháp**, thường dùng **Bạch Sắc Lục Tỷ Mã Cáp Ca Lạp** làm Bản Tôn.

Tên gọi của **Bạch Mã Cáp Ca Lạp** là **Bạch Sắc Mãn Nguyên Như Ý Trí Tuệ Hộ Chủ**, tương truyền trú ở Ấn Độ trong rừng Thanh Lương Thi Đà, ngồi trên tòa Kim Cang.

Tôn này thân màu trắng, có 1 mặt 6 cánh tay 3 con mắt, râu lông chân mày lông tóc đều màu vàng rực dựng thẳng lên, đầu đội mũ làm bằng xương. Tay phải ở trên cầm Loan Dao giơ lên múa, lần lượt tay phải cầm bấu Như Ý để ngang trước ngực; Tay phải ở dưới lặc cái Trống Tay làm bằng gỗ Đàn Hương hồng. Cánh tay trái nâng cái Lô Khí ( Cái Bát đầu lâu) chứa đầy cam lộ, rũ xuống bên mắt, bên



## ĐỊA THIÊN

### Đức Đặc Biệt

*Địa Thiên chính là vị Thần chủ quản Đại Địa. Tu pháp của Bốn Tôn có thể tăng ích sống lâu, và được địa vị giàu có, khiến sắc thân tràn đầy tinh khí, được Phước Đức lớn không tận.*

**Địa Thiên** ( Tên Phạn là: Pṛthivī), dịch âm là **Tỉ Lí Đễ Tì, Tát Lí Thế Vĩ, Hoa Lí Thế Vi, Bát Lật Thế Phệ**. Là vị Trời thứ 10 trong 12 vị Trời Sắc Giới, chính là vị Thần chủ quản Đại Địa. Lại gọi là **Địa Thần, Địa Thần Thiên, Kiên Lao Thần, Trì Địa Thần, Kiên Lao Địa Thiên, Kiên Lao Địa Thần, Địa Đa Đại Thần**.



Trong Kinh Điển thường có thể thấy tên Tôn này với thế lực công đức. Như **Phẩm Kiên Lao Địa Thần** trong quyển 8 “ **Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh** “ gọi là **Kiên Lao Địa Thần**, tức là lấy cái Đức của sự vững chắc. Trong Kinh kể lại vị Thần này hộ trì tuyên nói thọ trì “ **Kim Quang Minh Kinh** “, và nói nếu như có người nào thuyết Pháp hay phát triển rộng Kinh này, thời Ngài thường theo bảo vệ lâu dài, ẩn nấp thân mình dưới Pháp Tòa, đầu đội bàn chân của vị đó. Mà **Phẩm Phổ Môn** trong quyển 7 “ **Pháp Hoa Kinh** “, **Phẩm Quảng Đại Giải Thoát Mạn Noa La** trong Quyển 9 “ **Bất Không Quyển Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh** “ .... cũng đều có nêu danh hiệu của Trì Địa Bồ Tát.

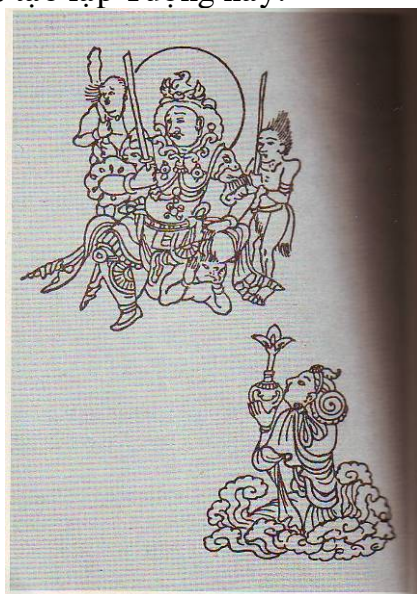
Trong “ **Kiên Lao Địa Thiên Nghi Quỹ** “ ghi chép, Tôn này và Đại Công Đức Thiên đã từng cùng nhau bảm thưa, bạch Đức Phật Đà, nếu như có chúng sinh nào lễ bái cung kính cúng dường và niệm tụng Chân Ngôn này, con sẽ thường xuyên ban cho người đó địa vị và giàu có, khiến trong thân thể tăng ích sống lâu, tràn đầy tinh khí của đất, trong thân hành giả được nhan sắc và sức mạnh, được

Niệm, được Vui, được Tinh Tiến, được Đại Trí Tuệ, được Biện Tài, được 3 Minh 6 Thông, Hàng Trời Người yêu kính, được Phước Đức lớn vô tận không gì sánh được.

Trong quyển 8 “ **Tối Thắng Vương Kinh** “, Kiên Lao Địa Thần cũng nói, nếu như có người nào Chí Tâm Trì Tụng Thần Chú này, đều có thể tùy tâm mong muốn, được tất cả tiền tài trân bảo phục tàng, với cầu Thần Đạo, thuốc màu nhiệm sống lâu, cũng chữa khỏi mọi bệnh tật.

**Phẩm Địa Thần Hộ Pháp** trong quyển Hạ” **Địa Tạng Bốn Nguyên Kinh** “, Đức Phật Đà cũng từng nói với Kiên Lao Địa Thần rằng: “ Thần lực rộng lớn của ông, các Thần khác ít ai bằng, vì cơ sao? Vì đất đai trong cõi Diêm Phù đều nhờ ông hộ trợ, cho đến cỏ cây, cát đá, lúa mè, tre lau, gạo thóc, của báu từ đất mà có đều nhờ nơi sức thần của ông cả “.

Ngòai ra **Phẩm Giáng Ma** trong quyển 9 “ **Phương Quảng Đại Trang Nghiêm Kinh** “ ghi chép, lúc Đức Phật Đà vừa mới Thành Đạo, **Địa Thần** này là **Tác Chứng Minh**, từ đất hiện ra, cúi người cung kính, nâng bình 7 báu chứa đầy hoa thơm cúng dường Thế Tôn. Trong quyển 183 “ **Đại Tì Bà Sa Luận** “ cũng nói Địa Thần thường hộ vệ Đức Phật Đà, cũng nói cho chư Thiên biết việc Đức Phật Đà Chuyển Pháp Luân. Mà căn cứ trong quyển 8 “ **Đại Đường Tây Vực Ký** “ do Huyền Trang Đại Sư ghi chép, người đời sau vì niệm *Báo Ma* ấy đến cuối cùng là công đức chứng minh của Đức Phật, mà ở trong 2 phòng xây bằng gạch ở góc tây bắc Tinh xá **Ca Diệp Ba Phật** tạo lập Tượng này.



## HÌNH TƯỢNG CỦA ĐỊA THIÊN

Hình dáng của Tôn này, trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La thuộc Mật Giáo** để 2 vị Nam Thiên Nữ Thiên. Nam Thiên thân toàn màu thít đỏ, đội Mão báu, tay trái nâng cái Bát, trong Bát có hoa tươi, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài, để ở trước ngực, ngồi trên tòa hình tròn. Nữ Thiên thì ở bên trái Nam Thiên (Hoặc ở đằng sau), thân màu thít trắng hoặc màu thít đỏ, đầu đội Mão báu, tay trái để trên



đùi, tay phải để trước ngực, cũng chéo chân ngồi trên tòa hình tròn. Mà trong **Kim Cang Giới Mạn Trà La Thành Thân Hội**, thì là hình thân nữ toàn màu trắng, 2 cánh tay mở ra ôm giữ Viên Luân ( Bánh xe tròn), trong Mão báu có nửa mặt trăng.

## CHÂN NGÔN, CHỮ CHỦNG TỬ CỦA ĐỊA THIÊN

Chữ Chủng Tử: 𑖀 ( Pr) hoặc 𑖛 ( Vi )

**Chân Ngôn:**

(1) Nam ma (2) tam mạn đa bột đà nam (3) bát lật thể tì duệ (4) toa ha  
 𑖀𑖩: (1) 𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩 (2) 𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩 (3) 𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩𑖩 (4)

(1) NAMAḤ (2) SAMANTA-BUDDHĀNĀM (3) PṚTHIVIYE (4) SVĀHĀ

(1) Quy Mạng (2) Phổ Biến Chư Phật (3) Địa Thiên (4) Thành Tựu

## HA LỢI ĐẾ MẪU ( QUỶ TỬ MẪU THẦN )

**Đức Đặc Biệt**

*Ha Lợi Đế Mẫu là quyến thuộc của Tứ Đại Thiên Vương, có đủ thế lực lớn, có thể ban cho chúng sinh được sống lâu đầy đủ, khử bệnh, cầu nguyện để có con nối dõi lâu dài.*

**Ha Lợi Đế Mẫu** ( Tên Phạn là: Haritī ), dịch âm tiếng Phạn ra âm Hán là **Ha Lợi Đế**, lại dịch ý là **Hoan Hỷ Mẫu, Quỷ Tử Mẫu, Ái Tử Mẫu**, là một Dược Xoa Nữ. Trong **Thai Tạng Giới Mạn Trà La**, vị trí được bày ra ở **Ngoại Kim Cang Bộ Viện**. Lại là quyến thuộc của **Tứ Thiên Vương**, có thế lực lớn, nếu người nào bị bệnh tật, không con cái hoặc muốn cầu sống lâu, hưởng thực hoặc như pháp tu trì, tất cả đều được toại nguyện.



Tương truyền **Ha Lợi Đế Mẫu** có 500 người con, xưa kia thích ăn thịt trẻ con của mọi người trong Thành Vương Xá. Sau khi Đức Phật che dấu những đứa trẻ vào trong cái Bát, khiến tìm kiếm khắp nơi mà không thấy được, đau khổ muốn điên loạn. Sau đó đến nơi Đức Phật, cầu xin Đức Phật từ bi, khiến mẹ con nhìn gặp được nhau. Đức Phật Đà liền răn dạy. Ha Lợi Đế Nữ nghe Đức Phật Đà dạy dỗ, đột nhiên tỉnh ngộ, từ đây liền quy y Phật Giáo, chẳng những chẳng nguy hại người đời mà lại tiếp nhận lời dặn dò của Đức Phật Đà “ Trong Pháp của Ta, nếu các chồn Già Lam, nơi ở của Tăng Ni, Bà và các đứa trẻ ngày đêm thường đem lòng khuyến khích ủng hộ, chớ khiến suy tổn, khiến được an vui, cho đến Pháp Ta chưa diệt về sau, ở Thiệm Bộ Châu phải làm đúng như vậy “.

**Đức Phật Đà** cũng từ bi nhận lời **Quý Tử Mẫu**, “ Nơi Thiệm Bộ Châu có đệ tử Thanh Văn của Ta, mỗi lần ăn nên trích ra một ít thức ăn của chúng sinh để ở cuối đường bày trên 1 cái mâm, gọi tên họ Bà và các đứa trẻ, đều khiến ăn no, vĩnh viễn không có đói khổ “ nhằm tránh cho **Quý Tử Mẫu** và các con của Bà khi không ăn trẻ nhỏ của người lại không có thức ăn để ăn.

Ngoài ra trong “ **Quý Tử Mẫu Kinh** “ thì nói **Mẫu** này có sinh 1000 đứa con ở thế gian, 500 người con ở trên Trời, 500 Người con ở thế gian, 1000 người con đều là **Quý Vương**, mỗi 1 **Quý Vương** đó thống lãnh vạn **Quý**.

**Ha Lợi Đế Mẫu** ngoài việc có thể ban cho con người có con nối dõi, khiến con người an ổn trong khi sinh, liên quan với nhau trong Kinh **Quý**, cũng có Pháp trừ bệnh sống lâu, hành giả như pháp cung kính tu trì, đều có thể khử bệnh sống lâu. Như trong “ **Đại Dược Xoa Nữ Hoan Hỷ Mẫu Tịnh Ái Tử Thành Tự Pháp** “ nói rằng:

“ Lại có Pháp, nếu có người bị bệnh **Quý My**, y như trước gia trì vào 1 đồng nữ rồi hỏi, thì biết được loài nào đã ngầm gây ra, tức là dùng Pháp xua đuổi **Quý My** này, bệnh nhân không thể không trừ khỏi.

Trong “ **Ha Lợi Đế Mẫu Chân Ngôn Kinh** “ cũng nói, muốn được thọ mạng lâu dài, lấy **Cốt Lũ Thảo**, mạ non, thấm với **Tô, Mật, Lạt**, làm **Hộ Ma** 7 đêm, mỗi đêm tụng **Chân Ngôn** 1008 biến, 1 biến thì 1 lần ném vào trong lửa, ắt sẽ sống lâu.

Ngoài ra **Ái Tử** trong “ **Băng Yết La Thiên Đồng Tử Kinh** “ cũng có thấy: “Lại có pháp, lấy **Vô Ưu Mộc**, lên đỉnh núi cao đốt, hòa với **An Tức Hương** làm 1008 viên ném vào trong lửa, tức được an ổn thành tự, muốn khiến thấy tức thấy, sống lâu ngàn tuổi” .... Đó là Pháp Trường Thọ.

## HÌNH TƯỢNG CỦA HA LỢI ĐẾ MẪU VÀ ÁI TỬ

Liên quan đến diện mạo của **Ha Lợi Đế Mẫu và Ái Tử**, trong quyển 140 “ **A Sa Phộc Sao** “ kể lại tướng mạo rằng: Là hình Thiên Nữ, rất là đẹp đẽ, thân màu hồng trắng, mặc áo Thiên Hội Bảo, đầu đội **Mão**, khuyên tai, dùng con rắn trắng làm vòng xuyên. Mỗi thứ **Anh Lạc** trang nghiêm trên thân. Ngồi trên **Bảo Tuyên Đài**, thòng chân phải xuống, ở hai bên **Tuyên Đài** sát đầu gối mỗi bên vẽ 2 đứa trẻ, tay trái của **Mẫu** ôm 1 đứa trẻ trong lòng, tên là **Hoa Lí Dựng Ca**, rất là đoan chính;



Lòng bàn tay phải để sát vú nâng Quả Cát tường. Bên trái bên phải, cũng vẽ quyền thuộc là thị nữ, hoặc cầm cây Phất trắng rất trang nghiêm.

Còn như tượng **Ái Tử** thì làm hình **Đồng Tử**, có đầy đủ 2 tay cầm Quả Tử và trên đầu người có 3 búi tóc. Lại nói, trên đỉnh đầu của hình **Đồng Tử** có Ngũ Châu Phong Kế Tử, tướng tốt viên mãn, lấy mỗi thứ Anh Lạc trang nghiêm trên thân, ngồi chéo chân lên lá sen. Lòng bàn tay phải có Cát Tường Quả Tử, tư thế như người, lòng bàn tay trái giơ lên hướng ra ngoài rũ xuống mở rộng 5 ngón tay, tên là **Mãn Nguyên Thủ**.

## CHÂN NGÔN CỦA HA LỢI ĐẾ MẪU ( QUỶ TỬ MẪU )

𑖀 (1) 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 (2) 𑖀𑖀 (3)

(1) **Án** (2) **nỗ nỗ ma lí ca tứ đế** (3) **sa phộc hạ**

(1) OM (2) DUNDU MÀLIKÀ HITE (3) SVÀHÀ

(1) Quy Mạng (2) Nỗ Nỗ Ma Lí Ca Tứ Đế (Trên cổ của Quỷ Tử Mẫu Thần trang sức vòng hoa xanh) (3) Thành Tựu

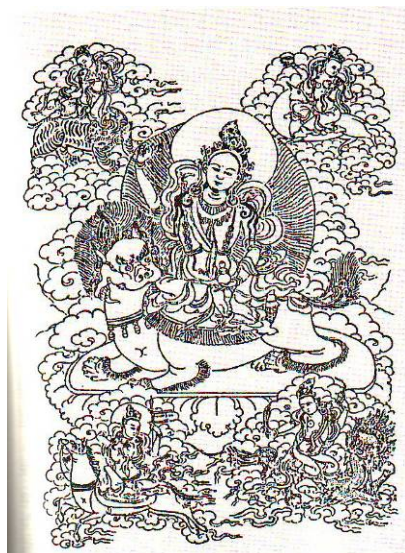
## TUYẾT SƠN NGŨ TRƯỜNG THỌ NỮ

### Đức Đặc Biệt

*Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ, phân biệt nắm giữ Phước Thọ, Tiên Tri, Y Điền, Tài Bảo và Súc Vật, tu pháp này hay tiêu trừ ôn dịch, sống lâu tự tại.*

**Tuyết Sơn Trường Thọ Nữ** là một trong các Tôn Trường Thọ của Phật Giáo Tây Tạng, lại gọi là **Cát Tường Trường Thọ Ngũ Mẫu**, là Trí Tuệ Không Hành Mẫu của Liên Sư, cũng là 5 vị Bí Mật Không Hành Mẫu của Đại Thành Tựu Giả Mật Lạc Nhật Ba Tôn Giả.

Phân biệt là: **Trường Thọ Tự Tại Mẫu**, lại tên là **Cát Tường Trường Thọ Mẫu**, **Trường Thọ Tự Tại Mẫu**. **Thúy Nhan Phật Mẫu**, lại tên là **Kim Cang Phần Nộ Mẫu**. **Trình Huệ Phật Mẫu**, lại tên là **Kim Cang Tiểu Mẫu**, **Diệu Âm Thiên Mẫu**. **Quan Vịnh Phật Mẫu**, lại tên là **Kim Cang Thiên Nữ Thọ Dụng Minh Phi**. **Thí Nhân Phật Mẫu**, lại tên là **Kim Cang Vũ Nữ**. Hoặc có thuyết nói **Ngũ Trường Thọ Nữ** này là biến hóa của **Vô Lượng Thọ Như Lai**, được coi là sự hóa hiện của 5 vị Phật Trường Thọ.



Tương truyền, quê hương của **Năm Trường Thọ Nữ**, chính là nơi ở dưới chân núi **Châu Mục Lãng Mã Tuyết Sơn**. Trong đó có 5 tòa ao hồ băng tuyết, thường ánh hiện nhan sắc biến hóa kỳ ảo khác nhau, cũng giống như thân sắc của năm Trường Thọ Nữ. Ngoài ra cũng có thuyết nói Năm Trường Thọ Nữ này cư trú ở **Lạp Kỷ Khang Tuyết Sơn**.

Truyền thuyết nói, **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ Thần** ở trong động Ca Nhiệt Tang Ngõa, gặp được **Liên Hoa Sinh Đại Sĩ**, các bà dùng lực lượng thần thông rộng lớn đè ép khuất phục Liên Sư. Thế là phát động 18 loại Thiên Ma, Đơn Mã Nữ Thần, Sơn Thần và vô biên Chúng Quỷ Thần, nhưng lại không có cách nào khiến cho Liên Hoa Sinh Đại Sĩ bị chấn động. Cuối cùng các bà biến hóa ra hình mạo và thần lực rất đáng sợ, không ngờ lại bị Liên Hoa Sinh Đại Sĩ dùng thần lực thủ ấn đè ép khuất phục dưới lòng bàn tay.

**Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ** bất đắc dĩ, phải đem danh hiệu và **Mạng Căn Tinh Yếu Tâm Chú** cúng dường Liên Sư, và đứng dưới Tam Muội Gia thế nguyện, vĩnh viễn phục tùng sự giáo hóa của Liên Sư. Liên Hoa Sinh Đại Sĩ vì các bà khai thị lý báo ứng của nhân quả, và dẫn dắt các bà vĩnh viễn thủ hộ Phật Pháp.

Mà trong **Mật Lạc Nhật Ba Đại Sư Ca Tập**, cũng có ghi chép nhân duyên của **Mật Lạc Nhật Ba Tôn Giả** giáo hóa **Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ**. Căn cứ vào sự ghi chép, khi **Mật Lạc Nhật Ba Tôn Giả** ở núi Tuyết tu hành, đã nhiều lần gặp phải sự xâm phạm quấy nhiễu của **Năm Trường Thọ Nữ**, cuối cùng họ bị nhiếp phục bởi Tâm Bi rộng lớn và Chứng Lượng của Tôn Giả.

Trong **Ca Tập** nói, có một lần, ở khu vực nổi tiếng là Thương Chấn của Thịnh Mã Trân, đột nhiên các loại bệnh truyền nhiễm đồng thời xuất hiện rất là nghiêm trọng như : Thiên Hoa ( Bệnh Đậu Mùa), Kiết Ly.... Chỉ trong một lúc người và súc vật bị chết, không thể đếm xuể.

Một ngày chàng vạng tối, có một cô gái rất là đẹp đi đến trước mặt Tôn Giả. Trên thân cô gái mặc áo lụa trắng dài, có thêu hình hoa hồng và ngọn lửa, vạt áo được trang điểm bằng 5 loại châu ngọc; đầu trên của quần có nạm Trân Châu, dây tơ, anh lạc; eo lưng đeo 1 sợi dây được kết bằng Kim Cương Toàn Thạch, trên cổ

cũng có đeo vật trang sức làm bằng vàng. Cô ấy đi đến trước mặt của Tôn Giả, cuối đầu lễ bần chân Ngài, rồi nhiễu quanh 7 vòng, sau đó nói với Tôn Giả rằng, do chị lớn bệnh nặng, cho nên đặc biệt đến cầu thỉnh Tôn Giả đi đến để gia trì.

**Mật Lạc Nhật Ba Tôn Giả** biết cô gái này là hóa hiện của **Trường Thọ Nữ**, liền nhận lời đi.

Thế là cô gái liền lấy ra một sợi dây tơ trắng, đem dây tơ đó ném vào không trung, và nói rằng: “Chúng ta hãy đạp lên sợi dây tơ này mà đi!”

Tôn Giả liền dùng chân đạp lên sợi dây tơ, chỉ trong khoảng sát na như ánh chớp đã đến chính giữa núi Tuyết.

Ở nơi cổ trái của **Bích Thiên Vương Mẫu**, xuất hiện một cái Trướng Bồng (Lều vải) làm bằng lụa trắng, cửa lều treo tấm bạt làm bằng vàng. Sợi dây thừng của cái lều là dùng đá quý làm thành, cột chống đỡ là dùng ốc biển làm thành, các cây cọc đóng giữ lều được làm bằng đá quý. Ở trong lều có một cô gái rất đẹp đang nằm, có Anh Lạc trang sức trên búi tóc. Dung mạo cô gái rất là tiêu tụy, thân thể run rẩy, trông mắt rực lửa tràn đầy những tia máu hồng. Nhìn thấy Tôn Giả đến, cô gái miễn cưỡng ngẩng đầu hướng về Tôn Giả nói rằng: “Tôn Giả à! Bệnh này của tôi quả thật rất nghiêm trọng! Thỉnh Ngài khai thị và gia trì thì tôi mới khỏi được!”

Nghe sự thỉnh cầu của Trường Thọ Nữ, Tôn Giả hướng về Trường Thọ Nữ hỏi kỹ càng tỉ mỉ xem nhân duyên nào phát bệnh.

**Trường Thọ Nữ** đáp rằng: “Nguyên nhân phát sinh bệnh này là lúc trước mùa hè không lâu, có một Mục Đồng đốt một đám lửa lớn thiêu đốt núi, tôi bị khí độc của khói lửa xông phải, cho nên nhiễm phải bệnh này. Vài ngày trước, hạ tuần tháng đầu của Quý Thu, tôi cảm thấy không được khoẻ cho lắm, cho đến Quý Thu hôm nay, thân thể đã đau khổ vạn phần, hiện tại không thể chịu nổi, cho nên mới đặc biệt hướng về Tôn Giả để cầu cứu, nghinh thỉnh Ngài đến nơi đây. Trong lúc bệnh, trong miệng tôi thở ra khí độc, tiếp xúc đến người dân của bốn địa, cho nên phát sinh các loại bệnh truyền nhiễm, đó là nguyên nhân dẫn đến ôn dịch lưu hành ở vùng này gần đây”.

Sau khi Tôn Giả nghe nguyên nhân của Trường Thọ Nữ phát bệnh và ôn dịch lưu hành, liền dạy bảo Trường Thọ Nữ cẩn thận giữ Tam Muội Gia Giới, không được nguy hại chúng sinh, và lập tức tiêu diệt ôn dịch. Rồi Trường Thọ Nữ cũng thành thật sám hối, và 3 lần tha thiết khẩn cầu Tôn Giả gia trì. Thế là buổi tối hôm đó, Tôn Giả liền vì Trường Thọ Nữ làm **Kim Cang Tát Đỏa Bách Tự mình Trì Chướng Pháp**, và nhiều lần giúp cô ấy chí tâm cầu khẩn Thượng Sư với Tam Bảo, lại vì cô ấy tác **Pháp Quán Đỉnh của Tôn Thắng Phật Mẫu Trường Thọ Đỉnh**, và liên tục trong 7 ngày vì cô ấy mà gia trì, nên Trường Thọ Nữ hoàn toàn được khỏi bệnh.

Sau khi khoẻ lại, Trường Thọ Nữ hướng về Tôn Giả nói rằng: “Bởi vì duyên của duyên khởi trợ nhau, nếu như một số Sơn Thần chúng tôi, thân thể khoẻ mạnh vui vẻ, thì hương dân của vùng này cũng tự nhiên sẽ dần dần khoẻ mạnh vui vẻ; muốn khiến hương dân mau được khoẻ mạnh, nhất định phải hiểu rõ một số **Thế Gian Không Hành Mẫu Môn** của chúng tôi, có một Thệ Ước chung là, nếu có một người nào không tốt, thì tất cả cũng đều không tốt, tạo thành hỗn loạn bất an. Đến

một dạng này, các hàng Trời Người Quỷ Linh của thế giới này cũng cùng nhau lay động không yên. Các Ngài cũng vì chúng tôi mà chi viện. Nếu như trước mắt phải khử trừ dịch tình (Tình hình bệnh dịch), thì phải tập hợp rộng mọi người, niệm tụng “**Như Lai Đỉnh Kế Tâm Yếu Đà La Ni**” nhiều, tuyên giảng Kinh Điển thâm sâu của Đại Thừa, thường dùng bình sạch (Minh Chú) rửa sạch thân thể. Và ở các nơi thôn trấn kết Giới Cấm Túc, cách ly tới lui, đồ cúng thì dùng các loại quả tươi màu trắng màu hồng để dâng cúng, lập ra Đại Hình Thực Tử. Trên Thực Tử phải dùng các loại đồ ăn để tô điểm, dùng mỗi loại công đức này hồi hướng, làm như vậy thì ôn dịch sẽ tiêu diệt nhanh.

**Mật Lạc Nhật Ba Tôn Giả**, y theo Trường Thọ Nữ nói dạy dỗ đại chúng, đại chúng như pháp tu trì, không bao lâu quả nhiên toàn bộ ôn dịch bị xóa sạch dấu vết.

Tuyệt Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ, 5 vị Phật Mẫu này y theo thứ tự là Thần Đất nắm giữ : Phước Thọ, Tiên Tri, Y Điều, Tài Bảo và Súc Vật, cũng là 5 Hộ Pháp Không Hành Mẫu của Mật Tông. Trong đó, đặc biệt là **Trung Ương Cát Tường Trường Thọ Mẫu**, hay ban cho chúng sinh sống lâu tự tại.

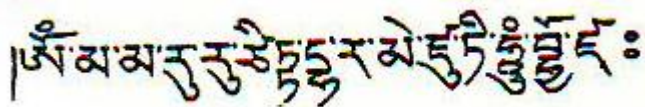
Thân hình của **Tuyệt Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ Thần**, do truyền thừa khác nhau nên nhân duyên thị hiện cũng có chút sai khác. Lấy **Trung Ương Cát Tường Trường Thọ Tự Tại Mẫu** làm đầu. Thân tướng của Bà trắng sạch, trên gò má hiện ra màu hồng nhạt, tuổi trẻ mà rất đẹp, tay phải của Bà cầm hạt châu của sự hy vọng, tay trái cầm 1 cành Chiêm Bốc Thần Tiên, đuôi mũi tên có buộc 1 con ốc biển trắng làm thành con xúc xắc và cái gương. Con xúc xắc tượng trưng cho Cát Tường của Tam Giới. Thân Bà mặc áo tơ màu trắng, dùng lông cánh của con chim công chế thành mũ rộng vành, đầu quấn khăn làm bằng tơ. Hoặc có thuyết khác nói thân tướng màu trắng, tay phải cầm cái Chày Kim Cang, tay trái cầm cái Bình báu Trường Thọ, cỡi con Sư Tử Núi Tuyết màu trắng.

Mặt trước của **Trường Thọ Thiên Mẫu** là **Thúy Nhan Thiên Mẫu** ở phương đông, 2 tay đều cầm Chiêm Bốc Ma Kính, hoặc có thuyết nói thân màu xanh lam, tay phải cầm cái gương báu, tay trái cầm cây Phướng báu ngũ sắc, cỡi con Ngựa vằn màu xanh lam, hoặc có thuyết nói cỡi con Lừa. Bên phải là **Nữ Thần Trinh Huệ Thiên Mẫu** ở phương nam, tay cầm mâm Tài Bảo, chất đầy đá quý (Hoặc có thuyết nói thân màu vàng, tay phải cầm mâm báu, tay trái tác Thí Dữ Nguyễn Ấn, ngồi cỡi trên con Cọp già màu vàng ).

Phía sau (Ở phương tây) là **Nữ Thần Quan Vịnh Thiên Mẫu**, đội cái mũ rộng vành làm bằng lông cánh của con chim công, nâng cái mâm bằng phẳng chất đầy Trân Bảo, hoặc tay phải cầm cái Tráp báu, tay trái nâng viên ngọc Ma Ni, ngồi cỡi trên con La trắng, hoặc có thuyết nói ngồi trên con Hươu cái màu san hô hồng. Bên trái (Ở phương bắc) là **Nữ Thần Thí Nhân Thiên Mẫu**, tay cầm cái Thìa dài chứa đầy sữa tươi (Hoặc tay phải cầm bông Lúa giơ lên, tay trái nắm con Rắn xanh, ngồi cỡi trên con Rồng xanh biếc). Tư thế thân hình của 5 vị Cát Tường Ngũ Trường Thọ Nữ Thần này đều là trạng thái múa. Thân mặc áo tơ trắng, trên thân trang sức Bảo Thạch quý báu, trong tay đều khuya múa 1 cành Chiêm Bốc Thần Tiên.

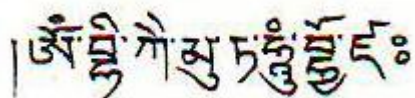
### CHÂN NGÔN CỦA NGŨ TRƯỜNG THỌ NỮ

1\_ Án ma ma lỗ lỗ kỉ đáp đạt lạt mỹ trú địa cứu trát



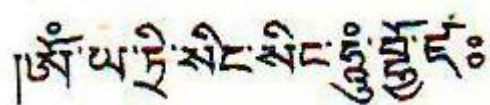
OM MAMA RURU CITTA-DHARA ME JUTI HÙM BHYO JAḤ

2\_ Án tĩ cấp mọc đáp cứu trát



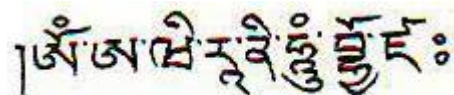
OM BHIKAI MUTA HÙM BHYO JAḤ

3\_ Án nha kỉ hạnh hạnh cứu trát



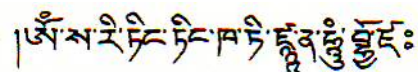
OM YATRI SIN SIN HÙM BHYO JAḤ

4\_ Án a vi lạt ni cứu trát



OM AVIRANI HÙM BHYO JAḤ

5\_ Án sa lí định định ca địa gia nạp cứu trát



OM SARI TIN TIN KHATI JÑANA HÙM BHYO JAḤ

# THIÊN THỨ BA

## KINH ĐIỂN CỦA BẢN TÔN TRƯỜNG THỌ

### KHÁI THUYẾT

Trong thọ mạng của đời người, cuộc sống đau khổ ngăn ngừa không đến trăm tuổi, lại thường xuyên gặp phải các sự việc như : Chướng nạn, tai họa, chết yếu, nhiều bệnh tật, chết đột ngột là việc thường thấy, cho dù là có thể hưởng hết tuổi Trời, cũng cảm nhận được sự ngăn ngừa của thọ mạng.

Do đó Phật Pháp đã được thành, xong có một số người vẫn hy vọng theo đuổi sự sống lâu, Quang Minh, cho rằng Phật Pháp hay khiến chúng sinh lìa khổ được vui. Do đó, Phật giáo có rất nhiều Kinh Điển mở ra Pháp Môn của sự khoẻ mạnh sống lâu, khiến chúng sinh không bệnh tật sống lâu, có sức mạnh trường thọ, ngưng tai nạn, trừ đau khổ, cho đến Thành Tựu Vô Thượng Bồ Đề. Những pháp môn này cũng giống như trong “ **Thánh Lục Tự Tăng Thọ Đại Minh Đà La Ni Kinh**” nói rằng: Pháp môn này hay có đủ sự tiêu trừ tai họa, tăng ích thọ mạng. Nếu có người nào thọ trì không những tự mình được lợi, thậm chí người khác cũng hay được đầy đủ sự an ổn trong đêm dài, xa lìa mọi sự khổ, sống lâu không bệnh tật, mọi sự ác chẳng xâm phạm.

Phật Giáo cho rằng, trong Phật Pháp không bệnh tật trường thọ, sống lâu tăng phước, không chỉ là ý muốn khiến cho sinh mạng căn bản của chúng sinh được đầy đủ cùng với phước báu của thế gian mà còn có ý nghĩa sâu rộng. Do đó, pháp môn của sự khoẻ mạnh sống lâu là cho phép khiến chúng ta đạt được sự tăng trưởng thọ mạng một cách tự tại, lại có thể tăng thêm sức khoẻ.

Trong sách này, đặc biệt thu nhận đầy đủ các loại Kinh Điển pháp môn của sự khoẻ mạnh sống lâu như : “ **Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh**”, “ **Phật Thuyết Tạo Thập Diên Mạng Công Đức Kinh**”, “ **Hộ Mạng Pháp Môn Thần Chú Kinh**”, “ **Kim Cang Thọ Mạng Đà La Ni Kinh**”, “ **Phật Thuyết Bắc Đẩu Thất Tinh Diên Mạng Kinh**”, “ **Trừ Nhất Thiết Tật Bệnh Đà La Ni Kinh**”, “ **Phật Thuyết Đại Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni Kinh**”, “ **Thánh Lục Tự Tăng Thọ Đại Minh Đà La Ni Kinh**”....

Phật Giáo cho rằng, Đại Chúng như pháp một lòng tu trì những pháp môn hộ mạng này thời sẽ đạt được 20 loại công đức. 20 loại công đức là:

Một là sẽ được Chư Phật nhiếp thọ.

Hai là thường được Chư Phật nghĩ nhớ đến.

Ba là sẽ được lìa hẳn sự chịu nghiệp trong nẻo ác.

Bốn là sẽ được sống lâu, phú quý.

Năm là sẽ được danh tiếng vang xa.

Sáu là sẽ được uy lực dũng mãnh.

Bảy là luôn thường không có bệnh, lại hay tinh tiến.

Tám là thường được Chư Phật che giúp.

Chín là lại được Chư Thiên nghĩ nhớ đến.



Mười là siêng năng tu hạnh lành.

Mười một là sẽ được ánh sáng, vui vẻ, chính niệm.

Mười hai là sẽ được đầy đủ các tướng.

Mười ba là được vô sở úy.

Mười bốn là sẽ được đầy đủ thi la ( ‘Sila: Thanh Lương Giới).

Mười lăm là sẽ được thành tựu tất cả căn lành.

Mười sáu là sẽ được Chư Thiên thủ hộ.

Mười bảy là sẽ được các Rồng thủ hộ.

Mười tám là sẽ được Dược Xoa thủ hộ.

Mười chín là sẽ được tất cả thế gian kính yêu.

Hai mươi là mau chóng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ( Vô Thượng Chính Đẳng Giác).

## KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA KINH

### Công Đức

*Kim Cang Kinh được rất nhiều Phật Giáo Đồ Trung Quốc tụng trì, công đức rất là rộng lớn, xưa nay vốn có liên quan đến việc tụng trì kinh này mà được hiệu nghiệm để tiêu trừ tai nạn, sống lâu, nhiều lần được thấy ghi trong sách.*

“ **Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh**” ( Tên Phạn là: Vaj-recchedikà-praṇājpàramitā-sūtra) toàn bộ một quyển, đời Diêu Tần, do Cưu Ma La Thập lược dịch gọi là “ **Kim Cang Bát Nhã Kinh**”, “ **Kim Cang Kinh**”, là một bốn kinh điển đối với người tu hành của Phật Giáo Đồ Trung Quốc có ảnh hưởng rất sâu xa. Từ xưa giảng nói chú sớ Kinh này đặc biệt rất nhiều rộng rãi, vì đại chúng thường phúng tụng và đọc để nghiên cứu.

Trong lịch sử Thiên Tông, vị Tổ đầu tiên tên là Đạt Ma đến Trung Thổ dùng “ **Lăng Già Kinh**” Ấn Chứng cho người học, truyền thụ mở bày cho người Tu Thiên. Sau đó đến Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn thì chuyển dùng “ **Kim Cang Kinh**” để Ấn Tâm, Lục Tổ Huệ Năng vì nghe Kinh văn của Kinh này mà khai ngộ. Căn cứ vào “ **Lục Tổ Đàn Kinh**” ghi chép, bấy giờ, Ngũ Tổ vào lúc nửa đêm vì Lục Tổ truyền thụ “ Kim Cang Kinh” đến câu “ **Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm**” thời Lục Tổ liền đại ngộ dưới lời nói đó, rồi khen ngợi rằng:

Không ngờ tánh của mình vốn tự thanh tịnh.

Không ngờ tánh của mình vốn chẳng sinh tử.

Không ngờ tánh của mình vốn tự đầy đủ.

Không ngờ tánh của mình vốn chẳng lay động.

Không ngờ tánh của mình hay sinh vạn pháp.

Ngũ Tổ liền Ấn Khả rồi truyền y bát cho Ngài, Huệ Năng liền trở thành vị Tổ thứ sáu của Thiên Tông. Đó là ví dụ nổi tiếng của “ **Kim Cang Kinh**” hay khiến người chứng ngộ. Do đó Kinh này cùng với nhân duyên của Phật Giáo Trung Quốc luôn đi cùng với nhau không bị cắt đứt.

Bốn Kinh này từ xưa đến nay ở Trung Quốc có sáu bản dịch.

1. “ **Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh**” đời Diêu Tần, do Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch, đó cũng là bản sử dụng lưu thông hiện tại của chúng ta.
2. “ **Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh**” đời Bắc Ngụy, do Bồ Đề Lưu Chi dịch.
3. “ **Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh**” đời Trần, do Chân Đế dịch.
4. “ **Kim Cang Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật Kinh**” đời Tùy, do Kip Đa dịch.
5. “ **Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh**” thu nhận trong “ **Đệ Cửu Năng Đoạn Kim Cang phân**” của quyển 577 “ **Đại Bát Nhã Kinh**” đời Đường, do Huyền Trang Đại Sư dịch.
6. “ **Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh**” đời Đường, do Nghĩa Tịnh dịch.

Sáu loại văn bản trên tổng ước có hai loại tên gọi: Một là” **Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh**”; Hai là” **Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh**”. Ở ý nghĩa trên cũng có hai loại: Một là Bát Hoại giống như Kim Cang, được ghi truyền là Bát Nhã Ba La Mật Kinh. Ngoài ra, một loại Bát Nhã Ba La Mật Kinh là Năng Đoạn Kim Cang, Liên Kim Cang đều có thể cắt đứt sự hư hoại. Dùng hai cách nói trên làm đại biểu đó là một bộ vững chắc, hay trừ tất cả lưới mê, hiện chứng Kinh điển của Bát Nhã. Nhưng trong bài tựa “ **Kim Cang Kinh Khẩu Quyết**” của Lục Tổ Huệ Năng Đại Sư biên soạn thì nói Kinh này dùng Vô Tướng làm Tông, Vô Trụ làm Thể, Diệu Hữu làm Dụng.

Kim Cang Kinh và Phật Giáo Đồ Trung Quốc có quan hệ rất là sâu xa, từ xưa đến nay người trì tụng rất là đông. Mà các Triều Đại trở lại đây có liên quan tụng trì Kinh này, Linh Dị hiệu nghiệm lại là truyền nghe không dứt, hoặc có do tiêu tai trừ ách hoặc có hiện tướng đoan nghiêm, chẳng phải một mà đủ, mà hiệu nghiệm khử bệnh sống lâu lại thấy nhiều ở trong sách.

Tương truyền giữa năm Lương Thiên Giám, có vị Diễm Pháp Sư, năm 11 tuổi liền xuất gia làm Sa Di, trú ở chùa Chiêu Đề tại Trường An. Có một lần, Diễm Pháp Sư thỉnh một vị tên là Tinh Vu đến xem Tướng cho Ngài. Sau khi Tướng Sư ngưng thần chú thị vào Diễm Pháp Sư nói: “ Tướng mạo của ông phi thường thông minh, trí tuệ bất phàm, chỉ đáng tiếc là khuôn mặt có Tướng chết yểu, sợ khó mà sống qua 18 tuổi.

Pháp Sư vì lo sợ sự việc này, thế là hỏi thăm khắp nơi làm thế nào mới có thể được sống lâu. Kết quả rất nhiều người đều đề nghị theo đạo lý của Phật Pháp, thọ trì công đức to lớn của Kim Cang Kinh, như có thể y pháp thọ trì ắt được sống lâu.

Do đó, Pháp Sư liền y theo lời nói, vứt bỏ vạn duyên vào núi siêng năng thọ trì Kim Cang Kinh, ngày đêm không nghỉ.

Bỗng một đêm khuya, Pháp Sư nhìn thấy ánh sáng năm màu xuất hiện ở trong phòng, có một vị Phạm Tăng thân cao 5 thước ( 5 thước tào) bảo với Ông rằng: “ **Bổn mạng của Ông ở thế gian chỉ có 18 năm, như nay một lòng thọ trì Kim Cang Kinh, nhờ công đức thù thắng này, nên được sống lâu.**

Nói xong liền biến mất, từ đó về sau Pháp Sư lại càng tu trì tinh tiến.

Sau nhiều năm, Pháp Sư lại đi tìm Tướng Sư lúc trước để hỏi, xem Tướng mạo hiện tại rốt cuộc thay đổi như thế nào. Sau khi Tướng Sư ngắm nghía kỹ càng tỉ mỉ thì vô cùng kinh ngạc liền hỏi Diễm Pháp Sư rằng: “Tướng chừng hôm nay không còn gặp lại được Ông nữa vậy mà có thể diện kiến được Ông! Ông đã từng làm những việc âm đức gì phải không mà cuối cùng khiến Tướng chết yếu bỗng nhiên thay đổi mà xuất hiện Tướng trường thọ vậy?”

Pháp Sư nói: “Tôi chỉ chuyên tâm trì niệm Kim Cang Kinh mà thôi” và trải qua nhiều năm tu trì kể thêm để cho rõ. Tướng Sư khen ngợi rằng: “Tôi ở trong trần tục dựa vào việc xem Tướng để mưu sinh, tuy biết việc tích đức có thể sống lâu, không ngờ công đức của Phật Pháp lại thù thắng như vậy, thật chẳng thể nghĩ bàn!”

Về sau Diễm Pháp Sư sống đến 92 tuổi mới tọa hóa. Lúc lâm chung, hương thơm lạ tỏa đầy nhà, người người gọi đó là điều kỳ lạ.

Lại nói, căn cứ vào Triều Đại nhà Đường, có một vị Hòa Thượng tên là Pháp Chính, mỗi ngày trì tụng “**Kim Cang Kinh**” 21 biến.

Năm Ngài được 60 tuổi, có một ngày vì bệnh mà chết. Sau khi chết vào trong Minh Phủ. Minh Vương hỏi Ngài: “Thuở bình sinh Sư Phụ làm công đức như thế nào?” Pháp Chính trả lời rằng: Thường xuyên thọ trì “**Kim Cang Kinh**”.

Minh Vương nghe xong tự cảm thấy kính phục, hướng về Ngài chấp tay lại làm lễ, thỉnh Ngài ngồi ở trên tòa có thêu gấm hoa niệm Kinh 7 biến. Lúc Pháp Chính tụng Kinh, những thị vệ của cõi âm đều chấp tay lại lắng nghe, cõi âm phủ cũng ngưng dứt việc hành hình. Đợi Pháp Chính tụng Kinh xong, Minh Vương đặc biệt đi đến dưới bậc thềm nói rằng: “Thượng Nhân tăng thọ được 30 năm, hy vọng Ngài siêng năng tụng không nghỉ, mạng chung ắt có thể xa lìa sinh tử”.

Sau đó, Minh Vương phái một vị Minh Sứ tiễn đưa Ngài hoàn dương. Ngài đi được khoảng 10 dặm nhìn thấy trước mặt có một cái hố lớn, sâu không thấy đáy. Minh Sứ đi theo sau lưng đẩy Ngài vào trong hố, Pháp Chính liền tỉnh lại, mới biết mình đã chết được 7 ngày, chỉ có vùng mặt là chưa lạnh.

Hòa thượng Thường Thanh của Kinh Châu tận mắt xem thấy Pháp Chính sống lại, mãi đến hơn 80 tuổi mà vẫn còn sống.

Từ sự ghi chép các loại chuyện cảm ứng nghe ở trên của việc trì tụng “**Kim Cang Kinh**” có thể biết sức công đức của “**Kim Cang Kinh**” chẳng thể nghĩ bàn và tình hình phổ biến “**Kim Cang Kinh**” ở Trung Quốc nhận được sự sùng bái.

(Phần phục hồi Phạm Chú phía sau đều dựa theo các bản dịch của cư sĩ Huyền Thanh)

### KIM CANG BÁT NHÃ KINH CHÂN NGÔN

(1) Na mô (2) bà già phật đế (3) bát lạt nương (4) thất ba la nhĩ đa duệ  
(5) án (6) y lợi đế (7) y thất lợi (8) thâu lộ đà (9) tì xá gia (10) sa phộc hạ.

NAMO PRAJÑA-PÀRAMITÀYE

OM RIDHI ‘SRÌ ‘SRÛTA VIJAYA SVÀHÀ

“ Kim Cang Bát Nhã Kinh” Chân Ngôn chỉ thấy ở đời nhà Đường. Trong bản dịch của Cư Ma La Thập, trong bản dịch Trung văn khác cũng không thấy Chân Ngôn này.

## PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ QUYẾT ĐỊNH QUANG MINH NHƯ LAI ĐÀ LA NI

### Công Đức

*Bốn Kinh là Đức Như Lai vì thương xót chúng sinh chết non mà nói; Nếu có người nào thọ trì đọc tụng Kinh này, thì hay tăng ích thọ mạng, sống lâu trăm tuổi.*

“ **Kinh Đại Thừa Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Như Lai Đà La Ni**” chính là Đức Phật Đà vì thương xót nghĩ nhớ tất cả chúng sinh thường bị chết non trong đời sau, khiến tăng thọ mạng, được lợi ích lớn mà tuyên nói pháp môn tối thắng chẳng thể nghĩ bàn, pháp bí mật thâm sâu vi diệu.

Căn cứ trong Kinh ghi chép, bấy giờ Đức Phật ở trong Pháp Hội tại nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc, trước tiên bảo với **Đại Tuệ Diệu Cát Tường Bồ Tát** về cõi Tịnh Thổ Trang Nghiêm của **Đức Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai** ấy rằng:” Ông nên lắng nghe, từ cõi Nam Diêm Phù Đề qua phía Tây, vượt khỏi vô lượng cõi Phật, có thế giới tên là Vô Lượng Công Đức Tạng, cõi nước đẹp đẽ, dùng các báu trang nghiêm sạch sẽ thù thắng, an vui sung sướng vi diệu bậc nhất không cõi nào bằng. Ở trong **Thế Giới Vô Lượng Công Đức Tạng** ấy, có Đức Phật tên là **Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề**, nay đang ở trong thế giới ấy khởi Đại Từ Bi vì chúng sinh diễn nói diệu pháp, khiến được lợi ích an vui thù thắng”.

**Vô Lượng Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai** này có công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Căn cứ vào Đức Phật Đà nói: Nếu có chúng sinh nào nghe được danh hiệu của Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai, nếu hay chí tâm xưng niệm 108 biến, như vậy, chúng sinh kia đâu bị đoản mạng lại được tăng thọ mạng, hoặc chỉ nghe danh hiệu, chí tâm hết lòng Tôn Sùng ( Chí tâm bị thọ tôn sùng), thì người đó cũng được tăng ích thọ mạng.

Đức Phật Đà lại tuyên nói 108 tên Đà La Ni Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai, để lợi ích cho tất cả chúng sinh, Đà La Ni này nói rằng:

**Năng mô bà nga phộc đế a bá lí nhĩ đà dũ nghê dã nga đà dã la hạ đế tam ma dước hất tam một đà dã đát nhĩ dã tha án tát phộc tăng tác già la ba lí thuấn đà đạt lật ma đế nga nga năng tam mẩu nỗ nghịệt đế sa phộc bà phộc vĩ thuấn đệ ma hạ năng dã ba lí phộc lê sa phộc hạ.**

NAMO BHAGAVATE APARAMITA AJURJÑANA SUVINE ‘SCITA TEJA TATHAGATAYA

TADYATHÀ : OM\_ SARVA SAMSKÀRA PARI’SUDDHE DHARMATE GAGANA SAMUDGATE SVABHÀVA VI’SUDDHE\_ MAHÀ NAYA PARIVARE\_ SVÀHÀ

Nếu có người nào thọ trì 108 tên Đà La Ni Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai này, hay được khoẻ mạnh sống lâu. Căn cứ trong Kinh nói rằng: Nếu có người nào tự chép hoặc dạy người khác chép Đà La Ni này, an trí trên lầu cao, hoặc nơi thanh tịnh trong điện thờ, như pháp trang sức cúng dường các loại, thì người đoản mạng đó lại được trường thọ, sống lâu trăm tuổi. Như vậy, người này sau khi mạng chung, liền được vãng sinh ở **Thế Giới Vô Lượng Công Đức Tạng** của cõi **Phật Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai** ấy.

Lại nữa, Phạm có người nào thọ trì đọc tụng, nghe thấy Kinh này thấy hay thu được lợi ích vô lượng. Căn cứ trong Kinh nói, được thấy Kinh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni này, công đức thù thắng với nghe danh hiệu, nếu tự mình viết chép, hoặc dạy người khác chép Kinh này, hoặc ở nhà của mình, hoặc ở lầu cao, hoặc an trí trong điện thờ tịnh xá, thọ trì đọc tụng, cung kính lễ bái, dùng các loại hoa, hương đốt, hương bột, hương thoa, vòng hoa.... Cúng dường Kinh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni , như vậy, người kia dẫu bị đoản mạng, nếu hay chí tâm viết chép thọ trì, đọc tụng cúng dường lễ bái, người đó sẽ được tăng thọ mạng sống lâu đến trăm tuổi.

Lại nói, nếu có người nào tự viết chép, hoặc dạy người khác chép, như vậy, nếu người đó bị nghiệp phải đọa vào địa ngục Ngũ Vô Giá, do sức công đức này cho nên hết thấy nghiệp đều tiêu trừ. Về sau chẳng đọa Địa Ngục, chẳng đọa Nga Quỷ, chẳng đọa Súc Sinh, chẳng đọa Diêm La Vương Giới Nghiệp Đạo Minh Quan, chẳng đọa làm Ma Vương với làm quyến thuộc Ma, chẳng đọa trong đường Dược Xoa, vĩnh viễn chẳng vào trong các nẻo ác, thọ nhận quả báo. Như vậy, do sức công đức người viết chép “ Kinh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai Đà La Ni “ này, về sau tất cả nơi sinh ra, đời đời kiếp kiếp được Túc Mạng Trí, chẳng đọa cái chết đột ngột không đúng thời, vĩnh viễn chẳng thọ nhận các quả báo.

## KIM CANG THỌ MẠNG ĐÀ LA NI KINH

### Công Đức

*Nếu có người nào như pháp tu trì Đà La Ni này thì hết thấy nhân duyên nghiệp ác tội chướng, đoản mạng chết yếu của đời quá khứ, do trì Đà La Ni này cho nên tâm tín trong sạch, nghiệp chướng tiêu diệt, lại tăng thọ mạng.*

“ **Kim Cang Thọ Mạng Đà La Ni Kinh**” là Đức Phật Đà vì thương xót Đại Tự Tại Thiên cho nên vào Kim Cang Thọ Mạng Tam Ma Địa, khiến kéo dài thọ mạng.

Trong Kinh nói: Bấy giờ, Thích Tôn y theo Kinh Kim Cang Đỉnh Du Già. Tỳ Lô Giá Na Báo Thân Phật, vào đệ tứ thiên ở đỉnh sắc giới, thành Đẳng Chính Giác, liền hạ xuống đỉnh núi Tu Di ở lầu gác Kim Bảo Phong, tất cả Như Lai ở khắp cả pháp giới tận hư không đều đến vân tập, trước sau vây quanh, khác miệng cùng lời thỉnh cầu rằng: “ Nguyện xin Đức Thế Tôn chuyển bốn loại bánh xe pháp thâm sâu

bí mật của pháp vi diệu, ấy là: Kim Cang Giới Luân, Giáng Tam Thế Giáo Lệnh Luân, Biến Điều Phục Pháp Luân, Nhất Thiết Nghĩa Thành Tự Luân”.

Bốn Luân như vậy đều xuất ra từ tâm của Tỳ Lô Giá Na Như Lai, mỗi một Luân đều có 37 vị Thánh Giả, mỗi một Chân Ngôn, mỗi một Tam ma Địa, mỗi một Khế Ấn, Uy Nghi Chấp Trì Nguyên Lực Đại Bi, ở Thế Giới Phật Tạng Nhiệm và ở Thế Giới Phật Tịnh Diệu ( Thanh Tịnh Thắng Diệu), hoặc ẩn hoặc hiện, luân chuyển lợi lạc, độ hóa tất cả chúng sinh, mỗi mỗi chẳng giống nhau.

Tỳ Lô Giá Na Phật sau khi nhận lời thỉnh cầu của tất cả Như Lai xong, lúc muốn chuyển bánh xe pháp. Thời nhập vào Tam ma Địa, quán thấy hàng Ma Hê Thủ La Thiên.... Thiên Chúng ngang ngạnh khó giáo hóa, chấp chặt vào tà kiến, trừ phi Ta dùng thân Đại Bi Tịch Tĩnh, thì có thể lập tức điều phục được.

Thế là Đức Thế Tôn liền nhập vào Phần Nộ Tam ma Địa, Ngũ Phong Kim Cang Bồ Đề Tâm từ ức ngực tuôn ra thân Giáng Tam Thế Kim Cang Bồ Tát có 4 mặt 8 cánh tay, uy đức rực cháy sáng ngời to lớn hiển hách khó nhìn thấy được ( Lưu xuất tứ diện bát tý, uy đức xí thịnh, hách dịch nan đở chi Giáng Tam Thế Kim Cang Bồ Tát thân). Hóa thân Kim Cang này sau khi lễ khắp Tỳ Lô Giá Na với tất cả Chư Phật, thỉnh hỏi Thế Tôn:” Nguyên xin Đức Thế Tôn dạy cho con phải làm như thế nào? “.

Đức Phật Đà bảo với Giáng Tam Thế Bồ Tát rằng : “ Nay ông hãy đi về phía Chư Thiên khó điều phục ấy để giáo hóa, khiến họ đều quy y các Phật, Pháp, Tăng, phát tâm Bồ Đề”.

Chư Thiên đều quy y hết, chỉ có Đại Tự Tại Thiên ý mình có uy đức lớn mưu đồ chống cự lại. Thế là Giáng Tam Thế dùng mọi thứ khổ đau nghiêm trị điều phục cho đến chết.

Bấy giờ Đức Tỳ Lô Giá Na Phật nhập vào Bi Mẫn Đại Bi Tam Muội Gia, nói Kim Cang Thọ Mạng Đà La Ni, liền vào Kim Cang Thọ Mạng Tam Ma Địa, kết Ấn Khế gia trì cho Ma Hê Thủ La Thiên, khiến được sống lại, và lại tăng thêm thọ mạng. Thế là Ma Hê Thủ La Thiên liền quy y Chư Phật, quán đỉnh, thọ ký, chứng được Bát Địa.

Trong Kinh cũng nói: “ Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nào thọ trì, niệm tụng, mỗi ngày ba thời, một thời tụng riêng một ngàn biến, thì hết thấy nhân duyên nghiệp ác, đoản mạng, chết yểu của đời quá khứ do trì Đà La Ni này cho nên tâm tín trong sạch, tiêu diệt nghiệp chướng, lại tăng thọ mạng.

Nếu có người tu tập Tam Ma Địa thì đời này chẳng chuyển thân do cha mẹ sinh ra, được năm thân thông, tự tại bay lên hư không”.

### **KIM CANG THỌ MẠNG CHÂN NGÔN**

**Ấn, phộc nhật la dụ sái, sa phộc hạ.**

**OM VAJRA ÀYUŞAI SVÀHÀ**

**KINH HỘ MẠNG PHÁP MÔN THẦN CHÚ**



## Công Đức

*Kinh này chính là Đức Phật Đà vì tất cả hữu tình tuyên nói pháp môn vi diệu ủng hộ thọ mạng.*

Bổn Kinh là đức Phật Đà đáp lại sự thỉnh cầu của Kim Cang Thủ Bồ Tát, vì tất cả hữu tình tuyên nói pháp môn vi diệu ủng hộ thọ mạng.

Trong Kinh nói: “Nguyện xin Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Chính Đẳng Giác, vì các hữu tình nói pháp môn vi diệu ủng hộ thọ mạng. Do pháp môn này cho tất cả hữu tình làm Đại Quang Minh, làm che giúp lớn (Đại phúc hộ), khiến Hữu Tình ấy được sự không sợ hãi tất cả oán thù, các tri thức ác. Hoặc Trời, hoặc Rồng, hoặc Dược Xoa, hoặc La Sát, hoặc Bộ Đa Quý với hàng Cửu Bàn Trà, Người, Phi Nhân.... Nhóm ấy rốt cuộc chẳng khởi tâm ác để gây nhiều loạn, cướp đoạt tinh khí. Nếu gặp đao kiếm, ăn uống thuốc độc, các nạn yểm đảo thì chẳng thể làm hại.

Nếu có chúng sinh đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ mê say cùng với tỉnh giác, ở tất cả nơi, con hay thủ hộ. Nguyện xin Đức Thế Tôn vì lợi cho tất cả Hữu Tình mà diễn nói, mọi loại thần chú như vậy”.

Ngoài việc này ra, Kim Cang Thủ Bồ Tát cũng đặc biệt vì tất cả Hạnh Bồ Tát, thỉnh cầu Đức Như Lai gia hộ: “Ủng hộ tất cả các kẻ trai lành, người nữ thiện trụ Bồ Tát Thừa. Đừng khiến cho đấu tranh, chửi bới, hủy nhục, rình mò, tâm ôm áp oán kết với các bệnh khổ, chết yểu chẳng đúng thời”.

Thế là Đức Phật Đà liền tuyên nói pháp môn Hộ Mạng tên là Thiện Môn:

**Đát điệt tha: Ô câu (1) măng câu (2) ô câu ma tử ni (3) bạn đà (4) nhĩ bà la giả ma nhĩ (5) bà hổ lê, bà hổ lê (6) suy hổ (7) hổ hổ lê (8) bạt hiệt gia (9) toa ha (10)**

TADYATHÀ: UKU MUKU UKU-MALINI BANDHANI BALA-CAMANI\_BAHULI BAHULI\_BAHU HUHULI-VARTAYA SVÀHÀ

Sau khi Đức Như Lai nói Quán Đỉnh Đà La Ni chú này xong, lại nói Chư Phật Chi Sở Hộ Niệm Đà La Ni Chú Trường Thọ Pháp Môn.

**Đát điệt tha: Bạt chiết lê, bạt lê, bạt chiết lê (1) bạt chiết la đà áo (2) bạt chiết la bà đế (3) bạt chiết la nghịet đế (4) bạt chiết la đà đế (5) chước hát la, bạt chiết lê (6) chước hát la đà lê (7) ma lê (8) đà lê đà lê (9) tỵ lê tỵ lê (10) Mãng lê, chất lê (11) hổ hổ lê (12) bằng già tỵ tỵ lê (13) thủy lê (14) lê lê thi (15) chủ chủ lê (16) lỗ lỗ chỉ (17) bà lê giả lê (18) chủ lê, măng lê, giả lê (19) mạn trà lê (20) trà nhĩ (21) tát bà bá bạt tỵ na xả nhĩ (22) tát bà lỗ già bát la xa mật nhĩ (23) a ca la mật lí trụ, bát la đế sát đà nhĩ (24) dạ bà trụ bà bà bôn na bôn la, đế sát đà di (25)**

TADYATHÀ : VAJRI VAJRI VAJRA-DHÀRI\_VAJRA-PÀÑI\_VAJRA-PATI\_VAJRA-DHATI\_CAKRA-VAJRI\_CAKRA-DHÀRI\_MÀRI TÀRE TÀRE\_BHIRI BHIRI\_MÀRE CIRI\_HUHURI\_BHAGA BHIBHIRI\_‘SIRI RIRICI\_CUCURI\_RURUCI\_VARI CALE\_CURI MURI CARE\_BANDARE BANDARE\_SARVA-PÀPAM VINÀ’SANI\_SARVA-UKA PRA’SAMANI

AKALA-MṚTYU PRATI'SODHANI \_ YAVA DUḤSVAPNA MURATI 'SODHANI

**Đát diệt tha: Mạn trà di (1) già già ni (2) Mô trà nhĩ (3) tam bát la mô trà nhĩ (4) na xả nhĩ (5) tam bát la na xả nhĩ (6) tát bà tì đế, bát bà xả mặt nhĩ (7) dạ bà đở sa bà bôn na, a ca la mặt lí trụ, bát nương đở sát đà di (8)**

TADYATHÀ: BANDHANI \_ GAGARINI \_ MUJANI \_ SAMPRAMUDHANI NA'SANI \_ SARVA-VYADHI PRA'SAMANI \_ YAVA DUḤSVAPNA AKALA-MṚTYU PRATI'SODHANI

**Đát diệt tha: Na xả nhĩ (1) na xả nhĩ (2) bạn đà nhĩ, bạn đà nhĩ (3) sân đà, sân đà (4) ty lê nhĩ lê (5) sa lê (6) ha đát nê (7) bạt lê (8) bà lê bà lê (9) tỳ đế (10) tỳ lê tỳ lê tỳ lê (11) ô sa lê (12) xa la nê (13) bà la bà lỗ nê (14) bà la ca trà duệ (15) bà la yết ma già lí ni (16) nhân đạt la bà đở (17) địa địa la dã ni (18) nạp mộ mạc hê thấp phiệt la, la duệ nhĩ (19) hột chế sư bà xả di (20) bá phả đồ khiếm nhĩ (21) ca la ba địa nhĩ (22) bộ đa bà địa nhĩ (23) tát đa yết đê (24) tổ ma bạt đở (25) tổ ma bôn la tỳ (26) toa ha (27)**

TADYATHÀ: NA'SANI NA'SANI \_ BANDHANI BANDHANI \_ CCHINDA CCHINDA \_ CIRI MIRI \_ MAHE-HADANI \_ VIRE VARE VARE \_ VIRI VIRI VIRE \_ SUṢANI \_ 'SARANI \_ VARU VARINI \_ VARAHÙYE \_ BRAHMA-CÀRINI \_ INDRA-VATI \_ DHIDHIRIYANI \_ NAMO MAHE'SVARAYANI \_ RṢI BHAYANI \_ BHAVA JAHANI \_ KALAPATINI \_ BHUTÀDHIPATI SATYA-GÀTHE \_ SOMA-VATI \_ SOMA-PRABHE SVÀHÀ

**Đẩn diệt tha; Hát la, hát la (1) hứ lê (2) toa ha (3)**

TADYATHÀ: HARA HARA \_ HILI SVÀHÀ

**Đát diệt tha: Yết trĩ đa (1) bát trĩ đa (2) a duệ na (3) a lê thêm bạt nê (4) ế ca yết đà nê (5) bổ đa la trà hát nhĩ (6) mặt già tì lô hát nhĩ (7) hổ sa bạt đở (8) hổ sa bạt đở (9) bổ sa bạt đở (10) bổ sa bạt đở (11) hứ lê hứ lê (12) dã tha đô gia (13) dã tha a kỳ nhĩ (14) dã tha bát lam giả (15) dã tha bạt giam (16) dã tha bạt chiết lam (17) dã tha ha lí đà giam (18)**

TADYATHÀ: AḌITA PAḌITA \_ AYENA ARI-BHAMJANI \_ EKA-KARDANI \_ PUTRA-DAHANI MARGA ABHIROHANI \_ HUSA-VATI HUSA-VATI \_ PUSA-PATI \_ HILI HILI \_ YATHÀ VAJRAYA \_ YATHÀ AGNI \_ YATHÀ PARANACA \_ YATHÀ NÀYA \_ YATHÀ VAJRAM \_ YATHÀ HRDAYAM SVÀHÀ

Trong Kinh cũng nói, trì tụng Đà La Ni này, có thể sẽ được 20 loại công đức.

Một là sẽ được Chư Phật nhiếp thọ.

Hai là thường được Chư Phật nghĩ nhớ đến.  
 Ba là sẽ được lìa hẳn sự chịu nghiệp trong nẻo ác.  
 Bốn là sẽ được sống lâu, phú quý.  
 Năm là sẽ được danh tiếng vang xa.  
 Sáu là sẽ được uy lực dũng mãnh.  
 Bảy là luôn thường không có bệnh, lại hay tinh tiến.  
 Tám là thường được Chư Phật che giúp.  
 Chín là lại được Chư Thiên nghĩ nhớ đến.  
 Mười là siêng năng tu hạnh lành.  
 Mười một là sẽ được ánh sáng, vui vẻ, chính niệm.  
 Mười hai là sẽ được đầy đủ các tướng.  
 Mười ba là được vô sở úy.  
 Mười bốn là sẽ được đầy đủ thi la ( ‘Sila: Thanh lương giới).  
 Mười lăm là sẽ được thành tựu tất cả căn lành.  
 Mười sáu là sẽ được Chư Thiên thủ hộ.  
 Mười bảy là sẽ được các Rồng thủ hộ.  
 Mười tám là sẽ được Dược Xoa thủ hộ.  
 Mười chín là sẽ được tất cả thế gian kính yêu.  
 Hai mươi là mau chóng được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ( Vô Thượng Chính Đẳng Giác).

## PHẬT NÓI KINH TẠO THÁP DIÊN MẠNG CÔNG ĐỨC

### Công Đức

*Kinh này nói rộng công đức tạo Tháp sống lâu rộng lớn, như pháp tu trì hay được thọ mạng lâu dài, thân thường không bệnh tật, tội nặng diệt hết, thiện thần ủng hộ, cuối cùng thành tựu thân bất hoại.*

“**Phật nói Kinh Tạo Tháp Diên Mạng Công Đức**” là khi Đức Phật Đà ở tại nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc đáp ứng sự thỉnh cầu của vua Ba Tư Nặc mà tuyên nói, để mở rộng công đức tạo Tháp sống lâu.

Nguyên nhân của sự việc liên quan đến tuyên nói Kinh này, căn cứ trong Kinh ghi chép rằng: Có một vị thầy tướng tiên đoán vua Ba Tư Nặc sau 7 ngày thọ mạng sẽ hết, do đó vua Ba Tư Nặc liền ở trong hội chúng, hướng về Đức Phật Đà thỉnh cầu rằng: “Thật là hiếm có Bạch Đức Thế Tôn! Có thầy tướng xem cho con, 7 ngày sau ắt phải chết. Con vì vô thường khổ sở bức bách. Nay đến Thế Tôn, cúi xin Đức Thế Tôn vì con mà cứu hộ, làm cho con được lìa lo buồn đau khổ”

Sau khi Đức Phật Đà nghe vua Ba Tư Nặc khẩn cầu xong, liền an ủi vua Ba Tư Nặc rằng: “Đại Vương! Nên tự khéo an ủi, không nên buồn rầu sợ hãi, Chư Phật Như Lai có Phương tiện khéo, hay khiến cho Đại Vương được lợi thù thắng, sẽ thêm sống lâu, sẽ được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ( Vô Thượng Chính Đẳng Giác), thế là Đức Phật Đà liền vì vua Ba Tư Nặc mà tuyên nói Kinh này.

Tiếp theo Đức Phật Đà bảo với vua Ba Tư Nặc rằng: “Nếu muốn xa lìa vô thường khổ não, Siêu Nhập Như Lai Pháp Thân Thọ Lượng. Trước tiên cần phát

tâm trì giới Thanh Tịnh của Phật, tu phước tối thượng. Hay phát tâm này thì nhà vua sẽ được sống thêm” thế là nhà vua liền thỉnh hỏi Đức Phật Đà nên phát tâm thế nào? trì các giới ra sao? tu các phước nào?

Đức Phật Đà liền dạy Đại Vương rằng: “ Gọi là phát tâm là chỉ bốn vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả, nói trì giới là phải giữ giới: Không giết hại; còn như tu phước tối thượng chẳng qua là phước đức tạo Tháp, thương xót cứu hộ tất cả chúng sinh. Nếu hay làm như vậy, Chư Thiên, Thiện Thần thường đến thủ hộ, chẳng có lìa bỏ như bóng theo hình, Đại Vương được phước không có gì hơn. Tạo lập Tháp Phật ắt được đức lợi khó nghĩ bàn, là ba đời Như Lai đều cùng khen ngợi.

Sau đó, Đức Phật Đà còn vì vua Ba Tư Nặc nêu một ví dụ tiêu biểu: Xưa kia có một đứa bé tạo Tháp mà được sống lâu. Đức Phật Đà nói: “ Xưa kia tại chỗ này có một đứa bé chăn trâu. Có các thầy tướng số cùng đến xem mà nói rằng: “ Cậu bé chăn trâu này sau bảy ngày ắt phải chết”. Sau đó, có một ngày đứa bé chăn trâu này cùng với các tiểu nhi tụ tập vọc cát để vui đùa, trong đó có đứa bé chăn trâu này đắp cát thành đồng mà nói là Tháp Phật, cao một gang tay hoặc hai hoặc ba cho đến bốn gang tay. Đứa bé kia làm một cái Tháp cao một gang tay, do nhân duyên tạo Tháp này, sau đó lại được sống lâu thêm bảy năm. Lại nói, ở đồng cát đó có một Bích Chi Phật trì bát mà đi đến. Thời các đứa bé do tâm vui đùa, đem cát dâng cho rồi nói “ Con cho bún đây”. Thời Bích Chi Phật đưa bát nhận lấy, dùng sức thần thông biến cát thành bún. Lúc đó, các đứa bé thấy được nhân duyên này thấy đều được lòng tin trong sạch. Thời Bích Chi Phật thọ ký cho các đứa bé rồi nói rằng: “ Các bé tạo Tháp cao một gang tay, ở đời sau sẽ làm Thiết Luân Vương coi một thiên hạ. Cao hai gang tay sẽ làm Đồng Luân Vương coi hai thiên hạ. Cao ba gang tay sẽ làm Ngân Luân Vương coi ba thiên hạ. Cao bốn gang tay sẽ làm Kim Luân Vương coi bốn thiên hạ”.

Đức Phật Đà bảo với Đại Vương rằng: “ Thời các đứa bé dùng tâm vui đùa tạo Tháp như vậy được quả như thế, huống chi là Đại Vương phát tâm chí thành? Nếu có kẻ trai lành, người gái tín dùng tâm quyết định như pháp tạo Tháp cho đến một lượng khuỷu tay, một gang tay, một lóng tay, một hạt lúa thời công đức đạt được không có hạn lượng, thường có Chư Thiên rải mưa hoa cúng dường”.

Trong Kinh, Đức Phật Đà vì vua Ba Tư Nặc tuyên nói lợi ích phước đức của việc tạo Tháp chẳng thể nghĩ bàn, và nói, có thể khỏe mạnh sống lâu. Sau khi giải trừ ách nạn bảy ngày sau sẽ chết của vua Ba Tư Nặc, Đức Phật liền vì nhà vua giảng nói kĩ càng tỉ mỉ nghi quỹ pháp tắc, tâm yếu của việc tạo Tháp.

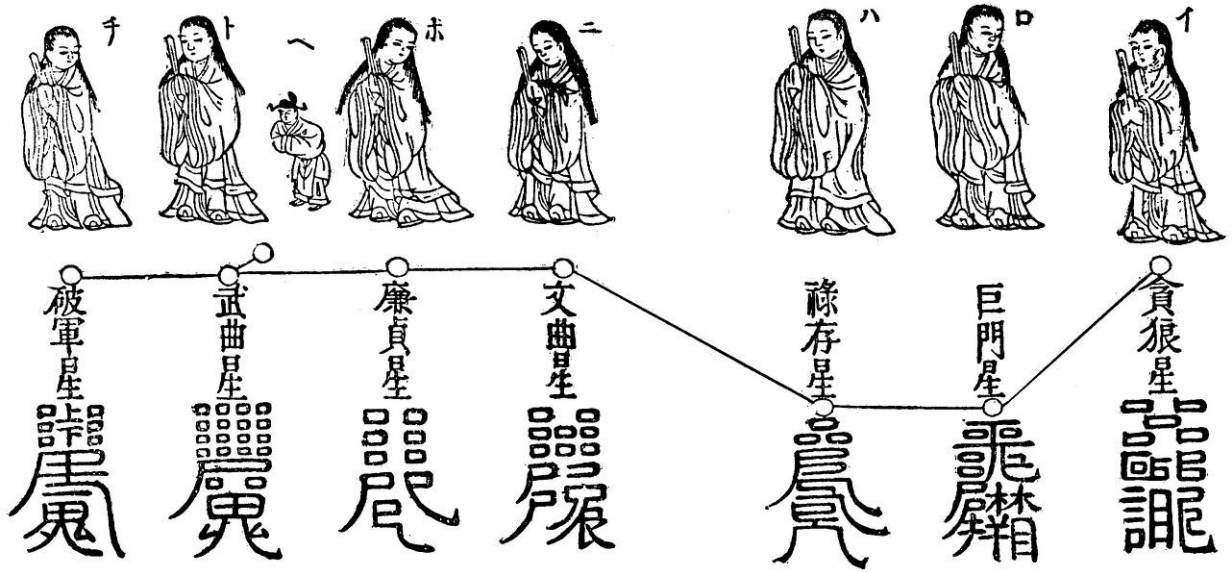
Căn cứ vào Đức Phật Đà kể lại, khi muốn tạo Tháp, trước tiên cần khởi tâm Đại Bi đối với tất cả chúng sinh, dùng hành vi đó làm hướng trước tiên, và dùng Tâm Bồ Đề làm căn bản. Có đầy đủ rồi sau đó chọn Tịnh Địa làm Đàn cúng dường. Dùng Cù Ma Di tô đắp, đốt hương, rải hoa, mặt xoay về hướng chính đông mà ngồi suy nghĩ như vậy: “ Hai điều tâm yếu, Tâm Bi và Tâm Bồ Đề, Phật Bạc Già Phạm có đầy đủ công đức tự lợi tự tha, lại hay làm cho đầy đủ nguyện vọng của chúng sinh, con muốn thành tựu pháp thân đệ nhất, phát Tâm Bồ Đề, nơi Bạc Già Phạm có nghi quỹ pháp tắc tạo Tháp mỗi mỗi y theo pháp mà làm”. Sau đó liền có thể y theo sự ghi chép pháp nghi quỹ trong Kinh để tạo Tháp.

Cuối cùng, Đức Phật Đà tuyên nói, tự mình tạo Phật Thập, hoặc dạy người khác làm, hoặc thọ trì Kinh này công đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn, có lợi ích thọ mạng lâu dài, không chết đột ngột, cuối cùng được thân bất hoại, thân thường không bệnh tật, tội nặng tiêu diệt hết, Tứ Đại Thiên Vương thường theo ủng hộ.... Thậm chí hạt bụi Thập tiếp xúc nơi nào, cũng vĩnh viễn chẳng thọ thân tạp loại, thường được thấy Phật.

## PHẬT NÓI KINH BẮC Đẩu THẤT TINH DIÊN MẠNG

### Công Đức

*Tất Cả sinh mạng lớn nhỏ đều thuộc sự cai quản của Bắc Đẩu Thất Tinh, cho nên Kinh này có uy đức lớn, hay cứu tội nặng tất cả chúng sinh, khiến chúng sinh đời này được phước, sống lâu tăng thọ.*



Bắc Đẩu Thất Tinh là chỉ 7 ngôi sao: Tham Lang Tinh, Cự Môn Tinh, Lộc Tồn Tinh, Văn Khúc Tinh, Liêm Trinh Tinh, Vũ Khúc Tinh, Phá Quân Tinh. Trong “**Bắc Đẩu Thất Tinh Diên Mạng Kinh**” nói 7 ngôi sao này được phân biệt biểu thị cho Chư Phật với Tinh Thổ ở phương Đông.

- \_ Nam mô **Tham Lang Tinh** là **Vận Ý Thông Chứng Như Lai Phật** ở Thế Giới Tới Thắng thuộc phương Đông
- \_ Nam mô **Cự Môn Tinh** là **Quang Âm Tự Tại Như Lai Phật** ở Thế Giới Diệu Bảo thuộc phương Đông
- \_ Nam mô **Lộc Tồn Tinh** là **Kim Sắc Thành Tự Như Lai Phật** ở Thế Giới Viên mãn thuộc phương Đông
- \_ Nam mô **Văn Khúc Tinh** là **Tối Thắng Cát Tường Như Lai Phật** ở Thế Giới Vô Ưu thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Liêm Trinh Tinh** là **Quảng Đạt Trí Biện Như Lai Phật** ở Thế Giới Tịnh Trụ thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Vũ Khúc Tinh** là **Pháp Hải Du Hý Như Lai Phật** ở Thế Giới Pháp Ý thuộc phương Đông

\_ Nam mô **Phá Quân Tinh** là **Được Sư Lưu Ly Quang Như Lai Phật** ở Thế Giới Lưu Ly thuộc phương Đông

Trong Kinh lại nói: “ Kinh này có uy thần lớn, có uy lực lớn, hay cứu tội nặng của tất cả chúng sinh, hay diệt tất cả nghiệp chướng. Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Tể Quan, Cư Sĩ, kẻ trai lành, người nữ thiện, hoặc sang hoặc hèn, sinh mạng lớn nhỏ đều thuộc sự cai quản của Bắc Đẩu Thất Tinh.

Nếu nghe Kinh này thọ trì, cúng dường, chuyển đọc, khuyên bạn bè, thân tộc, cốt nhục thọ trì, thì đời này được phước, đời sau được sinh lên cõi Trời.

Ngoài ra, Nếu bị Quỷ My xâm hại, Tà Ma quấy nhiễu, hoặc bị ác mộng quái dị khiến hồn phách kinh sợ. Nếu hay nghe Kinh này mà thọ trì cúng dường thì hồn phách liền được yên ổn, vĩnh viễn không còn sự sợ hãi.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện thân bị bệnh tật triền miên, muốn cầu khoẻ lại, nên vào Tịnh Thất đốt hương, cúng dường Kinh này, làm như vậy thì bệnh tật liền khỏi hẳn.

Nếu có người nữ mang thai, khó sinh đẻ, nếu hay trì Kinh này tin nhận cung kính cúng dường, không những mẹ con đều được tiêu trừ nạn ách mà lại sinh con gái, thân hình đẹp đẽ, được quả báo đoan chính sống lâu.

Trong Kinh lại nói. Bắc Đẩu Thất Tinh này cai quản sinh mạng con người thì trong một đời: Hết thầy Tai Ách, Quan Sự, miệng tiếng đồn đãi, trăm việc quái lạ ....Nếu gặp Kinh này mà tin kính cúng dường thì không có một điều gì có thể gây phương hại được”.

## KINH TRỪ NHẤT THIẾT TẬT BỆNH ĐÀ LA NI

### Công Đức

*Kinh Trừ Nhất Thiết Tật Bệnh Đà La Ni, hay khử trừ tất cả bệnh tật của thế gian như: Bụng trướng, ho, sốt rét, nóng lạnh, đau đầu, Quỷ Mị.... Khiến thân tâm được khoẻ mạnh, cát tường.*

Trong “ **Kinh Trừ Nhất Thiết Tật Bệnh Đà La Ni** “ ghi chép, bấy giờ, Đức Phật Đà ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, từng tuyên nói Kinh Đà La Ni này hay khử trừ tất cả bệnh tật của thế gian, khiến thân tâm được khoẻ mạnh, cát tường.

Trong Kinh nói rằng: Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với A Nan Đà rằng: “ A Nan Đà! Có Đà La Ni hay khử trừ tất cả bệnh tật của thế gian, ông nên thọ trì đọc tụng thông suốt, như lý tác ý”.

Liền nói mật ngôn rằng:

**Đát nhĩ dã tha (1)    vĩ ma lê vĩ ma lê (2)    phộc năng câu chỉ lê (3)  
thất chế mạt để (4)    Quân nã lê (5)    nộn nô ty (6)    ấn nại la nghĩ ninh (7)  
mẫu lệ sa phộc ha**



TADYATHÀ : VIMALE VIMALE \_ VANA KUTILE \_ ‘SRÌ VATI \_  
KUNḌALI \_ DUṆḌUBHI \_ INDRA AGNI \_ MÙLE\_ SVÀHÀ

Trong Kinh lại nói công đức của việc trì tụng Kinh này: “ Nếu có người nào tụng trì Đà La Ni này thì các bệnh như : ăn uống chẳng tiêu, ho hen, bị trúng gió, hoàng da, đàm rãi, bệnh trĩ, bệnh lậu, bệnh thương khí, sốt rét, nóng lạnh, đau đầu, đau nửa đầu, bị vương quỷ mị, thủy đều trừ khỏi”.

Đức Phật Đà lại nói: “ Ta dùng Phật nhãn quán thấy, người ấy bị các hàng Thiên Ma, Phạm Thiên, Sa Môn, Bà La Môn, gây chướng nạn được, trừ phi quyết định chấm dứt nghiệp báo, ngoài ra không ai dám chống trái mà gây ra chướng nạn ấy. Đức Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri nói rằng: Trong tất cả Hữu Tình thì Đức Như Lai là bậc Tôn Thắng. Trong tất cả Pháp thì Pháp Ly Dục là Tôn Quý, trong tất cả Chúng thì Tăng Già là Tôn Quý. Hãy dùng lời thành thật nói: Nguyên cho con với tất cả Hữu Tình ăn uống khiết phần vào bụng, đều tiêu hóa hết và được chính an lạc, Sa Phộc Hạ”.

Do đây có thể thấy Chân Ngôn này có công đức hay trừ tất cả bệnh tật.

## KINH THÁNH LỤC TỰ TĂNG THỌ ĐẠI MINH ĐÀ LA NI

### Công Đức

*Nếu có người nào thọ trì Kinh Pháp này thì hay tiêu trừ tai họa, tránh được nạn nước, lửa, binh giặc, tinh tú xấu ác.... Chữa trị các bệnh nặng ác, khiến mọi ác chẳng thể xâm hại, đêm dài được an ổn, thọ mạng tăng trưởng.*

Kinh này là Đức Phật Đà nhân vì A Nan Tôn Giả có đại tật bệnh mà tuyên nói Lục Tự Đại Minh Đà La Ni này, hay tiêu trừ tai họa bệnh tật, tăng ích thọ mạng. Nếu có người nào thọ trì thì tự thân mình và thân người khác đều hay an ổn trong đêm dài, xa lìa mọi khổ.

Lục Tự Đại Minh Đà La Ni này, chính là 77 câu chi Phật và 6 vị Thầy có uy đức lớn đồng diễn nói. 6 vị Đại Sư là:

- (1). Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Giác.
- (2). Đế Thích Thiên Chủ.
- (3). Đa Văn Thiên Chủ.
- (4). Trì Quốc Thiên Vương.
- (5). Tăng Trưởng Thiên Vương.
- (6). Quảng Mục Thiên Vương.

Thánh Hiền như vậy khác miêng cùng lời, tuyên nói Đà La Ni này:

**Nan để lê, nan để lê, nan đổ lí, nan đổ lí, bán nã lí, câu lan trí ma độ ma đế, sa phộc hạ.**

Trong Kinh kể lại uy đức rộng lớn của chú này: “ Lục tự Đại Minh Chương Cú này có uy lực lớn. Nếu có người bị sợ hãi trong nạn vương pháp, sợ hãi trong nạn nước lớn, sợ hãi trong nạn lửa lớn, sợ hãi trong nạn giặc cướp, sợ hãi trong nạn oan gia, sợ hãi trong nạn chúng ác, sợ hãi trong nạn chiến đấu, sợ hãi trong nạn tinh tú

xấu ác, lúc các nạn như vậy hại thân thì một lòng xưng niệm Đại Minh Chương Cú: “ Ủng hộ cho tôi ( Họ tên) khiến được giải thoát! Nói lời ấy xong thì các chướng nạn mau được tiêu trừ”.

Lại nói: Nếu các Hữu Tình bị các chứng đau nhức, đau đầu, đau cổ, đau mắt tai mũi, đau lưỡi răng lợi, đau môi, miệng bị lở, đau ngực sườn lưng, đau tim, đau bụng, đau lưng, đau háng, đau nhức toàn thân với tả ly, trĩ lậu, trúng gió, hoàng da, đàm ẩm, các bệnh nặng ác. Như trước xưng niệm Đại minh Chương Cú, đại uy đức của Phật khiến tất cả mặt Trời, mặt Trăng, Tinh Diệu, La Hán, Thánh Hiền phát lời chân thật.

“ Đệ tử ( Họ tên ....) xin hãy ủng hộ dứt trừ tai bệnh khiến được an vui khiến được an vui”. Hết thủy: Dao, Kiếm, thuốc độc, cọp, sói, sư tử, rắn rít bò cạp, các cầm thú ác đều chẳng dám hại, chẳng bị bệnh sốt rét, cũng chẳng bị chết yếu, cho đến hàng A Ba Sa Ma La, Bộ Đa, Tỳ Xá Tả, Cửu Bàn Trà.... Tất cả Quỷ Tướng thủy đều mau xa lìa chẳng dám gây hại.

Đà La Ni này, nếu có người nào tùy vui lắng nghe, thì người đó luôn được sống lâu không bệnh, mọi ác chẳng thể xâm hại.... Nếu như hay thọ trì đọc tụng viết chép cúng dường, công đức lại càng chẳng thể nghĩ bàn.

## KINH VÔ CẤU TỊNH QUANG ĐẠI ĐÀ LA NI

### Đức Đặc Biệt

*“ Vô Cấu Tịnh Quang Đại Đà La Ni Kinh”, hay khiến tất cả chúng sinh được trường thọ, trừ sạch tất cả nghiệp chướng, hay vì tất cả chúng sinh tác Đại Quang Minh.*

Một thời Đức Phật ngự trong Đại Tinh xá tại thành Ca Tỳ La để nói Pháp, thời trong thành có một vị Đại Bà La Môn tên là Kiếp Tử La Chiến Trà, quy kính ngoại đạo, chẳng tin Phật Pháp. Có một thầy Tướng giỏi đến bảo với ông rằng:” Này Đại Bà La Môn! Bảy ngày sau ông sẽ chết “.

Vị Bà La Môn nghe lời nói xong thời tâm ôm buồn não, kinh khiếp sợ hãi tác suy tư rằng: “ Ai có thể cứu ta? Ta sẽ nương nhờ ai đây?”

Lại tác niệm là:” Sa Môn Cù Đàm Nhân xưng là Nhất Thiết Trí, ta sẽ đến chỗ ông ấy. Nếu ông ấy thật sự là đấng Nhất Thiết Trí ắt sẽ nói lên nỗi buồn sợ của ta”. Thế là ông ta liền đi đến nơi Đức Phật ngự, ở trước Chúng Hội, dáo dác nhìn Đức Như Lai, ý muốn thưa hỏi nhưng trong lòng lại do dự.

Thời Đức Thích Ca Như Lai biết tâm niệm của Bà La Môn liền dùng âm thanh hiền từ nhẹ nhàng bảo ông ta rằng:” Này Đại Bà La Môn! Bảy ngày sau ông phải chết, bị đọa vào nơi đáng sợ là Địa Ngục A Tỳ. Từ đây lại vào trong 16 Địa Ngục. Ra khỏi xong lại thọ thân Chiên Đà La, sau khi chết lại sinh làm loài heo, luôn ở trong bùn thối, thường ăn phân dơ bẩn, thọ mạng lâu dài, phần lớn chịu mọi khổ sở. Sau đó được làm người nghèo hèn thấp kém, chẳng sạch hôi thối, hình xấu xa đen gầy khô héo, bị bệnh cùi.

Khi Bà La Môn nghe lời đó xong thì rất sợ hãi, buồn khóc, lo rầu mau chóng đến nơi Đức Phật ngự, đĩnh lễ hai chân của Phật rồi bạch Phật rằng:” Đức Như Lai

là Đấng cứu tế tất cả chúng sinh. Nay con đã biết lỗi lầm, xin quy y với Đức Thế Tôn. Nguyên xin cứu con thoát khỏi nỗi khổ của Địa Ngục lớn!....”

Đức Phật bảo:” Nay Đại Bà La Môn! Ở con đường của Thành Ca Tỳ La này có một cái Tháp thờ vị cổ Phật. Hiện ở trong đó có Xá Lợi của Như Lai. Tháp ấy đã bị sụp lở hư hoại. Ông nên đến Tháp ấy trùng tu sửa chữa với tạo Tướng Luân Đường, chép Đà La Ni rồi để trong ấy nên cúng dường rộng lớn, y theo Pháp niệm tụng Thần Chú 7 lần sẽ khiến cho mạng căn của ông được hoàn phục tăng trưởng, sống lâu. Sau khi chết được sinh về cõi Cực Lạc, ở trăm ngàn kiếp thọ Đại Thắng Lạc. Tiếp đó lại sinh vào thế giới Diệu Hỷ cũng được trăm ngàn kiếp thọ niềm vui như trước. Sau đó lại ở các cung Trời Đâu Suất cũng được trăm ngàn kiếp tiếp tục thọ niềm vui. Tất cả các nơi sinh ra, thường nhớ túc mạng, trừ tất cả chướng, diệt trừ tất cả tội nghiệp, vĩnh viễn xa lìa tất cả nỗi khổ của nhóm Địa Ngục, thường thấy Chư Phật, luôn được sự nhiếp hộ của Như Lai”.

Trong Kinh cũng nói:” Nếu có người nào đoản mạng, hoặc bị nhiều bệnh, nên tu sửa Tháp cũ hoặc làm cái Tháp bùn nhỏ rồi y theo Pháp viết chép Đà La Ni Chú, Chú vào sợi dây, làm Đàn. Do phước này cho nên Mạng Tướng đã dứt đó trở lại tăng thêm tuổi thọ. Các bệnh khổ não đều được trừ khỏi. Vĩnh viễn xa lìa Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh. Trên lỗ tai chẳng nghe tiếng Địa Ngục, hướng chi thân phải chịu nhận!”.

Trong Kinh cũng nói, nên đem Đà La Ni Chú để trong Tướng Luân Đường, dùng Chú Vương Pháp đặt ở trong Tháp rồi quán tưởng 10 phương Phật chí tâm tụng niệm Đà La Ni này:

**Nam mô nập bà nập phạt để nam đất tha yết đa câu chi nam (1) cương già nại địa bà lô ca tam ma nam (2) án (3) tì bổ lệ mặt lệ (4) bát la phạt lệ (5) thị na phạt lệ (6) tát la tát la (7) tát bà đất tha yết đa đà đô yết bính (8) tát để địa sắt sủ để tát ha (9) a na đốt đô phạn ni toa ha (10) tát bà đề bà na bà a gia nhĩ (11) bột đà a địa sắt sá na (12) tam ma dã toa ha (13)**

Ngoài ra cũng nói:” Nên thiêu đốt hương liên tục, tụng Đà La Ni Chú này 28 biến. Tức thời tám vị Đại Bồ Tát, tám vị Đại Dạ Xoa Vương, Cháp Kim Cang Dạ Xoa Chủ, bốn vị Thiên Vương, Đế Thích, Phạm Thiên Vương, Na La Diên, Ma Hề Thủ La đều dùng tay của mình giữ cái Tháp ấy với Tướng Luân Đường. Cũng có 99 ức trăm ngàn na do tha hằng hà sa Chư Phật đều đến chỗ này gia trì cái Tháp ấy đặt Xá Lợi của Phật. Do gia trì cho nên khiến cái Tháp giống như báu Đại Ma Ni.

Người đó do điều này ắt đã làm xong 99 ức trăm ngàn na do tha các Tháp báu lớn. Do làm công đức này sẽ được căn lành rộng lớn, thọ mạng lâu dài, thân trong sạch không dơ bẩn, đều trừ mọi bệnh, diệt hết tai chướng.

Nếu có người nhìn thấy cái Tháp này sẽ diệt được năm tội nghịch. Nghe tiếng chuông của Tháp sẽ tiêu trừ tất cả nghiệp ác, xả bỏ thân sẽ sinh vào Thế Giới Cực Lạc.

## PHỤ LỤC NGUYÊN TẮC SỐNG LÂU

Nguyên tắc sống lâu được chia làm bốn loại là: Nội, Ngoại, Mật, Mật Mật. Bắt đầu, trong cái Ngoại lại chia làm hai hạng mục là Tâm Lý và Sinh Lý.

### **\_TU PHÁP CỦA TẦNG BÊN NGOÀI:**

#### **TÂM LÝ**

1. Nên có đủ sức tự cường chẳng ngưng nghỉ. Ấy là tôi tuy lớn tuổi, lương tâm và mọi kế hoạch sự nghiệp từ thiện của tôi vĩnh viễn còn trẻ, thường cảm giác sinh khí bông bột, chẳng khác với thanh niên khỏe mạnh.
2. Nên có đủ sức kiên quyết lớn. Gọi là Pháp của tôi lợi cho sự sống, nhậm trọng đạo viễn, chẳng thể chẳng kiên quyết. Một hơi thở còn tồn tại, chí này không lơ lửng, đừng nóng vội ngã lòng, sợ hãi.
3. Nên có đủ sức tự tin. Gọi là Thọ Mạng không có quyết định mà do ta nắm giữ. Ta muốn trường thọ được sống lâu dài. Người xưa như Bảo Trưởng sống ngàn tuổi, Long Trí sống bảy trăm tuổi; Người đời nay như là Hư Vân sống đến 120 tuổi, đều do ta bảo dưỡng.
4. Nên biết Thọ có Tính có thể kéo dài, Tính có thể rút ngắn. Khéo biết nguyên tắc sống lâu thì có thể kéo dài, không khéo biết thì có thể rút ngắn.
5. Đừng vì hiện tượng lão hóa sớm mà làm cho tuổi thọ ngắn đi. Người xưa như Vương Bưu 20 tuổi đầu bạc mà hưởng thọ 73 tuổi, Đỗ Diễn 40 tuổi đầu bạc mà vẫn sống đến 80 tuổi.
6. Buồn rầu là Ma của sự rút ngắn tuổi thọ. Phàm có việc chẳng ưa thích nên tìm cách tiêu khiển. Lạc quan là Pháp của sự sống lâu, luôn luôn thấy tiền đồ đều có tất cả niềm hy vọng vô hạn.
7. Tự mình mừng vui, chớ tự mình lạnh nhạt.
8. Khi có được danh lợi, nhận được sự cung kính kích thích sự đại hưng phấn.
9. Thường có nguyện lớn vì lợi ích chúng sinh, nguyện sống lâu không bệnh tật. Nói kệ rằng:  
 Nguyện cho sự sống lâu hợp với sức khỏe.  
 Nguyện cho sự khỏe mạnh hợp với công đức.  
 Nguyện cho công đức hòa hợp với sự nghiệp.  
 Như vậy cầu xin được gia trì sống lâu.
10. Lòng ít việc, tay ít tiền, miệng ít nói, thơ rằng:  
 Tu hành nên giữ ba điều thiếu.  
 Ít tiền để dư cơm gạo ăn.  
 Ít nói tự nhiên là thị phi.  
 Ít việc trong lòng ai quấy nhiễu?
11. Nghe âm nhạc danh gia với đọc thi từ cổ nhân đã tạo thành tập quán, để hàm dưỡng sự thái hòa.

12. Đối với tất cả việc từ thiện xã hội chẳng sinh lòng đầy đủ, chán chường mệt mỏi
13. Tâm đố kỵ hay khiến cho lòng độ lượng của con người hẹp lại, không được sống lâu. Do đó đừng sự tùy vui với sự giàu có từ thiện của người khác làm trọng yếu.
14. Tâm sân hận hay thiêu đốt sinh mạng ngăn ngủi, tối kỵ sự giận dữ, giận dữ thời nên tự kiềm chế.
15. Lập nguyện lợi tha ( vì lợi ích cho người khác), phải nỗ lực thực hành, chẳng cần biết tuổi già đang ập tới.
16. Tâm chẳng già thì thân chẳng già.
17. Lo lắng nhiều thì thần bị tán loạn, nhớ nghĩ nhiều thì bị lao tâm, cười nhiều thì tạng phủ bị đảo lộn, nói nhiều thì huyết Khí Hải bị hư thoát, vui mừng nhiều thì bàng quang bị nạp khách khí, giận dữ nhiều thì tấu lý(lỗ chân lông) bị chạy nhiệt huyết, vui vẻ nhiều thì tâm thần bị lay động lệch hướng, buồn rầu nhiều thì tóc trên đầu bị khô héo, ham muốn nhiều thì chí khí bị nghiêng đổ, sợ nhiều thì tinh khí bị bay chạy, công việc nhiều thì gân mạch bị khô ráo, mưu tính nhiều thì bị lo lắng mê trầm.

### **SINH LÝ**

18. Ăn uống phải có chừng mực, chẳng phải chỉ có rượu mới có định lượng, mà tất cả thức ăn uống cũng vậy, tùy theo định lượng của mỗi người mà khác nhau, đừng để quá đói hoặc quá no.
19. Rau thanh đạm tốt hơn rau có nhiều chất béo, rau chưng nấu tốt hơn rau chiên xào. Sau khi ăn nên tự mình xem xét sự phản ứng của dạ dày tốt hay không, không nên tùy theo sở thích của cái miệng.
20. Cá ươn thịt thối thì không ăn.
21. Uống nhiều rượu thì khí đưa lên, uống nhiều trà thì khí giáng, ăn nhiều thịt thì khí trệ, ăn nhiều đồ cay thì khí tán loạn, ăn nhiều đồ mặn thì khí trụ( sa xuống), ăn nhiều đồ ngọt thì khí tích, ăn nhiều đồ chua thì khí kết, ăn nhiều đồ đắng thì khí uất kết.
22. Sáng mùa Đông chớ để bụng đói, đêm mùa Hè chớ để bụng no.
23. Sau khi ăn xong chớ làm việc, suy nghĩ, đọc sách, xem báo, chỉ nên kinh hành hoặc lược xướng thi ca.
24. Đồ ăn thức uống của các loại dược vật, nên biết rõ 5 vị: Vị cay vào Phổi, hay tán hay hoành hành; vị đắng vào Tim hay làm cho ói mửa hay làm cho tháo tiết; vị ngọt vào Dạ Dày hay làm ấm áp bên trong; vị chua vào Gan hay thu hay liễm; vị mặn vào Thận hay nhuận hạ, hay làm mềm chất cứng rắn.
25. Bộ vị của thực vật : Gốc rễ thì hạ khí như Củ Cải, lá hay phát tán như rau Kinh Giới, mầm hay sinh phong như Giá Đậu.
26. Màu sắc của thực vật : Màu trắng vào Phổi, màu đen vào Thận, màu vàng vào Dạ Dày, màu hồng vào Tim, màu xanh vào Gan.
27. Sinh hoạt đúng quy tắc với điều tiết việc ăn uống thì tự mình là thầy thuốc giỏi.

28. Con người không có an toàn cho sự đặc định, thầy thuốc mà hay cẩn thận sẽ giúp cho bản thân mình.
29. Cẩn thận hàn thử ( Lạnh, ánh nắng), điều tiết ăn uống, ít sự ham muốn, để dưỡng tinh thần.
30. Bệnh ất có nguyên nhân, hay phòng ngừa nguyên nhân, thì ất không bệnh tật.
31. Mặc đồ tốt không bằng được ăn ngon, được ăn ngon không bằng ngủ ngon giấc, ngủ ngon giấc không bằng kê lót yêm.
32. Ngày xưa có 3 ông già, một ông điều tiết việc ăn uống, một ông ít sự ham muốn, một ông thông khí (không úp mặt ngủ), các ông đều sống trên trăm tuổi.
33. Đi như Gió, đứng như Tùng, ngồi như Chuông, ngủ như Cung ( cây cung).
34. Tư thế nằm ngồi hàng ngày nên tự mình chỉnh cho ngay ngắn, bàn ghế nên thích hợp với độ dài của thân mình. Nằm như thế Sư Tử Cát Tường nghiêng về bên phải, khiến cho bên trái được thông khí, bên trái chủ các Khổng Khí Trường Sinh, bên phải chủ các Khổng Khí Đoạn Thọ.
35. Tinh thần thường tự mình nên phấn chấn, chớ làm trạng thái giống như người già.
36. Sinh hoạt thường có quy chế, làm việc ăn uống nghỉ ngơi nên có thời gian hạn định.
37. Vận động ở bên ngoài không nên quá kích cũng không nên không có gì.
38. Ba Mười tuổi về sau nên dùng tay trái làm việc nhiều hơn, để cứu cho tay phải khỏi phải làm một mình.
39. Khi trong lòng cảm tức khẩn trương, tim đập hồi hộp, bắp thịt run rẩy thời nên nhanh chóng làm phương pháp để kiềm hãm sự vận động lại.
40. Khi muốn ức chế sự giận dữ, ất nên nói ra nỗi uất ức để tránh sự giận dữ hay phát sinh bệnh.
41. Mặt nên xoa nhiều ( mặt nổi như da gà thì không xoa), đầu tóc nên thường chải, mắt nên thường chuyển động, tai nên thường day vò, răng nên thường nghiền chặt, miệng nên thường ngậm lại, tân dịch nên thường nuốt, khí nên thường bảo vệ, tâm nên thường tĩnh lặng, thần nên thường gìn giữ, lưng nên thường ấm áp, bụng nên thường xoa sát, ngực nên thường bảo vệ.
42. Dưỡng sinh có năm điều khó làm: Danh lợi không từ bỏ, mừng giận không vớt trừ, thanh sắc không bỏ đi, tư vị không đoạn tuyệt, thần chí không yên ổn, lập tức phải nên trừ.

### **\_TU PHÁP CỦA NỘI TẦNG**

43. Rộng làm việc lành để tạo lập mạng mới, để hưởng ân của Trời mà được sống lâu. Như ở thiên Lập Mạng ông Viên Liễu Phàm nói lập chí làm ngàn việc lành, thì không có con cầu được có con, không sống lâu thì cũng được sống lâu
44. Cúng đèn Bắc Đẩu, lễ bái Bắc Đẩu, niệm Kinh Bắc Đẩu, Pháp này Đạo Gia, Phật Gia đều có.



45. Đại Thừa y theo Lục Độ tích chứa lương thực để bố thí sẽ tránh được cái chướng nạn của thọ mạng, nhân nại chống tai họa chết yểu, Trì Giới chứa đựng Phước trường sinh, Tinh Tiến giúp cho được lâu dài, Thiền Định để trường sinh ích khí, Trí Tuệ chứng được quả trường thọ.
46. Đại Thừa Thiên Thai Tông y theo Pháp Môn Lục Diệu tu Chính Quán, có thể được trường sinh.
47. Đại Thừa Thiên Thai Tông ăn chay Tu Niệm Pháp Môn Phật, được sự gia trì của Đức Phật Vô Lượng Thọ mà sống lâu.
48. Y theo sáu ngày trai giới ăn chay, phát tâm Đại Bồ Đề, sẽ được sự thủ hộ trường sinh của Chư Thiên. Chư Thiên mỗi tháng vào sáu ngày này hạ giới quán sát.
49. Đại Thừa Pháp Tính Tông, hoặc Không Tông, hoặc Bát Nhã Tông, hoặc Tam Luận Tông, y theo Nhị Vô Ngã Không Tập Định, Trực Chứng được Trường Thọ của sự chẳng sinh chẳng diệt
50. Mỗi ngày trì tụng “ Kim Cang Kinh” một thiên, suốt đời không gián đoạn cũng được trường sinh.
51. Ấn Tống “ Kim Cang Thọ Phẩm” trong” Đại Niết Bàn Kinh” cũng được trường thọ.
52. Đại Thừa Hoa Nghiêm Tông y theo Thập Huyền Môn Tu Pháp Giới Quán, cũng được trường sinh.
53. Đại Thừa Pháp Tướng Tông y theo Ngũ Trọng Duy Thức Quán mà tu cũng được trường sinh.

### TU PHÁP CỦA MẬT TĂNG.

54. Mật Tông có Pháp Trường Thọ rất phổ biến như “Trường Thọ Phật Pháp”, “ Bạch Độ Mẫu Trường Thọ Pháp”, “ Tôn Thắng Phật Mẫu Trường Thọ Pháp”.
55. Ba Tôn ở trên hợp với tu Pháp Trường Thọ.
56. Mỗi Bốn Tôn đều có Pháp Trường Thọ riêng biệt như :” Liên Sư Trường Thọ Pháp”,” Thắng Lạc Kim Cang Trường Thọ Pháp”,” Kim Cang Hội Mẫu Trường Thọ Pháp”,” Lục Tỷ Đại Hắc Thiên Trường Thọ Pháp”.
57. Tiêu Tai Diên Thọ Phật Pháp.
58. Niệm Chú Trường Thọ, Kết Ấn Trường Thọ, đeo Phù Trường Thọ, uống thuốc Trường Thọ.
59. Các Tổ Sư phần nhiều dùng Bạch Độ Mẫu làm Bốn Tôn, chọn dùng vì dễ cảm ứng mà được trường thọ. Pháp này thấy viết trong “ Tri Ân Tập”. Như không thể toàn tâm tu hành, thì chuyên tụng Chú này, đêm ngày 6 thời, trong bốn Uy Nghi, trong lòng luôn niệm không gián đoạn cũng được trường sinh.
60. Tu Pháp Thí Thân để trừ bệnh Ma, Tử Ma( Ma chết) cũng được trường sinh.
61. Nhập vào Ấn Cảnh mà được Trường Sinh. Như Ca Diệp Thủ Y, Thanh Biện Hậu Phật, đều ở trong Ấn Cảnh, đến nay chưa chết.
62. Rưới nước trên đỉnh đầu Phật Trường Thọ, tạo Trường Thọ Phật Tướng, Bế Trường Thọ Phật Quan cũng được Trường Sinh.

63. Y theo Ngũ Tướng Thành Thân Pháp trong Du Già Bộ, cũng được Trường Sinh.
64. Dem thân xác hóa thành hư vô để thay thế thân này, quán 1 chữ Chuẩn trong không trung cũng được sống lâu.
65. Khi ngủ Quán thân mình thành cái Chày Kim Cang để ngang trên giường cũng được Trường Sinh.
66. Y theo Tu Khí, Mạch, Minh Điểm, Chuyết Hỏa.... Trong Vô Thượng Du Già Bộ cũng được Trường Sinh.
67. Y theo Pháp tụng Kim Cang ( Pháp này cũng thấy nói trong quyển” Tri Ân Tập”), cho dù năm nay sẽ chết, cũng có thể sống thêm được 3 năm.

### **\_ TU PHÁP CỦA MẬT MẬT TĂNG**

68. Phái Hương Ba có Vô Tử Pháp ( Pháp của sự Bất Tử) tức dùng Đại Thủ Ấn Căn Bản Định làm cơ sở, khi đã Định rồi, lại Quán thêm Vô Tử. Pháp này ở Tây Tạng đã ít, tuy đã Đắc cũng chưa tu thành. Vô Đại Thủ Định Chứng Lượng cho dù được Pháp này, cũng chẳng thể khởi Tu. Phái này các Tổ Sư ở Ấn Độ Thành Tựu sự Bất Tử rất nhiều. Ở Tây Tạng như Đảng Thông Tá Ba.... Cũng đã chứng được sự Bất Tử.
69. Hồng Giáo vào Thả Ca Thượng tu Thỏa Cát Thân, hóa ánh sáng cầu vồng mà Chứng Vô Tử Phật.
70. Tổ Sư Thiên vui chơi trong sinh tử, Tề Nhất Thọ Yếu ( cùng nhau quên đi sự sống chết), cũng cũng được tuổi thọ vô lượng.  
( Bản văn này trích lục từ **Trần Kiện Dân** trong “ *Khúc Quảng Trai Văn Tập*”).

21/02/2009

## MỤC LỤC

I_ Lời Tựa .....	Tr.01
<b>II_ Thiên Thứ Nhất: TỔNG LUẬN</b>	
_ Sự Trường Thọ Tự Tại của đời người .....	Tr.02
_ Bản Tôn bảo vệ sự mạnh khỏe sống lâu .....	Tr.03
<b>III_ Thiên Thứ Hai: TRƯỜNG THỌ DIÊN MẠNG BẢN TÔN</b>	
1_ Chương thứ nhất : PHẬT BỘ	
_ A Di Đà Phật .....	Tr.07
_ Dược Sư Như Lai .....	Tr.12
_ Trường Thọ Phật .....	Tr.19
_ Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu .....	Tr.20
2_ Chương thứ hai: BỒ TÁT BỘ	
_ Diên Mạng Phổ Hiền Bồ Tát .....	Tr.28
_ Lục Tự Văn Thù Bồ Tát .....	Tr.33
_ Diên Mạng Địa Tạng Bồ Tát .....	Tr.36
_ Dược Vương Bồ Tát .....	Tr.41

_ Thiên Thủ Quán Âm .....	Tr.45
_ Thập Nhất Diện Quán Âm .....	Tr.50
_ Như Ý Luân Quán Âm .....	Tr.57
_ Chuẩn Đề Quán Âm .....	Tr.62
_ Tứ Tỳ Quán Âm .....	Tr.70
_ Diệp Y Quán Âm .....	Tr.74
_ Bạch Độ Mẫu .....	Tr.76
_ Thắng Lạc Kim Cang .....	Tr.79
_ Kim Cang Hối Mẫu .....	Tr.81
<b>3_ Chương thứ ba: MINH VƯƠNG BỘ</b>	
_ Bất Động Minh Vương .....	Tr.83
_ Mã Đầu Minh Vương .....	Tr.87
_ Ô Xu Sa Ma Minh Vương .....	Tr.92
_ Quân Trà Lợi Minh Vương .....	Tr.102
_ Đại Uy Đức Minh Vương .....	Tr.106
_ Khổng Tước Minh Vương .....	Tr.111
<b>4_ Chương thứ tư: THIÊN BỘ</b>	
_ Đại Hắc Thiên .....	Tr.114
_ Địa Thiên .....	Tr.118
_ Ha Lợi Đế Mẫu .....	Tr.120
_ Tuyết Sơn Ngũ Trường Thọ Nữ .....	Tr.122
<b>IV_ Thiên Thứ Ba: KINH ĐIỂN CỦA BẢN TÔN TRƯỞNG THỌ</b>	
1_ Khái Thuyết .....	Tr.127
2_ Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh .....	Tr.128
3_ Phật nói Kinh Đại Thừa Thánh Vô Lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Như Lai Đà La Ni .....	Tr.131
4_ Kim Cang Thọ Mạng Đà La Ni Kinh .....	Tr.132
5_ Kinh Hộ Mạng Pháp Môn Thần Chú .....	Tr.134
6_ Phật nói Kinh Tạo Thập Diện Mạng Công Đức .....	Tr.136
7_ Phật nói Kinh Bắc Đẩu Thất Tinh Diện Mạng .....	Tr.138
8_ Kinh Trừ Nhất Thiết Tật Bệnh Đà La Ni .....	Tr.139
9_ Kinh Thánh Lục Tự Tăng Thọ Đại Minh Đà La Ni .....	Tr.140
10_ Kinh Vô Cấu Tịnh Quang Đại Đà La Ni .....	Tr.141
<b>V_ Phụ Lục: NGUYÊN TẮC SỐNG LÂU</b>	Tr.143
<b>VI_ Mục lục</b>	Tr.148